NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM

MƯỜI TẬP

V

VĂN HỌC

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI
• VĂN HỌC Ả RẬP

Nghìn lẻ một đêm

TRUYỆN KỂ

(Mười tập)

V

Nhóm dịch:

NGUYỄN TRÁC (chủ biên)
ĐOÀN NÔNG, NGUYỄN ĐĂNG CHÂU, TẤN KHANG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội – 1984

Dịch theo bản tiếng Pháp:
MILLE NUITS ET UNE NUIT
của **Dr. J.C. Mardrus**
Nhà xuất bản Charpentier et Fasquelle – Paris 1925

TRUYỆN NGƯỜI LÁI BUÔN VỚI HUNG THẦN

Ngày xưa có một nhà buôn giàu lắm, giao dịch, buôn bán khắp nơi. Một hôm có việc đi xa, anh ta phải dùng ngựa. Trời nóng bức quá, anh ngồi nghỉ dưới một gốc cây, lấy trong túi đựng thức ăn một miếng bánh và mấy quả chà là. Ăn chà là xong anh vứt hột ra xa. Bất thình lình, một hung thần cao lớn hiện lên, tay vung kiếm, thét rằng : « Hãy đứng lên để ta giết mi bằng chiếc gươm này cũng như mi đã giết con ta vậy ! » Người lái buôn nói : – Tôi làm gì mà giết con thần ! » Thần nói :

« Ăn chà là xong, mi ném hột trúng vào ngực con ta, nên nó chết rồi ».

Nghe vậy người lái buôn nói :

« Xin thần hãy nghe tôi, tôi là người có đạo, tôi không nói dối thần đâu. Tôi có nhiều tài sản, tôi cũng có con và có một người vợ ở nhà. Tôi lại phải giữ nhiều kiện hàng của người khác gửi. Thần hãy cho tôi về, giải quyết công việc, của ai giả nấy, xong xuôi tôi lại xin đến. Tôi hứa và thề rằng thế nào tôi cũng trở lại, và thần muốn làm gì tôi tùy ý. Có chúa Ala chứng giám, tôi không dám sai lời ».

Hung thần tin và để anh ta về.

Về nhà, anh ta thanh toán mọi việc, ai gửi gì đem trả người nấy, đoạn nói cho vợ con biết câu chuyện đã xảy ra. Nghe nói, cha mẹ, vợ con cả nhà đều khóc lóc. Rồi người lái buôn lập chúc thư, quấn quít với gia đình cho đến cuối năm. Hết hạn, anh ra đi cắp theo cả một tấm vải liệm. Anh vĩnh biệt bà con, họ hàng, làng xóm láng giềng. Mọi người thấy thế đều khóc thảm thiết như khóc một người chết vậy.

Anh ta đi một mạch thẳng đến nơi hẹn. Hôm ấy là ngày mồng một đầu năm. Trong lúc anh ta ngồi dưới gốc cây than khóc về số phận mình thì có một cụ già đáng kính giắt một con linh dương cái tiến đến. Cụ chào và chúc tết rồi hỏi nguyên cớ tại sao một mình dám đến ngồi đây là chỗ có nhiều yêu quái. Người lái buôn thuật lại tai nạn của mình và nói rõ vì cớ gì mình phải đến đây. Cụ già chủ nhân con linh dương hết sức ngạc nhiên và nói :

« Lạy chúa Ala ! Cái đức tín của ông anh thật là lớn. Và câu chuyện của ông anh quả là phi thường. Giá người đời lấy kim ghi lại vào góc trong của khoé mắt thì câu chuyện đó sẽ làm cho những người biết suy nghĩ phải ngẫm nghĩ nhiều lắm đấy ».

Rồi cụ già ngồi xuống cạnh người lái buôn :

« Lạy Chúa Ala ! Ta sẽ ngồi bên cạnh ông anh cho đến cùng, thử xem hung thần sẽ xử trí với ông anh ra sao ».

Cụ ở lại thật, chuyện trò với người lái. Cụ thấy anh buồn rầu vô hạn, trí óc rối bời, có lúc sợ hãi quá đến ngất đi. Vị chủ nhân của con linh dương cứ ngồi đó mãi. Chợt có một cụ già thứ hai tiến đến, tay giắt hai con chó săn thỏ thuộc loại chó mực. Ông cụ đến chỗ hai người, cũng cất tiếng chào và chúc mừng năm mới, đoạn hỏi hai người làm sao dám ngồi ở nơi có yêu

quái này. Hai người kể lại câu chuyện từ đầu đến cuối. Ông cụ thứ hai vừa ngồi xuống, thì lại thêm một cụ thứ ba nữa tay giắt một con la mầu đen sáo sậu. Cụ cũng chúc tụng mọi người và hỏi han tại sao lại ngồi đấy. Câu chuyện của người lái buôn lại được kể lại tỉ mỉ lần nữa.

Vừa lúc đó, một cơn bão kéo thốc tới giữa đồng cỏ, gió thổi ào ào, cát bụi bay mù mịt. Tức thì hung thần năm xưa xuất hiện, tay cầm đoản kiếm, mắt nẩy hào quang. Hung thần tiến đến, túm lấy người lái buôn ngồi giữa đám bảo :

« Nào ! mi hãy ra đây cho ta giết như mi đã giết con ta, đứa con mà ta coi như hơi thở của đời ta, như ngọn lửa của tim ta ».

Nghe thấy thế người lái buôn khóc than thảm thiết khiến ba cụ già cũng nức nở theo. Cụ già thứ nhất, người có con linh dương, bạo gan đến nắm tay hung thần năn nỉ : « Lạy ngài, ngài là chúa tể tất cả các vị thần, tôi xin kể hầu ngài câu chuyện của tôi với con linh dương này. Nếu ngài thấy đó là một câu chuyện ly kỳ thì dám xin ngài ban phúc dành lại một phần ba số máu của người lái buôn này ».

Hung thần nói : « Hỡi cụ già đáng kính, ta chấp thuận lời thỉnh cầu của nhà ngươi. Nếu ta thấy câu chuyện của nhà ngươi ly kỳ, ta sẽ ban phúc cho nhà ngươi một phần ba số máu như ngươi xin. »

Câu chuyện của cụ già thứ nhất.

Tôi xin trình với ngài là con linh dương tôi dắt theo đây chính là vợ tôi, người vợ mà trước kia tôi yêu, tôi quí như da như máu của tôi, tôi lấy nàng từ

hồi nàng còn ít tuổi và cùng chung sống non ba mươi năm. Nhưng chúa Ala không cho nàng sinh với tôi một mụn con nào cả, Thành thử tôi phải lấy một người vợ lẽ và nhờ chúa Ala phù hộ, người đó sinh được một trai, đẹp như trăng mới mọc. Thằng bé có đôi mắt tuyệt mỹ, có đôi lông mày giao nhau, chân tay tròn trĩnh. Nó hay ăn, chóng lớn cho đến năm mười lăm tuổi. Hồi đó vì có một việc kinh doanh, tôi phải đi đến một tỉnh xa.

Người vợ cả tôi, con linh dương này đây, ngay từ tấm bé đã học được nhiều phép lạ. Hắn đã dùng tà thuật ấy phù chú hóa thân con tôi thành một con bê và người vợ lẽ thành bò cái rồi giao cho người chăn bò của tôi canh giữ.

Còn tôi, sau một thời gian dài vắng nhà, trở về, tôi hỏi đứa con tôi và mẹ nó thì vợ cả tôi nói là vợ lẽ tôi ốm chết, còn con giai tôi cũng bỏ nhà trốn đi đâu không rõ. Thế là suốt một năm ròng, tôi đau xót chỉ những khóc cùng than.

Cho đến ngày Tế thần hàng năm, tôi bảo người chăn bò chọn cho tôi con bò cái béo tốt để mổ thịt làm lễ cúng, và hắn dẫn đến cho tôi một con bò cái béo tốt, nhưng đó là người vợ lẽ bị con linh dương này phù phép hóa thành. Tôi đã xắn tay vén áo, cầm dao toan chọc tiết, bỗng thấy bò kêu rống lên rất thảm thương, nước mắt chan hòa. Tôi phải ngừng tay đành sai người chăn bò hạ thủ. Hắn giết bò, rồi lột da nhưng chỉ thấy bò có xương và da thôi, thịt và mỡ không thấy đâu cả. Tôi lấy làm hối hận đã hy sinh con vật. Nhưng hối hận mà làm gì. Tôi cho người chăn bò con bò cái đã làm thịt đó và bảo hắn dẫn một con bê béo tốt đến. Hắn lại chọn ngay phải đứa con giai tôi bị hóa phép thành bê.

Bê thấy tôi rứt đứt cả thừng chạy đến lăn lộn dưới chân tôi. Chao ơi! nó rên rỉ kêu khóc thảm thiết biết chừng nào! Tôi thương quá bảo gã chăn bò:

— Thôi để con này lại, dẫn đến cho ta một con bò cái vậy.

Hung thần nghe câu chuyện lạ lùng, xiết bao kinh dị. Cụ già dắt con linh dương kể tiếp:

— Thưa ngài là chúa tể các vị thần, đúng là câu chuyện đã xảy ra như thế đấy. Và mụ vợ tôi tức con linh dương này đây, lúc ấy giương to mắt nhìn và giục tôi phải thịt con bê, nói rằng con bê ấy vừa đủ mập. Nhưng tôi không thể nhẫn tâm thế được. Tôi cho người chăn bò dắt nó về.

Qua ngày hôm sau tôi đang ngồi, thì người chăn bê đến nói với tôi:

— Thưa ông chủ, tôi có tin mừng này báo với ông chủ, chắc sẽ được ông chủ trọng thưởng.

Tôi hỏi tin gì và hứa sẽ thưởng. Hắn đáp:

— Thưa ông, nguyên con gái tôi ngày trước được một mụ phù thủy ở trọ nhà tôi truyền cho phép lạ. Hôm qua, khi ông cho tôi con bê, tôi dắt nó vào nhà con gái tôi. Vừa trông thấy bê, con gái tôi vội lấy mạng che mặt, khóc rưng rức đoạn lại cả cười. Rồi nó bảo tôi:

— Cha ơi! Thế ra cha đã quá khinh thường phẩm giá của con hay sao mà cha lại mang người lạ đến nhà con thế này!

Tôi ngạc nhiên:

— Đâu? Làm gì có người lạ? mà lại sao con lại khóc, đang khóc lại cười?

Nó nói:

– Con bê của cha dắt theo đây chính là cậu con giai ông chủ thương gia nhà ta đó. Cậu và mẹ cậu đã bị bà cả phù phép biến kiếp người thành kiếp vật. Thấy cậu ta phải mang cái mặt bê, con không sao nhịn cười được. Nhưng nghĩ đến mẹ cậu đã bị chính ông bố giết, con không sao cầm được nước mắt.

Tôi nghe thấy thế rất ngạc nhiên.

Tôi đi ngay với anh ta, niềm vui tràn ngập trong lòng, không rượu mà say vì lẽ được gặp lại con tôi. Tôi đến nơi, người con gái vồn vã đón chào và hôn tay tôi. Con bê cũng nhảy ra quấn lấy chân tôi. Tôi nói với người con gái anh chăn bò:

– Chuyện cô nói về con bê có đúng không?

Cô ta cam đoan rằng đó chính là con giai yêu quí của tôi, ngọn lửa của trái tim tôi. Tôi bảo cô:

– Hỡi cô gái trẻ tuổi xinh đẹp và hay giúp người kia ơi, nếu cô giải được phép tà để cứu con ta thì ta sẽ thưởng cho cô tất cả gia súc và ruộng vườn mà cha cô hiện đang đứng trông nom cho ta.

Nghe tôi nói, cô mỉm cười đáp:

– Thưa ông chủ, tôi chỉ xin nhận với hai điều kiện như sau: Điều thứ nhất là được gá nghĩa vợ chồng cùng cậu cả, điều thứ hai là cho tôi dùng phép màu của tôi đối với bà cả để nó linh ứng.

Hỡi vị thần quyền lực! Nghe người con gái anh chăn bò nói thế, tôi bảo:

– Được, ta ưng cả hai điều kiện. Hơn thế nữa, ta sẽ cho cô tất cả tài sản cha cô đang giữ. Còn đối với mụ vợ cả, ta để cô toàn quyền xử trí.

Cô ta bèn lấy một cái chậu đồng nhỏ múc đầy nước, phù chú vào đó, đoạn vừa té nước vào bê vừa lầm

nhẩm khấn: « Hỡi bê kia, nếu Chúa Ala sinh ngươi là bê thì hãy giữ nguyên hình là bê. Nhược bằng ngươi bị tà thuật mà phải đeo kiếp vật thì xin Chúa Ala tối cao cho ngươi được hiện nguyên hình như lúc bầm sinh. »

Cô ta cầu khẩn như thế đấy. Con bê rùng mình mấy cái, phút chốc lại thành người. Tôi mừng rỡ quá chừng, ôm choàng lấy con mà vỗ về hôn hít. Rồi tôi bảo con tội:

— Chúa Ala phù hộ cho con! Con hãy kể cha nghe xem mụ vợ cả của cha đã làm gì hai mẹ con con?

Và con tôi đã thuật lại tất cả cho tôi nghe. Tôi nói:

— Con ơi, thế ra đức Chúa Ala người cầm vận mệnh nhân loại trong tay, đã dành cho con một ân nhân để cứu vớt tính mệnh con và quyền lợi của con.

Sau đó, lạy tạ ngài, tôi đã cưới cô gái người chăn bò cho con tôi. Và nàng đã dùng phép phù thủy biến mụ vợ cả tôi thành con linh dương này đây. Còn tôi đi qua nơi này thấy mấy vị tụ tập tại đây tôi hỏi họ và được biết chuyện về người lái buôn nên tôi nán ngồi lại xem sự thể thế nào. Đấy câu chuyện của tôi là như vậy.

Hung thần nghe xong khen:

— Câu chuyện khá kỳ lạ đấy, ta bằng lòng cho nhà ngươi một phần ba số máu của tên lái buôn.

Lúc đó cụ già thứ hai, chủ nhân của hai con chó săn thỏ tiến lên, và nói:

Câu-chuyện của cụ già thứ hai.

Lạy ngài, chúa tể các vị thần, xin ngài biết cho rằng hai con chó này đây là hai anh ruột của tôi, còn tôi là

em thứ ba. Nguyên khi cha chúng tôi mất, có để lại cho chúng tôi ba nghìn đồng đina [1]. Phần của tôi, tôi dùng mở một hiệu buôn ở ngay tỉnh nhà. Anh cả tôi ra đi, ít lâu lại về và cũng mở một hiệu buôn như tôi. Còn anh hai tôi thì theo một thương đoàn buôn bán phương xa biền biệt một năm giời, đến khi trở về, chỉ còn hai bàn tay trắng. Tôi trách:

— Đấy! tôi đã chẳng khuyên anh không nên đi buôn xa đó sao.

Anh tôi khóc:

— Em ạ, Chúa Ala tối cao tối đại đã muốn như thế. Bây giờ thì anh đã hết sạch, em có trách cũng chả ích gì.

Tôi dẫn anh tôi đến cửa hiệu, đưa anh tôi đi tắm và lấy một bộ quần áo đẹp nhất, tốt nhất biếu anh tôi. Đoạn hai anh em cùng ngồi ăn cơm nói chuyện. Tôi bàn với anh tôi: « Anh ạ! Em muốn tính sổ năm qua xem lờ lãi bao nhiêu, em sẽ chia làm đôi: anh một nửa, em một nửa ».

Tôi tính sổ thấy năm ấy được lãi hơn nghìn đina. Tôi cảm tạ đức Chúa Ala tối cao tối đại và thấy lòng sung sướng vô ngần. Tôi chia đôi số tiền mỗi người một nửa. Ngày tháng trôi qua chúng tôi vẫn sống chung với nhau...

Nhưng các anh tôi lại có ý định ra đi, muốn kéo cả tôi đi nữa. Tôi không chịu: « Các anh đi mãi nào thấy lợi lộc gì đâu mà bảo em muốn theo các anh ».

Cả hai người liền trách móc tôi nhưng vô hiệu. Tôi nhất định không đi. Thế là chúng tôi ở lại, người nào ở cửa hiệu người ấy, cùng buôn bán một năm giời nữa.

---

(1) Tiền Ả rập thời cổ.

Hết năm, hai anh tôi lại rủ rê tôi đi buôn xa mà tôi thì vẫn cứ phản đối. Cứ như thế suốt trong sáu năm. Cuối cùng tôi đã nhận lời ra đi. Tôi nói với hai anh thu thập hết cả vốn liếng lại xem được bao nhiêu. Tính ra chúng tôi có sáu nghìn đina. Tôi bàn nên chôn giấu một nửa để ngộ nhỡ gặp việc chẳng may sẽ có cái mà dùng. Còn ba nghìn thì mỗi người cầm lấy một nghìn buôn bán cò con vậy. Hai anh tôi lấy làm phải. Thế là tôi chia đôi số tiền, chôn đi một nửa còn một nửa chia đều làm ba. Chúng tôi mua hàng họ, thuê một chiếc thuyền lớn, bao nhiêu đồ hàng vật dụng chứa lên đấy hết rồi cho thuyền ra khơi.

Sau một tháng giời lênh đênh mặt nước, chúng tôi đến một hải cảng kia, đem hàng lên bán. Hàng bán được giá rất cao, tính ra một vốn bốn lời.

Lúc trở lại bờ bể để xuống thuyền nhổ neo, chúng tôi thấy một người đàn bà tiều tụy, quần áo tả tơi cũ nát. Người đàn bà lại gần tôi hôn tay tôi và nói:

— Bẩm chủ ông, chủ ông có thể đoái thương mà ra tay cứu vớt được tôi chăng, ơn ấy tôi sẽ tìm cách báo đáp lại.

Tôi đáp:

— Được, tôi biết cứu giúp và làm ơn cho kẻ khác lắm, nhưng nàng không cần phải giả ơn tôi.

Nàng nói:

— Vậy thì thưa chủ ông, xin người cho thiếp được nâng khăn sửa túi và xin đưa thiếp theo về nước, thiếp nguyện dâng cả tâm hồn cho người. Người hãy làm ơn cho thiếp đi, thiếp vốn là một tấm lòng từ thiện. Và xin người đừng hổ thẹn vì nỗi thiếp thân tàn ma dại. Nghe nàng nói tôi thấy lưu luyến nàng ngay, nghĩ bụng âu cũng là duyên số do đức Chúa Ala tối cao

tối đại xếp dặt sẵn rồi. Tôi dẫn nàng về thuyền, lấy quần lành áo tốt cho thay, lấy thảm đẹp giải trong khoang thuyền cho nàng nằm, xử sự với nàng hết sức hào hoa rộng rãi. Đoạn chúng tôi nhổ neo.

Tôi yêu nàng tha thiết và từ đó ngày đêm không hề xa nàng nửa bước. Trong ba anh em chỉ có tôi được cùng nàng chăn gối. Bởi vậy, các anh tôi sinh lòng ghen, và cũng ghét tôi vì số tài sản và hàng hóa quí giá của tôi. Họ nhìn tài sản của tôi bằng con mắt thèm muốn. Họ bàn cách giết tôi để cướp của. Quỷ dữ đã làm họ mờ ám lương tâm nên họ không biết tội ác là gì.

Một đêm tôi đang ngủ bên cạnh vợ thì hai anh tôi ôm chúng tôi quẳng xuống biển. Xuống đến nước vợ tôi tỉnh dậy. Bỗng nhiên nàng thay hình đổi dạng biến thành một nữ thần. Nàng xốc tôi lên vai bay vụt đến một hoang đảo đặt tôi ở đấy rồi biến đi một đêm, đến sáng mới về. Nàng bảo tôi :

– Chàng không nhận ra em sao? Em là vợ chàng đây mà. Nhờ chúa Ala tối cao em đã đưa chàng ra khỏi cơn nguy biến vì em là một thần nữ đấy chàng ạ. Ngay từ lúc thoạt thấy chàng, em đã yêu ngay vì chúa Ala muốn thế. Em vốn là một tín đồ ngoan đạo của Chúa rất tin ở vị Sứ giả của người (cầu Chúa che chở cho Ngài). Em cải trang làm người cùng khổ cơ hàn, chàng đã vui lòng lấy em, nên em đã cứu chàng thoát khỏi chết đuối để giả ơn chàng. Còn như hai gã anh chàng thì em căm giận lắm, thế nào cũng phải giết đi mới được.

Nghe nàng nói tôi xiết nỗi kinh hoàng, vừa cảm tạ nàng, vừa tìm lời xin xá tội cho hai anh. Rồi tôi kể lại nàng nghe từ đầu chí cuối câu chuyện giữa tôi và hai anh. Nghe xong nàng nói :

— Như thế thì đêm nay em sẽ bay đến nơi họ và làm đắm thuyền họ. Họ sẽ chết.

Tôi lại xin nàng :

— Lạy Chúa Ala phù hộ cho nàng. Xin nàng đừng làm thế. Vì ông chúa ngạn ngữ đã nói : « Hỡi người làm ơn cho kẻ không đáng hưởng, hãy tha thứ cho nó, vì tội lỗi của nó đã trừng phạt nó đủ rồi ». Vả chăng dù sao họ cũng là anh của tôi, xin nàng nghĩ lại.

Nàng nói : « Thế nào em cũng phải giết họ ».

Tôi van vỉ thế nào nàng cũng không nghe. Nàng vác tôi lên vai rồi bay về quê tôi đặt tôi xuống sân thượng.

Tôi mở cửa vào nhà lấy món tiền ba nghìn đina đã chôn lên. Sau khi thăm hỏi khách hàng cũ, tôi lại khai trương cửa hiệu và mua sắm các mặt hàng.

Tối đến, lúc đóng cửa hàng quay vào an nghỉ, tôi thấy hai con chó này bị xích ở một xó nhà. Thấy tôi, chúng đứng dậy quấn lấy áo tôi, nước mắt trào ra. Tức thì vợ tôi chạy đến và bảo :

— Đấy là hai anh của chàng đó.

Tôi hỏi nàng ai đã làm cho họ đến nông nỗi ấy. Nàng đáp :

— Chính em đây. Em đã nhờ bà chị của em giỏi phù phép hơn em hóa họ làm kiếp chó và họ chỉ có thể thoát kiếp của họ sau hạn mười năm.

Tâu lạy thần linh, hạn mười năm đã hết ; tôi giắt đôi chó tìm đến bà chị vợ để bà ta giải phép cho. Qua đấy tôi gặp anh bạn trẻ này, được biết chuyện anh ta nên dừng lại xem câu chuyện giữa ngài với anh ta sẽ kết thúc ra sao. Đó, câu chuyện của tôi là như thế.

Hung thần nói :

Quả là một câu chuyện lạ ! Ta ban cho nhà ngươi một phần ba số máu của tên lái buôn để chuộc tội cho hắn.

Liền đó, cụ già thứ ba chủ nhân của con la cái cũng tiến lên :

– Lão xin kể Thần nghe một chuyện hay hơn cả hai chuyện trước và cũng xin Thần ban cho số máu còn lại của thương nhân để chuộc tội cho hắn.

Hung thần cũng nghe theo và cụ già thứ ba bắt đầu kể như sau :

Câu chuyện của cụ già thứ ba.

Lạy ngài, vị chúa tể các thần linh, con là cái này chính là vợ tôi. Một lần bận việc, tôi phải xa nàng một năm tròn. Công việc hoàn thành, tôi về với nàng trong đêm tối, thì thấy con dâm phụ nằm với một tên hắc nô trên tấm thảm của giường tôi. Hai đứa rì rầm nói chuyện, và nũng nịu với nhau, và cười cợt, và hôn hít nhau, và nô rỡn để gợi tình. Vừa thấy tôi bước vào, con vợ tôi vội đứng dậy nhảy xổ đến tôi, tay cầm một bình nước. Hắn niệm thần chú lâm dâm lên cái bình, lấy nước vẩy vào tôi nói : « Hãy đổi dạng đi mà biến thành chó ». Và tức thì tôi biến thành chó. Hắn đuổi tôi ra khỏi nhà. Và từ đó, tôi sống kiếp chó hoang lang thang cho đến một ngày kia tôi đến gần một cửa hiệu thịt bò. Tôi mon men lại gần để gậm những mẩu xương người ta vứt đi. Ông chủ hiệu bắt lấy tôi và dắt về nhà.

Người con gái ông thấy tôi vội lấy mạng che mặt lại và nói với cha :

– Sao lại làm thế nhỉ ! Cha dẫn một người đàn ông vào nhà con à ?

Người cha ngạc nhiên :

– Đâu, người đàn ông ấy đâu.

Nàng đáp :

— Con chó ấy đích thị là một người đàn ông đấy. Anh ta đã bị một người đàn bà phù phép. Và con có thể giải thoát cho anh ta được.

Nghe con, người cha nói :

— Lạy chúa Ala phù hộ cho con ! con hãy giải thoát cho người ta đi !

Cô con gái lấy một bình nước lâm râm niệm mấy câu thần chú rồi lấy mấy giọt vẩy vào tôi nói :

« Hãy đổi dạng đi và hiện nguyên hình ». Quả nhiên tôi trở thành người ngay. Tôi hôn tay cô gái tỏ ý cảm ơn và nói :

— Mong cô hãy dùng phép hóa kiếp mụ vợ tôi như hắn đã hóa kiếp tôi vậy.

Cô ta bèn lấy cho tôi một ít nước phép, bảo tôi mang về, nhằm lúc vợ tôi ngủ đem mà vẩy vào người mụ thì muốn bắt mụ hóa kiếp gì cũng được. Tôi lấy nước vẩy vào người mụ và nói : « Hãy đổi dạng đi mà biến thành một con la cái ». Tức thì mụ biến thành con la cái.

Và con la này đây mà ngài, vị chúa tể của các đấng thần linh, trông thấy tận mắt, chính là mụ vợ tôi đó.

Hung thần quay về phía la hỏi :

Có đúng thế không ?

— La gật gật cái đầu ra hiệu như muốn nói : « Vâng, vâng, đúng thế đấy ! ».

Thần nghe chừng khoái chá lắm, cười ha hả rồi ban cho ông già phần máu cuối cùng của người lái buôn.

Anh lái buôn sung sướng quá chừng đến trước mặt ba cụ già cảm tạ mãi không thôi. Mà ba cụ già cũng lấy làm mừng và chia vui cùng anh. Rồi họ từ biệt nhau, người nào về xứ sở người ấy.

TRUYỆN VIÊN TỂ TƯỚNG CỦA VUA IUNAN VÀ ÔNG THẦY THUỐC RUIAN

Ngày xửa ngày xưa, ở thành Pha, thuộc xứ của những người Ruman [1] có một ông vua tên là Iunan. Ông ta giàu có và hùng cường, có những đội quân vừa đông vừa dũng, có bạn đồng minh trong khắp các giống người. Nhưng thật đáng buồn! Nhà vua lại mắc bệnh phong mà danh y và bác học đều bó tay không chữa nổi. Thuốc uống, thuốc viên, thuốc mỡ, không thuốc nào có kết quả và không một viên thầy thuốc nào tìm được cho nhà vua một thứ thuốc công hiệu. Một hôm có một danh y đã già tên gọi Ruian tình cờ đến kinh đô của vua Iunan. Vị danh y này đã từng dày công nghiên cứu các sách đông tây kim cổ: sách Hy Lạp. Ba Tư, La Mã, A Rập, Xy Ri. Ông nghiên cứu y học và thiên văn học. Ông rất thông thạo về nguyên lý và quy tắc cùng những hiệu quả tốt xấu của những khoa học đó. Ông thuộc lầu dược tính của các cây cỏ tươi cũng như cỏ khô. Cuối cùng, ông đã nghiên cứu triết học, nghiên cứu tất cả các khoa y học và biết bao nhiêu khoa học khác nữa. Mới đến kinh kỳ vài hôm, ông đã biết chuyện nhà vua bị số mệnh bắt phải đau khổ về bệnh phong mà danh y bác học tuyệt nhiên không cách chữa chạy. Tin ấy làm ông ta suy nghĩ suốt đêm. Và sáng hôm sau, khi ánh bình minh chào đón nhân gian — cảnh trí tuyệt đẹp của đấng Tối Thiện — ông mặc bộ áo đẹp nhất rồi vào yết kiến nhà vua. Ông quỳ xuống hôn đất trước mặt vua, chúc tụng vua xong, ông nói:

---

(1) Chỉ tất cả những người theo Thiên chúa giáo và nhất là những người Hy Lạp (chú thích của Mác-đruýx).

– Thần được biết thánh thể khiếm an mà phần lớn các danh y chưa ai chữa được. Thần xin chữa bệnh đó mà không cần thánh thượng phải uống hoặc bôi thuốc gì cả.

Nghe vậy, vua ngạc nhiên hết sức:

– Chẳng hay khanh định làm thế nào? Lạy chúa Ala nếu khanh chữa cho trẫm khỏi, trẫm sẽ cho tất cả nội ngoại tử tôn của khanh được hưởng giàu sang. Khanh muốn gì trẫm cũng ban cho và khanh sẽ ở bên mình trẫm như một người bạn của trẫm để cùng hưởng phú quý.

Nói rồi vua cho ông ta một chiếc áo đẹp và những tặng vật khác rồi hỏi:

– Có thật khanh chữa được cho trẫm mà không cần phải thuốc uống, thuốc bôi không?

– Tâu bệ hạ đúng thế đấy. Thần chữa khỏi mà bệ hạ không phải nhọc mệt phiền hà gì.

Nhà vua càng kinh ngạc:

– Hỡi nhà đại danh y! Vậy bao giờ khanh thực hiện được lời đã hứa? Khanh nên làm mau lên.

– Thần đã rõ và xin tuân lệnh.

Ông ra về, thuê một căn nhà để có chỗ xếp sách vở thuốc men cùng những cỏ cây dùng làm thuốc. Rồi ông ta lấy thuốc luyện thành một thứ vồ ngắn uốn cong, đục một cái lỗ ở đầu để tra cán vào. Ông cũng gắng làm một quả cầu cho thật tròn. Xong xuôi, hôm sau ông đến yết kiến vua, quỳ xuống hôn đất và mời vua cưỡi ngựa ra sân quần chơi cầu. Bá quan văn võ lớn nhỏ trong triều: đô đốc, nội thần, các vị đại thần và các vị thủ lĩnh trong nước đều theo hộ giá. Vua vừa đến nơi, thầy thuốc Ruian trao cái vồ cho nhà vua.

— Xin bệ hạ cầm cái vồ này, cầm thật chắc như thế này này. Xin bệ hạ lấy hết sức đập vồ xuống đất và đập vào quả cầu thật mạnh cho đến khi đồ mồ hôi ở lòng bàn tay và ở khắp cả người. Như vậy thuốc sẽ ngấm qua lòng bàn tay và dẫn đi khắp thánh thể. Khi đã đồ mồ hôi và thuốc bắt dầu ngấm xin bệ hạ trở về cung rồi đi tắm. Bệ hạ sẽ khỏi bệnh. Xin chúc bệ hạ bình an. Vua Iunan cầm lấy chiếc vồ, nắm chặt trong tay. Một số kỵ mã được chọn trước cũng đã lên ngựa và ném cầu lại. Nhà vua phi ngựa đuổi theo quả cầu, tay vẫn nắm chặt chiếc vồ, lấy hết sức giáng thật mạnh, cứ thế cho đến lúc mồ hôi ở tay và ở người toát ra như tắm. Thế là thuốc ngấm qua lòng bàn tay và khắp cơ thể. Ông Ruian thấy thuốc đã ngấm, bèn tâu vua trở về cung tắm ngay. Và vua Iunan trở về, truyền lệnh chuẩn bị để tắm. Thế là quân hầu tới tấp, kẻ nô lệ chạy xuống chạy lên sửa soạn áo quần. Vua vào nhà tắm, tắm xong mặc áo quần ngay trong đó rồi lên ngựa về cung để ngủ. Về phần vua Iunan thì như thế, còn về phần thầy thuốc Ruian thì ông ta về nhà ngủ một giấc, sáng dậy lập tức vào chầu, quỳ xuống hôn đất rồi trịnh trọng bình cho vua nghe mấy đoạn thơ :

«Nếu nàng Hùng biện tôn Người làm cha thì nàng sẽ càng hùng biện. Ngoài Người nàng không chọn ai khác được. Ôi khuôn mặt rạng rỡ mà hào quang sáng hơn cả ánh than hồng.

Ước sao vẻ mặt tươi sáng lâu mãi để có thể thấy những nếp răn rạch phá bộ mặt Thời gian.

Ân huệ của Người đã bao trùm lấy tôi như đám mây tốt lành phủ kín lấy ngọn đồi vậy.

Những chiến công cao cả đã đưa Người tới đỉnh vinh quang. Người được Số mệnh mến yêu và không từ chối Người điều gì cả.»

Lời thơ vừa dứt, nhà vua đứng dậy thân thiết bá cổ ông thầy thuốc cho ngồi xuống cạnh rồi ban cho mấy chiếc áo trào lộng lẫy.

Số là hôm qua khi nhà vua ở buồng tắm ra nhìn đến chân tay mình mẩy thì thấy những nốt hủi đã biến đâu hết. Da thịt mịn màng như bạc nguyên chất vậy. Vua mừng rỡ bội phần, lồng ngực nở rộng hẳn ra. Hôm sau trời vừa sáng, vua ra ngự trào ngồi trên ngai vàng. Các quan nội thần và những thân hào trong nước đã vào chầu, cả thầy thuốc Ruian nữa. Thấy ông ta vua vội vàng đứng dậy và mời ngồi cạnh mình, đoạn truyền thết tiệc yến ẩm suốt cả ngày hôm đó. Tối đến vua cho thầy thuốc hai nghìn đina, không kể áo trào và tặng vật, và cho cả con tuấn mã nhà vua thường cưỡi nữa. Nhà danh y xin bái lĩnh và cáo từ ra về.

Còn nhà vua thì không ngớt lời ca tụng thuật chữa bệnh của thầy thuốc.

– Hắn chỉ chữa bên ngoài không cần bôi thuốc mỡ mà cũng khỏi. Lạy chúa Ala, thật là một khoa học cao cả vô cùng. Người như thế ta phải ban cho thật nhiều ân huệ và phải mãi mãi coi như một người bạn thân âu yếm mới được.

Và tối hôm ấy vua Iunan đi nằm với tất cả niềm vui khi thấy mình đã lành mạnh thoát được một thứ bệnh ghê gớm.

Sáng hôm sau, vua vào triều ngồi trên ngai. Bá quan văn võ, đô đốc, đại thần chia nhau ngồi chầu hai bên tả hữu, các vị thủ lĩnh trong nước đứng nghiêm trang. Vua cho vời Ruian. Ông ta đến quỳ xuống hôn đất. Vua đứng dậy mời ông ngồi cạnh, cùng ông yến tiệc, chúc ông sống lâu và ban cho áo bào và nhiều vật quý khác, cùng ông ta trò chuyện đến tối rồi sai người lấy năm

chiếc áo trào và nghìn đina giả công cho ông. Ruian ra về, vừa đi vừa chúc tụng nhà vua.

Sáng hôm sau nữa, nhà vua lại ra triều, giữa đám đô đốc, nội thần và ngoại thần. Trong số đại thần có một viên hình dạng thô bỉ, vẻ mặt thảm thê. Hắn rất dữ tợn, keo kiệt một cách bỉ ổi lại hay đố kỵ. Thấy nhà vua cho Ruian được ngồi cạnh, lại ban cho bao nhiêu ân huệ, hắn đã đem lòng ghen tức và ngấm ngầm tìm cách hại ông, đúng như câu tục ngữ có nói:

« Kẻ đố kỵ gây gổ với tất cả mọi người. Lòng ham muốn áp bức kẻ khác lúc nào cũng phục sẵn trong tim hắn.

Khi hắn dùng được bạo lực thì lòng ham muốn đó lộ ra ngay, khi hắn yếu thế, thì nó vẫn âm ỷ tiềm tàng trong lòng hắn ».

Tên đại thần mon men đến gần vua quỳ mọp xuống nói:

— Tâu đức vua muôn đời! ơn mưa móc của Người thấm nhuần bàn dân thiên hạ, thần có một lời can gián tối quan trọng mà nếu không tâu trình lên thì thấy xấu hổ như một đứa con hoang. Nếu thánh thượng cho phép thần sẽ xin tâu trình.

Nhà vua lo lắng:

— Ngươi muốn khuyên ta điều gì vậy?

— Muôn tâu thánh thượng vinh quang, cổ nhân có nói: « kẻ nào không biết lo xa, không suy xét kỹ ắt là thiệt thân. » Thế mà thánh thượng đã ban ơn cho kẻ thù, cho kẻ muốn ám hại bệ hạ để cướp lấy giang sơn như thế là không suy xét kỹ. Thần vì vậy hết sức lo sợ cho thánh thượng.

Nghe vậy nhà vua biến sắc, lòng rối bời bời:

– Ai là kẻ thấm nhuần ơn mưa móc của ta mà lại là kẻ thù của ta?

– Tâu bệ hạ xin người hãy tỉnh lại, vì thần muốn ám chỉ tên thầy thuốc Ruian đó.

Vua nói:

– Ông ta là người bạn tốt và là người thân thiết nhất của trẫm. Người đó đã chữa cho trẫm bằng một vật trẫm cầm ở tay và đã giải thoát cho trẫm khỏi cái bệnh mà các danh y đã chịu không chữa được. Quả thật tìm đâu được một người tài giỏi như ông ta ở thời đại này, trên toàn thế giới, Tây cũng như Đông! Sao khanh lại dám nói những điều như vậy về ông ta. Ngay từ hôm nay trẫm sẽ cấp cho ông ta mỗi tháng một nghìn đồng đina. Vả lại thiết tưởng có chia đôi giang sơn cho người đó cũng chưa đáng với ơn kia. Những cái khanh nói vừa rồi chẳng qua là do lòng đố kỵ, không khác gì chuyện vua Xinđabát mà trẫm được nghe.

TRUYỆN CON CHIM ƯNG CỦA XINĐABAT

Người ta kể ngày xưa ở xứ Pha có một ông vua thích giải trí, thích dạo quanh vườn và ham mê đủ các loại săn bắn. Ngài có một con chim ưng do chính tay mình nuôi dạy. Ngày đêm không lúc nào rời nhà vua. Đêm ngủ ngài cũng để nó đậu trên tay. Lúc đi săn, vua mang nó theo và đeo vào cổ nó một cái cóng nhỏ bằng vàng

để nó uống nước. Một hôm vua đang ngồi trong cung bỗng có viên nội thị chuyên coi sóc loại chim săn bắn vào mời ngài đi săn vì đã bắt đầu mùa săn rồi. Nhà vua truyền sửa soạn lên đường và mang theo chim ưng trên bàn tay. Đến một thung lũng nọ, người ta bắt đầu bổ lưới. Bỗng một con linh dương mắc phải lưới săn. Vua truyền:

– Con linh dương chạy thoát qua cạnh người nào ta sẽ giết kẻ đó.

Người ta thít chặt lưới dần quanh con vật. Linh dương đến gần nhà vua, đứng nhổm trên hai chân sau, co hai chân trước vào ngực như muốn chào. Vua đập hai tay vào nhau để đuổi nó chạy đi. Nó bỗng nhảy qua đầu vua mà chạy biến mất về phía xa. Vua quay nhìn bọn thị vệ thì thấy họ đang nhìn mình mà nhay nháy mắt. Thấy thế vua hỏi viên tể tướng.

– Có gì mà bọn lính làm hiệu cho nhau như thế?

– Họ nói rằng bệ hạ đã thề giết kẻ nào để con linh dương chạy qua cạnh mình.

Vua nói:

– Thế thì phải đuổi theo bắt cho kỳ được con linh dương lại.

Nói rồi vua phi ngựa theo vết chân con thú và đuổi kịp nó. Chim ưng bèn sà xuống mổ mù mắt linh dương. Nhà vua rút chiếc trùy đập con vật ngã lăn ra rồi xuống ngựa chọc tiết, lột lấy da đeo vào yên ngựa. Lúc đó tiết trời nóng nực mà quanh vùng thì hoang vắng, đất đai cằn cỗi không có lấy một dòng suối nhỏ. Vua khát nước, ngựa cũng khát nước, vua quay lại thấy từ một cành cây nọ chảy xuống một dòng nước đặc như sữa. Vì vua đeo găng da không hứng bằng tay được, ông lấy cái cóng ở cổ chim hứng đầy nước để trước

mặt chim. Nhưng chim lấy chân đá vào cóng, cóng đổ quay. Vua nhặt lấy cóng hứng đầy nước lần nữa và lại đặt trước mặt chim vì vua vẫn nghĩ là chim khát nước. Lần thứ hai, chim lại lấy chân đá vào cóng, cóng lại đổ lăn ra. Vua giận lắm, lần thứ ba hứng đầy nước vua đưa cho con ngựa uống. Chim ưng sà lại lấy cánh hất đổ cóng nước đi. Vua nổi giận quát :

— Hỡi con ác điểu kia! Chúa Ala chôn vùi mày đi! Đang lúc khát thế này mi ngăn không cho ta uống, tự mi cũng không uống, ngựa uống mi cũng không cho!

Vua tuốt kiếm chém sả hai cánh chim ưng. Ưng cố ngoắt đầu vươn cổ, ra hiệu cho vua như muốn nói :

— Bệ hạ hãy nhìn xem cái gì trên cây kia!

Vua ngước nhìn, thấy một con rắn cuộn khúc trên cành, và dòng nước trắng giỏ xuống chính là nọc của nó đang chảy ra. Nhà vua rất hối vì đã chém oạn đôi cánh con chim. Vua lên ngựa mang cả thịt con linh dương về cho nhà bếp nấu nướng. Rồi vua lên ngồi ở ngai vàng vẫn mang chim ưng trên tay, chim nấc lên một tiếng mà chết. Thấy vậy nhà vua kêu lên, đau đớn xót xa, vì đã sát hại một con chim trung thành cứu mình thoát nạn.

Đấy, câu chuyện vua Xiđabát là thế đấy.

Viên đại thần nghe xong câu chuyện lại tâu :

— Muôn tâu thánh thượng chí kính! Thần có làm điều gì không hay đâu! chỉ vì mến thương bệ hạ mà phải tâu bầy, rồi bệ hạ sẽ thấy là thần nói đúng. Nghe thần, bệ hạ sẽ thoát nạn; không nghe, bệ hạ sẽ bị giết như viên đại thần giảo quyệt nọ vì lừa dối một vị con vua mà uổng mạng.

TRUYỆN HOÀNG TỬ GẶP YÊU TINH

Ông vua đó có một người con rất ham thú săn bắn, nhất là săn đuổi. Nhà vua cũng có một viên đại thần. Ngài ra lệnh cho viên đại thần phải theo sát bên mình thái tử không được xa nửa bước. Một hôm thái tử cùng viện đại thần đi săn đuổi. Hai người thấy một con quái vật. Viên đại thần nói với hoàng tử:

– Hoàng tử hãy đuổi theo con thú ấy đi.

Và hoàng tử đã đuổi theo cho đến lúc con vật mất hút. Nó đã biến mất vào bãi sa mạc. Hoàng tử đang phân vân không biết nên rẽ đường nào thì thấy ở đầu một con đường giốc một nữ tỳ trẻ tuổi ngồi khóc. Hoàng tử hỏi

– Nhà ngươi là ai?

Cô ta đáp:

– Là con một vị vua trong các vì vua ở Ấn Độ. Thiếp đi cùng một đoàn lữ hành qua sa mạc buồn ngủ quá rơi xuống đường mà không biết. Thế là thiếp bị bỏ lại sau, lòng bối rối vô cùng.

Nghe nói, hoàng tử động mối từ tâm, đỡ nàng lên ngựa cùng đi. Đến một hoang đảo nhỏ, nữ tỳ nói:

– Thưa chủ nhân, xin dừng lại cho thiếp làm một việc cần. Hoàng tử để nàng xuống. Nhưng thấy nàng đi lâu quá hoàng tử lần đến chỗ nàng mới biết người con gái nọ là một con yêu tinh. Yêu tinh nói với lũ con:

– Các con ơi, hôm nay ta dẫn về cho các con một chàng trai trẻ béo tốt lắm!

Lũ con nhao lên:

– Mẹ ơi vậy mẹ hãy dẫn đến, cho chúng con nuốt ngay vào bụng.

Nghe thấy vậy, hoàng tử chắc rằng mình sẽ chết. chân tay run lẩy bẩy, rất lo cho tính mệnh của mình. Chàng quay ngựa trở lại. Ra khỏi hang, yêu tinh theo hoàng tử, thấy chàng run sợ như một kẻ nhát gan bèn hỏi :

– Chàng sợ gì vậy ?

Hoàng tử đáp:

– Tôi có một người thù mà tôi rất sợ.

– Chàng đã nói với tôi rằng chàng là một hoàng tử kia mà.

– Quả tôi có nói thế.

– Thế sao chàng không cho kẻ thù kia ít tiền cho yên đi.

– Hắn không thích tiền, hắn thích linh hồn kia, thế mới đáng sợ chứ ! Quả thật tôi là nạn nhân của một thứ sở thích bất công !

– Nếu chàng tự cho mình bị bức bách một cách oan uổng thì chàng cứ việc cầu xin Chúa Ala giúp chàng chống lại kẻ thù. Chúa Ala sẽ bảo vệ cho chàng tránh được phép bùa ngải của kẻ thù và của bất cứ kẻ nào mà chàng sợ.

Hoàng tử ngước mắt nhìn giời và khấn :

– Lạy chúa ! Người vẫn cứu vớt những kẻ bị bức bách mà biết cầu xin Người và chỉ rõ cho họ thấy tai nạn ở đâu. Xin Người hãy giúp tôi thắng kẻ thù địch. Người hãy đuổi hắn đi vì Người vốn có quyền lực muốn gì được nấy.

Yêu tinh nghe hoàng tử khấn như vậy liền biến mất. Và hoàng tử về cùng tâu với vua cha lời khuyên dại dột của viên đại thần. Nhà vua ra lệnh chém ông ta.

Rồi viên đại thần của vua Iunan tiếp tục kể:

— Tâu bệ hạ, nếu bệ hạ quá tin cậy tên thầy thuốc này, hắn sẽ làm cho bệ hạ chết một cách thể thảm nhất. Tuy bệ hạ có ban cho hắn rất nhiều ân huệ và coi hắn là một người thân cận, hắn vẫn chuẩn bị hại bệ hạ đó. Bệ hạ không thấy tại sao hắn lại cho nắm một vật trong tay để chữa bệnh cho bệ hạ à? Chỉ là để khi hắn đưa bệ hạ nắm một vật khác trong tay là có thể hại được bệ hạ.

— Khanh nói thế mà đúng. Khanh là một vị giám quan chính trực, ta sẽ theo ý của khanh. Vì rất có thể tên thầy thuốc kia là một tên do thám bí mật đến đây hại ta. Quả vậy, nếu hắn đã chữa bệnh cho ta bằng một vật ta cầm ở tay thì hắn có thể hại ta, bằng một vật hắn đưa ta ngửi chẳng hạn.

Rồi lại hỏi tên đại thần.

— Bây giờ nên xử trí với hắn thế nào?

Viên đại thần vội đáp:

— Cho người triệu hắn đến đây. Hắn đến, phải đánh vào gáy hắn, Có thế mới chặn được phép bùa chú của hắn. Trừ được hắn, bệ hạ sẽ được yên thân. Phải phản hắn, trước khi hắn phản bệ hạ.

Vua Iunan khen phải, rồi cho người triệu ông thầy thuốc đến. Ông ta vui vẻ vào chầu, không biết tý gì về số phận của mình. Nhà thi sĩ có nói:

«Hỡi kẻ hay ghê sợ những sự rủi ro của số mệnh, xin cứ an lòng. Người không biết rằng mọi việc đã an bài trong tay con tạo hay sao?

Là vì cái gì đã là tiền định thì không đổi thay, còn cái gì chưa định sẵn thì biết đâu mà lo sợ.

Và thượng đế hỡi! Có thể có một ngày nào trôi qua mà tôi đã không ca tụng Người không. Tôi muốn dành

cho Người cái thiên tư kỳ diệu tạo nên câu thơ nhịp nhàng, và dành cho Người tất cả ngôn ngữ thi vị của tôi.

Tôi chưa kịp ao ước, Người đã ban cho tặng vật mà tặng vật sau bao giờ cũng đẹp hơn tặng vật trước!

Cho nên có thể nào tôi không ca ngợi cái vinh quang tất cả cái vinh quang của Người, ca ngợi trong tâm hồn tôi và ngoài công chúng.

Nhưng cũng phải nói rằng miệng tôi vẫn không đủ châu ngọc để ca tụng Người, lưng tôi không đủ sức để mang nổi hết những ơn huệ Người ban cho.

Còn người, kẻ đang phân vân do dự, hãy phó mặc mọi công việc vào tay chúa Ala, đấng duy nhất khôn ngoan. Làm thế rồi, lòng người sẽ không còn sợ ai nữa.

Và cũng nên biết rằng người không làm được gì theo ý riêng đâu: tất cả đều do đấng tối cao định đoạt.

Vậy không bao giờ nên tuyệt vọng. Hãy quên đi mọi nỗi buồn phiền. Há ngươi không biết rằng nỗi phiền muộn: làm mòn cả lòng người kiên cường nhất.

Hãy mặc sự đời! Tạo hóa đã an bài tất cả, những sự tính toán của ta chỉ là một bầy nô lệ bất lực. Cứ mặc con tạo xoay vần! có thế mới hưởng được phúc lộc dài lâu».

Ruian đến. Vua hỏi:

— Ngươi có biết ta đòi ngươi về việc gì không?

Ông thày thuốc đáp:

— Chỉ trừ đấng Ala tối cao, còn không ai biết được cái điều không biết.

— Ta đòi ngươi đến để bắt ngươi chết đó.

Thày thuốc Ruian nghe nói xiết bao kinh hoàng:

— Tâu bệ hạ vì đâu bệ hạ muốn giết kẻ hạ thần, và kẻ hạ thần có tội gì?

Văn phòng giao dịch: 101 A6 Thanh Nhàn - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Tel: 04.6.278 1145 - Fax: 04.6.278 1146

— Người ta bảo ngươi là một tên do thám, ngươi đến đây để tìm cách giết ta. Cho nên ta phải giết ngươi trước khi ngươi hại ta.

Rồi vua gọi đao phủ ra lệnh.

— Đánh vào cổ tên phản trắc này để phá tan tà thuật của nó.

Ông thầy thuốc kêu van:

— Xin bệ hạ hãy bảo toàn tính mạng cho thần và chúa Ala sẽ bảo toàn tính mạng cho bệ hạ. Xin đừng giết thần, nếu không Chúa Ala sẽ giết bệ hạ.

Ông ta lại kêu xin lần nữa, như ta đã kêu xin nhà ngươi, hỡi hung thần thế mà ngươi vẫn không nghe ta, trái lại cứ khăng-khăng muốn giết ta.

Sau đó vua Iunan bảo thầy thuốc:

— Ta không yên tâm được nếu chưa giết nhà ngươi. Vì nếu ngươi chữa được ta khỏi bằng một vật ta cầm ở tay thì ta tin rằng ngươi có thể giết ta bằng một vật đưa ta ngửi hay bằng cách gì khác đó.

Ông thầy thuốc nói:

— Phải chăng đó là cách thưởng công cho thần. Bệ hạ há lại lấy oán giả ân thế sao?

Nhưng nhà vua cứ nhất định bắt ông thầy thuốc phải chết ngay. Biết nhà vua nhất định giết mình, không cách gì thoát nổi, ông thầy thuốc khóc lóc và lấy làm buồn phiền về nỗi đã làm ơn cho kẻ không đáng hưởng ơn. Về điều đó nhà thơ nói:

« Nàng Maimuna trẻ tuổi và điên rồ thật không có chút tinh thần cao thượng gì cả. Nhưng trái lại, cha nàng là một người có tâm huyết, lại là người rất sáng suốt.

Vì vậy hãy nhìn ông xem! Đi đâu, tay cũng mang một ngọn đèn vì thế mà tránh được bùn trơn không bị trượt ngã nguy hiểm, tránh được cả bụi trên đường».

Sau đó tên đao phủ tiến lên bịt mắt ông thầy thuốc lại, rút thanh đoản kiếm ra định chém. Ông thầy thuốc vẫn cứ khóc lóc và nói với vua:

— Xin bệ hạ hãy bảo toàn tính mệnh cho thần và Chúa Ala sẽ bảo toàn tính mệnh cho bệ hạ. Xin đừng giết thần, nếu không, chúa Ala sẽ giết bệ hạ.

Rồi ông ngâm mấy câu thơ của nhà thi sĩ:

«Ta khuyên can thì không kết quả mà lời khuyên can của kẻ ngu muội lại có người nghe. Và ta chỉ hái được sự khinh khi của mọi người.

Cho nên nếu ta còn được sống nữa ta sẽ không khuyên răn ai điều gì. Mà nếu ta có chết thì kẻ khác lấy đó làm gương, đừng có mở miệng nói câu gì».

Rồi ông nói với vua:

— Bệ hạ nỡ thưởng công cho hạ thần như thế sao? Bệ hạ đối xử với hạ thần chẳng khác gì chuyện con cá sấu nọ.

Nghe thế, nhà vua hỏi:

— Nhưng chuyện con cá sấu ấy thế nào?

— Bị trói tay bịt mắt thế này, làm sao kẻ hạ thần có thể kể chuyện đó cho bệ hạ nghe được. Chúa Ala phù hộ cho bệ hạ.

Bệ hạ hãy bảo toàn tính mệnh cho thần và chúa Ala sẽ bảo toàn tính mệnh cho bệ hạ. Nói rồi nước mắt ông lã chã tuôn rơi. Lúc đó có mấy ông quan vốn được vua yêu bèn đứng dậy xin:

— Tâu bệ hạ. Người hãy tha thứ cho ông thầy thuốc vì chúng thần không thấy ông ta phạm tội gì đối với

bệ hạ, trái lại chỉ thấy ông ta giải thoát cho bệ hạ cái bệnh mà không một lương y bác học nào chữa nổi.

Vua đáp:

– Chư khanh không rõ cái cớ vì sao tên thầy thuốc này phải chết. Nếu ta giữ hắn thì chắc chắn ta sẽ bị hại. Là vì kẻ có thể chữa cho ta bằng cách cho cầm một vật trong tay cũng rất có thể hại ta bằng cách cho ta ngửi một vật gì. Ta rất sợ hắn giết ta để lĩnh một món tiền thưởng. Có thể hắn là một tên do thám đến đây chỉ để mưu sát ta. Vậy cần phải giết hắn. Hắn chết, ta mới hết lo cho ta.

Ông thầy thuốc lại kêu van lần nữa:

– Xin bệ hạ hãy bảo toàn tính mệnh cho thần thì chúa Ala mới bảo toàn tính mệnh cho bệ hạ. Xin đừng giết thần nếu không chúa Ala sẽ giết bệ hạ.

Kể đến đây, lão chài nói với hung thần:

– Nhưng hung thần hỡi! Khi ông thầy thuốc biết nhà vua đã nhất quyết giết mình không kêu cầu vào đâu được, ông ta nói:

– Tâu bệ hạ nếu quả thật kẻ hạ thần nhất thiết phải chết thì xin bệ hạ thư cho một thời hạn để hạ thần có thể về nhà trang trải mọi việc, dặn dò bà con xóm giềng chôn cất cho thần và nhất là để đem cho mấy pho sách thuốc. Vả lại thần có một quyển sách quý giá vô ngần mà thần muốn dâng bệ hạ để cất vào tủ làm quốc bảo.

Vua hỏi sách ấy là sách gì. Ông thầy thuốc đáp:

– Cuốn sách chứa những điều kỳ lạ không thể đánh giá được. Và điều bí ẩn tầm thường nhất mà nó phát giác ra là điều này: khi bệ hạ chặt đầu thần rồi, bệ hạ cứ giở sách đó ba tờ, đọc ba dòng đầu trang bên trái. Lúc đó đầu thần sẽ nói chuyện được với bệ hạ và giả lời được tất cả những câu hỏi của bệ hạ.

Nghe thế, nhà vua kinh ngạc vô cùng, nẩy người lên vì thích thú và cảm động.

— Hỡi viên thầy thuốc kia! ta chặt đầu ngươi mà ngươi vẫn nói được à?

— Tâu bệ hạ đúng thế đấy. Quả thật là một việc kỳ lạ.

Nhà vua bèn cho phép ông thầy thuốc được về nhà, có lính đi kèm hai bên. Về đến nhà ông thu xếp công việc suốt cả ngày, hôm sau cũng thế, rồi lại vào triều. Nghe tin lạ, tất cả đô đốc, đại thần, nội thần, tỉnh trưởng và thủ lĩnh trong nước đều kéo đến. Triều đình như một khu vườn đầy hoa. Ông thầy thuốc vào triều, đứng trước nhà vua, tay cầm quyển sách cũ nát và một chiếc hộp nhỏ đựng một chất bột. Ông ngồi xuống nói: « Xin đem cho một cái mâm ». Người ta đem mâm đến. Ông đổ bột và rải ra trên khắp mặt mâm. Ông nói với vua:

— Xin bệ hạ đón lấy sách này, nhưng trước khi giở sách hãy chém đầu thần, đặt lên mâm cho người ấn xuống chất bột này để máu không chảy nữa. Lúc đó bệ hạ sẽ giở sách.

Nhưng nhà vua không đợi chặt đầu, vội lấy sách và mở ra ngay. Nhưng thấy những trang sách dính lại với nhau vua nhấp nước bọt vào ngón tay và mở được tờ đầu. Rồi cứ thế khó khăn lắm mới mở được tờ thứ hai, thứ ba. Giở được sáu tờ vua thử đọc nhưng không thấy một chút chữ gì cả.

— Hỡi tên thầy thuốc kia! sách của ngươi có chữ gì đâu!

Xin bệ hạ cứ theo cách đó giở thêm nữa đi.

Và nhà vua giở thêm mấy tờ nữa, nhưng chỉ một lát thuốc độc ngấm vào cơ thể — vì quyển sách có thuốc độc — nhà vua đau quằn quại thét lên:

— Thuốc độc chạy trong người ta.

Lúc đó ông thầy thuốc Ruian ứng khẩu đọc mấy câu thơ:

«Cái lũ quan tòa ấy! Họ đã xét xử người đời. Nhưng họ đã vượt quá xa quyền hạn của họ và không kể gì đến công lý. Thế nhưng, lạy thượng đế, Công lý vẫn có đấy chứ.

Bây giờ đến lượt người khác xét xử họ. Nếu trước đây họ là những người thanh liêm và tốt bụng người ta đã tha cho họ rồi. Nhưng họ ức hiếp kẻ khác, nên số mệnh lại ức hiếp họ khiến họ phải đau đớn ê chề.

Người ta cười họ, khách qua đường thương hại họ. Thế mới là đạo trời. Xử sự như thế kia ắt phải chịu như thế ấy. Số phận họ như thế là hợp lý lắm rồi».

Thầy thuốc Ruian ngâm xong mấy câu thơ thì nhà vua cũng vừa tắt thở.

TRUYỆN NGƯỜI ĐÀN BÀ BỊ CHẶT RA TỪNG KHÚC, BA QUẢ TÁO VÀ TÊN HẮC NÔ RIHAN

Một đêm, giáo chủ Harun An-Rasit bảo viên tể tướng Giafa An Bácmaki:

– Đêm nay, ta muốn xuống phố, xem xét tình hình bọn đô trưởng và cảnh sát trưởng. Kẻ nào bị dân chúng kêu ca, ta nhất quyết cất chức ngay.

Giáo chủ cùng tể tướng và cận vệ Matrua cải trang đi khắp phố trong thành Batđa. Qua một ngõ hẻm, Giáo chủ gặp một ông lão, đầu đội một tấm lưới và một cái thúng, tay cầm một chiếc gậy. Lão đi chậm chạp và ngâm thơ:

«Họ bảo tôi: Hỡi nhà hiền triết! nhờ có tri thức, ông nổi lên giữa loài người, như trăng giữa đêm tối.

Tôi đáp: — Xin đừng nói thế. Không có tri thức nào ngoài tri thức của số mệnh.

Vì tất cả tri thức, tất cả bản thảo, sách vở và bình mực của tôi không đủ để đánh thắng bằng lấy một ngày với sức mạnh của số mệnh.

Những kẻ đánh cuộc về tôi chỉ có thể thua cuộc.

Quả vậy, còn gì đáng buồn hơn người nghèo, tình cảnh người nghèo, miếng cơm người nghèo, cuộc đời người nghèo.

Mặc dù phải vất sức mà làm, mùa đông chỉ có gió để sưởi. Dừng bước ở đâu, là chó xổ ra xua đuổi. Người đời chế diễu, lăng mạ hắn. Ôi! Kiếp sống người nghèo! Thà chết cho xong.»

Giáo chủ bảo Giafa:

— Nghe thơ và trông dáng người, biết lão này khổ lắm

Ngài đến gần, hỏi:

— Này! lão làm nghề gì?

— Nghề kiếm cá. Lão nghèo lắm. Lão có một gia đình. Từ trưa tới giờ, lão làm suốt mà Chúa vẫn chưa cho đủ bánh nuôi con! Cho nên lão chán, lão chán đời, chỉ cầu chết.

Giáo chủ nói:

— Lão hãy quay lại phía sông Hồ với chúng tôi. Lão quăng lưới bói cho tôi một mẻ xem sao. Kéo lưới được bất cứ cái gì tôi cũng mua, và giả một trăm đina.

Lão chài mừng quá, cùng ba người đến sông Hồ. Lão quăng lưới và kéo lên được một cái hòm nặng đóng kín. Giáo chủ thử nhấc lên, cũng thấy nặng. Ngài đưa cho lão chài một trăm đina.

Giafa và Matrua, khiêng cái hòm về cung. Giáo chủ cho đốt đuốc lên. Giafa và Matrua đập vỡ cái hòm thấy có một cái thúng lớn bằng lá cọ, khâu chỉ len đỏ. Họ cắt chỉ, mở thúng thấy một tấm thảm. Nhấc tấm thảm ra thì là một tấm mạng trắng. Nhấc tấm mạng lên, dưới có một người đàn bà trẻ trắng như bạc, bị chặt ra từng khúc.

Giáo chủ, nước mắt chảy trên má, giận quá, mắng Giafa :

— Đồ tể tướng chó má! Dưới triều đại của ta mà có những chuyện giết người và những nạn nhân bị dìm dưới nước thế này sao? Đến ngày phán xử, máu họ sẽ dính chặt vào lương tâm ta. Lạy chúa! ta phải trả thù, phải giết đứa sát nhân. Còn ngươi! Ta lấy dòng họ giáo chủ Bani Apbax của ta mà thề rằng, nếu ngươi không tìm ra kẻ giết người đàn bà này, ta sẽ cho đóng đinh tay chân nhà ngươi vào cánh cửa cung của ta, ngươi và bốn mươi anh em dòng họ Baramka nhà ngươi nữa.

Giafa xin một hạn ba ngày. Ông đi tìm kiếm trong thành, lòng buồn rười rượi, nghĩ bụng « làm sao biết được ai giết người thiếu phụ ấy để bắt đưa đến Giáo chủ. Mà bắt oan kẻ khác thì sao đành? Thật không biết tính sao! »

Giafa về nhà. Hết ba ngày. Ông tuyệt vọng. Ngày thứ tư, Giáo chủ cho người đến triệu.

— Kẻ giết thiếu phụ đâu? Giáo chủ hỏi.

— Làm sao thần đoán được cái vô hình, cái bị che giấu để nhận ra tên sát nhân giữa một thành phố.

Giáo chủ giận lắm, truyền lệnh cho đóng đinh Giafa cho rao khắp nội ngoại thành :

« Ai muốn xem cảnh xử Giafa An – Bacmaki, Tể tướng cùng bốn chục người dòng họ Baramka thì đến mà xem. »

Nhân dân Batđa đi xem đông lắm, nhưng không một ai đoán được nguyên do. Mọi người đau khổ, khóc lóc, vì Giafa và dòng họ Baramka được họ yêu quí, ai cũng chịu ơn.

Cây gỗ chữ thập để đóng đinh đã dựng lên. Những người chịu tội ngồi đấy. Người ta chờ Giáo chủ ra lệnh hành hình. Giữa lúc nhân dân đang kêu khóc; thì một chàng trai trẻ, đẹp, ăn mặc sạch sẽ bỗng rẽ đám đông chạy đến, kêu lên:

– Xin tha cho vị Tể tướng, người bao dung bọn đói nghèo vì chính tôi đã giết người đàn bà, cho vào cái hòm vớt được ở sông Hồ. Xin hãy giết tôi đi.

Giafa thấy mừng cho mình, nhưng buồn cho người trẻ tuổi. Ông đang tỉ mỉ hỏi chàng, thì bỗng một ông già cũng rẽ đám đông đến, nói:

– Thưa tể tướng, đừng tin lời anh này. Chính lão đã giết thiếu phụ. Chỉ trừng trị lão thôi để trả thù cho nàng.

– Ông già này lẩm cẩm, không biết mình nói gì đâu. Chàng thanh niên cướp lời. Tôi xin nhắc lại là chính tôi đã giết nàng. Chỉ có tôi là phải bị trừng trị. Phải chặt tôi ra từng khúc như tôi đã giết nàng.

– Con còn trẻ, con phải yêu đời, ông già nói. Còn ta, ta già rồi, ta sống đủ rồi. Ta sẽ chuộc tội cho con, cho vị tể tướng cùng những anh em của ngài. Phải giết ta để trả thù.

Giafa bảo viên quan trông coi bọn thị vệ dẫn cả hai người đến trước Giáo chủ.

– Tâu chúa công, đây là người đã giết thiếu phụ.

– Đâu?

– Chàng thanh niên này nhận mình là thủ phạm. Nhưng ông già này bác đi, tự nhận chính ông ta mới là thủ phạm.

Giáo chủ nhìn hai người:

– Trong hai người, ai giết?

– Tôi! người thanh niên đáp.

– Không phải! chính là tôi, ông già đáp.

Giáo chủ không hỏi gì thêm, bảo Giafa:

– Đem đóng đinh cả hai:

Nhưng Giafa nói:

– Nếu chỉ có một thủ phạm thì trừng phạt người thứ hai là tội bất công.

Chàng thanh niên kêu lên:

– Tôi xin lấy Đấng đã nâng trời cao lên như bây giờ, đã đào sâu đất như ngày nay, mà thề rằng, chỉ một mình tôi là thủ phạm. Chứng cớ đây.

Và chàng miêu tả cái hòm đựng người đúng như Giáo chủ, Giafa và Matrua đã chứng kiến. Giáo chủ tin lời chàng. Ngài hết sức ngạc nhiên hỏi:

– Vì sao có việc thảm sát này? Vì sao không bị roi vọt tra tấn, ngươi lại nhận tội và xin được trừng trị?

– Tâu Giáo chủ, người đàn bà bị giết nguyên là vợ tôi, con gái ông nhạc tôi đây. Tôi cưới nàng khi nàng còn trẻ và trinh bạch. Chúng tôi sinh được ba con trai. Nàng vẫn yêu tôi, hầu hạ tôi và tôi không thấy nàng có gì đáng trách. Đầu tháng này, nàng bị ốm nặng. Tôi đón những thầy lang hay nhất đến chữa. Nàng khỏi bệnh, ngỏ ý muốn được một quả táo để ngửi và ăn.

Tôi chạy lên tỉnh mua ngay, dù có phải giá đến một đina vàng. Tìm khắp các hàng bán hoa quả đều không

có. Tôi buồn bã trở về, không dám gặp vợ, suốt đêm nghĩ kế làm sao có được một quả táo. Hôm sau, tinh mơ tôi đến các vườn cây tìm. Không đâu có. Trên đường, gặp một ông già giữ vườn, tôi hỏi chuyện táo.

– Cháu ơi! Khó lắm, vì cái lẽ đơn giản là không đâu có, trừ phi cháu đến vườn đức Giáo chủ ở Baxra. Nhưng táo ở đấy người coi vườn giữ gìn rất cẩn mật để đức Giáo chủ ngài dùng.

Tôi về, kể cho vợ hay. Vì yêu, chiều vợ, tôi lại đi ngay, cả đi lẫn về mất mười lăm ngày đêm. May mắn tôi mua được của người giữ vườn ở Baxra ba quả, giá ba đồng.

Tôi vui vẻ trao cho vợ, vợ tôi không tỏ ý gì vui mừng và hờ hững để cạnh nàng. Trong lúc vắng tôi, nàng bị sốt nặng, khi tôi về, còn ốm tiếp mười hôm nữa. Tôi không rời nàng. Sau, nhờ Chúa, nàng khỏi. Tôi lại ra cửa hiệu bán hàng.

Một buổi trưa, đang ngồi, tôi thấy một người da đen đi ngang qua, tay cầm một quả táo tung lên chơi!

– Này anh bạn! anh lấy quả táo này ở đâu? Cho tôi biết để tôi đi tìm mua.

Anh da đen cười:

– Tôi lấy ở người tình của tôi. Một thời gian không đến thăm nàng, hôm đến thấy nàng mệt, cạnh có ba quả táo. Tôi hỏi, nàng bảo: « Anh yêu! đây là thằng chồng mọc sừng của em đi Baxra mua cho, ba đina vàng đấy. » Rồi nàng cho tôi quả này đây.

Tâu Giáo chủ, nghe nói thế, tôi thấy tối tăm mặt mũi, vội đóng cửa hiệu, giận sôi lên, mất hết khôn. Về nhà, vào phòng vợ, không thấy quả táo thứ ba đâu, tôi thét:

– Một quả táo nữa đâu?

– Em không biết, không biết tí gì về quả táo ấy

Như thế là tên da đen kia nói đúng. Tôi cầm dao nhảy bổ đến, đâm vợ, rồi tì gối lên bụng cắt nàng ra từng miếng, chặt đầu, chặt tay chân, cho tất cả vào thúng lấy một cái mạng phủ lên, lấy thảm đậy lại, cho vào hòm, đóng đinh. Tôi đặt hòm lên lưng con la chở đến sông Hồ, tự tay xô hòm xuống nước.

Vậy thì, tâu Giáo chủ, xin Người cho tôi được chết để chuộc tội lỗi mà tôi rất sợ phải nói đến ngày Phục sinh.

Về nhà, thấy thằng con đầu khóc, tôi biết chắc nó chưa hay gì về mẹ nó chết. Tuy vậy tôi cũng hỏi tại sao nó khóc.

– Vì con lấy một quả táo của mẹ. Con ra phố chơi cùng hai em. Một anh da đen cao lớn đi qua giật lấy, hỏi táo mua ở đâu. Con đáp: « Bố em đi Baxra mua được quả này và hai quả nữa giá ba đina đem về cho mẹ em ». Anh da đen đã không trả, còn đánh con, rồi bỏ đi. Con sợ mẹ đánh.

Nghe con nói, tôi hiểu ngay tên da đen đã nói láo về vợ tôi. Và như thế là tôi đã giết oan nàng.

Tôi khóc hết nước mắt. Ông nhạc tôi đến – ông già đáng kính đang ở đây. – Tôi thuật lại chuyện đau đớn. Ông khóc, ngồi xuống cạnh tôi. Hai cha con ngồi mãi cho tới nửa đêm, nước mắt đầm đìa. Chúng tôi tổ chức tang lễ năm ngày liền. Cho đến bây giờ, chúng tôi vẫn khóc lóc thảm thiết về cái chết ấy.

Nghe chuyện, Giáo chủ ngạc nhiên kêu lên:

– Lạy chúa Ala, ta chỉ muốn giết tên mọi xấu xa này.

Ngài bảo tể tướng phải tìm cho kỳ được tên da đen khốn nạn.

– Nếu không tìm được, ngươi sẽ phải chết thay nó.

Giafa khóc, nghĩ: « Tìm đâu? Một cái vò rơi may không vỡ, ta cũng may lần thứ nhất không chết. Còn

bây giờ? Nhưng Thượng đế đã cứu ta lần thứ nhất thì sẽ có thể cứu ta lần thứ hai. Còn ta, lạy chúa sẽ nằm im trong ba ngày. Tìm kiếm vô ích làm gì? Cứ để mặc cho Đấng công minh Tối cao».

Giafa nằm im thật trong ba ngày. Ngày thứ tư, ông cho gọi pháp quan đến cho làm chúc thư, khóc vĩnh biệt các con. Giáo chủ cho người đến bảo đang chờ giết ông nếu ông không tìm thấy tên da đen. Ông ôm hôn cô gái út ông yêu nhất nhà, ôm chặt vào ngực ông, nước mắt tuôn rơi khi nghĩ rằng phải bỏ lại con thơ. Bỗng ông thấy có vât gì tròn tròn trong túi áo cô bé.

– Con có gì trong túi thế? Ông hỏi.

– Quả táo đấy cha ạ. Hắc nô Rihan[1] cho con, từ bốn hôm trước. Con phải cho hắn hai đina.

Giafa mừng quá: – Ôi, Đức giải phóng, ông reo lên! ông truyền gọi Rihan.

– Quả táo này mi lấy ở đâu?

– Thưa chủ nhân, cách đây năm hôm, đi qua thành phố, đến một ngõ hẻm, tôi thấy trẻ con chơi, một đứa có quả táo này. Tôi đánh nó; cướp lấy Nó khóc, nói: – Táo của mẹ em. Mẹ em ốm. Mẹ em muốn ăn một quả táo. Bố em đi Baxra mua. Còn hai quả nữa. Giá ba đồng đina vàng. Em lấy một quả chơi».

Tôi để mặc thằng bé khóc đem quả táo về đổi cho cô nhỏ lấy hai đina vàng.

Thấy vì Rihan mà đã xảy ra bao nhiêu chuyện rắc rối, lại làm chết một thiếu phụ, tể tướng đem ngay hắn tống ngục và thuật lại đầu đuôi câu chuyện cho giáo chủ.

---

(1) *Rihan*: chỉ cây sim, hoặc tất cả mọi cây có mùi thơm (chú thích của Macđruyx).

TRUYỆN VUA ÔMA AN-NÊMÂN VÀ HAI HOÀNG TỬ KỲ LẠ SACKÂN VÀ ĐUN-MAKÂN

Ở thành Bátđa, sau bao đời quốc vương này đến bao đời quốc vương khác, có một ông vua tên là Ôma An-Nêmân. Vua dũng mãnh phi thường, đã hạ được mọi hào kiệt vô địch, đã thắng được mọi danh tiếng kỳ tài. Vua hăng hái đến lửa đốt cũng chẳng sờn. Khi tỷ thí trên đấu trường, không ai địch nổi. Khi nổi giận thì lỗ mũi phun ra những tia sáng lập lòe. Vua đã chinh phục được khắp thiên hạ, ngự trị trên khắp các đô thành. Nhờ chúa Ala phù hộ, vua thu phục được mọi người, đoàn quân chiến thắng đặt chân lên khắp cả gầm trời. Nhà vua làm bá chủ cả phương Đông lẫn phương Tây, nào Ấn Độ, Trung Hoa, Yêmen, Hétgiát, Abixini, Xuđăng, Xyri, Hylạp, nào những tỉnh Đi-abec, khắp các hải đảo trên mặt biển, khắp dòng sông nổi tiếng trên mặt đất như sông Xâyhun và sông Jơgihan, sông Nin và sông Ơphơrát. Nhà vua đã phái những người truyền tin tới những địa giới xa xôi cùng cực để loan báo tình hình và tin tức hiển hách. Tất cả các phái viên đều trở về tâu rằng khắp nơi, thiên hạ đều hàng phục, tất cả các chúa tể ngoại bang đều kính cẩn thừa nhận quyền tối cao của nhà vua. Còn nhà vua thì ra công làm cho mọi người được hưởng ơn mưa móc, đức độ dồi dào, làm cho họ sống hòa hảo êm ấm, trật tự an ninh. Nhà vua quả là một bậc đại độ, đạo đức cao siêu.

Cũng vì thế từ khắp các nơi dọc ngang trên mặt đất, đủ mọi thứ tặng phẩm cống lễ được gửi về dồn dập. Nhà vua là bậc minh quân rất được kính yêu.

Vua Ôma có một con trai tên là Sackân, mệnh danh như thế vì chàng thật là một bậc kỳ tài trong những bậc kỳ tài thời ấy. Chàng vượt hẳn những anh hùng quả cảm nhất. Họ đều bị chàng đánh bại trong những cuộc tỷ thí. Chàng sử dụng tài tình giáo mác, dao kiếm, cung tên. Cho nên chàng được vua cha yêu quý vô cùng, và được cha định cho kế ngôi sau này. Có một điều chắc chắn: nhờ ơn chúa Ala, thoạt mới trưởng thành, chàng Sackân kỳ lạ, hai mươi tuổi, đã khiến mọi người phải khâm phục trước sự nghiệp hiển hách của mình. Danh chàng sáng lên vì những kỳ công rực rỡ. Chàng đã từng xung trận chiếm bao đồn lũy, chinh phục bao đất đai, tiếng tăm lừng lẫy khắp hoàn cầu, mỗi ngày một thêm hiên ngang dũng mãnh.

Ngoài Sackân, vua Ôma không có người con nào khác. Nhà vua có bốn bà chính cung như thánh kinh và giáo lý cho phép, nhưng chỉ có một bà sinh nở, còn ba bà thì vẫn cứ hiếm hoi. Ngoài bốn bà chính thất ở liền trong cung, vua Ôma còn có ba trăm sáu mươi cung phi nữa, vừa đúng số ngày trong năm theo lịch Aicập. Mỗi cung phi thuộc một dòng chủng tộc. Nhà vua cho mỗi người ở một căn phòng riêng biệt. Những căn phòng ấy hợp lại thành mười hai tòa nhà, như số tháng trong năm. Cả mười hai tòa đều nằm trong nội vi cung điện. Mỗi tòa chứa ba mươi cung phi, mỗi cung phi ở một phòng riêng. Như thế là có ba trăm sáu mươi phòng riêng. Vua Ôma rất công bằng, lần lượt dành mỗi năm một đêm cho một cung phi. Như thế là suốt năm nhà vua chỉ ăn nằm có một đêm với từng cung phi, rồi đến năm sau mới gặp lại. Nhà vua cứ xử sự như vậy trong cả một thời gian dài, mà thật ra là suốt đời không thay đổi. Cho nên nhà vua được tiếng là khôn ngoan rất mực và khí lực cương cường.

Nhưng một ngày kia, nhờ ơn đấng chí tôn, một nàng cung phi thụ thai. Tin lành chẳng mấy lúc truyền lan khắp cung điện và đến tai vua. Vua vui mừng khôn xiết, thốt lên: « Cầu xin chúa Ala ban cho con cháu dòng giống ta toàn là con trai! » Rồi vua truyền ghi ngày thụ thai vào sổ và ban cho nàng cung phi ấy đủ mọi ân huệ và tặng phẩm.

Lúc ấy hoàng tử Sackân cũng được tin nàng cung phi có thai. Chàng buồn rầu vô hạn nhất là khi nghĩ rằng đứa trẻ sơ sinh sẽ có thể cùng chàng tranh chấp ngai vàng. Thế là trong thâm tâm, chàng quyết định diệt trừ bằng được đứa trẻ ấy, nếu nó là con trai. Đó là về phần Sackân. Còn người cung phi là một nữ tỳ trẻ tuổi người Hy Lạp, tên là Xaphia (1). Vua Hy Lạp xứ Caitxaria đã cung tiến nàng cho vua Ôma cùng với nhiều lễ vật khác. Trong đám nữ tỳ trẻ ở cung đình, nàng là người nhan sắc hơn hết, nét mặt xinh tươi nhất, vóc người nhỏ nhắn nhất, đùi vai nở nang nhất. Nàng lại thông minh dĩnh ngộ, phẩm chất hơn người. Những đêm vua Ôma lui tới với nàng, nàng biết nói với vua những lời rất mực dịu dàng khiến vua khoái chá hả lòng, những lời say sưa và thấm thía. Và nàng cứ ăn ở như thế cho đến ngày sinh nở. Bấy giờ nàng ngồi trên ghế đẻ, bụng quặn đau. Nàng thành kính cầu khẩn chúa Ala, và lập tức chúa Ala linh ứng ban phúc cho nàng.

Còn vua Ôma thì truyền cho một viên thái giám, kịp thời báo cho vua tin sinh nở, trai hay gái. Về phía Sackân cũng vậy, chàng không quên phái một viên thái giám khác làm việc đó. Xaphia vừa sổ thai thì các bà đỡ liền đón lấy đứa trẻ xem. Khi thấy là con gái, họ vội báo tin cho mọi người xung quanh và cho các viên

1) Nghĩa là trong sạch như nước.

thái giám: «Con gái, mắt sáng hơn trăng!» Viên thái giám của Sackân khoan khoái vô cùng.

Nhưng các thái giám vừa đi khỏi thì Xaphia bảo các bà đỡ:

— Ô các mụ hãy chờ đã! ta thấy trong người còn có cái gì khác nữa đấy!

Rồi bụng nàng lại quặn đau; nàng hết kêu «ối» lại kêu «ái». Cuối cùng, nhờ ơn chúa Ala, nàng lại sinh ra một đứa con nữa. Các bà đỡ vội cúi xuống xem thì là một đứa con trai đẹp như trăng rằm, trán sáng ngời, má thắm như hoa hồng. Mọi người đều hoan hỉ, từ nô lệ, người hầu cho đến khách khứa. Ai nấy đồng thanh reo vui inh ỏi làm náo động cả cung điện khiến các cung phi khác nghe thấy đều phát điên lên vì ghen tỵ và bực tức.

Còn vua Ôma, thoạt nghe tin, đã vui mừng cảm ơn chúa Ala, rồi đứng phắt dậy, tất tả tới phòng Xaphia. Vua lại gần nàng lấy tay ôm đầu nàng mà hôn vào trán, rồi cúi xuống hôn đứa con trai. Tức thì các nô lệ gõ trống nhịp nhàng, các nữ nhạc công bấm dây đàn êm ái, các ca nữ cất tiếng hát chào mừng hoàng tử ra đời.

Nhạc vừa dứt, vua ra chiếu chỉ đặt tên con trai là Đun-Makân (1) và con gái là Nôjatu Zamân (2). Mọi người cúi mình tuân lệnh.

Vua cử nhũ mẫu và thị tỳ cho hai đứa trẻ sơ sinh cùng các nô lệ, các người hầu khác, rồi truyền khao mọi người trong cung nào rượu nho, rượu ngọt, nước thơm với bao của ngon vật lạ không sao kể hết.

---

(1) Tức hào quang tại chỗ.

(2) Tức lạc thú đời nay.

Khi dân thành Bátđa biết tin hoàng tử và công chúa sinh đôi, họ treo đèn kết hoa khắp các phố phường, biểu thị lòng hoan hỷ. Rồi các đô đốc đại thần, tất cả những bậc quyền thế trong nước đều đến chúc nhà vua sinh hạ hoàng tử Đun-Makàn và công chúa Nôjattu. Vua cảm ơn mọi người và ban cho họ nào áo chầu, nào ơn huệ đủ thứ. Mọi người có mặt, từ nhân sĩ đến thường dân đều được hưởng ơn mưa móc.

Bốn năm trôi qua.

Suốt trong thời gian ấy, không ngày nào vua không cho người đến lấy tin Xaphia và các con. Vua lại không quên ban tặng cho Xaphia vô số tư trang, vàng bạc, lụa là, châu báu. Vua giao phó việc trông nom dạy dỗ các con cho những triều thần tận tụy và sáng suốt nhất.

Bấy nhiêu chuyện mà Sackân không biết gì cả! Chàng mải chinh chiến ở xa, chiếm thành, hạ tướng, nổi danh lừng tiếng trong các trận mạc. Chàng chỉ được viên thái giám cho biết tin em gái là Nôjatu ra đời. Còn chuyện đẻ em trai là Đun-Makân ngay sau khi viên thái giám đó đi, thì chẳng ai báo cho chàng hay cả.

Một ngày kia, vua Ôma An-Nêmân đang ngự triều bỗng thị vệ vào, giập đầu xuống tâu:

— Muôn tâu thánh thượng, có sứ giả của vua Aphriđôniốt, xứ Run và Côngxtăngtinia xin vào bái yết. Nếu thánh thượng cho phép, thần sẽ để họ vào chầu.

Nếu không họ sẽ phải một phép rút lui.

Nhà vua ra lệnh cho vào.

Vua vời sứ giả lại gần, tiếp đãi ân cần, thăm hỏi sức khỏe và hỏi họ từ xa đến vì mục đích gì. Họ giập đầu tâu rằng:

— Muôn tâu hoàng đế chí cao, chí tôn, chí nhân người phái chúng tôi đến đây là vua Aphriđôniốt, chúa tể xứ Hy Lạp và xứ Iôni và tất cả các miền thiên chúa giáo, đóng đô tại thành Côngxtăngtinia. Ngài sai chúng tôi báo tin để hoàng đế rõ rằng ngài vừa khai chiến quyết liệt với tên bạo chúa hung tàn, Hacđôbiốt vua xứ Caitxaria. Nguyên nhân việc chiến tranh ấy như sau: tại một xứ mới chiếm được, một tù trưởng bộ lạc Arập đã tìm thấy một kho tàng thời cổ, từ thời thánh đế En-Itxcăngđa cưỡi tuấn mã hai sừng(1). Kho tàng ấy chứa những của báu vô ngần, chúng tôi không tài nào trị giá được. Cùng với bao vật kỳ lạ khác, kho tàng còn có ba hòn ngọc to bằng quả trứng mà đều, tròn tròn và trắng tinh, những viên ngọc không chút tỳ vết, sắc đẹp và giá trị của nó thì chẳng thứ đá quý nào trên đất hay dưới nước có thể sánh tày. Ba hòn ngọc ấy có lỗ khoan ở giữa để luồn dây vào làm vòng đeo cổ. Chúng có khắc những chữ bí mật, chữ nước Iôni. Người ta biết rằng ngọc quý này có rất nhiều hiệu năng, một trong những hiệu năng giản dị nhất là ai đeo nó vào cổ sẽ tránh được mọi bệnh tật, nhất là bệnh sốt rét, sốt nóng. Trẻ con mới đẻ đeo vào lại càng hiệu nghiệm. Cho nên khi viên tù trưởng Arập nhận thấy những phép mầu nhiệm ấy và ước đoán ngọc đó còn có những hiệu năng huyền bí khác thì hắn nghĩ rằng không còn dịp nào tốt hơn để cầu ơn vua chúng tôi nữa. Tức thời, hắn quyết định đem cống hiến vua chúng tôi ba hòn ngọc quý cùng với kho tàng quý báu kia. Hắn sai chuẩn bị hai tàu thủy, một tàu chở báu vật và ba viên ngọc quý dâng vua Aphriđôniốt, một tàu chở quân đi bảo vệ. Viên tù trưởng cũng chắc rằng

---

(1) Người Arập gọi hoàng đế Alêchxăngđrơ vĩ đại bằng cái tên ấy vì ông này hay cưỡi ngựa chiến có hai sừng.

chẳng kẻ nào dám xâm phạm trực tiếp đến hắn hoặc đến những lễ vật mà hắn cho đem đi cống vua Aphriđôniốt oai hùng của chúng tôi, nhất là đường đi là đường biển thẳng đến thành Côngxtăngtinia.

Cho nên hai con tầu vừa chuẩn bị xong là nhổ neo giong buồm chạy về phía nước chúng tôi. Nhưng một hôm, tàu đang đậu ở một bến không xa nước chúng tôi lắm, thì đột nhiên, quân lính Hy Lạp của vua chư hầu nước chúng tôi là Hacđôbiốt xứ Caítxaria, vây hai con tàu, cướp tất cả báu vật, kể cả ba hòn ngọc quý kia, rồi giết cả bọn thủy thủ mà chiếm lấy tàu.

Việc đó đến tai vua chúng tôi. Ngài cử ngay một đạo binh đi đánh vua Hácđôbiốt. Đạo binh này bị tiêu diệt. Vua lại cử một đạo binh thứ hai thì cũng bị tiêu diệt nốt. Vua Aphriđôniốt nổi giận đùng đùng, quyết đích thân chỉ huy toàn thể quân đội, quyết tiêu diệt thành Caítxaria, phá hủy cả vương quốc Hacđôbiốt, biến mọi thị trấn lớn nhỏ của xứ ấy thành tro bụi thì mới chịu về nước.

Muôn tâu bệ hạ hiển hách, bây giờ chúng tôi tới sân rồng cầu cứu mong được sự liên minh hùng mạnh và có hiệu quả của Người. Đem lực lượng và binh tướng giúp chúng tôi, bệ hạ chỉ càng thêm hiển hách, thêm lẫy lừng về chiến công. Vua chúng tôi sai mang đến dâng lên bệ hạ đủ mọi lễ vật quý giá để tỏ lòng thành kính đối với lượng cao cả của bệ hạ, và khẩn khoản cầu mong bệ hạ vui lòng hạ cố, mở lượng hải hà mà nhận cho! »

Nói đến đây các sứ giả ngừng lời, dập đầu dưới chân vua Ôma An-Nêmân.

Các cống phẩm của vua Aphriđôniốt, chúa thành Côngxtăngtinia, gồm có những thứ sau đây:

Năm mươi cô gái trinh bạch nhan sắc tuyệt trần, kén trong số những cô đẹp nhất ở Hy Lạp; năm mươi cậu trai kén trong số những cậu thân hình cân đối nhất xứ Rum, mỗi cậu mặc một chiếc áo thụng, rộng tay, bằng lụa hoa vàng, có hình thêu nhiều mầu sắc, lại quấn một dải lưng vàng, viền bạc, thắt lấy một đôi xiêm so le bằng gấm và bằng nhung; mỗi cậu đeo một đôi khuyên vàng có giát ngọc trắng, lấp lánh, giá đáng nghìn vàng. Các cô cũng vận trên người rất nhiều báu vật.

Đó mới là hai thứ cống phẩm chính. Còn những lễ vật khác nữa sang trọng vô cùng, xứng với những cống phẩm kể trên.

Vua Ôma nhận lễ, lấy làm hài lòng và truyền phải đối xử ân cần với các sứ giả. Rồi vua triệu tập các đại thần lại để hỏi ý kiến về việc vua Apriđôniôt xứ Côngxtăngtinia đến cầu cứu. Bấy giờ, giữa hàng triều thần có một vị lão thành đã từng được mọi người kính yêu đứng dậy. Đó là quan tể tướng Đanđân. Tể tướng nói:

— Tâu Thánh thượng quang vinh, vua Aphriđôniốt, chúa đại thành Côngxtăngtinia là một người theo đạo cơ-đốc, một kẻ bất tín, một kẻ ngoại đạo đối với kinh thánh của đức Ala và sứ giả của ngài (cầu nguyện cho ngài và chúc ngài bình an). Dân xứ ấy là dân tà đạo. Và cái kẻ họ cầu xin ta giúp sức để đánh cũng là một tên bất tín và một tên tà đạo. Cho nên chuyện bất hòa giữa họ chỉ quan hệ đến họ thôi, không dính dáng đến những người ngoan đạo như chúng ta được! Tuy nhiên, thần cũng xin thánh thượng liên minh với vua Aphriđôniốt mà giúp vua ấy một đạo hùng binh giao cho hoàng tử Sackân chỉ huy. Hoàng tử cũng vừa thắng trận vinh quang trở về. Thần tâu bày ý kiến đó vì

hai lẽ: một là vua xứ Rum vừa phái sứ giả sang ta cống hiến để cầu ta giúp sức và che chở mà bệ hạ đã nhận lễ. Hai là vị quốc vương nhỏ bé xứ Caitxaria không có gì đáng sợ. Giúp vua Aphriđôniốt, bệ hạ sẽ thu được nhiều kết quả tốt, và chính bệ hạ sẽ được coi là bực chiến thắng thực sự. Chiến công ấy sẽ vang khắp nơi, đến tận phương tây. Các vương quốc phương tây ắt phải tìm cách cầu thân với ta và sẽ phái sứ thần mang đến dâng bệ hạ đủ mọi lễ vật và tặng phẩm lạ kỳ.

Tể tướng Đanđân dứt lời, vua Ôma tỏ vẻ rất hài lòng. Ông ban cho tể tướng một chiếc áo chầu mà rằng: « Khanh quả đáng mặt quân sư của nhà vua. Khanh cần phải chỉ huy tiền đội, còn Hoàng tử Sackân, con ta, sẽ điều khiển hậu đội ».

Tiếp đó, vua Ôma cho vời Sackân đến, cho chàng biết các sứ giả đã nói gì, ý tể tướng Đanđân ra sao, rồi dặn chàng phải chuẩn bị lên đường, phải kén chọn binh lính kỹ càng từng người một, trong số những quân tinh nhuệ nhất, và thành lập bằng cách ấy, một đạo quân gồm một vạn kỵ mã, trang bị đầy đủ, một đạo quân sẽ phải dày dạn với mọi gian lao khám khổ của chiến trường. Vua dặn phải đối xử rộng rãi với họ. Sackân kính cẩn tuân lệnh vua cha. Chàng tuyển lựa trong số binh mã của mình một vạn kỵ binh hào hùng, thưởng cho họ vàng bạc châu báu và cho họ được phép nghỉ ngơi tự do trong ba ngày. Thế là vạn kỵ binh ấy cúi rạp xuống đất tỏ lòng tòng phục. Ai nấy được khao thưởng, chạy đi ăn uống và sắm sửa tề chỉnh để lên đường.

Bấy giờ Sackân vào kho chứa các hòm vàng bạc, vũ khí đạn dược, kén trong số những khí giới đẹp nhất có khảm vàng và có khắc chữ vào ngà, vào mun, cái nào vừa ý thích thú nhất thì lấy dùng. Rồi chàng đến

các chuồng ngựa, có đủ các giống ngựa đẹp nhất của xứ Nétjét và xứ Arập, con nào thuộc giống nào đều có đeo số ghi vào cổ. Sổ đựng trong một cái túi da nhỏ thêu chỉ lụa, chỉ vàng, điểm những viên ngọc lam. Chàng kén lấy những con ngựa giống tốt nhất. Chàng chọn cho mình một con ngựa sắc hồng, lông mượt, mắt ngang trán, móng to đuôi dầy dà, hiên ngang tai nhỏ nhắn như tai linh dương. Con ngựa đó thuộc giống bắc và trung Arập nổi tiếng, mà một tù trưởng bộ lạc Arập hùng cường đã tiến cống vua Ôma.

Hết ba ngày nghỉ, binh lính tập hợp thành hàng ngũ ngoài thành. Vua Ôma An-Nêmân cũng thân ra đó từ biệt hoàng tử Sackân và tể tướng Đanđân. Vua tiến lại gần Sackân. Chàng cúi rạp xuống nghinh lễ. Vua ban cho chàng bảy hòm tiền, căn dặn chàng phải luôn luôn hỏi ý kiến vị tể tướng Đanđân khôn ngoan. Sackân kính cẩn nghe lời. Vua quay về phía Đanđân ân cần giao phó cho tể tướng hoàng tử Sáckân và vận mệnh của toàn quân. Tể tướng dập đầu xin phụng mạng. Trước mặt nhà vua và tể tướng, Sáckân nhảy lên con tuấn mã, truyền lệnh cho tướng tá và vạn kỵ binh diễu qua. Rồi chàng đến hôn tay vua cha, đoạn cho ngựa phi nước đại, có tể tướng Đanđân theo cạnh. Đoàn quân tiến bước giữa tiếng trống trận, tiếng địch và tiếng kèn. Trên đầu họ, cờ lệnh, cờ hiệu tung bay, lá phướn và quốc kỳ phấp phới trước gió.

Các sứ giả đi trước dẫn đường. Đoàn quân giong ruổi ngày này qua ngày khác, cứ thế ròng rã hai mươi ngày trời. Chỉ có đêm mới dừng chân nghỉ. Cuối cùng, tới một thung lũng rộng, rừng rậm um tùm, nước chảy róc rách, Sackân ra lệnh cắm trại và cho quân nghỉ ba ngày. Đoàn kỵ binh xuống ngựa dựng lều rồi nhởn nhơ tản đi tứ phía. Tể tướng Đanđân cho dựng lều

mình ngay giữa thung lũng, bên cạnh lều các sứ giả của vua Aphriđôniốt.

Còn Sackân, chàng đợi cho binh lính đi khỏi, ra lệnh cho lính vệ để chàng một mình mà đến với tể tướng Đanđên. Chàng thả cương cho ngựa giong ruổi. Chàng muốn tự mình xem xét khắp thung lũng, thực hiện lời cha dạy. Cha đã cặn kẽ dạy rằng phải hết sức đề phòng khi tới gần xứ Rum, dù là xứ địch hay xứ bạn. Chàng cứ cưỡi trên lưng ngựa mà đi vòng quanh thung lũng cho đến khi đêm đã sang canh hai. Bấy giờ chàng thấy buồn ngủ nặng cả mí mắt không thể đi nước phi được nữa. Chàng cho ngựa thủng thẳng đi bước một rồi ngủ luôn trên mình ngựa theo thói quen của chàng.

Ngựa cứ đi như thế đến nửa đêm. Tới giữa một khu rừng vắng vẻ, nó bỗng ngừng bước, móng nện mạnh xuống đất. Sackân bừng tỉnh thấy mình ở giữa đám cây trong rừng, ánh trăng chiếu xuống vằng vặc. Chàng rất đỗi bồi hồi giữa nơi hiu quạnh. Chàng liền cất cao giọng nói: « Chỉ có Chúa Ala tối cao là có sức mạnh và uy quyền ». Tức thì chàng thấy tâm hồn bình tĩnh, không còn sợ những thú dữ trong rừng. Trước mặt, trăng tuyệt đẹp soi ánh bạc xuống khu rừng quang. Khu rừng trở nên đẹp lạ thường, tưởng như một cảnh thiên thai. Rồi Sackân nghe thấy như gần mình những lời nói hết sức êm đềm, giọng tuyệt hay, lại có tiếng cười. Ôi những tiếng cười! Nghe thấy ai mà chẳng ngất ngây khoan khoái, những muốn uống ngay tiếng cười rồi chết cũng cam lòng.

Sackân nhảy xuống ngựa, len lỏi qua các thân cây, lần bước tìm đến nơi có tiếng nói, mãi cho tới bờ một con sông trắng, nước chảy róc rách, vui tai. Đáp lại tiếng nước chảy, có tiềng chim hót, tiếng những con linh dương rên rỉ say sưa, tiếng đồng thanh hưởng ứng

của các thú vật. Bấy nhiêu tiếng hòa hợp tạo nên một bản nhạc êm đềm man mác. Cảnh lại thêu hoa, dệt cỏ như lời nhà thơ miêu tả:

«Hỡi bạn tình say đắm, mặt đất chỉ đẹp khi hoa phô màu sắc, mặt nước chỉ đẹp khi gần gũi, ăn ý với hoa!

Vinh quang thay đức cao cả sinh ra trái đất, rồi cánh hoa trên trái đất, rồi đặt em gần hoa, gần nước, trên mặt đất, hỡi bạn tình say đắm».

Sackân đưa mắt nhìn thấy trên bờ kia sông, dưới ánh trăng vằng vặc, mặt trước của một tịnh xá mầu trắng, có tòa tháp nguy nga cao vút. Dưới chân tịnh xá nước sông chảy tràn qua cả nền. Phía trước là một thảm cỏ rộng, trên đó có mười thiếu nữ đang ngồi quanh thiếu nữ thứ mười một. Tất cả đều đẹp như trăng, áo quần mỏng, rộng và mượt. Cả mười cô đều trinh bạch và kỳ diệu:

«Trăng sáng! thảm cỏ cũng sáng lên, sáng lên vì những cô gái trắng thịt da tinh khiết, những cô gái tinh khiết và trắng dưới ánh trăng cao! Thảm cỏ rung động đê mê.

Những cô gái xinh đẹp tuyệt vời! Thân hình thon mảnh mềm mại. Dáng dấp uyển chuyển kiều diễm nhịp nhàng. Và thảm cỏ rung động đê mê.

Tóc xõa trên cổ, như chùm nho trên gốc nho. Mầu hung hay mầu nâu, những chùm nho màu hung, những chùm nho mầu nâu! Ôi những mớ tóc!

Những cô gái quyến rũ mê hồn! Và mắt các cô, mắt đắm say! Ta có thể chết vì những cặp mắt»

Còn thiếu nữ ngồi giữa thì đẹp chẳng khác trăng rằm. Mày cong bán nguyệt, trán sáng như ánh bình minh, mí mắt viền mi nhung cong, mớ tóc trên thái dương

uốn lượn dịu dàng. Nàng thực mười phân vẹn mười như thi sĩ đã miêu tả:

« Kiêu hãnh nàng nhìn ta. Cặp mắt nhìn tuyệt đẹp. Người nàng thon thẳng rắn chắc. Ôi những ngọn mác thẳng và chắc, hãy hạ xuống vì thẹn thùng!

Đây nàng tiến lên! Đôi má như những hoa hồng, êm dịu và tươi mát.

Hãy nhìn cái vòng tóc đen uốn tròn trên vầng trán tinh khiết. Đó là cánh đêm đặt trên cái nền trong sáng của buổi mai ».

Đó là thiếu nữ mà Sackân đã nghe thấy giọng nói. Bây giờ nàng lại cất tiếng, vừa cười vừa nói với bọn thị tỳ quanh nàng, bằng tiếng Ảrập:

— Lạy chúa cứu thế! các em thực hư hỏng. Việc các em đang làm chả đẹp tý nào, lại xấu xa quá nữa. Cô nào không chừa, ta sẽ lấy dải lưng trói lại đánh cho một chập vào mông.

Nàng lại cười bảo:

— Nào các cô bé, cô nào vật nổi được ta? Cô nào muốn, hãy đứng dạy vật nhau với ta, trước lúc trăng lặn, trời sáng.

Một thiếu nữ đứng lên, thử vật với cô chủ, nhưng bị hạ ngay. Rồi đến cô thứ hai, thứ ba, khắp lượt thị tỳ đều thua cả. Thế là cô chủ thắng cuộc được giải. Nàng nô dỡn với các nữ tỳ, thì bỗng một mụ già ở rừng tiến ra. Mụ lại gần nói với cô thắng cuộc:

— Này cô nàng đĩ thõa, cô định làm gì với bọn này thế? Cô vật ngã được bọn gái yếu ớt này, đã tưởng là đắc thắng rồi sao? Nếu thực biết vật, thì vật ngay ta đây này. Ta già, nhưng còn làm chủ được cô, nghe không! Nào lại đây!

Bấy giờ, cô chiếm giải, tuy giận lắm, cũng nén lòng, mỉm cười :

— Này bà quái ác ! Lạy chúa, bà muốn vật nhau với tôi thực ư, hay chỉ nói đùa thôi đấy ?

Mụ già trả lời :

— Không đùa đâu, ta nói thực đấy !

Cô chiến thắng xinh đẹp liền bảo ;

— Này mụ quái ác, nếu mụ đủ sức vật, ta sẽ cho mụ biết tay.

Nói rồi nàng nhẩy tới. Mụ già tức nghẹn đến cổ, lông lá trên người dựng đứng lên như gai dím. Mụ bảo :

— Lạy chúa, chúng ta phải trần truồng mà vật nhau mới được.

Thế là mụ già phóng đãng vội cởi áo, tụt quần rồi ném ra xa, chỉ buộc quanh người một chiếc khăn tay trên rốn, lộ tất cả vẻ xấu xí ghê tởm. thân hình như một con rắn lốm đốm trắng đen. Mụ quay về phía thiếu nữ mà rằng :

— Nào cô còn đợi gì mà chưa làm như ta ?

Bấy giờ thiếu nữ chậm rãi vươn mình, nhẹ nhàng cởi từng chiếc áo, tháo chiếc quần vật bằng tơ trắng muốt ..

Đột nhiên, hai người ôm choàng lấy nhau khom lưng xuống.

Sackân tha hồ nhìn cảnh ấy : nhìn mụ già xấu xí mà buồn cười, nhìn cái thân thể tuyệt mỹ, cánh tay, cặp giò nhịp nhàng của thiếu nữ mà khoan khoái. Và chàng ngẩng mặt lên trời, thành khẩn cầu xin chúa Ala cho thiếu nữ thắng được mụ già.

Người thiếu nữ vừa bị ôm choàng lấy, đã nhanh nhẹn chuồi ra được, tay trái nắm cổ mụ già, tay phải

luồn vào kẽ háng mụ mà nhấc bổng lên, quật mụ xuống chân nàng. Mụ lăn kềnh ra, quẳn quại hai chân chống lên... Trên cao, trăng sáng soi xuống cảnh ngoạn mục ấy.

Sackân cười lăn ra. Chàng nghĩ : « Quả là con mụ thật xứng với cái biệt hiệu mụ quái ác. Mụ này hẳn cũng theo đạo gia tô như thiếu nữ thắng cuộc và mười cô gái kia ». Chàng đứng dậy tiến lại gần chút nữa và thấy người thiếu nữ lấy một tấm mạng lớn, bằng lụa mỏng, phủ lên thân hình lõa lồ của mụ già và giúp mụ mặc xống áo vào. Nàng nói với mụ :

-- Xin bà tha lỗi, tôi sở dĩ phải vật nhau với bà vì bà muốn thế, còn cái điều đã xảy ra thì không phải lỗi tại tôi. Bà ngã vì đã bị tuột khỏi tay tôi đó thôi. Nhưng nhờ chúa Ala bà không việc gì đâu.

Mụ già không nói năng gì, xấu hổ quá vội chuồn thẳng vào tịnh xá. Trên bãi cỏ chỉ còn lại bọn mười người thiếu nữ vây quanh cô chủ trẻ tuổi.

Chàng Sackân nghĩ bụng : « Định mệnh dù thế nào cũng vẫn được việc. Định mệnh đã vạch sẵn rằng ta phải ngủ và thức ở ngay trên lưng ngựa. Như thế thật là may cho ta. Vì ta vẫn mong dùng cô đô vật gợi tình kia có những bắp thịt hoàn mỹ và mười người bạn không kém phần quyến dũ của cô để thỏa mãn ngọn lửa dục của ta ». Nghĩ vậy chàng lại nhảy lên ngựa thúc chạy về phía bãi cỏ, tay giơ cao thanh kiếm tuốt trần. Ngựa phóng nhanh như một mũi tên do một cánh tay hùng mạnh giương cung bắn ra vậy. Và đây, Sackân đã đến bãi cỏ. Chàng kêu lên : « Chỉ có chúa Ala là cao cả ».

Thấy thế người thiếu nữ đứng phắt dậy chạy về phía bờ sông. Sông rộng chừng sáu sải. Nàng nhún

mình và chỉ nhẩy nhẹ một cái, đã đứng ở bờ bên kia rồi. Nàng nói to, nhưng giọng vẫn trong.

— Ngươi là ai mà dám đến quấy rối chỗ vắng vẻ này là nơi chúng ta nô đùa lại dám giơ cao lưỡi kiếm xấn xổ chạy đến như một tên lính vậy? Hãy cho ta biết ngay ngươi ở đâu đến, định đến đâu và phải nói cho thật. Nói dối sẽ có hại và phải biết rằng ngươi đang ở một chỗ không dễ gì thoát khỏi được đâu, vì ta chỉ cần hô lên một tiếng là lập tức có bốn nghìn quân sĩ, người Gia-tô cùng với chủ tướng của họ đến giúp ta ngay. Vậy hãy cho ta biết ngươi muốn gì. Và nếu như ngươi chỉ vì lạc trong rừng thì chúng ta sẽ chỉ cho đường ra. Nói đi!

Nghe lời nữ đô vật xinh đẹp, Sackân đáp:

— Ta là một khách lạ đến đây, một người hồi giáo. Ta không lạc đường đâu. Trái lại ta đang đi tìm một vài cái xác thịt trẻ tuổi có thể làm dịu ngọn lửa dục của ta đêm nay dưới ánh trăng. Thì lạy Chúa Ala ta lại gặp đúng mười người nữ tỳ mà ta ưng ý quá và cũng có thể thỏa mãn được họ lắm. Nếu họ ưng ta sẽ dẫn họ đến gần chỗ những người bạn của ta.

Thiếu nữ giận lắm:

— Hỡi tên lính đều cáng kia! nên biết rằng cái mồi ngọt mà mi nói đến không sẵn sàng rơi vào tay mi được đâu. Vả lại, mục đích của mi không phải như thế, và mặc dầu ta đã bảo trước, mi vẫn nói dối như thường.

— Cô ơi! sung sướng thay kẻ nào chỉ có chúa Ala không thôi cũng đủ, và không cần ao ước gì hơn!

— Lạy chúa cứu thế! Đáng ra ta phải gọi quân sĩ đến tóm cổ mi. Nhưng ta hay thương đến số phận những người khách lạ, nhất là khi người khách đó vừa

trẻ và có vẻ quyến rũ như nhà ngươi. Ngươi nói đến những con mồi để thỏa lòng dục, ta ưng thuận nhưng ngươi phải xuống ngựa mà đấu với ta và phải thề rằng không được dùng binh khí. Nếu ngươi vật ngã được ta, ta và tất cả những người con gái này sẽ thuộc về ngươi, ngươi còn có thể mang theo cả ta trên lưng ngựa. Nếu thua, thì chính ngươi sẽ mãi là một tên nô lệ dưới quyền của ta. Hãy lấy tôn giáo của ngươi mà thề đi.

Sackân nghĩ: « Cô nàng té ra không biết ta mạnh đến bực nào và đấu với ta là không cân sức hay sao? » Nghĩ vậy chàng nói:

— Hỡi cô thiếu nữ kia, ta hứa sẽ không dùng đến binh khí và sẽ đấu với cô theo cách cô muốn. Nếu thua, ta sẽ có đủ tiền để chuộc, nhưng nếu thắng ta sẽ được cô, một chiến lợi phẩm xứng đáng biết bao với bậc vương giả. Ta lấy đức độ của đức sứ giả mà thề – xin cầu nguyện cho ngài và chúc Ngài hưởng thái bình.

— Phải lấy cả Đấng đã thổi linh hồn vào thể xác và đã ban phép cho loài người mà thề nữa.

Sackân thề. Người thiếu nữ lại lấy đà nhẹ nhàng nhẩy phắt sang bên này bờ sông gần bãi cỏ xanh. Nàng tươi cười bảo Sackân.

— Thưa ngài. Ngài đi tôi sẽ buồn nhưng ngài nên đi như thế có lợi cho ngài. Sáng đến nơi rồi bọn quân sĩ của tôi sắp đến. Họ sẽ bắt ngài mất. Vì ngài thế kia một nữ tỳ của tôi cũng có thể đánh ngã quay ra đất. làm sao ngài có thể chống nồi quân lính của tôi.

Nói thế rồi, thiếu nữ định tiến về phía tịnh xá, không đấu vật như nàng đã khởi xướng.

Sáckân ngạc nhiên quá muốn giữ cô ta lại:

— Cô ơi, cô hãy hạ cố đấu với tôi đi! Xin cô đừng đi, đừng để tôi ở lại đây một mình, tôi, người khách rất giàu tình cảm.

Nàng mỉm cười:

— Thế thì chàng muốn gì hỡi chàng khách lạ trẻ tuổi, nói đi và điều chàng muốn sẽ được thực hiện.

— Cô ơi, đặt chân lên đất của cô, tôi thấy cô xinh đẹp dịu dàng mà lòng khoan khoái. Tôi chưa được hưởng chút gì ở lòng hiếu khách của cô mà phải cất bước ra đi thì chịu sao nổi. Tôi đã thành nô lệ của cô mất rồi!

Nàng cười:

— Hỡi người khách trẻ tuổi, chàng nói đúng đấy, chỉ có những kẻ có trái tim sắt đá và ít hào hiệp mới không mến khách! Vậy xin chàng hãy nhận sự tiếp đón của thiếp. Thiếp rất kính mến chàng. Mời chàng lên ngựa rồi cùng thiếp men theo bờ con sông này. Ngay từ bây giờ chàng đã là khách của thiếp rồi đấy.

Tức thì Sackân lòng hớn hở nhảy lên ngựa cùng người thiếu nữ đi song hàng theo sau là cả đoàn cô gái kia. Họ đi mãi đến một cái cầu rút bằng gỗ liễu bắc qua sông ngay trước cửa chính tịnh xá. Cầu này có dây chuyền qua những bánh xe xẻ rãnh để kéo lên hạ xuống. Đến đây Sackân xuống ngựa. Thiếu nữ gọi một người thị tỳ đến và nói bằng tiếng Hy Lạp.

— Hãy giắt con ngựa này về chuồng và bảo người nhà phải chăm sóc tử tế.

Sackân nói với người thiếu nữ:

— Hỡi vị nữ chúa của nhan sắc, bây giờ đối với tôi nàng trở thành thiêng liêng và đáng kính gấp bội về nhan sắc của nàng và vì sự tiếp đón của nàng. Thôi

đừng vào đây nữa, hãy quay gót theo tôi về xứ Hồi giáo, về thành Bátđa quê hương. Ở đấy, nàng sẽ thấy biết bao cảnh ngoạn mục và vô số binh sĩ tuyệt vời. Lúc ấy nàng sẽ biết tôi là ai. Hỡi người thiếu nữ tín đồ đạo cơ đốc, chúng ta hãy đi Bátđa thôi.

Nghe thế, nữ nhân đáp:

— Lạy chúa cứu thế! ta cứ tưởng chàng là người biết điều. Té ra chàng muốn bắt cóc ta định đưa đến Bátđa để rơi vào tay tên vua có trong mười hai tòa lầu, 360 người vợ đúng với số ngày trong năm? Rồi ta cũng phải hiến thân cho hắn một đêm để sau đó hắn ruồng bỏ!

Đó là phong tục của bọn Hồi giáo các ngươi đó! Thôi đừng có giở giọng ấy để lừa ta. Chàng có đích thân là Sackân con vua Ôma an Nêmân mà ta biết rằng quân đội hiện đang đóng trên đất nước ta chăng nữa ta cũng chẳng nghe nào. Ta biết một vạn kỵ binh của thành Bátđa do Sáckân và viên tể tướng Đandân chỉ huy hiện đang vượt qua biên giới nước ta để hợp quân với vua Aphriđôniốt nước Côngxtăntinia. Nếu muốn, ta sẽ một mình đến giữa doanh trại của chúng và chính tay ta sẽ giết Sackân và tên tể tướng Đandân. Vì chúng là thù địch của chúng ta. Bây giờ thì hỡi chàng khách lạ, chàng hãy vào đây.

Sackận rất khổ tâm vì lòng thù ghét của người thiếu nữ đối với chàng, với tể tướng Đandân và với tất cả dòng họ của chàng. Nếu chàng không tự chủ được thì chắc chàng đã nói rõ tông tích và cướp ngay lấy người thiếu nữ. Nhưng sự tiếp đãi niềm nở và nhất là tấm nhan sắc mê hồn của thiếu nữ không cho chàng làm như thế và chàng thầm nói: *«Hỡi người thiếu nữ, nàng có thể phạm tất cả các thứ tội lỗi. Sắc đẹp của nàng sẽ xóa hết sạch lại còn làm cho tội lỗi thành thú vị là đường khác.»*

Người thiếu nữ thong thả qua cầu đi về phía tịnh xá. Sackân theo sau. Chàng tiếc rằng viên tể tướng không có đây để thưởng thức cảnh ngoạn mục này.

Họ đi đến một cái cổng lớn có những tảng đá hoa hình cung trong suốt. Rồi tới một dãy hành lang chạy dài dưới mười hình cung, cột toàn bằng ngọc thạch trắng, giữa mỗi hình cung có treo một cái đèn pha lê chói lọi như mặt trời. Một bầy nữ tỳ trẻ tuổi tay cầm những cây đuốc cháy, chạy đến trước cô chủ của họ. Tấm khăn lụa chít ngang trán họ có đính kim cương đủ màu sắc. Họ đi trước dẫn đường cho Sackân và người thiếu nữ đến gian phòng chính của tịnh xá. Sackân thấy có những chiếc gối rất đẹp xếp thứ tự sát quanh tường phòng. Các cửa và trên tường có chăng những tấm màn mà tấm nào phía trên cũng có một cái vành đai bằng vàng. Sàn nhà toàn đá quý ngũ sắc, cạnh rất nhẵn. Giữa phòng là một cái bồn có 24 cửa miệng bằng vàng để nước chảy vào, tiếng nước nghe như tiếng kim khí và tiếng bạc rơi xuống rất êm tai. Cuối phòng là một cái giường toàn lụa là mà chỉ trong cung điện các bậc đế vương mới có.

Người thiếu nữ nói với Sackân:

– Mời chàng lên nghỉ trên giường và cứ để cho ai muốn làm gì thì làm.

Sackân theo lời. Thiếu nữ để mình Sackân ở lại với những người hầu gái trán lóng lánh kim cương.

Mãi không thấy nàng trở lại, Sackân hỏi bọn nữ tỳ nàng đi đâu. Họ trả lời là nàng đi ngủ còn bọn họ ở đây hầu hạ chàng. Sackân không biết nghĩ ra sao. Các cô mang đến những cái mâm lớn trạm trổ đựng đủ sơn hào hải vị. Chàng ăn ngon lành và rất no nê.

Xong các cô mang bình nước bằng vàng và cái thau bằng bạc đến. Chàng để mặc cho họ rót vào tay chàng

nước thơm hoa hồng và hoa cam. Nhưng chàng cũng bắt đầu lo tới quân sĩ mà chàng bỏ nơi thung lũng trong rừng. Chàng cũng rất trách minh đã quên lời dặn của cha. Mối phiền của chàng lại càng tăng vì nỗi chàng không biết gì về cô nữ chủ tòa lầu cũng như không biết gì về nơi này cả. Chàng ngâm:

«Nếu ta đã mất sự vững tâm và lòng can đảm thì lỗi của ta cũng nhẹ thôi vì biết bao sự việc đã lừa dối và phản bội ta.

Hỡi bạn hữu của ta hãy giải thoát hộ ta nỗi đau khổ. Nỗi đau khổ về tình nó đã làm ta mất hết sức lực và niềm vui.

Lòng ta đã lạc lối trong tình trường, đã lạc lối và chảy tan ra rồi. Chảy tan ra mà ta không biết hướng về ai để kêu lên tiếng kêu tuyệt vọng».

Ngâm xong, Sackân ngủ cho đến sáng. Thức dậy, chàng thấy một đoàn mỹ nữ gồm hai mươi cô đẹp như Hằng nga vây quanh lấy cô chủ. Cô chủ đứng giữa đám đông, hệt như vừng trăng giữa một trời sao vậy. Nàng lộng lẫy như một bà hoàng, áo toàn bằng tơ lụa vẽ hoa. Vóc nàng trông lại càng mảnh dẻ. Thắt lưng toàn bằng những sợi vàng ghép lại và giắt dầy ngọc kim cương nàng như một khối pha lê bạch, giữa tỏa lên một cành cây bạc nhỏ nhắn. Bộ ngực lồ lộ đẹp tuyệt trần. Còn mái tóc của nàng thì nằm gọn trong một cái lưới lóng lánh những viên ngọc nhỏ có xen lẫn vào đủ các thứ kim cương. Bên phải bên trái nàng hai mươi cô thiếu nữ nâng vạt áo nàng lên. Nàng tiến bước uyển chuyển, đẹp một cách kỳ lạ.

Thấy thế Sackân như mất hồn và chàng quên hết, quên quân lính, quên tề tướng, quên lời cha dặn. Chàng như bị cái nhan sắc quyến rũ kia hút lấy.

Thiếu nữ lại sát cạnh chàng và đăm đăm nhìn chàng. Đột nhiên nàng nói :

— Chàng là Sackân ! không còn ngờ gì nữa. Hỡi chàng Sackân, con giai đức Ôma an-Nêmân, hỡi chàng anh hùng cao quý tuyệt vời ! Chàng đã soi sáng và làm vinh dự cho cái nhà này ! Hãy cho thiếp biết đêm qua chàng có được an giấc không ! Chàng hãy nói với thiếp đi ! Nhất là đừng có giả vờ giả tảng nữa ! Hãy để lời nói dối cho các ông thầy nói dối. Các bậc vương tôn không biết giả vờ và nói dối nhất là vị vua lớn nhất trong các vị vua.

Nghe thế, Sackân thấy chối cũng vô ích :

— Hỡi cô thếu nữ rất dịu dàng, tôi là Sackân il Ôma an-Nêmân đây, nạn nhân của số phận, bị quẳng vào tay cô, lòng bị thương mà chẳng có gì tự vệ. Cô muốn làm gì tôi tùy ý, hỡi người thiếu nữ mắt đen mà tôi chưa rõ tung tích.

Người thiếu nữ cúi nhìn xuống một lát ra vẻ suy nghĩ, rồi ngửng nhìn Sackân.

— Xin chàng hãy yên lòng và mắt chàng hãy dịu lại. Chàng quên rằng chàng là khách của thiếp. Chúng ta không thù hằn nhau. Chàng há quên rằng giữa chúng ta đã có bao nhiêu câu chuyện thân mật rồi sao. Từ nay thiếp sẽ che chở cho chàng va sẽ trung thành với chàng. Xin chàng đừng sợ ! Lạy chúa cứu thế, tất cả thế giới này có xô vào đánh chàng mà hồn thiếp chưa ra khỏi thân, thì thiếp sẽ bảo vệ chàng không để một ai chạm tới người chàng.

Nàng nói thế, rồi duyên dáng ngồi xuống cạnh chàng nói chuyện nụ cười hiền dịu nở trên môi. Đoạn nàng gọi một người nữ tỳ vào nói mấy câu bằng tiếng Hy lạp. Người nữ tỳ ra, một lúc dẫn vào một bọn đầy tớ gái người thì đội những chiếc mâm to đựng đủ các

thức ăn, người thì xách đủ các loại bình chứa thức uống. Sackân e ngại không dám đụng đến món ăn. Thiếu nữ thấy thế nói:

– Sackân chàng hỡi! chàng e ngại vì sợ thiếp phản chàng. Nếu định hại chàng thì hôm qua thiếp đã giết chàng rồi.

Nói xong nàng gắp mỗi thứ một miếng ăn trước. Sackân thấy ngượng vì đã ngờ oan rồi cùng ăn.

Hai người ăn uống no say. Ăn xong họ rửa tay rồi gọi mang hoa quả và các thức uống đến. Nước uống đựng trong những chiếc bình quý giá nhất bằng vàng, bằng bạc, bằng pha lê đủ các màu sắc. Thiếu nữ lấy một cái cốc vàng rót đầy và uống trước, lại rót đầy đưa cho Sackân.

Người thiếu nữ không quen biết nói với Sackân:

– Hỡi chàng Hồi giáo, chàng thấy không, cuộc đời dễ dàng và thú vị biết bao.

Rồi cả hai cứ tiếp tục uống cho tới lúc ngà ngà say. Sackân thấy mình yêu tha thiết. Thiếu nữ bảo con hầu nàng yêu quý, tên là Hạt San Hô đem nhạc cụ đến.

Một lúc, con hầu trở lại cùng mấy nữ tì với cây tì bà Đamát, cây thụ cầm Batư, cây đàn sáu giây Táctani và cây đàn Ai cập. Cô chủ cầm cây tì bà lên giây rồi gảy và hát. Ba nữ tì ngồi trên thảm hát đệm theo. Giọng cô chủ êm như gió thoảng, trong như nước suối reo:

«Ôi, em yêu! em có biết bao người say đôi mắt em không? Em có biết bao mũi tên dính máu trái tim phát đi từ đôi mắt em không?

Nhưng hạnh phúc biết bao những trái tim đau khổ vì mắt em! Còn người tình nô lệ cho em lại hạnh phúc gấp nghìn lần».

Hát xong, nàng im. Một nữ tì hát một bài bằng tiếng Hylạp. Sackân không hiểu gì. Cô chủ đáp lại cùng một giọng như thế. Tiếng hát đắp đổi than văn như thoát từ những cây đàn, mới êm ái làm sao!

– Chàng có hiểu bài hát của chúng tôi không, hỡi chàng Hồi giáo? Cô chủ hỏi.

– Quả thật tôi không hiểu gì hết nhưng điệu hát cùng sự hòa âm làm tôi cảm động hết sức. Ôi hàm răng trắng ướt, ngón tay nhẹ lướt phím khiến tôi thích thú vô cùng!

– Nếu bây giờ thiếp hát một bài Arập thì chàng sẽ làm gì? Nàng cười, hỏi.

– Chắc chắn tôi sẽ mất nốt chút trí khôn còn lại.

Nàng đổi giọng, vặn căng thêm cây tì bà, gầy một khúc, rồi cất tiếng hát:

«Vị biệt ly sao mà đắng vậy? Có cách nào nán lại được không?

Ta chỉ có ba điều để chọn: xa nhau, rời nhau, bỏ nhau. Làm sao chọn được? Một người đẹp đã chinh phục ta, đã đặt ta vào những thử thách gian nan. Và lòng ta đã chan chứa biết bao tình».

Nghe hát hay, lại uống quá nhiều, Sackân say quá, ngủ thiếp đi. Tỉnh lại, không thấy thiếu nữ, hỏi bọn con hầu, chúng cho biết nàng đã về phòng ngủ, vì tối rồi. Sackân, dù phật ý cũng cầu phúc cho nàng.

Hôm sau, chàng vừa thức dậy, Hạt San Hô đã mời chàng đến phòng cô chủ. Đàn hát vang lên đón chàng khi chàng vừa bước vào. Tấm cửa to, nặng bằng ngà khảm ngọc và đá quí mở ra, chàng thấy một phòng lớn căng lụa và thảm Koratxân. Cửa sổ trên cao trông xuống vườn và suối. Sát tường là một dãy tượng mặc quần áo như người, tay chân cử động được. Bên trong

có máy khiến cho tượng nói và hát được. Cô chủ thấy Sackân thì đứng dạy, dắt tay đến ngồi cạnh nàng, ân cần hỏi chuyện.

– Chàng có thuộc nhiều thơ tình không? nàng hỏi.

– Có thuộc ít nhiều.

– Xin chàng đọc cho nghe.

– Đây là lời của nhà thơ Konxai hùng biện và tao nhã về nàng Izất. người yêu của mình:

« Không! ta sẽ không bao giờ tiết lộ sắc đẹp mê hồn của Izất. Ta sẽ không bao giờ nói về tình ta yêu nàng. Vả chăng, nàng đã buộc ta thề thốt, hứa hẹn bao lần! Ôi! giá người ta biết được hết sức quyến rũ của Izất.

Những kẻ khổ hạnh hết sức tránh xa những phiền lụy vì tình, nếu họ được nghe giọng líu lo như tôt, họ sẽ chạy đến quì trước Izất mà tôn thờ nàng. Ôi nếu người ta biết sức quyến rũ của Izất...

Nếu Izất thi nhan sắc với mặt trời ban mai trước một vị giám khảo xứng với nàng và với sắc đẹp của nàng thì nhất định nàng sẽ thắng.

Thế mà một vài mụ đàn bà tinh quái, trước mặt ta, dám chê bai vụn vặt nhan sắc của Izất. Cầu chúa làm cho họ bẽ mặt, biến má của họ thành tấm thảm để gót giày Izất bước lên».

Cô chủ nói tiếp:

– Nàng Izất được người ta yêu quá. Còn chàng, hoàng tử Sackân, hoàng tử có nhớ lời chàng Jamin đẹp giai nói về cô Izất này ra sao không?

– Tôi chỉ nhớ một đoạn:

« Hỡi mỹ nhân lừa dối, nàng chỉ cầu mong cho tôi chết. Dù vậy, trong tất cả thiếu nữ của bộ lạc, tôi chỉ thèm muốn có nàng».

Dù nàng không hiểu tôi, Sackân thêm, tôi cũng vẫn như Jamin, còn nàng là Izất chỉ mong tôi chết trước mắt nàng.

Thiếu nữ cười, không nói gì. Và hai người cùng uống cho đến khuya. Đêm ấy, Sackân lại trằn trọc một mình. Sáng dạy, như lần trước, mấy cô hầu lại cử nhạc rồi nhịp nhàng vào chào, dẫn chàng đến một phòng khác còn tráng lệ hơn phòng trước, có tượng, có tranh vẽ muông thú, cùng bao nhiêu thú lạ, đẹp không bút nào tả xiết.

Thiếu nữ bày bàn cờ mời Sackân chơi! Mỗi lần đi quân, Sackân chỉ nhìn mặt người đẹp, chứ không chú ý tới nước cờ, đang đi con ngựa lại đi con voi. Nàng buồn cười :

– Lạy chúa ! nước cờ chàng lạ quá !

– Ô ! mới lạ ván đầu. Thường thường ván đầu không tính mà !

Lại bày ván khác. Thiếu nữ lại thắng, ván thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm !

– Chàng thua hoài ! Nàng nói.

– Thua một đối thủ như nàng là phải quá, hỡi nữ chúa của tôi.

Nàng bày tiệc ăn uống. Nàng lại đàn, hát :

«Số phận hiện đến, rõ hay mờ, nét mặt tươi vui hay rầu rĩ, người đời cũng không tránh được. Bạn ơi! hãy quên tất cả. Hãy uống đi, mừng sắc đẹp, mừng cuộc đời. Thiếp là Nhan sắc hiện thân mà không một chàng trai nào trên trái đất có thể thờ ơ».

Nàng im bặt. Chỉ còn dây thụ cầm run rẩy dưới những ngón tay pha lê nhỏ nhắn. Sackân khoan khoái, cảm thấy như muốn tan đi trong những thèm muốn vô cùng.

Nàng lại hát:

«Chỉ có một tình bạn giả dối mới chịu được sự chia ly. Mặt trời khi phải xa trái đất cũng nhợt đi».

Bỗng bên ngoài có tiếng la hét ầm ĩ, một đoàn dũng sĩ Thiên chúa giáo, gươm tuốt trần, thét: «Sackân mi bị chúng ta bắt rồi. Ngày tận số của mi đã đến». Sackân nghĩ ngay tới một sự phản bội. Chàng định mắng thiếu nữ thì thấy nàng, mặt tái mét, chạy ra Đến trước bọn dũng sĩ:

– Chúng bay muốn gì? Nàng hỏi.

Người chỉ huy tiến lên, cúi rạp xuống chào:

– Thưa công chúa vinh quang, cô chủ Abriza của chúng tôi, viên ngọc cao quí nhất, nàng đã biết kẻ trong tịnh xá này là ai chưa?

– Các người muốn nói ai?

– Nói đến con người được gọi là Đại hảo hán, Sackân ib Ôma an-Nêmân ghê gớm, kẻ phá hủy thành phố, kẻ không một tháp nào không phá, không một pháo đài nào không hạ. Thưa công chúa, đức vua Hacđôbiôt, thân phụ nàng và là chủ chúng tôi, được mụ Quái-Ac cho hay ở Kaitxaria rằng Sackân có mặt nơi đây. Mụ thấy Sackân trong rừng, và đi về phía tịnh xá. Sư tử đã mắc lưới, bắt lấy nó để sau đây chiến thắng đội quân Hồi giáo, công lao của công chúa lớn biết bao!

Abriza trừng mắt nhìn viên chỉ huy:

– Tên ngươi là gì?

– Nô lệ công chúa tên là Matxura ib Môtxôra ib Kasecđa.

– Tên đểu cáng Matxura kia! Chưa bảo ta hay, ta chưa cho phép, sao ngươi dám vào tịnh xá này?

— Thưa công chúa, không có người gác cổng nào cản trở, trái lại họ còn dẫn chúng tôi đến tận gần cửa phòng nàng. Bây giờ, theo lệnh đức vua, chúng tôi chờ nàng nộp Sackân, tên dũng sĩ Hồi giáo hung hăn nhất.

— Ngươi nói gì thế? Ngươi há không biết mụ Quái-ác là một đứa nói láo xấu xa à? Lạy chúa! Ở đây có một người, nhưng không phải là Sackân. Đây là một người từ xa đến xin trú, và ta đã nhận lời. Và nếu người đó có là Sackân đi nữa thì luật đãi khách không buộc ta phải che chở chống lại tất cả hay sao? Ta và người đó đã có thiện ý với nhau, thì không đời nào lại để thiên hạ trách Abriza là đã phản lại khách. Matxura! ngươi chỉ còn có về tâu với phụ vương ta rằng mụ Quái ác nói láo và đã lừa Người.

— Công chúa Abriza! tôi phải đem theo kẻ mà Đức Vua truyền phải bắt.

Nàng giận quá;

— Tên lính kia! Việc gì đến mi? Người ta giả công cho mi để đánh nhau khi còn sức. Đừng có nhúng vào những việc không liên quan đến mi. Tiến bắt Sáckân — cứ cho người lạ này là Sackân — mi sẽ phải trả bằng tính mạng ngươi và cả lũ dũng sĩ đi với mi. Ta sẽ gọi chàng ra với thanh gươm, lá chắn của chàng.

— Khốn khổ! Tránh được sự phẫn nộ của nàng thì sẽ chịu sự quở trách của Đức vua. Sackân ra đây, tôi sẽ tóm ngay dẫn đến, như một tù binh hèn mạt, cho vua Kaitxaria, phụ vương của nàng.

— Mi nói khí nhiều, huênh hoang và ngạo mạn! Một phải chống một trăm đây! Nếu mi chưa nhụt hết chí, cứ việc lấy một chọi một với chàng. Một kẻ thua, kẻ khác kế chân ngay cự địch với chàng cho đến lúc Sackân rơi vào tay các người, và như thế sẽ biết ai là hào kiệt.

Viên trưởng thị vệ Mátxura nói:

— Lạy chúa cứu thế! công nương nói đúng đấy! Vì thế tôi sẽ là người đầu tiên ra bãi vật.

— Hãy đợi ta đến báo với ông ta để xem ông ta trả lời ra sao đã. Nếu ông ta chấp nhận thế là xong. Nếu ông ta từ chối, ông ta vẫn là một vị khách được tôn kính và bảo vệ.

Abriza vội tìm Sackân nói cho chàng biết sự tình nhưng vẫn không để lộ nàng là ai: Sackân lúc ấy mới thấy mình đã nghĩ quá sai về lòng quảng đại của người thiếu nữ. Chàng tự trách mình nhiều lắm, trách mình vừa nghĩ sai về người vừa tự nhiên vô cớ đâm đầu vào cái xứ Rum này.

Chàng nói:

— Thưa cô nương tôi không quen đấu với từng người dũng sĩ mà chỉ quen đấu với mười người một. Xin cho đấu theo kiểu ấy.

Nói xong chàng xuống ngựa và chạy đến trước mặt những người dũng sĩ thiên chúa giáo, tay cầm thanh đoản kiếm và chiếc khiên.

Mátxura lập tức nhẩy tót đến tuốt kiếm đâm ngay. Sackân gạt mũi kiếm, rồi như một con mãnh sư, chăm chồm tới đâm y một nhát, mũi kiếm sáng loáng xuyên qua bụng, ra đường hông.

Người công chúa trẻ tuổi càng cảm phục Sackân. Nàng thầm nghĩ:

— Đó mới thực là bực anh hùng mà đáng lẽ ta nên đọ sức trong cánh rừng hôm nọ.

Rồi nàng quay về phía quân sĩ nói lớn:

— Còn chờ gì mà không tiếp tục đánh đi? Các ngươi không nghĩ đến việc báo thù cho Mátxura à?

Tức thì, một người khổng lồ trông rất đáng sợ, vẻ mặt cương nghị, rộng bước tiến lên. Y chính là anh Mátxura. Sackàn, không để cho y kịp vênh vang, liền đâm y một nhát, mũi kiếm sáng loáng lại xuyên qua bụng ra đường hông. Bọn dũng sĩ từng người từng người tiến lên, nhưng Sackân đã dành cho họ chung một số phận. Lưỡi kiếm đến đâu đầu bay đến đấy. Và chàng giết như thế năm chục mạng. Thấy đồng đội bị giết quá nhanh năm chục người còn lại kết thành một khối cùng nhảy bổ vào Sackân. Nhưng Sackân vẫn hiên ngang tiếp họ. Họ bị đánh tan tác như những hạt lúa bị dập trên một khoảng sân; xác họ bị tung đi tứ phía.

Công chúa Abriza gọi bọn nữ tỳ:

– Trong tịnh xá có còn ai nữa không?

Họ đáp:

– Chỉ còn bọn canh cổng thôi.

Công chúa đến trước mặt Sáckân, ôm lấy chàng mà hôn một cách thành kính. Rồi nàng đếm số người chết thì thấy chẵn tám chục. Còn hai chục người kia, tuy bị thương nặng, cũng đã trốn mất. Sáckân lúc ấy mới nghĩ đến chuyện lau máu ở thanh đoản kiếm của chàng. Abriza kéo chàng cùng vào tịnh xá. Chàng vừa đi vừa đọc mấy khúc chiến ca:

– Lũ người hung bạo xông đến đánh ta giữa cái ngày ta ra oai. Ta đã quăng xác những con tuấn mã kiêu kỳ màu nâu hồng của họ làm mồi cho những anh bạn sư tử của ta.

Nào những gã trẻ tuổi hãy cất áo của ta đi cho người ta được thanh thản.

Cái ngày ta ra oai, ta chỉ lướt qua mà bọn dũng sĩ kia đã nằm dài tất cả trên đất nóng bỏng của bãi sa mạc của ta.

Khi họ đến gian chính của tịnh xá, nàng Abaiza trẻ tuổi, nét mặt tươi cười, cầm tay chàng Sackân đưa lên môi hôn. Rồi nàng vén áo dài để lộ ra một áo giáp bằng khâu sát kết lại, mắt khâu rất nhặt, và một lưỡi gươm bằng thứ thép ròng của Ấn độ.

Sackân ngạc nhiên:

— Nàng mặc áo giáp và đeo lưỡi gươm này làm gì?

— Chàng Sackân hỡi! khi chàng đang hăng chiến đấu thiếp vội mặc vào đến trợ lực cho chàng, nhưng tiếc không giúp chàng được gì.

Rồi nàng gọi những người canh cửa tịnh xá đến:

— Sao không được lệnh của ta các ngươi lại để cho người nhà vua vào đây.

— Vì chưa đặt lệ phải có giấy vào cửa đối với những người của nhà vua, nhất là đối với ông trưởng thị vệ Mátxura.

— Ta rất ngờ các ngươi muốn hại ta và giết vị khách của ta.

Rồi nàng xin Sackân chặt đầu họ. Và Sáckân đã chặt đầu họ. Nàng nói với những tên nô lệ khác:

— Bọn ấy còn đáng bị trừng phạt nặng hơn thế kia.

Rồi quay về phía Sackân:

— Sackân chàng hỡi! thiếp sẽ nói với chàng những điều thiếp giữ kín cho đến giờ.

Hỡi chàng Sackân, xin chàng biết cho rằng thiếp là người con gái độc nhất của vua Hy lạp Hácđôbiốt, chúa tể vùng Caitxaria. Tên thiếp là Abriza. Thiếp có một kẻ thâm thù là mụ Quái ác. Trước kia mụ là vú nuôi phụ vương của thiếp. Ai cũng sợ mụ. Mụ nói gì người ta cũng nghe. Còn tại sao có xích mích giữa thiếp và mụ ta thì xin chàng miễn cho không phải kể lại, vì việc này có dính dáng đến một số thiếu nữ mà sau

này chàng sẽ biết tường tận. Thiếp chắc rằng mụ Quái ác sẽ dùng mọi cách để hại thiếp nhất là vì thiếp mà Mátxura và những người vũ tướng này đã bị mất mạng. Mụ sẽ nói với cha thiếp là thiếp đã bênh vực người Hồi giáo. Mụ ta còn cố tình thù thiếp thì thiếp chỉ còn cách là bỏ đất nước và cha mẹ mà đi cho xa. Thiếp xin chàng giúp thiếp ra đi và đối xử với thiếp như thiếp đã đối xử với chàng, vì sự việc vừa xẩy ra cũng là vì chàng một phần đấy.

Nghe thế Sackân thấy vui như điên như dại, ngực nở rộng và cả tấm thân như tan đi. Chàng nói:

– Lạy chúa Ala! Hồn tôi mà còn trong thể xác thì kẻ nào dám đến gần nàng! Nhưng xa phụ vương và những người thân yêu của nàng, nàng có thật chịu được chăng?

– Chịu được lắm chứ.

Sackân bắt nàng thề sẽ chịu đựng sự xa cách. Và nàng đã thề. Rồi nói thêm:

– Bây giờ thì thiếp an tâm. Nhưng còn phải xin chàng một điều

– Điều gì vậy?

– Là chàng hãy cùng tất cả quân sĩ trở về Bátđa của chàng đi.

– Nàng hỡi! Cha tôi Ôma an-Nêmân sai tôi đến đây chỉ cốt để đánh và thắng cha nàng. Vì ngài đã cho bắt giữ một chiếc thuyền đầy của quý, đầy những nô lệ trẻ, trong thuyền lại có ba hòn ngọc có những hiệu năng kỳ lạ.

– Không phải thế đâu. Thiếp xin nói rõ về chuyện bất hòa với vua Aphođôniốt:

Nguyên là người Hy Lạp nước thiếp hàng năm có mở hội tức là hội tịnh xá này đây, Cứ đến dạo ấy, tất cả

các vua thiên chúa ở khắp miền, các bậc quý tộc, các nhà đại thương đều về tụ tập ở đây. Vợ và con gái của họ và của những người khác cũng theo đến. Hội kéo dài bảy ngày đêm. Một năm, thiếp đến nơi này cùng với khách thập phương. Lần ấy có cả con gái của vua Aphơriđôniốt xứ Côngxtăng linia, tên là Xaphia và hiện là người thiếp của Ôma an-Nêmân phụ vương của chàng và đã có con với Ngài. Thuở đó nàng còn là một thiếu nữ.

Hội tan. Ngày thứ bảy là ngày phải ra đi. Xaphia không muốn trở về Côngxtăngtinia bằng đường bộ mà bằng đường biển.

Người ta chuẩn bị cho nàng một chiếc thuyền. Nàng cùng mấy cô bạn xuống thuyền mang theo tất cả những vật dụng của nàng. Thuyền kéo buồm vượt biển.

Nhưng vừa ra khơi, vì gió ngược, thuyền bị chệch đường, gặp ngay phải một chiếc thuyền lớn có năm trăm võ tướng Thiên chúa giáo người của đảo Caphua, binh khí và áo giáp đều bằng sắt. Từ khi kiếm ăn trên mặt biển, họ chỉ chờ những dịp như dịp này để cướp bóc. Vì thế khi thấy chiếc thuyền trong đó có Xaphia, chúng lập tức lấy móc kéo thuyền kia về, rồi giương buồm ra khơi kéo cả thuyền kia theo sau. Nhưng một trận bão dữ dội đã đánh bạt thuyền họ vào hải phận đất nước của thiếp. Dân ở đấy chạy đến giết hết bọn cướp và bắt lấy sáu chục người thiếu nữ trong số có Xaphia mà chiếm hết của cải. Sáu chục cô thiếu nữ thì họ đem tặng cha thiếp là vua xứ Caitxaria. Còn của cải thì họ giữ lấy. Cha thiếp chọn lấy mười người đẹp nhất, còn bao nhiêu chia cho bọn tùy tùng. Năm người trong số đó có cả Xaphia được tuyển lựa để dâng lên vua Ôma an-Nêmân. Chúng tôi không biết cô ta vì không ai cho chúng tôi biết tên tuổi và hoàn cảnh của

cô ta. Và như thế là, Sackân chàng hỡi, Xaphia trở thành người thiếp của phụ vương chàng. Nàng được dẫn đến nhà vua cùng với bao nhiêu tặng vật như lụa là, len dạ và những đồ thêu thùa của nước Hy Lạp.

Nhưng đến đầu năm nay, cha thiếp nhận được một lá thư của cha nàng. Trong thư có nhiều điều thiếp không thể nhắc lại chàng nghe, nhưng có đoạn này: «Cách đây hai năm ngươi có đoạt được của bọn cướp bể sáu mươi người con gái trong số có Xaphia, con gái ta. Mãi đến giờ ta mới hay chuyện vì người không nói gì cho ta biết, hỡi Hácđôbiđốt! Đó là một sự xúc phạm nặng đến ta, một mối nhục lớn nhất đối với ta. Nếu ngươi không muốn là kẻ thù của ta, thì nhận được thư này, lập tức phải trả lại con gái ta nguyên lành và trọn vẹn. Nếu không, và nếu chậm trễ ngươi sẽ bị đối xử một cách đích đáng và sẽ chịu sự trừng phạt khủng khiếp do lòng phẫn nộ và oán hận của ta.»

Đọc xong lá thư, cha thiếp rất băn khoăn và cũng rất lo. Xaphia đã được đưa tới phụ vương chàng rồi. Mong gì nàng được nguyên lành và trọn vẹn: Nhưng vua Ôma an-Nêmân đã làm cho cô ta thành một bà mẹ; việc ấy chỉ trong chốc lát là xong mà đôi bên cũng chẳng khó nhọc gì!

Thật là một tai họa. Cha thiếp không biết làm thế nào đành viết một thư cho vua Aphiriđôniốt trình bày mọi sự việc đã xảy ra, xin lỗi rất nhiều về sự không biết Xaphia là ai và thề mãi về điều ấy.

Tiếp được thư của cha thiếp, vua Aphoriđôniốt nổi giận. Ông ta đứng lên ngồi xuống, rồi thét:

— Có thể nào con gái ta mà tất cả các vị vua Thiên chúa tranh nhau đến cầu hôn lại phải làm nô tỳ cho một tên Hồi giáo để mua vui cho hắn và lại cam chịu hầu hạ chăn gối hắn! Nhưng lạy chúa cứu thế, ta sẽ

báo thù tên Hồi giáo này, cái tên đĩ đực không bao giờ thỏa dục này. Rồi đây cả phương đông, phương tây sẽ phải nói mãi đến sự báo thù ghê gớm của ta. Vì thế, Sackân chàng hỡi! vua Aphoriđôniốt mới nghĩ đến việc phái sứ giả mang bạc vàng châu báu đến phụ vương chàng, làm như ông ta đương có chiến tranh với chúng tôi mà xin cha chàng giúp đỡ. Thật ra là chỉ để đưa chàng cùng một vạn kỵ mã của chàng vào bẫy để trả thù đó thôi.

Còn ba viên ngọc quý có phép lạ thì là chuyện thật đấy. Ngọc ấy vốn của Xaphia thoạt đầu rơi vào tay bọn cướp, rồi sau đó rơi vào tay cha thiếp. Cha thiếp đem làm quà cho thiếp. Hiện giờ thiếp còn giữ và sẽ đưa chàng xem. Nhưng bây giờ thì chàng hãy về chỗ đoàn kỵ mã của chàng rồi cùng họ trở về Bátđa đi thôi, đừng để sa vào lưới của vua Côngxtăngtinia. Chàng phải đi ngay trước khi sự liên lạc của chàng bị cắt đứt.

Nghe mấy lời, Sackân nắm lấy tay công chúa Abriza đưa lên môi hôn xà nói:

– Cảm tạ chúa Ala. Chúa đã đặt nàng trên đường của ta để cứu ta và cứu tất cả các chiến hữu của ta. Nhưng hỡi nàng công chúa dịu hiền và hay giúp người, bây giờ tôi không thể nào xa nàng được nữa. Nhất là sau những việc đã xảy ra, tôi không thể để nàng một mình ở đây được, vì không biết nàng sẽ ra sao Abriga nàng hỡi, hãy cùng tôi về Bátđa.

Nhưng Abriza nói:

– Hỡi chàng Sáckân, chàng hãy đi trước ngay đi và hãy tóm cổ mấy tên sứ giả của vua Aphoriđôniốt hiện đang ở trong doanh trại của chàng, bắt chúng phải thú thật. Như thế chàng sẽ có dịp xét lại lời thiếp nói. Còn thiếp, trong hạn ba ngày, thiếp sẽ tìm chàng, rồi chúng ta cùng về Bátđa.

Sau đó, nàng đứng dậy tiến đến chỗ Sáckân ôm lấy đầu chàng và hôn chàng. Và nàng khóc, những giọt nước mắt đến đá cũng phải tan. Sackân càng cảm động và đau lòng. Chàng cũng khóc sướt mướt và đọc hai đoạn thơ:

« Tôi vĩnh biệt nàng, tay phải lau nước mắt tôi, tay trái quàng lấy cổ nàng.

Nàng sợ hãi nói: « Chàng không sợ làm em mang tiếng đối với giới phụ nữ của bộ lạc em sao ». Tôi đáp « Ồ không! Vì chính cái ngày vĩnh biệt đã tố cáo những kẻ yêu nhau!

Sackân từ biệt Abriza, ra khỏi tịnh xá, nhẩy lên lưng ngựa do hai người thiếu nữ đang giữ dây cương, và ra roi. Chàng qua cầu treo tiến vào rừng cây và cuối cùng đến khoảng trống giữa rừng. Chàng thấy trước mặt ba kỵ sĩ đang phi bỗng dừng phắt lại. Chàng tuốt thanh kiếm sáng loáng đứng thế thủ sẵn sàng đọ gươm. Nhưng bỗng chàng nhận ra ba người và ba người cũng nhận được chàng Vì ba người cưỡi ngựa là quan tể tướng Đanđân và hai vị đại thần trọng yếu trong số những người tùy tùng. Ba người vội xuống ngựa đến chúc tụng Sackân và nói cho chàng rõ lòng nhớ mong khắc khoải của quân đội khi thấy chàng vắng mặt. Sackân kể cho họ nghe từ đầu đến cuối câu chuyện với tất cả chi tiết rồi cho họ biết công chúa Abriza sắp đến, và người của Aphoriniốt chuẩn bị phản bội như thế nào.

— Có thể trong khi các ông không có đấy, chúng đã tẩu thoát và về báo cho vua chúng rằng chúng ta sắp đến đất của chúng. Và giờ đây biết đâu quân đội chúng đã chẳng đánh tan quân đội ta rồi. Nhanh lên phải chạy ngay về với quân ta.

Và lập tức họ phi ngựa về chỗ dựng trại giữa thung lũng. Vẫn yên tĩnh. Nhưng bọn sứ giả thì đã biến mất rồi. Họ vội vàng nhổ lều và quay về Bátđa. Đi vài ngày thì đến biên giới quen thuộc và như thế là đã an toàn. Nhân dân trong vùng vội mang lương thực đến cho họ, cả thức ăn cho ngựa. Đoàn quân nghỉ chân ít lâu lại lên đường. Sackân giao cả tiền đội cho Đanđân, còn chàng chỉ giữ lại một trăm kỵ mã chọn từng người một trong số kỵ mã ưu tú nhất, làm hậu đội. Chàng để cho đoàn quân đi trước hẳn một ngày, sau đó mới cùng trăm kỵ mã kia lên đường.

Đi được chừng hai dặm, họ đến một con đường nhỏ hẹp giữa hai quả núi rất cao. Vừa đến thì thấy ở đầu kia một đám bụi dày đặc bốc lên. Đám bụi bay lại gần rất nhanh, lộ rõ một đoàn trăm kỵ mã dũng mạnh như sư tử, áo giáp bằng khâu sắt kết lại và mũ sắt lưỡi trai. Đến tầm nghe được, họ thét lên:

— Hỡi bọn Hồi giáo kia hãy xuống ngựa hàng ngay, nộp vũ khí và ngựa, nếu không chúng ta thề rằng hồn các ngươi sẽ không bao lâu phải lìa khỏi xác.

Nghe nói, Sackân thấy trời đất tối lại, mắt chàng vút ra những tia lửa giận, đôi má nóng bừng bừng, chàng hét:

— Hỡi lũ thiên chúa giáo chó chết kia! chúng bay dám cả gan vượt biên giới giày xéo lên đất nước chúng tao, lại dám dọa nạt chúng tao à? Không những thế, còn dám mở mồm nói những điều trên kia. Bây giờ chúng mày tưởng rằng có thể nguyên vẹn thoát tay chúng tao trở về đất nước được hẳn?

Rồi chàng gọi quân sĩ của chàng:

— Hỡi những kẻ Chính đạo! hãy xông vào lũ chó này.

Sackân xông lên trước. Thế là một trăm kỵ sĩ của Sackân phi ngựa ùa vào bọn một trăm kỵ mã Thiên

chúa giáo kia. Hai đoàn người giáp la cà, tim họ rắn hơn đá, thép đấu thép, gươm chọi gươm, xoang xoảng, người quấn lấy ngựa, ngựa chồm lên rồi nặng nề đè lên mình ngựa. Chỉ còn nghe tiếng binh khí chạm nhau, sắt thép đánh vào sắt thép. Và trận đấu kéo dài đến tối rồi đến đêm. Mãi lúc ấy hai bên mới rời nhau và kiểm quân số. Sackân đứng giữa đoàn người thấy quân mình không một ai bị thương nặng:

— Hỡi các bạn chiến đấu, suốt đời, ta đã từng vẫy vung trên biển trận, mà những đợt sóng kiếm mác va chạm vào nhau ngân vang. Ta đã đấu với bao kẻ anh hùng, nhưng chưa từng gặp những con người gan góc, những võ tướng dũng cảm, những bậc hào kiệt cương cường như bọn này.

Họ đáp:

— Hỡi vị hoàng tử Sackân ngài nói đúng đấy. Nhất là vị thủ lĩnh của họ thì thật kỳ diệu và anh hùng. Và còn điều này nữa là mỗi lần một người nào trong bọn chúng ta rơi vào tay ông ta thì ông ta lại tránh không giết.

Sackân nghe thế rất phân vân. Chàng nói:

— Ngày mai chúng ta sẽ dàn hàng ngang mà đánh, vì chúng ta có một trăm người đương đầu với một trăm người của họ. Và cầu giời cho ta thắng.

Đêm ấy mọi người đều ngủ an giấc.

Còn bọn thiên chúa giáo quây quần chung quanh vị thủ lĩnh của họ. Họ nói:

— Hôm nay quả thật chúng ta không thắng được họ.

Thủ lĩnh nói:

— Nhưng ngày mai chúng ta sẽ dàn thành hàng ngang và sẽ lần lượt quật ngã hết tên này đến tên khác.

Quyết định như vậy rồi, họ cũng an giấc cả.

Hôm sau vừng hồng soi sáng nhân gian và ánh mặt trời soi vào mặt những người yêu hòa bình cũng vô tình như soi vào mặt những người hiếu chiến. Vừng dương như kính chào Môhamát, nguồn trang sức của mọi vật xinh đẹp trên đời. Đúng lúc ấy hoàng tử Sackân lên ngựa tiến lên giữa hai hàng kỵ mã. Chàng truyền lệnh:

– Quân thù của chúng ta đã sắp thành hàng ngũ chiến đấu. Chúng ta hãy xông tới, nhưng phải một đánh một. Và trước hết một trong số các người hãy ra khỏi hàng, lớn tiếng gọi một chiến sĩ bên bọn Thiên chúa giáo, đề nghị đấu nhau tay đôi. Rồi lần lượt từng người một sẽ cứ theo cách ấy mà chiến đấu.

Tức thì một chàng kỵ sỹ của Sackân ra khỏi hàng ngũ, thúc ngựa tiến về phía quân địch, kêu:

– Hỡi bọn kia! trong số các ngươi có ai dám bạo gan đến đây đọ sức với ta hôm nay không?

Y vừa dứt lời thì một kỵ sĩ thiên chúa giáo tiến lên. Trên người y, áo giáp và binh khí, lụa và vàng che khắp từ đầu đến chân. Y cưỡi con ngựa xám: mặt y hồng hồng, hai bên má nhẵn thín. Y thúc ngựa đến giữa đấu trường, tay giơ cao thanh kiếm. Y xông đến người kỵ mã hồi giáo nọ, nhanh như cắt đánh hắn ngã xuống ngựa, bắt hắn phải hàng rồi kéo đi như kéo một tên tù nhân nhục nhã, giữa những tiếng reo vui thắng trận của các võ tướng Thiên chúa giáo. Rồi lại một kỵ sĩ Thiên chúa giáo khác ra khỏi hàng, tiến đến giữa dấu trường. Ở đấy một người Hồi giáo khác, em của người bị bắt đi lúc nẫy, đã chờ sẵn. Hai người đấu với nhau. Nhầm lúc người Hồi giáo sơ hở, chàng kỵ sĩ Thiên chúa giáo đánh một đốc gươm, làm cho y ngã ngựa và lôi y đi làm tù binh. Và cứ thế, mỗi lần đấu là một ngư3i Hồi giáo bị thua và bị bắt. Trận đấu kéo dài đến tối. Hai mươi người Hồi giáo thua cuộc.

Thấy thua, Sackân rất buồn phiền. Chàng tập hợp bọn chiến hữu;

— Những việc xảy đến cho chúng ta chẳng lạ lùng lắm sao! Ngay sáng mai ta phải tiến đến trước kẻ thù và gọi tên chỉ huy ra trận. Ta sẽ rõ tại sao y lại xâm phạm cõi bờ của ta và tấn công ta. Nếu y không chịu nói, ta sẽ giết. Nếu y thuận theo ý chúng ta, chúng ta sẽ làm lành với y.

Quyết định thế rồi họ ngủ cho đến sáng.

Vừa sáng Sackân đã lên ngựa, một mình thẳng tới chỗ quân địch. Chàng thấy một đoàn tới năm chục viên võ tướng tiến về phía chàng. Họ xuống ngựa. Và giữa bọn họ là một chàng kỵ mã, vị thủ lĩnh của họ. Chàng khoác một cái áo choàng quân nhân bằng xa tanh mầu da trời có móc cài ở vai. Dưới lần áo choàng là một cái áo giáp bằng khâu sắt, các mắt khâu rất nhã. Chàng hoa lên một thanh kiếm tuốt trần bằng thép Ấn Độ. Chàng cưỡi một con ngựa sắc đen, trán có một đốm trắng bằng đồng bạc. Chàng kỵ sĩ ấy, vẻ mặt còn non, tươi tắn như mặt một đứa trẻ, má hồng và nhẵn thín, không có qua một sợi lông. Chàng đẹp như một vầng giăng sáng mọc lên ở chân trời đàng đông.

Đến giữa đấu trường, người kỵ mã trẻ tuổi nói với Sackân bằng tiếng Ảrập, rất sõi:

— Hỡi Sackân con vua Ôma an-Nêmàn, người trị vì trên các thành phố và làng mạc, trên các thành lũy và lầu cao, chàng hãy chuẩn bị chiến đấu vì cuộc đấu sẽ gay go đây. Vì chàng là thủ lĩnh của quân lính chàng cũng như tôi là thủ lĩnh của quân lính tôi, tôi giao hẹn rằng ai thắng cuộc sẽ được chiếm số quân sĩ của người kia và được coi là chủ soái của họ.

Sackân lúc này lòng giận sôi lên phóng ngựa sấn lại người kỵ sĩ Thiên chúa giáo như một con sư tử

lồng lên. Hai người giao chiến với nhau rất hùng dũng, lưỡi kiếm chạm nhau giòn giã. Người ta tưởng như hai trái núi húc vào nhau hay như hai biển cả ầm ầm đột ngột trộn sóng cùng nhau. Hai người đấu với nhau từ sáng sớm đến tối mịt mới chịu thôi, người nào về bên người ấy.

Sackân nói với các chiến hữu của chàng:

— Trong đời, ta chưa gặp một người nào chiến đấu giỏi như thế. Nhưng điều lạ lùng nhất ở hắn, là cứ mỗi lần đối thủ sơ hở, hắn thường không làm cho bị thương chỉ lấy cán cây giáo chạm nhẹ vào thôi. Ta không còn hiểu ra sao nữa. Thật đáng mong rằng trong số bọn võ tướng của ta có được nhiều người gan dạ như thế.

Hôm sau hai người lại đấu với nhau như hôm trước và cũng không phân thắng bại. Nhưng ngày thứ ba thì chuyện xảy ra như thế này: giữa cuộc đấu, bỗng người kỵ sĩ Thiên chúa giáo trẻ tươi xinh đẹp thúc ngựa phóng lên rồi vụng về kéo cương ghìm lại. Con ngựa chồm lên, người trẻ tuổi ngã khỏi yên và thế tất phải rơi xuống đất. Sackân nhảy xuống giơ cao thanh kiếm định xuyên một nhát. Chàng Thiên chúa giáo kêu lên:

– Người anh hùng lại hành động thế sao? phép lịch sự lại cho đối xử với phụ nữ như thế à?

Sackân ngạc nhiên nhìn chăm chú vào mặt người trẻ tuổi, ngắm nghía kỹ thì té rà là công chúa Abriza. Vì đúng là công chúa Abriza. Sackân với nàng đã có những chuyện xẩy ra trong tịnh xá như ta đã biết.

Sackân quẳng kiếm ra xa, quỳ xuống trước mặt người thiếu nữ, cúi chào và hỏi:

– Hỡi công chúa sao lại có chuyện này?

– Vì thiếp muốn tự mình thử thách chàng ngay trên chiến trường xem chàng bền bỉ và giỏi đến bực nào.

Các kỵ sĩ đã đấu với những người của chàng, đều là thiếu nữ hết, đều còn trinh bạch và là người của thiếp. Còn thiếp đây, nếu con ngựa của thiếp không chồm lên thì chàng còn thấy nhiều sự khác nữa, chàng Sackân ạ.

Sackân mỉm cười và đáp:

– Khá khen chúa Ala đã dun dủi cho đôi ta được cùng nhau sum họp, hỡi công chúa Abriza, vị nữ hoàng của thời gian.

Công chúa ra lệnh lên đường và sai lần lượt trao trả cho Sáckân hai chục người bị bắt. Họ đến quỳ trước mặt nàng cúi đầu tạ ơn Sackân quay về phía những cô trẻ tuổi xinh đẹp:

– Thực các bậc đế vương cũng phải lấy làm vinh dự vì có thể tin được vào một đội quân dự bị như các cô.

Rồi người ta nhổ trại. Hai trăm kỵ mã cùng tiến về Bátđa. Đi sáu ngày tròn thì thấy xa xa ánh lên những cái tháp nhà thờ của thành phố Hòa bình. Lúc ấy Sackân xin công chúa Abriza và những người theo nàng hãy trút bỏ áo giáp trận, lấy áo đàn bà kiểu Hy Lạp mặc vào. Bọn họ đều nghe theo. Rồi chàng cho người về Bátđa trước, báo cho vua Ôma an-Nêmân biết để vua cử một đoàn đến đón tiếp cho long trọng. Tối hôm đó mọi người đều xuống ngựa nghỉ chân căng lều ngủ cho đến sáng.

Hôm sau, vừa tảng sáng, Sackân và bọn kỵ sĩ, công chúa và bọn nữ nhân lại lên ngựa tiến về Bátđa. Và đây, tể tướng Đanđân với một nghìn kỵ mã đã từ trong thành tiến ra đón tiếp mọi người. Ông lại gần Sackân và công chúa, cúi xuống kính cẩn chào. Rồi mọi người cùng vào kinh thành

Trước hết Sackân vào triều thăm cha, vua Ôma an-Nêmân. Vua đứng dậy chạy đến ôm con hôn và hỏi thăm tin tức. Sackân thuật lại tất cả câu chuyện giữa chàng và công chúa Abriza, con gái vua Hácđôbiốt xứ Caitxaria và cả câu chuyện xấu xa của vua Côngxtăngtinia, lòng thù oán của hắn vì câu chuyện Xaphia, người thiếp của vua vá chính là con gái của Aphơriđôniốt. Chàng thuật lại nào là sự tiếp đãi ân cần và những lời khuyên bổ ích của Abriza, nào là cuộc chiến đấu vô cùng anh dũng của nàng, rồi bao nhiêu cái hay cái tốt về phẩm giá và nhan sắc của nàng,

Nghe mấy lời sau, vua Ôma an-Nêmân cảm thấy lửa dục bốc lên trong người, vua muốn gặp ngay người thiếu nữ kỳ diệu đó.

Sackân tuyệt nhiên không ngờ rằng cha mình lại có dã tâm định chiếm đoạt người công chúa trẻ tuổi của mình, vội đi tìm nàng để trình diện với cha. Nhà vua lúc ấy ngồi trên ngai. Ông đã đuổi hết thị vệ, nô lệ, chỉ còn giữ lại có bọn quan hoạn. Abriza đến chỗ ông, kính cẩn cúi chào và nói với vua, giọng trong trẻo, thanh nhã dịu dàng. Vua Ôma an-Nêmân thấy thú vị vô cùng. Ông cảm ơn nàng, khen nàng về tất cả những việc nàng đã làm cùng con ông, tức hoàng tử Sackân và mời nàng ngồi. Abriza ngồi xuống, nhấc cái mạng nhỏ che mặt đi: thật là rực rỡ lạ lùng! Vua Ôma an-Nêmân như ngây như dại, vua dành cho nàng và các bạn nàng ở tòa lâu đài sang trọng nhất, dành cho nàng những thức dùng xứng đáng với địa vị của nàng. Xong ông mới hỏi chuyện về ba viên ngọc quý có những hiệu năng kỳ lạ. Abriza kể:

— Tâu đức vua muôn đời, ba viên ngọc ấy chính là của thiếp, và không bao giờ thiếp rời ra cả. Thiếp xin để trình đức vua xem.

Nàng cho đem một cái hòm đến, lấy ra một chiếc hộp, mở nắp lại lấy ra một cái hộp nhỏ đựng nữ trang bằng vàng chạm trổ. Mở ra thấy ba viên ngọc bạch quang, sáng chói và tròn trặn. Abriza lấy từng viên một nâng lên môi rồi đưa tặng vua Ôma an-Nêmân để đáp lại cái ơn đã đón tiếp nàng. Rồi nàng đi ra.

Vua Ôma thấy như lòng mình cũng ra đi theo nàng. Ba hòn ngọc nằm đó lấp lánh. Vua gọi Sáckân cho chàng một viên. Sackân hỏi vua sẽ dùng hai viên kia làm gì.

— Ta sẽ cho em Nôzatu bé nhỏ của con một viên, còn một viên cho em Đunmakân.

Nghe nói đến Đunmakân mà chàng không mảy may biết là có, chàng buồn lắm vì từ trước chàng chỉ biết có Nôzatu thôi. Vì thế chàng quay về phía vua Ôma an-Nêmân hỏi :

— Thưa cha, ngoài con ra, cha còn có một người con giai khác nữa sao?

— Đúng thế đấy, đứa con sáu tuổi, sinh đôi với Nôzatu, và cả hai đều là con của Xaphia, người nữ nô lệ của ta, người con gái vua Côngxtăngtinia ấy mà.

Nghe thấy thế Sackân choáng váng cả người, bứt áo một cách giận dữ, nhưng rồi cũng tự chủ được.

— Con chúc cho cả hai đứa được chúa Ala tối cao phù hộ.

Nhưng vua cha đã để ý thấy sự bối rối và sự bực tức của chàng.

— Này con hỡi! sao con lại bực dọc như thế? Con há không biết rằng mai sau cha chết đi chỉ mình con được quyền nối ngôi hay sao? Và cha đã chẳng cho con trước viên ngọc đẹp nhất trong số ba viên ngọc kỳ lạ đó sao?

Sackân thấy không thể trả lời. Không muốn trái ý hoặc làm phiền lòng cha, chàng cúi đầu đi ra khỏi điện cần chính. Chàng đi về phía tòa lầu dành riêng cho Abriza. Abriza thấy chàng, lập tức đứng dậy tiếp đón niềm nở, duyên dáng cảm ơn chàng về những việc chàng đã làm cho nàng và mời ngồi cạnh nàng. Thấy chàng mặt mày ủ dột nàng âu yếm hỏi tại sao. Sackân kể lại nguyên do:

– Nhưng điều làm cho tôi bận tâm nhất, Abriza nàng hỡi là tôi nhận thấy cha tôi có ý muốn chiếm đoạt nàng. Tôi thấy mắt cha tôi sáng lên những thèm muốn về nàng. Vậy nàng nghĩ sao?

– Xin chàng cứ yên tâm Sackân chàng hỡi. Cha chàng muốn được thiếp thì sẽ chỉ được cái xác chết của thiếp mà thôi. Ba trăm sáu mươi bà và bao nhiêu gái khác chưa đủ cho ông ta sao mà còn thèm muốn lòng trinh bạch của thiếp. Lòng trinh bạch ấy không phải để cho cái ông già còn đòi trống bỏi ấy đâu! Hãy an tâm Sackân chàng hỡi, hãy xua tan những nỗi buồn phiền đi.

Nàng gọi mang các thức ăn thức uống ra. Sackân ăn uống xong về ngủ, lòng nặng trĩu u sầu.

Về phần vua Ôma an-Nêmân, khi Sackân đi rồi, ông ta đến cung người thiếp Xaphia. Ông cầm trong tay hai viên ngọc quý, mỗi viên treo ở đầu một sợi dây bằng vàng. Thấy vua vào, Xaphia đứng dậy, chờ cho vua ngồi rồi mới dám ngồi. Hai đứa con nàng chạy đến, cô bé Nôzatu và cậu nhỏ Đunmakân. Vua hôn hai con, đeo vào cổ mỗi đứa một viên ngọc. Chúng thích lắm và mẹ chúng chúc tụng vua thịnh vượng và hạnh phúc. Vua nói:

– Xaphia nàng hỡi, nàng là con gái vua Aphoriđônniốt của xứ Côngxtăngtinia thế mà nàng không hề cho

ta biết. Sao lại giấu ta để ta không đối xử cho xứng với nàng, nâng cao hơn mức lòng mến yêu đối với nàng và danh dự của nàng.

Xaphia đáp :

— Tâu bệ hạ đại lượng! thực ra thiếp còn muốn ao ước gì hơn. Bệ hạ đã ban cho thiếp bao nhiêu ân huệ lại cho thiếp hai đứa bé này, đẹp như hai vừng trăng.

Vua Ôma rất đẹp lòng về câu trả lời mà ông thấy là ngọt ngào, lịch sự, tế nhị. Ông cho Xaphia một tòa lâu đài đẹp hơn tòa trước, cho thêm rất nhiều kẻ hầu người hạ và cho tăng món tiền chi phí hàng ngày. Rồi vua về cung để nghị triều : xét xử án từ, bổ nhiệm người này, cách chức kẻ kia như thường lệ.

Nhưng không lúc nào trí ông và lòng ông không bị hình ảnh của công chúa Abriza trẻ tuổi giày vò. Đêm nào ông ta cũng đến chỗ Abriza để nói chuyện, thỉnh thoảng lại xen vào một lời bóng gió. Nhưng Abriza cũng chỉ trả lời có một câu :

— Tâu đức vua muôn đời, thực quả thiếp không thèm muốn đàn ông chút nào.

Nhưng như thế chỉ như khêu gợi thêm và làm cho ông ta bị giày vò hơn đến nỗi cuối cùng ông đâm ra ốm. Vua cho gọi viên tể tướng Đanđan nói rõ mối tình đối với nàng Abriza kỳ diệu, mối tình ít kết quả, và ông không hy vọng được nàng trong tay.

Tể tướng nghe mấy lời bèn bày kế :

— Xin làm thế này : tối đến, nhà vua mang theo miếng thuốc ngủ này rất hiệu nghiệm. Bệ hạ tìm đến Abriza cùng nàng uống rượu đến cốc cuối cùng thì cho thuốc mê vào. Chắc chắn rằng nàng chưa kịp đến giường thì bệ hạ đã có thể làm chủ được thân nàng để thỏa nguyện lòng mình. Ý kiến của thần là thế đấy.

Vua mừng rỡ :

— Hay lắm ! và cũng chỉ có kế ấy thôi.

Ông ta đến mở tủ lấy một miếng thuốc ngủ nguyên chất, rất mạnh, chỉ một chút hơi của nó bay ra cũng đủ làm cho một con voi phải ngủ từ năm này đến năm sau mới tỉnh dậy được. Ông bỏ miếng thuốc vào túi. Trời vừa sẩm tối, ông đến nhà Abriza. Nàng đứng dậy tiếp đón. Nhà vua ngồi và cho phép nàng ngồi.

Vua nói chuyện với nàng và ngỏ ý muốn uống một thứ gì. Lập tức nàng cho mang các thức giải khát cùng những thức uống phụ như hoa quả hạnh nhân, trái cây phi tử, hồ trăn tử, tất cả đựng trong những chiếc cốc bằng vàng và bằng pha lê. Hai người bắt đầu uống cho đến lúc Abriza thấy say, đầu choáng váng. Vua bèn lấy miếng thuốc ngủ trong túi ra, kẹp vào giữa hai ngón. Ông rót một cốc uống một nửa rồi kín đáo bỏ miếng thuốc ngủ vào, đoạn đưa cốc cho người thiếu nữ:

Hỡi nàng trẻ tuổi dòng dõi vua chúa ! Hãy nâng cốc này và uống cho đẹp lòng ta !

Công chúa Abriza vô tình, đỡ lấy cốc và tươi cười uống cạn. Lập tức nàng thấy trời đất quay tít trước mắt. Nàng chỉ còn kịp lê đến giường thì nặng nề ngã xuống. Vua Ôma an-Nêmân lợi dụng lúc đó phá trinh nàng. Xong việc, ông ta đứng dậy sang phòng bên tìm nữ tỳ yêu của Abriza, cô Hạt san hô trung thành, bảo cô ta :

— Đến nhanh với chủ mày đi ! Chủ mày đang cần mày đấy.

Hạt san hô vội vào phòng cô chủ, thấy công chúa nằm ngửa, tả tơi tan tác, áo lót tốc lên, đùi máu mê, mặt xanh nhợt,

Lập tức, cô ta lấy mảnh khăn vuông se sẽ thấm vào cái chỗ rất đáng tôn kính của chủ, rồi lấy mảnh khăn

vuông thứ hai lau kỹ chỗ bụng và chỗ đùi đoạn rửa mặt, rửa tay chân cho chủ, và vẩy nước hoa hồng lên người, và rửa môi, rửa miệng chủ bằng nước hoa cam.

Cộng chúa Abriza hắt hơi, mở mắt ra và ngồi phắt dậy. Thấy người hầu thân yêu Hạt san hô, nàng nói:

— Hỡi Hạt san hô! Ta làm sao thế này? Em nói đi · Ta thấy choáng váng cả người.

Hạt san hô chỉ có thể thuật lại tình trạng cô ta vừa chứng kiến: Abriza lúc ấy mới hiểu rằng vua Ôma an-Nêmân đã thỏa lòng dục trên người nàng! Nàng buồn phiền đau đớn và ra lệnh cho Hạt San hô không được để cho ai vào phòng nàng và dặn hễ vua Ôma an-Nêmân có hỏi về nàng thì giả lời:

— Chủ tôi ốm và không thể tiếp ai hết.

Được tin, vua Ôma an-Nêmân ngày nào cũng sai bọn nô lệ mang đến cho nàng những mâm to đầy ắp đủ mọi thức uống, những đĩa hoa quả, bánh mứt và những bát sứ đầy kem và kẹo. Nhưng nàng vẫn đóng cửa phòng cho đến một ngày kia nàng thấy bụng to ra, người đẫy lên và tin chắc là mình có mang. Mối sầu lại càng tăng lên nhiều lắm, đời như thu hẹp lại trước mắt nàng, nàng không muốn nghe những lời an ủi của Hạt san hô nữa.

— Hạt san hô em hỡi. Chính tự ta đã làm nên nông nỗi này. Ta có lỗi với ta, vì đã bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ nước nhà mà đi. Giờ đây, ta chán cả ta, chán cả cuộc đời. Ta thấy mất hết can đảm và sức chịu đựng. Mất trinh, ta mất cả lòng cương nghị. Bụng mang dạ chửa thế này thì một đứa bé chạm đến ta, ta cũng không chống nổi. Ta sẽ không cầm nổi dây cương ngựa nữa, ta, Abriza, nàng Abriza trẻ tuổi trước kia hăng hái và khỏe mạnh biết bao! Từ nay biết làm thế nào! Nếu ta đẻ trong cung này ta sẽ làm trò cười cho tất cả bọn phụ

nữ Hồi giáo ở đây khi họ biết ta đã mất trinh như thế nào. Nếu ta quay về với cha ta, ta còn mặt mũi nào dám nhìn Người! Ôi! Thật đúng quá những lời thơ:

— Bạn hỡi! Bạn nên biết rằng trong cơn hoạn nạn bạn sẽ không còn cha mẹ, không còn tổ quốc, không còn nhà nào chứa bạn nữa đâu.

Hạt San hô nói:

— Hỡi cô chủ của em, em là nữ tỳ của cô, em hoàn toàn theo lệnh của cô và nghe lời cô bảo. Cô cứ truyền đi.

— Vậy thì Hạt san hô em hỡi em hãy nghe đây! Ta phải ra khỏi nơi này mà không để ai biết, và dù sao, cũng phải về nhà cha mẹ ta. Em xem ta chỉ còn là một cái xác không hồn. Nhưng nếu xác ấy còn biết cảm xúc thì em còn phải chăm lo đến nó. Thôi chúa Ala định đoạt số phận ta thế nào tùy ý.

Hạt san hô đáp:

— Hỡi công chúa em thấy làm như cô nói là tốt nhất.

Rồi cô nữ tỳ lập tức ngấm ngầm chuẩn bị hành trang. Nhưng cả hai đều phải chờ dịp. Dịp ấy chẳng mấy chốc đến ngay. Đó là dịp nhà vua đi săn và Sackân ra nơi biên thùy thanh tra đồn lũy. Abriza liền bảo Hạt san hô:

— Đêm nay ta phải đi ngay thôi. Nhưng chống sao được số phận. Nó đã ghi lên trán ta rằng trong ba bốn ngày nữa là ta sinh nở. Dù sao cũng phải đi. Có thế nào cũng còn hơn để trong cung này. Em phải tìm một người đàn ông sẵn sàng cùng đi với chúng ta, vì cả đến thứ vũ khí nhẹ nhất ta cũng không còn đủ sức cầm nữa.

Hạt san hô nói:

— Lạy chúa Ala! Em chỉ biết có một người có thể đi với chúng ta và bảo vệ chúng ta. Đó là tên da đen

to lớn Môrô của vua Ôma an-Nêmàn. Em đã làm ơn cho hắn và thưởng tiền cho hắn nhiều lần. Hắn nói xưa kia hắn là một tên cướp đường. Hắn phải canh cửa tòa lầu chúng ta. Em sẽ tìm hắn và lấy vàng cho hắn. Em lại sẽ nói với hắn rằng về đến nước chúng ta, ta sẽ cho hắn được lấy một cô gái Hy Lạp đẹp nhất miền Caitxaria.

— Em Hạt san hô! đừng nói gì với hắn cả. Cứ dẫn hắn đến đây, để ta nói cho.

Hạt san hô đi tìm anh da đen:

— Này anh Môrô, cái ngày may mắn của anh đến rồi đấy! Muốn phát tài thì cô chủ ta bảo gì anh cứ việc làm là được. Đi nào!

Cô nắm tay hắn dẫn đến chỗ công chúa Abriza.

Khi tên da đen Môrô thấy công chúa, hắn tiến lên và hôn tay nàng. Lòng nàng muốn đẩy hắn đi. Vẻ người hắn làm nàng ghê tởm. Nhưng nàng nghĩ: « Cần thì phải tỉnh ». Và mặc dù ghê sợ hắn, nàng cũng nói:

— Môrô này, anh thấy có thể giúp chúng ta qua cơn hoạn nạn được không? Và nếu ta cho anh biết điều bí mật của ta liệu anh có thể giữ không để lộ được chăng?

Tên da đen vừa mới nhác thấy công chúa Abriza, lửa tình đã bốc cháy cõi lòng. Hắn nói:

— Thưa cô chủ! Cô truyền điều gì tôi cũng xin làm.

— Nếu thế ta nhờ anh tìm ngay cho hai con la để mang hành lý, hai con ngựa để cưỡi rồi giúp ta và người nữ tỳ Hạt san hô này ra khỏi nơi đây. Ta hứa khi ba chúng ta về đến nước của ta, ta cho anh chọn cô gái Hy Lạp đẹp nhất mà cưới cho anh. Ta sẽ cho rất nhiều vàng bạc của cải. Sau đấy, nếu anh muốn về đây, ta cũng sẽ ban cho anh nhiều tặng vật và cho về.

Nghe thấy thế, tên da đen Môrô thấy nở nang khúc ruột:

- Hỡi cô chủ của tôi! Tôi sẽ xin đem hết sức phục dịch hai cô. Nhất định tôi sẽ đi cùng các cô. Tôi sẽ sửa soạn ngay ngựa cưỡi và các thứ cần dùng.

Hắn đi ra, nghĩ bụng:

– Miếng mồi ngon quá, và may mắn chừng nào? Ta sẽ được hưởng cái nhục khoái với hai con người đẹp như mặt trăng này. Đứa nào không ưng ta giết ngay. Và ta sẽ lấy hết của cải của chúng.

Quyết định thế rồi, hắn sửa soạn đủ các thứ cần dùng. Rồi mặc dù Abriza đang trong tình trạng như thế, cả ba người đã ra khỏi được tòa lâu mà không ai biết.

Nhưng đi được đến ngày thứ tư vì công chúa đau bụng giở dạ nên phải dừng lại. Và không chịu được nữa, nàng nói với tên da đen:

– Môrô hỡi, hãy đỡ ta xuống ngựa. Ta đau quá. Thế là hết!

Nàng lại nói với Hạt San Hô:

– Em nữa, em cũng xuống ngựa đi, cúi xuống cho ta tựa để ta đẻ.

Nhưng một khi cả ba người đã xuống ngựa rồi thì tên da đen Môrô trước nhan sắc mê hồn của công chúa thấy bị kích thích dữ dội. Hắn không giữ được nữa tiến lại gần công chúa.

Tên da đen nói:

– Hỡi cô chủ của tôi, xin cô để tôi được làm chủ người cô.

Công chúa giận lắm:

– Hỡi tên mọi kia, con của một tên mọi! Hỡi đứa con của những tên nô lệ, mi dám nghênh ngang trước

mặt ta thế à? Ta không có gì tự vệ, bị rơi vào tay tên mọi nô lệ da đen mạt hạng này. Nhục nhã cho ta biết chừng nào. Đồ khốn nạn! Cầu chúa Ala! Vì chỉ có chúa là có thể giúp ta khỏi tình trạng này và chữa khỏi cho ta những vết thương đã khiến ta bất lực. Khi đó ta sẽ tự tay trừng phạt sự hỗn xược của mi. Ta không để mi đụng đến ta đâu, ta thà tự sát để kết liễu những nỗi đau đớn khổ sở của đời ta!

Mi cũng đừng hy vọng chạm đến người ta, trừ phi lấy kiếm sắc mà lưỡi đã nhúng vào nước Iaman chặt ta ra thành từng mảnh.

Và đừng quên rằng ta là một người có dòng máu trong sạch, cao quý tuyệt vời. Hỡi tên nô lệ kia! Mi dám ngước mắt nhìn ta ư?...

Tên mọi Môrô trước những lời sỉ vả ấy, nổi điên lên. Mặt hắn đọng máu lại vì căm tức, gân mặt co lại vì bất bình, hai lỗ mũi hắn phình lên, đôi môi dày rúm lại. Cả người hắn rung lên. Hắn thét:

– Hỡi người đàn bà kia đừng xua đuổi ta như thế. Ta là một nạn nhân của nàng. Những tia mắt chiến thắng của nàng đã tàn sát ta, ta đã kiệt sức rồi, một chút kiên nhẫn trong lòng cũng không còn nữa. Giọng của nàng, chỉ cần nghe một chút, cũng như thu lấy hồn ta và làm cho ta mê mẩn. Và trong khi ham muốn đến có thể chết đi được, ta cảm thấy trí khôn của ta bay đâu mất. Ta bảo cho nàng biết rằng dù nàng có rải ra trên khắp mặt đất này những kẻ canh giữ và bảo vệ nàng, ta cũng có thể sẽ đạt được sở nguyện của ta và uống được thứ nước ta thiếu, thứ nước thiên nhiên giải khát cho ta.

Nghe những câu ấy, Abriza căm giận đến khóc lên. Nàng cũng thét lên:

— Hỡi tên nô lệ vô liêm sỉ kia, tên mọi dâm dục kia, mi tưởng rằng tất cả phụ nữ đều giống nhau sao và mi lại dám tiếp tục nói với ta như thế?

Tên mọi Môrô thấy Abriza nhất định xua đuổi hắn, hắn điên lên, cầm kiếm trong tay, nhảy xổ đến túm tóc công chúa và đâm một nhát xuyên suốt người nàng, rồi vội vàng cướp lấy những con la chở nặng của cải tiền bạc, ba chân bốn cẳng trốn vào rừng.

Công chúa Abriza, lúc hấp hối, đã sinh ra một đứa con giai trong tay người nữ tỳ trung thành Hạt san hô. Hạt san hô trong cơn đau khổ vò bụi đầy đầu, xé quần xé áo tự tát vào má đến bật máu ra. Nàng kêu:

— Hỡi cô chủ bất hạnh! cô một nữ dũng tướng, một con người quả cảm mà đến nỗi phải chết thế này vì một tên mọi nô lệ khốn kiếp!

Vừa than khóc xong, nàng thấy một đám bụi bốc lên mù trời và tiến đến gần rất nhanh: một đoàn bộ binh và kỵ binh, quân phục giống như ở Caitxaria hiện ra. Đúng là đội quân của vua Hácđôbiốt xứ Caitxaria, cha nàng Abriza. Nghe tin Abriza đã chạy trốn khỏi tịnh xá, vua đã tập hợp quân lính, đích thân chỉ huy tiến về phía Bátđa. Thế là ông đến đây, chỗ con gái ông, Abriza vừa bị nạn. Thấy thây con gái máu me đầm đìa vua nhảy xuống ngựa ôm lấy con, ngất đi. Hạt san hô lại than khóc thảm thiết hơn. Khi vua tỉnh lại, nàng kể lại sự tình và nói:

— Đứa đã giết con gái bệ hạ là một tên mọi trong số những tên mọi của vua Ôma an-Nêmân, một tên vua dâm bạo đã làm cho công nương đến nông nỗi này.

Nghe nói, vua Hácđôbiốt thấy giời đất tối đen lại, và quyết trả thù một cách thật gớm ghê. Ông gọi mang một cái cáng đến, đặt xác con vào và trước hết hãy trở về Caitxaria để làm lễ an táng cho con đã.

Về đến Caitxaria, ông vào cung gọi bà nhũ mẫu, mụ Quái ác, đến:

– Hỡi nhũ mẫu hãy nhìn xem bọn Hồi giáo đã làm cho con gái ta nên thế này đây! Tên vua thì cướp trinh con gái ta, tên nô lệ, định hãm hiếp không được, đã giết chết con gái ta. Con gái ta đã sinh đứa bé này mà Hạt san hô đang săn sóc. Ta lấy Chúa cứu thế thề rằng ta sẽ báo thù cho con gái ta và rửa cái vết nhơ bôi trát vào người ta. Nếu không ta thà tự sát mà chết quách.

Rồi ông khóc nức nở. Mụ Quái ác nói:

– Về việc báo thù xin nhà vua đừng bận tâm đến. Để mặc mình tôi bắt tên Hồi giáo đó đền tội của hắn. Tôi sẽ giết hắn, hắn và con cái của hắn, và giết thế nào để sau này khắp nơi trên trái đất sử sách sẽ ghi câu chuyện mà người đời kể lại cho nhau nghe mãi mãi. Nhưng vua phải làm theo điều tôi sắp nói và làm cho thật đúng. Phải cho gọi đến cung nhà vua năm cô gái đẹp nhất thành Caitxaria, những cô có bộ ngực đẹp nhất và hãy còn nguyên vẹn chữ trinh. Đồng thời phải mời những nhà thông thái nổi tiếng nhất, những nhà khoa bảng giỏi nhất trong các vùng Hồi giáo lân cận. Rồi vua ra lệnh cho những nhà thông thái ấy phải nuôi dạy những cô gái trẻ tuổi theo phương pháp của họ. Như thế, họ sẽ dạy luật pháp Hồi giáo, lịch sử những người Arập, sử biên niên của các vị giáo chủ cùng tất cả những hành động của các bậc Hồi vương. Họ lại dạy cho cách cư xử, khoa lễ phép, cách ăn nói đối đáp với các bậc vua chúa, và khi vua chúa yến ẩm, họ biết đọc cho nghe một cách duyên dáng nhất những câu thơ hay nhất; dạy cho cách làm thơ và thảo biểu chiếu, dạy cho nghệ thuật hát xướng. Sự rèn luyện ấy phải hoàn bị dù có phải kéo dài mười năm. Chúng ta phải kiên nhẫn và nhớ rằng người Arập ở Sa mạc

có câu: «Sự phục thù vẫn còn thực hiện được dù bốn mươi năm đã qua.» Vì sự phục thù mà tôi nghiền ngẫm, chỉ có thể thực hiện được sau khi những người con gái kia được dạy bảo đầy đủ như trên. Cũng phải nói để nhà vua hiểu rằng tên Hồi vương kia có cái tật thích ngủ với nữ tỳ. Hắn đã có ba trăm sáu mươi cô rồi không kể cái số một trăm cô gái mà công chúa vừa chết đi để lại, và cái số phụ nữ mà khắp nơi đem đến tiến cống cho hắn. Tôi sẽ lợi dụng cái sở thích của hắn để làm cho hắn phải chết.

Nghe nói thế vua Hacđôbiốt mừng lắm. Ông ta ôm đầu mụ Quái ác mà hôn và lập tức cho người đi tìm những nhà thông thái Hồi giáo và những người con gái trẻ, vú tròn, và còn nguyên vẹn trinh tiết.

Ông tiếp đãi những nhà thông thái rất trọng hậu, tặng nhiều quà cáp, rồi chọn từng cô để họ giáo dục theo cách Hồi giáo. Họ xin thực hiện chu đáo lời vua truyền...

Còn về phần vua Ôma an-Nêmân, khi đi săn về, nghe tin Abriza bỏ trốn, ông buồn bực lắm. «Sao một người đàn bà ra khỏi cung điện của ta, mà không một ai biết? ông nghĩ. Vương quốc của ta sẽ nguy mất. Lần sau đi đâu ta phải cho canh giữ cẩn thận mới được».

Vừa lúc ấy, Sackân trở về và được cha cho biết về Abriza. Từ hôm ấy, chàng không thể nào nhìn cung điện vua cha được nữa, nhất là Nôzatu và Đunmakân lại được vua cha chăm sóc tỉ mỉ. Càng ngày chàng càng thấy buồn khổ hơn. Thấy chàng da mặt vỗ vàng, thân hình gầy ốm, vua cha hỏi duyên do.

— Thưa cha, con không thể ở đây được nữa, chàng đáp. Cha cho con làm tổng đốc một thành phố trọng yếu nào đó, để con đến sống cho trọn đời.

Rồi chàng đọc câu thơ này của bậc thầy ngạn ngữ: « *Với tôi, ra đi êm ái hơn ở lại, vì mắt sẽ không phải thấy, tai sẽ không phải nghe những điều gợi nhớ người bạn gái dịu dàng đã bỏ đi.* »

Vua Ôma hiểu nỗi buồn của con. Ông nói:

— Nguyện vọng của con sẽ được thực hiện. Điểm trọng yếu của toàn đế quốc ta là thành Đamát. Ta phong ngay cho con làm Tổng đốc thành ấy.

Ông triệu các viên lục sự của triều đình và các vị đại thần đến, tuyên bố phong chức cho Sackân. Lệnh được chép vào quốc sử và ban bố ngay. Từ biệt cha, mẹ, từ biệt tể tướng Đandân và triều đình, Sackân dẫn đoàn thị vệ đến Đamát. Đamát trang hoàng, đèn đuốc sáng trưng, Tiếng địch thổi, tiếng não bạt vang lừng. Nhân dân đi đón từng đoàn, hàng ngũ chỉnh tề, hai bên đường.

Sackân đi rồi, vua Ôma cho mời mấy nhà bác học đến hỏi han tình hình dạy dỗ, săn sóc hai con nhỏ của mình.

— Tâu đức vua, họ nói, công chúa và hoàng tử đã học tốt những châm ngôn đạo đức, học lễ độ, học văn chương, học đường cư xử.

Vua hài lòng lắm, bèn tặng các thầy bao nhiêu thứ đẹp.

Đunmakân mười bốn tuổi, ngày một duyên dáng đẹp trai và trở thành một kỵ mã tài hoa. Chàng thích những lễ nghi tôn giáo, mộ đạo, thương người nghèo, ưa nhất là được giao du với các nhà thông thái, với thi nhân, cùng những ai thạo pháp luật, thuộc kinh thánh. Nhân dân Bátđa đều yêu chàng, cầu chúa phù hộ cho chàng.

Một hôm, có đoàn hành hương viếng thánh địa hàng năm, từ Irắc đi La Mêch qua Batđa đến Mêđin, có mộ đức Sứ giả (cầu chúa cho Ngài bình an).

Đoàn người đi qua kích động lòng mộ đạo của Đunmakân. Chàng chạy tìm cha xin cho đi đất Thánh. Vua Ôma khuyên can, không clio đi:

– Con hãy còn nhỏ. Năm tới cha đi, sẽ cho con đi theo.

Đunmakân thấy năm tới còn xa, liền chạy đến người chị sinh đôi với mình là Nôzatu giữa lúc cô đang cầu kinh. Chờ chị làm lễ xong, chàng bàn:

– Em muốn đi hành hương chết đi được, muốn viếng mộ đức sứ giả (cầu cho Ngài bình an). Em xin phép cha không được. Em định lấy ít tiền trốn đi.

Nôzatu thích thú nói: « Cầu chúa! em cho chị đi theo với, đừng bắt chị ở nhà. »

– Được, đêm, chị đến tìm em. Không được nói với ai nhé.

Nửa đêm, Nôzatu thức dạy, lấy quần áo của em mặc để cải trang, giắt ít tiền rồi đi ra cổng. Đunmakân đã chờ sẵn, với hai con lạc đà. Đunmakân nhấc chị lên lưng một con đang quì, còn mình cưỡi con kia. Đoàn ra khỏi Bátđa. Nhờ chúa che chở, họ đến La Mêch bình an, vô sự.

Hai chị em Đunmakân được trèo lên núi Arafat, được hành lễ, lại được đi vòng quanh Kaiba. Họ thích lắm, lại đi đến tận Mèđin để được thành kính viếng mộ đức Sứ giả cho thỏa lòng mộ đạo.

Đoàn hành hương chuẩn bị về nước. Đunmakân chưa muốn về, bảo chị:

– Em thèm đến đất thánh của Abraham, bạn chúa Ala, nơi mà người Do thái và người Thiên chúa giáo gọi là Jêruyzalem.

– Chị cũng vậy.

Hai chị em theo một đám người cùng đi. Giữa đường, vì gian lao quá, hai người lên cơn sốt vài ngày: Nôzatu khỏi, nhưng Đunmakân thì sốt nặng mãi lên. Đến Jêruyzalem, họ thuê một căn buồng nhỏ ở chợ. Đunmakân nằm vật một xó bất tỉnh, bệnh nặng thành mê sảng, Nôzatu không rời, em lo lắng, buồn bã ở nơi đất khách quê người, không ai an ủi, đỡ đần.

Dần dần tiền hết nhẵn, Nôzatu phải nhờ một chú bé bán hộ một chiếc áo. Hành lý mang theo cứ bán dần, lấy tiền thuốc thang cho em. Cuối cùng chỉ còn mấy cái áo cũ mặc trên người và một chiếc chiếu rách tả tơi để nằm. Ngẫm nghĩ đến tình cảnh, Nôzatu khóc thầm

Tối hôm ấy, Đunmakân tỉnh lại, bệnh đã đỡ. Thấy đói, chàng bảo chị:

– Em thấy lại sức, thèm ăn một xâu thịt cừu nướng.

– Em ơi, làm gì còn tiền mà mua thịt. Chị không thể ngửa tay ăn mày khách qua đường. Nhưng em cứ yên tâm. Ngay ngày mai, chị sẽ tìm một nhà giàu xin vào làm con ở, có thể có tiền. Có điều, ban ngày phải để em ở lại một mình, chị không đành. Nhưng biết làm sao? Chỉ có chúa Ala tối cao mới có sức mạnh và quyền lực. Chỉ có chúa mới giúp ta về tới nhà.

Nói rồi, cô khóc nức nở.

Sáng hôm sau, Nôzatu dạy sớm, Cô lấy miếng vải áo khoác cũ bằng lông lạc đà mà người chăn lạc đà láng giềng tốt bụng đã cho. Cô đến hôn lên đầu em, ôm choàng lấy cổ em khóc, rồi ra khỏi chợ, không biết đi đâu.

Suốt ngày hôm ấy, Đunmakân chờ chị về. Tối đến, rồi suốt đêm, chàng chờ, không chợp mắt. Suốt ngày hôm sau, và đêm sau cũng thế. Đunmakân sợ cho chị, tim đập mạnh. Vả lại, hai ngày chàng chưa có một tí

gì vào bụng. Chàng lê đến cửa nhờ một chú bé dìu ra chợ. Chú bé cõng đến một cửa hiệu đã đổ nát, đặt chàng ngồi dựa vào cửa.

Người qua lại, và những nhà buôn ở chợ xúm quanh chàng, thấy chàng yếu và gầy quá, đem lòng thương hại. Đumakân không còn sức nói ra hơi, làm hiệu cho biết là mình đói. Người ta cầm một chiếc đĩa nhỏ bằng đồng đi quyên lấy tiền mua cho chàng ăn. Quyên được ba mươi đồng. Họ bàn nên dùng món tiền ra sao có lợi nhất cho người ốm. Một ông già nói:

— Tốt nhất là thuê một con lạc đã chở cậu ta đến Đamát vào cái nhà thương mà Giáo chủ từ thiện xây cho người ốm. Để ở đây, không ai chăm sóc đến chết mất.

Mọi người tán thành. Nhưng vì đêm khuya, phải chờ sáng vậy. Người ta đặt cạnh Đunmakân một bình nước và ít thức ăn. Chợ sắp đóng cửa. Mọi người ra về, ai cũng ái ngại cho chàng. Đunmakân nghĩ đến chị, không ngủ được. Ốm, mệt quá, chàng chỉ ăn uống tí chút.

Hôm sau, người ta thuê một con lạc đà dề chở Đunmakân đến Đamát. Tên dắt lạc đà nghĩ « chở một kẻ sắp chết từ Jêruyzalem đến Đamát thì chở làm sao ». Y đặt Đunmakan lên lưng lạc đà, nói vài câu với con vật, và giật giật chiếc giây quàng ở cổ nó. Con lạc đà đứng dạy bước đi, Qua vài phố, y dừng lại trước một nhà tắm công cộng. Y bế Đunmakân đã bất tỉnh đặt trên một đống củi, rồi vội vàng chuồn mất.

Người dốt lò đến thấy một thân hình nằm ngửa, bất dộng. « Ai lại vứt một cái xác ở đây thế này? Sao không chôn đi? », anh nghĩ. Anh định dẩy cái xác ra xa thì Đunmakân cựa mình.

— Ôi, không phải xác chết. Anh kêu lên. Chắc là một kẻ nhai hatsit [1] đêm tạt qua đây mà ngủ trên đống củi này của ta. Này! đồ say rượu, đồ nhai hatsit!

Anh ta cúi sát mặt để thét câu ấy thì thấy đấy là một chàng trai trẻ, má chưa có lông tơ, vẻ mặt quí phái và tuyệt đẹp dù gầy và bị bệnh tàn phá. Anh ta thấy thương hại. « Chỉ có chúa Ala là có sức mạnh và quyền lực », anh nghĩ. « Ta vừa phán đoán sai về một chàng trai nghèo, người phương xa, lại đau ốm. Đức sứ giả (cầu chúa ban phúc cho Ngài) đã bao lần dặn chúng ta đừng xét đoán vội vàng, phải nhân từ, hiếu khách đối với người phương xa đến, nhất là khi họ ốm đau ».

Anh vội cõng chàng về, bảo vợ săn sóc, chị vợ trải một tấm thảm, để một chiếc gối mới, sạch, nhẹ nhàng đặt người ốm nằm xuống. Chị đun nước rửa tay chân mặt mũi cho chàng. Anh chồng thì ra chợ mua nước hoa hồng và đường đem về làm kem cho chàng ăn, rẩy chút nước hoa hồng lên mặt người ốm. Rồi anh lấy trong hòm một chiếc sơ mi sạch ướp hoa nhài mặc cho chàng.

Hơi mát thấm vào, Đunmakân thấy lòng hây hây như có một hơi gió nhẹ khoan khoái thoảng qua Chàng tì tay vào gối, ngẩng lên. Anh đốt lò mừng lắm « cảm tạ Chúa Ala đã cho chàng đỡ bệnh. Lạy chúa! Xin lượng hải hà vô biên của chúa cho con săn sóc chàng thanh niên này khỏi bệnh ».

Ba ngày liền, anh cầu nguyện cho sức khỏe của Đunmakân, sắc thuốc mát cho uống với nước hoa hồng,

---

1) Một thứ thuốc mê, thuốc say rút ở một thứ gai Ấn Độ. Người Ảrập thường dùng, nhai cho say.

chăm sóc từng li từng tí. Chàng khỏe dần, có thể mở mắt nhìn ánh sáng và thở hít không khí bình thường.

Anh đốt lò ra chợ mua mười con gà giò, về bảo vợ làm thịt mỗi ngày hai con cho chàng ăn: một con buổi sáng, một con buổi chiều. Chị vợ y lời chồng mỗi ngày cắt tiết luộc hai con, hai bữa. Anh còn mua nước đường hoa đồng thảo và nước hoa hồng cho chàng uống.

Lương công nhật của anh đốt lò ở nhà tắm công cộng là năm đồng thì tiêu hai đồng cho Đumakân về ăn uống. Như thế trong một tháng nữa cho đến khi Đunmakân bình phục hẳn không còn chút dấu hiệu bệnh tật. Hai vợ chồng mừng quá.

– Bây giờ khỏi rồi, cậu đi tắm cho mát mẻ.

Đunmakân bằng lòng. Anh đốt lò ra chợ thuê một người dắt lừa đưa chàng đến nhà tắm công cộng. Anh đốt lò cũng đi kèm để chăm sóc. Đến nhà tắm trong khi Đunmakân cởi quần áo thì anh chạy đi mua mấy thứ cần dùng cho buổi tắm. Về đến nơi, anh kỳ cọ cho chàng, bắt đầu từ chân. Người xoa bóp của nhà tắm đến muộn xin lỗi anh.

– Ôi! anh bạn! người đốt lò nói, tôi vui được giúp anh, lại giúp được luôn chàng thanh niên này là khách của gia đình tôi.

Người xoa bóp chạy đi gọi người thợ cạo và người nhổ lông, nhổ tóc đến. Họ cạo mặt, nhổ lông cho Đumakân, xong dội nước. Người đốt lò bảo chàng đứng trên một cái bục, mặc cho chàng một áo lót mỏng, cái áo dài, chít vào đầu một cái khăn xinh xắn, quấn quanh người một thắt lưng bằng len ngũ sắc. Xong xuôi đưa chàng ra đỡ lên lưng lừa về.

Chị vợ anh đốt lò ở nhà đã chuẩn bị đón chàng. Nhà cửa, chăn gối đều sạch sẽ. Anh đốt lò lấy kem,

nước đường rưới nước hoa cho chàng uống, đem gà và nước đùng lên cho ăn uống no nê. Đunmakân hết lời cảm ơn.

– Không cần! Tôi có điều này muốn hỏi. Cậu từ đâu đến, tên là gì? Nhìn vẻ mặt và phong tư, tôi chắc cậu phải là con nhà danh gia thế tộc.

– Trước khi tôi kể chuyện tôi, tôi muốn bác cho tôi biết bác cứu tôi thế nào và ở đâu.

– Một buổi sáng, tôi đến làm việc ở nhà tắm công cộng thì nhặt được cậu ở trước cửa, trên một đống củi. Tôi không hiểu ai vứt cậu ở đấy. Và tôi đưa cậu về. Thế thôi.

– Cảm tạ Đức đã hồi sinh cho nắm xương tàn. Bác ơi, tôi không phải là đứa vô ơn. Mong cho bác chóng được nghiệm thấy điều này. Xứ này là đâu vậy?

– Cậu đương ở trên đất thánh Jêruyzalem. Đunmakân cay đắng nhận thấy mình xa xứ sở quá, và xa người chị Nôzatu. Chàng không cầm được nước mắt, thuật lại chuyện mình nhưng giấu không cho biết mình là con vua.

– Cậu đừng khóc, người đốt lò nói, trái lại nên cảm ơn chúa Ala đã cứu cậu, cho cậu khỏi bệnh.

– Từ đây đến Đamát có xa không?

– Sáu ngày đường.

– Tôi muốn đến đấy quá.

– Ôi, cậu chủ trẻ của tôi! Làm sao tôi có thể để cậu đi Đamat một mình. Cậu còn ít tuổi, tôi sợ cho cậu lắm. Nếu cậu nhất định muốn đi, tôi sẽ đi cùng, và sẽ bảo mụ nhà tôi cùng đi. Như thế, tất cả chúng ta sẽ đến Đamát mà lữ khách hết lời ca ngợi nước trong quả ngọt.

Anh đốt lò hỏi vợ:

— Mụ có muốn theo chúng tôi đến thành Damát thần tiên không, hay cứ ở nhà đợi tôi về? Thế nào tôi cũng phải đưa khách của chúng ta đến đấy. Phải xa cậu. lại để cậu đi một mình, tôi không nỡ. Cậu thì còn trẻ, đường đi chưa biết. Người ta còn bảo ở Đamát nhiều người hư hỏng, ăn chơi.

— Tôi xin theo với, chị vợ nói.

— Cảm tạ chúa! thuận vợ thuận chồng, thế là tốt. Người đốt lò thu nhặt của cải trong nhà: chiếu, gối xoong, chảo, cối, mâm, đệm... đem ra chợ bán đấu giá, được tất cả là năm mươi đồng. Anh ta mua một con lừa, để Đunmakân cưỡi, còn hai vợ chồng đi bộ, theo sau. Họ đến Đamát vào một buổi tối. Và trọ ở chỗ nghỉ của các thương đội. Anh đốt lò vào chợ mua thức ăn thức uống. Họ ở chỗ trọ năm ngày. Vợ anh. đi đường mệt nhọc quá, lên cơn sốt và vài ngày sau từ trần, được chúa Ala xót thương và ân xá.

Đunmakân buồn lắm, vì người đàn bà ấy đã chăm sóc chàng tận tình. Lòng chàng để tang người xấu số. Chàng an ủi người đốt lò đang đau khổ:

— Bác đừng buồn! tất cả chúng ta ai cũng phải đi con đường ấy và qua cửa ấy mà thôi!

— Cám ơn tấm lòng của cậu! Cầu chúa, một ngày nào đó, cho chúng ta đổi sầu làm vui. Mọi việc đều đã định sẵn. Buồn mãi làm gì. Thôi, chúng ta hãy đi xem thành phố Đamát này. Tôi không muốn cậu phải buồn lâu.

— Tôi xin theo ý bác.

Hai người dắt tay nhau đi các phố, các chợ. Họ đến trước một tòa nhà lớn, có những chuồng ngựa của vị đô trưởng thành Đamat. Trong sân có vô số ngựa và la. Nhiều con lạc đà trên lưng chất đầy đệm, gối, balô, hòm, đủ các loại đồ nặng. Hàng lũ nô lệ, đầy tớ.

trẻ, già, kẻ nói, người hò ầm ĩ. Đunmakân nghĩ bụng: «Nô lệ, lạc đà, những chiếc hòm ai biết là của ai» chàng hỏi một người đầy tớ thì được biết một phần là tặng phẩm của đô trưởng thành Đamát đem tiến vua Ôma An-Nêmân, phần còn lại là cống phẩm hàng năm mà thành Đamát phải nộp cho vua Ôma.

Nghe đến tên vua Ôma, Đunmakân lại ứa nước mắt.

– Cậu ơi! vừa qua, phải mất nhiều công của lắm cậu mới hồi phục được sức khỏe. Xin cậu bình tĩnh lại. Khóc nhiều quá, nhỡ ốm lại thì sao. Tôi buồn và sợ cho cậu lắm.

Đunmakân vẫn chưa tự chủ được mỗi khi nhớ chị, chàng lại khóc.

Người đốt lò, ngẩn người ra, không muốn quấy chàng:

– Cậu chủ trẻ của tôi! Cậu hiện nghĩ tới xứ sở và cha mẹ phải không?

– Đúng thế! Tôi không thể ở đây lâu hơn nữa. Thôi xin chào vĩnh biệt. Tôi sẽ cùng đi với đoàn này, từng chặng một, không mệt lắm đâu, và như thế sẽ cùng họ đến Bátđa, thành phố của tôi.

– Được, để tôi đi với cậu. Tôi không thể để cậu đi một mình cũng không thể xa cậu. Tôi đã bắt đầu thành người bảo vệ của cậu rồi, thì giờ đây không thể dừng lại giữa đường..

– Vì sự tận tình của bác, cầu chúa Ala ban phúc lành và của cải cho bác.

Đunmakân rất mừng được người đốt lò đi nữa. Anh này nói với Đunmakân cứ việc cưỡi lừa mà đi, khi nào thấy chán muốn xuống đi bộ một chút, tùy ý.

Đunmakân cảm ơn:

– Quả thật bác đối xử với tôi còn hơn cả anh đối với em.

Hai người chờ mặt trời lặn, đêm mát mẻ là lên đường cùng cả đoàn kia...

Còn Nôzatu ? Nàng từ khu chợ ở Jêruyzalem đi tìm một chỗ làm nô lệ kiếm ít tiền thuốc thang cho em và mua cho em một xâu thịt cừu nướng. Nàng lấy miếng áo khoác cũ trùm lên đầu rồi đi lang thang khắp các thành phố chẳng biết nên đi đâu. Em ốm, lại bơ vơ nơi quê người, lòng nàng ngổn ngang trăm mối. Nàng cầu chúa Ala từ bi.

Bỗng đâu có một đầu mục Bêđoanh[1] theo sau là năm người Bêđoanh khác. Hắn chăm chú nhìn nàng. Hắn thấy lòng nổi sóng dục. Hắn theo đến một ngõ hẹp, vắng, thì dừng lại trước mặt nàng hỏi:

– Cô là dân tự do hay nô lệ?

Nôzatu đứng im một lát rồi nói:

– Ôi vị khách qua đường, xin đừng hỏi những câu làm tăng nỗi buồn nỗi khổ của tôi.

– Ta hỏi vì ta có sáu đứa con gái, chết mất năm, chỉ còn đứa thứ sáu sống một mình trong nhà nên buồn. Ta muốn kiếm cho nó một cô bạn. Ta ước ao cô là dân tự do để mời cô làm khách gia đình, làm con nuôi, bạn với con gái ta cho nó khuây khỏa nỗi tang tóc từ khi các chị nó mất.

Nôzatu thấy bối rối:

– Thưa ông, tôi từ xa đến. Tôi có một người em đang ốm. Tôi có thể đến nhà ông làm bạn với cô gái út, nhưng tối đến, tôi xin được trở về săn sóc em tôi.

– Ồ được quá! Cô chỉ làm bạn với con tôi ban ngày thôi. Và nếu cô muốn, ta có thể đưa em cô về nhà ta để khỏi bị lẻ loi.

---

(1) *Bêđoanh*: giống người Arập ở Bắc Phi.

Tên khốn kiếp ngọt ngào là để quyến rũ cô, chứ nào hắn có con có cái, có nhà có cửa gì đâu. Hắn cùng năm tên kia và Nôzatu ra ngoại thành phố đến một nơi đã chuẩn bị sẵn sàng lên đường: những con lạc đà đã sẵn đồ đạc trên lưng, những bao bằng da dê đầy nước. Tên đầu mục lên lạc đà, đặt Nozatu ngồi sau và ra lệnh xuất phát. Đoàn người và lạc đà đi xa mãi. Nôzatu chợt hiểu là tên Bêđoanh đã lừa, bắt cóc nàng. Nàng than vãn khóc lóc về số phận mình, về người em bị bỏ lại không ai cứu chữa. Tên Bêđoanh không tỏ ra mảy may cảm động. Đoàn người đi suốt đêm, không nghỉ. Sáng đến một nơi an toàn trong sa mạc. Nôzatu vẫn khóc. Tên Bêđoanh cho đoàn dừng lại. Hắn nổi giận mắng nàng:

— Con bé thị thành xấu xa, chỉ thích ở lì một chỗ, nhát như thỏ kia, mi có nín đi không, hay muốn ăn roi?

Nghe những lời tàn nhẫn của tên Bêđoanh, Nôzatu thấy không chịu được, muốn chết cho rồi. Nàng thét lên:

— Tên tướng cướp sa mạc kia, tên gieo họa đáng chịu hỏa hình ở địa ngục kia, mi lừa ta, mi phản bội đức tin, mi nuốt lời hứa. Đồ phản trắc khốn nạn, mi định làm gì ta?

Tên Bêđoanh điên cuồng, giơ roi, hét:

— Con bé thị thành xấu xa kia! Ta thấy rõ là mi thích cho đôi mông ăn đòn. Không câm ngay tiếng khóc, cứ quấy rầy ta vì những lời ngạo mạn đám thốt ra trước mặt ta, thì ta sẽ rút lưỡi mi ra mà cắn ngay vào giữa đồ của mi. Ta lấy mũi ta mà thề như thế.

Nôzatu vốn không quen thứ ngôn ngữ thô lỗ ấy. Nghe những lời đe dọa khủng khiếp của tên Bêđoanh, nàng sợ run lên, cố nín. Nàng trùm kín đầu, thì thầm:

«Ôi! ai có thể đem những giọt nước mắt của ta đến xứ sở mến yêu, nơi ta ở?

Than ôi! cuộc đời toàn đắng cay đau khổ, ta có thể nào chịu đựng lâu hơn?

Hỡi ôi! được nuông chiều trong hạnh phúc để giờ đây rơi vào tình trạng khốn khổ đáng thương thế này ư?

Ôi! ai có thể đem những giọt nước mắt của ta đến xứ sở mến yêu, nơi ta ở?»

Tên Bêđoanh vốn thích thơ, nghe mấy câu vần điệu tuyệt vời này, đem lòng thương hại cô bé. Hắn lại gần lau nước mắt cho cô rồi đưa cho một chiếc bánh khô đại mạch.

— Lần sau, khi ta nổi nóng thì không được nói lại, hắn dặn. Ta không chịu được, tính ta thế. Mi hỏi ta định làm gì mi. Thế này nhé. Ta vốn không có ý định lấy mi làm vợ bé hoặc làm con hầu mà muốn bán mi cho một phú thương. Người ta sẽ đối xử dịu dàng và làm cho mi sung sướng cũng như ta vậy thôi. Ta sẽ đưa mi đến Đamát để bán.

— Cái đó, tùy ông. Nôzatu nói.

Đoàn người và lạc đà lại lên đường về phía Đamát. Nôzatu vẫn ngồi sau tên Bêđoanh. Cô đói lắm giở chiếc bánh khô đại mạch ra ăn.

Đến Đamát, họ nghỉ lại ở trạm Xuyntani gần Bapen Malếch. Nôzatu buồn quá, mặt xanh xao và vẫn khóc hoài. Tên Bêđoanh cáu tiết:

— Mi không thôi khóc, nhan sắc giảm sút, mất giá đi thì ta chỉ có thể bán mi cho một tên Do thái keo kiệt. Nên nghĩ đến điều ấy, con bé thị thành xấu xa kia!

Tên Bêđoanh cẩn thận nhốt cô trong một gian buồng, vội đến chợ nô lệ tìm mấy thương gia gạ bán một nữ nô đem từ Jêruyzalem đến.

— Hắn có một người em ốm, tôi phải để lại ở một nhà bà con của tôi để chạy chữa. Vậy ai muốn mua

thì bảo là em hắn ở Jèruyzalem được chữa chạy trong nhà mình. Nói thế tôi sẽ bán rẻ cho.

Một người lái hỏi :

— Hắn bao nhiêu tuổi ?

— Đó là một cô gái còn trinh, đã đến tuần cập kê, thông minh, lễ độ, tế nhị, đẹp đẽ, hoàn toàn. Phải cái từ khi em hắn đau, hắn buồn lo, nên gầy yếu đi, đẫy đà có phần kém trước. Tuy vậy, khi quên được nỗi buồn và nếu được tầm bổ thì cũng chóng lại người.

Người lái nói :

— Bác đã ca ngợi thế thì ta cùng đi xem sao. Nhưng xin nói trước, nếu tôi không vừa ý, thì không cam kết gì đấy nhé. Còn nếu quả như lời bác, tôi sẽ mua với giá thỏa thuận, và khi tôi đã bán được hắn rồi, tôi sẽ giả tiền. Tôi định mua để tiến vua Ôma an-Nêmân, chủ nhân của Bátđa và Khoratxân. Hoàng tử Sackân, con Ngài là Tổng đốc thành Đamát của chúng tôi. Hoàng tử có biết tôi. Tôi sẽ đến trình bày, xin một lá thư bệ kiến vua Ôma. Nhà vua vốn ưa những nữ nô còn trinh sẽ mua với một giá hời. Tôi sẽ có tiền giả bác.

— Tôi nhận những điều kiện ấy của ông. Tên Bêđoanh nói. Hai người đến trạm Xuyntani. Nôzatu bị nhốt ở đấy. Nàng nấp sau một bức vách. Tên Bêđoanh gọi to : « Ôi Nahia, Nahia hỡi ! » Nahia là tên Bêđoanh đặt cho nàng. Nghe gọi cái tên mới ấy, nàng khóc, không thưa. Tên Bêđoanh chỉ nàng, nói với người lái :

— Này ! nó kia kìa ! Tôi cho ông lại gần xem xét cho kỹ. Nhưng chớ làm nó sợ. Nói năng phải nhẹ nhàng tế nhị như tôi thường nói ấy.

Người lái qua phía sau tấm vách chào Nôzatu. Nàng chào lại bằng tiếng Árập, giọng nàng êm dịu, ngọt ngào. Ông ta thích thú, liền chăm chỉ nhìn cái khăn thô che

mặt nàng, tấm tắc: « Duyên dáng biết bao! tiếng nói trong trẻo quá! Nàng cũng nhìn lại người lái « Ông già này, nét mặt hiền từ, vẻ người đáng kính, dễ gần, — nàng nghĩ. Mong chúa cho ta làm nô lệ ông để thoát khỏi tên Bêđoanh lỗ mãng, hung tợn, đáng tởm kia. Ta phải đối đáp cho thông minh, làm cho ông thấy cử chỉ ta đẹp, lời nói ta hay ».

Người lái hỏi:

— Sức khỏe cô thế nào?

Nàng nhìn xuống đất, và dịu dàng thỏ thẻ:

— Thưa cụ, cụ hỏi về cháu à, tình trạng cháu khốn khổ lắm cụ ạ. Nhưng mà ai cũng đeo số mệnh mình vào cổ như đức Sứ giả thường nói (cầu chúa ban phúc cho Ngài).

Mới nghe mấy lời, ông già đã thấy cực kỳ khoái chá, nghĩ: « Chưa thấy mặt nàng mà ta đoán hẳn là rất đẹp, ta cũng tin sẽ làm cho vua Ôma ưng thuận bất cứ điều gì ta muốn ». Ông nói với tên Bêđoanh: « Con nô tì này tuyệt quá. Bác đòi bao nhiêu nào? » Tên Bêđoanh nổi nóng:

— Hắn là một đứa xấu xa nhất, sao ông dám bảo là tuyệt diệu? ông nói thế, hắn tưởng thật, lên mặt, thì tôi còn uy quyền gì với hắn nữa! ông cút đi cho rảnh, tôi không bán nữa.

Ông già hiểu ngay tên Bêđoanh là một kẻ khốn nạn không thể nói phải trái với hắn được, Ông xoay xở cách khác; ông nài:

— Hỡi vị đầu mục của những người Bêđoanh dù con bé là một đứa xấu xa nhất, tôi cũng cứ mua.

Tên Bêđoanh dịu đi chút ít:

— Thôi được! nhưng ông giả tôi bao nhiêu nào?

— Tục ngữ có câu: « Bố đẻ con thì phải đặt tên cho con ». Bác xem đáng giá bao nhiêu thì cứ cho biết.

— Ông mua thì ông định giá lấy chứ! ông già nghĩ bụng: « Tên Bêđoanh này là một tên thập phần bướng bỉnh. Cô gái dịu dàng này đã chiếm lòng ta, nhưng không biết nên ngả giá thế nào. Cô ta chắc biết đọc, biết viết. Chúa Ala phải thương cô ta lắm mới cho được như thế. Tên Bêđoanh thật không biết người, biết của ».

Ông đặt giá cô bé là hai trăm đina vàng. Tiền phí tồn giấy tờ, tiền phải nộp cho Ngân khố, ông chịu về phần ông. Tên Bêđoanh cáu kỉnh:

— Thôi, chúng ta đi thôi! Tôi không bán chỉ riêng miếng vải cũ kỹ trùm đầu con bé, hai trăm đina tôi cũng không thèm bán nữa là! Hết! Tôi không bán, tôi giữ, đưa nó trở lại sa mạc chăm sóc lạc đà và xay bột cho tôi.

Nói đoạn, hắn thét cô gái:

— Đồ thối tha! Lại đây! Đi thôi!

Ông già lặng im, không nói gì. Hắn nói thêm:

— Ta lấy cái mũ ta mà thề, ta không bán gì hết. Ông xéo đi! Nếu không sẽ được nghe những điều không vui tai tí nào.

Ông già nghĩ: « Lấy cái mũ ra mà thề! Tên này cực kỳ điên rồ! Được, ta có cách! Cô gái này là một kho vàng ngọc đây ». Ông nắm áo tên Bêđoanh, bình tĩnh nói:

— Hỡi vị đầu mục những người Bêđoanh! xin đừng nóng vội. Tôi thấy rõ ràng là bác chưa quen mua bán. Trong chuyện này, thường phải kiên nhẫn, khôn khéo mới được. Thôi, bác cứ yên tâm. Bác đòi thế nào, tôi cũng xin vâng. Nhưng trước hết, cho tôi xem mặt mũi, điệu bộ của nữ nô đã. Sự việc nó phải đi như thế.

— Được! cứ việc mà nhìn cho chán. Lột truồng bắn ra mà sờ, mà nắn cũng chả sao.

Ông già giơ hai tay lên:

– Lạy chúa! Tôi chỉ muốn xem mặt mũi cô ta thôi. Cô ta là dân tự do, có phải nô lệ đâu mà lột trần truồng!

Ông già đến gần Nòzatu, xin lỗi nàng rồi ngồi xuống bên cạnh:

– Tên cô là gì? Ông hỏi dịu dàng.

Nàng thở dài:

– Cụ hỏi tên cháu bây giờ, hay tên trước kia?

– Cô lại có một tên cũ, một tên mới sao?

– Thưa cụ, vâng! Tên cũ của cháu là Khoái-Lạc-Của-Thời-Gian, tên mới là Áp-Bức-Của-Thời-Gian.

Giọng nàng buồn bã khiến ông già rớt nước mắt. Nàng cũng khóc.

Tên Bêđoanh thấy chuyện kéo dài, đến vung roi lên gắt:

– Ba hoa gì nhiều thế. Nâng mạng che mặt lên và thôi đi!

Nòzatu nhìn ông già ai oán nói:

– Cụ thương cháu! Cụ giải thoát cho cháu khỏi tên cướp vô đạo không biết đến chúa Ala này, nếu không ngay đêm nay, cháu sẽ tự vẫn.

Ông già lại đến với tên Bêđoanh:

– Ôi, vị đầu mục của những người Bêđoanh! Cô bé này quả thật chỉ gây phiền cho bác. Bác định giá rồi bán quách cho tôi đi.

– Tôi đã nói là ông mua thì ông phải đặt giá. Nếu không, tôi đưa nó về sa mạc chăn lạc đà và nhặt phân.

Thế thì bác nghe cho rõ đây, tôi giả năm vạn đina vàng, cho nó xong chuyện.

Tên Bêđoanh khốn nạn vẫn nguây nguẩy:

– Không! Không được!

– Thế bảy vạn vậy.

– Lạy chúa! vẫn chưa đủ vốn tôi bỏ ra mua đại mạch nuôi hắn. Ông phải biết chỉ riêng tiền bánh khô, tôi đã phải chi tiêu cho hắn chín vạn đina vàng!

Kinh ngạc về sự điên rồ của tên Bêđoanh, ông già nói:

– Bác Bêđoanh ơi, bác và toàn gia và toàn bộ tộc của bác, suốt đời chưa chắc đã ăn hết hai trăm đina đại mạch. Nhưng thôi! tôi xin nói lời cuối cùng. Nếu còn từ chối, ta sẽ đến hoàng tử Sackân, tổng đốc Đamát tố cáo các ngươi, tên cướp, đã đánh cắp nữ nô này lại hành hạ cô ta!

– Được, giả nữa đi!

– Mười vạn đina!

– Hay! bán được! Tôi cần ra chợ mua ít muối.

Ông già cười, dẫn tên Bêđoanh và Nôzatu về nhà, đếm đủ số tiền, nhờ người cân đo, cẩn thận từng đồng, đina.

Nhận đủ tiền, tên Bêđoanh lên lạc đà về Jêruyzalem. Hắn lẩm bẩm: « Con em còn được mười vạn đina, thì thằng anh ít ra cũng đáng bấy nhiêu. Phải tìm cho ra mới được ». Và vừa đến Jêruyzalem hắn sục khắp các trạm tìm Đunmakân. Tên tham lam tìm không thấy vì cái lẽ Đunmakân đã ra đi với người đốt lò...

Còn ông già tốt bụng dẫn Nôzatu về nhà, lấy quần áo mềm, mỏng cho mặc. Ông lại dẫn nàng ra chợ vàng bạc cho nàng chọn các thứ nữ trang và ngọc quí bỏ vào một túi xatanh đem về.

– Tôi chỉ xin nàng một điều, ông già nói, là khi tôi dẫn nàng đến trước hoàng tử Sackân, nàng đứng

quên nói với Ngài cái giá tôi bỏ ra mua nàng để Ngài ghi vào lá thư tiến dẫn tôi lên vua Ôma An-Nêmân, ở Bátđa. Tôi cũng muốn xin hoàng tử một giấy phép và một giấy miễn thuế để đem ít hàng đến bán ở Bátđa.

Nôzatu thở dài, mắt rớm lệ. Ông già thấy thế, hỏi:

— Tại sao cứ mỗi lần ta nói đến Bátđa là thấy nàng thở dài và khóc. Ở đây, nàng có ai là người yêu, là họ hàng, hay thương nhân. Cứ nói, đừng sợ vì ta biết tất cả các thương gia ở Bátđa và ở các nơi khác.

— Lạy chúa, ở đấy tôi chỉ biết có chính vua Ôma an-Nêmân, chủ nhân ông của Bátđa.

Nghe nói vậy, ông già thương nhân Đamát thở ra khoan khoái, hân hoan vô hạn. « Thế là ta đạt được mục đích », ông nghĩ.

— Trước đây ý hẳn đã có một người buôn nô lệ định bán nàng cho nhà vua? Ông hỏi.

— Không phải thế. Chỉ đơn giản vì tôi đã được nuôi nấng trong cung với cô con gái của vua. Vua yêu tôi lắm. Tất cả những điều tôi thỉnh cầu đều là thiêng liêng đối với nhà vua. Nếu cụ muốn xin một ân huệ gì, cụ cứ cho biết. Cho tôi một quản bút một lọ mực, một tờ giấy, tôi sẽ viết một lá thư. Cụ đưa đến tận tay vua nói: « Tâu đức vua, cô nữ nô hèn mạt Nôzatu của vua đã chịu bao nhiêu rủi ro của số phận, đã khổ đau đêm ngày, bị mua đi bán lại, thay chủ đổi nhà. Hiện nay cô ta đang ở trong nhà vị đại diện nhà vua ở Đamát. Cô ấy gửi đến nhà vua lời chào và lời kính chúc vạn an ».

Nghe những lời kỳ lạ và hùng hồn ấy ông già vui sướng và ngạc nhiên đến cực độ. Ông thấy mến yêu Nôzatu hơn nhiều. Ông hỏi:

— Hỡi cô thiếu nữ kỳ lạ, chắc cô đang ở trong cung điện thì bị người ta lừa bắt đi đem bán. Và hẳn cô phải giỏi văn chương, thông thạo kinh Koran?

— Có thể, thưa cụ. Tôi thuộc kinh Koran cùng những qui tắc về sự khôn ngoan, biết y học, biết sách nhập môn về bí thuật luyện kim, hiểu những lời bình luận về công trình của Ippôkrát và của Galiêng người Hiền mà tôi đã đọc và ghi chú. Tôi đã đọc sách triết học luân lý học, hiểu tính được của những cỏ cây thuốc những lời giải thích của Ip-Bita, đã từng tranh luận với nhiều nhà bác học, đã gỡ mối để giải thích những bí mật của ngụ ngôn, đã vẽ tất cả hình trong Hình học; tôi hiểu về kiến trúc, tôi đã nghiên cứu nhiều về phép vệ sinh, về văn phạm, ngữ pháp, ngôn ngữ; tôi đã giao thiệp với thế giới những nhà bác học và những nhà thông thái trong mọi nghề; chính tôi là tác giả nhiều cuốn sách về hùng biện, về tu từ học, về số học về phép tam đoạn luận thuần túy; tôi biết những khoa học về tâm linh và những khoa học về thần thánh. Và tất cả những điều tôi đã học, tôi đều nhớ. Bây giờ Cụ đem bút giấy, tôi viết thư. Tôi sẽ viết bằng thơ để khi đi từ Đamát đến Batđa cụ đọc đi đọc lại cho thú vị, không cần phải đem theo sách du lịch. Thơ này những lúc một mình một bóng, đọc sẽ thấy dịu dàng lúc thư nhàn sẽ thấy như một người bạn tâm tình kín đáo.

Ông già sửng sốt reo lên:

— Ya Ala, ya Ala! Nhà nào được cô ở thật là hạnh phúc, và hạnh phúc biết bao kẻ nào được ở cùng cô.

Ông kính cẩn đem bút mực đến. Nôzatu cầm bút nhúng vào hộp mực, rồi viết những câu thơ này:

« Thư này là do tay cô gái đầu óc xôn xao như cơn sóng than van.

Cô gái mất ngủ nhiều, mắt cay, nhan sắc héo.

Cô gái khổ đau, không phân biệt đêm ngày, quằn quại trên giường lẻ chiếc.

Cô gái, trong đêm tối cô đơn, lấy tình tủ làm tri âm.

Lời than van, ta viết thành thơ, có vần đều đặn. Ta dệt thơ, tự nhiên, để tưởng nhớ đến đôi mắt của người.

Tâm hồn ta không rung lên được một giây tơ nào về những khoái lạc của cuộc đời.

Không được lấy một ngày hạnh phúc mà tuổi thanh xuân của ta được tràn ngập niềm vui, hoặc được nở một nụ cười sung sướng.

Xa người, thao thức bao đêm!

Lời thở vắn than dài ta gửi theo gió heo may, mà gió không thổi đến người.

Thất vọng, ta chẳng muốn nhiều lời.

Muốn ký tên ta và ký sự than vãn.

Ta, người đau buồn, người xa xứ sở, mẹ cha, kẻ bị hành hình về con tim, khối óc.

NÔZATU ZAMAN

Nàng thấm lá thư gấp lại cẩn thận và trao cho ông già. Ông cầm lấy, kính cẩn đưa lên môi, lên trán, đoạn bỏ vào một cái túi xa-tanh, nói :

— Vinh quang thay Đấng đã nặn nên nàng, hỡi cô gái kỳ diệu!

Và ông không biết làm thế nào để tỏ hết lòng ngưỡng mộ và tôn kính. Ông nghĩ có lẽ trước hết nên mời nàng đi tắm, vì hẳn nàng cần tắm lắm. Quả vậy, nàng bằng lòng ngay. Ông đi trước dẫn nàng đến nhà tắm

công cộng, đem theo một cái túi nhưng đựng các thức cần dùng sau khi tắm. Ông gọi mụ xoa bóp thạo nhất nhà tắm đến chăm sóc.

— Xong việc, mụ đến báo ta ngay nhé! Ông dặn. Trong lúc Nôzatu được mụ xoa bóp tắm táp kỳ cọ, thì ông chạy ra chợ mua đủ các thứ hoa quả và kem về để trên cái bục mà Nôzatu sẽ đứng mặc quần áo. Nàng tắm xong, mụ xoa bóp lấy khăn to choàng vào người, dẫn đến chỗ bục. Hai người ăn quả, ăn kem, chán chê, còn dư bao nhiêu đem cho cả người canh giữ nhà tắm.

Ông già thương gia tốt bụng đem đến một cái hòm bằng gỗ bạch đàn đặt lên bục, khấn khứa chúa Ala và mở ra lấy quần áo mặc cho nàng, chuẩn bị đưa nàng đến hoàng tử Sackân.

Ông đưa cho nàng một áo lót mỏng bằng lụa trắng có dải thêu chỉ vàng giá một nghìn đina, một chiếc áo dài kiểu Thổ Nhĩ Kỳ thêu chỉ vàng, đôi giày da đỏ xông mùi xạ hương, đôi giày nạm vàng, thêu hoa đính ngọc và đá quí đôi hoa tai kết bằng ngọc nhỏ, một chiếc kiềng vàng đậu chỉ bạc, một dải vòng ngực bằng toàn đá quí, một dải thắt lưng đính bằng mười hàng hổ phách và hai lưỡi liềm vàng. Trong mỗi viên hổ phách có một viên hồng ngọc, trong mỗi lưỡi liềm có chín viên ngọc và mười viên kim cương. Tính toàn bộ đồ trang sức là mười vạn đina vàng.

Ra khỏi nhà tắm ông già đi trước, trịnh trọng, kính cẩn, vừa đi vừa dẹp người qua đường. Mọi người đều ngỡ ngàng về nhan sắc của nàng. Họ reo lên. « Ya Ala! Matxala! Vinh quang Đấng tạo hóa! Hạnh phúc thay người được làm chủ nàng! ».

Đến trước Sackân ông già cúi rạp xuống chào:

– Bẩm thượng quan, già đem tiến một tặng vật không gì so sánh nổi, một bảo vật mỹ lệ, kỳ diệu nhất đời nay, tập trung được mọi sức quyến rũ, mọi đức hạnh và niềm vui.

Sackân đục cho xem.

Ông già ra, dẫn Nôzatu vào. Sackân không biết là em gái mình. Khi chàng rời Batđa thì Nôzatu còn bé. Vả lại vốn ghen ghét hai em, chàng có nhìn mặt Nôzatu bao giờ đâu. Vẻ người và đường nét Nôzatu làm chàng thích thú quá chừng, nhất là ông già lại nói thêm.

– Cô ta đấy! thật không gì sánh kịp, độc nhất của thế kỷ này. Ngoài sắc đẹp tự nhiên, nàng còn có đủ mọi đức hạnh, thông thạo mọi khoa học về tôn giáo, về dân quyền, về chính trị, về toán học. Nàng sẵn sàng giải đáp tất cả những câu đố của những nhà bác học lớn nhất của Đamát và của đế quốc ta.

Sackân bảo ngay ông già:

– Lão nói với người thủ quĩ giả cho lão tiền mua cô gái này. Lão để nàng lại đây. Chúc lão đi bình yên.

Ông già thưa:

– Hỡi vị hoàng tử dũng tráng! Cô gái này nguyên là để tiến vua Ôma an-Nêmân phụ vương của Ngài. Lão đến đây là để xin Ngài một thư giới thiệu lên nhà vua. Nhưng ngài dã ưng ý thì để nàng ở đây thôi. Chỉ xin Ngài cho lão được miễn tất cả các thứ thuế về hàng họ của lão.

– Ta y cho! Nhưng hãy cho ta biết lão tốn kém về cô gái này bao nhiêu để ta trả chứ.

– Lão mua mười vạn đina và nàng mang trên người mười vạn nữa.

Sackân cho gọi viên thủ quĩ đến:

— Đếm ngay cho ông già đáng kính này hai mươi vạn đina vàng cộng thêm mười hai vạn nữa, tặng lão cái áo cẩm bào đẹp nhất trong các tủ áo của ta. Và tuyên cáo cho mọi người biết lão được ta che chở và không một ai được đòi lão nộp bất cứ một thứ thuế nào.

Hoàng tử Sackân cho gọi bốn vị pháp quan của Đamát đến bảo:

— Tôi vừa mua nữ nô trẻ này làm vợ. Ngay bây giờ tôi phóng thích và trả tự do cho nàng. Các ông chứng cho.

Bốn vị pháp quan viết ngay giấy chứng nhận phóng thích rồi viết giao ước hôn nhân và đóng dấu. Để mừng ngày vui. Sackân vốn hào hiệp ban phát vàng bạc cho những người đến dự và tung hàng nắm tiền cho bọn đầy tớ và nô lệ.

Chàng cho mọi người về chỉ giữ lại có bốn vị pháp quan và ông già thương nhân. Chàng tỏ ý định của mình:

— Giờ cô gái này sẽ nói cho chúng ta nghe. Chúng ta sẽ rõ sự hùng biện và sự hiểu biết của nàng. Các vị pháp quan lắng nghe xem sao và cũng để kiểm tra những lời khẳng định của lão thương gia đây.

Hoàng tử cho buông một bức màn lớn giữa gian phòng cho cô gái ngồi phía sau để nàng nói cho thoải mái không bị người lạ trông thấy mặt.

Màn vừa bỏ xuống mấy nàng hầu vây quanh cô chủ mới cởi bớt quần áo cho nàng thanh thản hơn. Họ càng cảm phục sự hoàn hảo của nàng, hân hoan ôm hôn chân hôn tay nàng. Các bậc phu nhân vợ đô đốc đại thần nghe tin xin phép chồng đến chào mừng Nôzatu và để nghe nàng nói trước hoàng tử Sackân, và các vị pháp quan. Nôzatu đứng lên tiếp các bà ôm hôn rồi mời ngồi cạnh nàng sau tấm màn. Nàng cười

tươi tắn cảm ơn những lời chúc tụng. Các bà rất đẹp lòng về sự lễ độ, về nhan sắc, dáng điệu và trí thông minh của nàng. Họ xì xào với nhau: « Người ta bảo nàng là một nữ nô được giải phóng nhưng xem ra nàng hẳn bẩm sinh là một công chúa, một nữ hoàng ».

— Ôi, nữ chủ của chúng tôi, họ nói, sự hiện diện của nàng làm bừng lên cả thành phố, làm vinh dự cho cả vương quốc chúng tôi. Vương quốc này là của nàng, và cung điện này là của nàng và tất cả chúng tôi là nô lệ của nàng.

Nôzatu cảm ơn những lời tốt đẹp ấy một cách hết sức dịu dàng tao nhã. Từ phía bên kia, Sackân gọi: « Hỡi cô thiếu nữ rất mến yêu, viên ngọc của thời nay, tất cả chúng tôi ở đây đang chờ nghe nàng nói. Người ta đồn nàng giỏi về tất cả các khoa học, cả về những quy tắc rất khó của ngữ pháp chúng ta.

Từ phía sau tấm màn, Nôzatu lên tiếng, giọng ngọt ngào: « Ý muốn của ngài là mệnh lệnh. Ngài đã muốn, thiếp xin nói về ba cái cửa vào cuộc đời ».

Lời nói về ba cái cửa

« Hỡi vị hoàng tử đáng quý, trước hết thiếp xin nói về cái cửa thứ nhất: đó là *nghệ thuật cư xử ở đời*.

Nên biết rằng đời người có một mục đích và mục đích của đời người là phát triển lòng ngoan đạo.

Mà lòng ngoan đạo chính là lòng tin say đắm.

Nhưng người ta chỉ có thể có lòng tin ấy bằng một cuộc sống nồng nhiệt và say mê; và cuộc sống say mê, người ta có thể có và thực hiện được bất cứ ở con đường nào trong bốn con đường lớn của nhân loại: nghề cai trị, nghề buôn bán, nghề làm ruộng và nghề thủ công.

Về nghề cai trị, đối với một số ít người có đặc tài cai trị thế giới, họ phải hiểu biết về cái khoa chính trị lớn lao, phải thật tinh tế và hết sức khôn khéo. Không bao giờ được hành động theo hứng thú riêng, mà phải theo một mục đích cao cả là tới được chúa Ala tối cao. Nếu họ làm được như thế thì nhân loại sẽ được hưởng công lý và trên mặt đất này sẽ không còn sự bất hòa nữa. Nhưng thường họ chỉ hành động theo ý riêng, nên bị rơi vào sự sai lầm không thể sửa chữa được. Vì rằng người thủ lĩnh chỉ có ích khi ông ta có thể là người công minh và vô tư và có thể ngăn kẻ mạnh ức hiếp kẻ yếu hèn. Không thế thì không cần đến ông ta.

Vả lại đức Acđêsia vĩ đại, vua thứ ba của người Ba tư, một người trong số con cháu của Xátxân đã nói lời này: « Quyền uy và lòng tín ngưỡng là hai chị em sinh đôi; tín ngưỡng là một kho tàng và quyền uy là người canh giữ ».

Và đức sứ giả Môhômát của ta (hãy cầu nguyện cho Ngài và chúc Ngài bình an vô sự) cũng có nói: « Có hai cái chi phối cả thế giới này. Hai cái đó mà thẳng thắn và trong sạch thì thế giới sẽ tiến trên con đường thẳng; hai cái đó mà hư hỏng và xấu xa thì thế giới sẽ rơi vào sự đồi bại. Hai cái đó là Quyền uy và Khoa học ».

Và đức Hiền nhân đã nói: « Nhà vua phải là người bảo vệ tín ngưỡng, bảo vệ tất cả những cái thiêng liêng, và bảo vệ quyền lợi của thần dân ông ta. Nhưng trước hết ông ta phải tỉnh táo và giữ gìn sự đoàn kết giữa những người cầm bút và những người cầm kiếm: bởi vì kẻ nào thiếu bổn phận với người cầm bút thì sẽ trượt ngã và lúc đứng dạy sẽ mang bướu trên lưng ».

Và vua Acđêsia trước kia là một nhà viễn chinh lớn đã chia đế quốc của ngài làm bốn quận. Ngài cho khắc bốn cái ấn nhỏ vào bốn cái nhẫn mà ngài đeo ở ngón tay, mỗi cái ấn dùng riêng cho một quận. Cái ấn thứ nhất là ấn của hải quận. Và cứ như thế về ba cái ấn kia. Làm như vậy để giữ gìn trị an trong toàn quốc. Phương pháp của ngài người ta theo mãi cho đến thời đại Hồi giáo của chúng ta.

Và đức Kétxara vĩ đại vua nước Ba Tư một hôm đã viết cho con ngài, người con mà ngài đã giao cho một đội quân, như sau: « Con ta hỡi hãy coi chừng lòng trắc ẩn; nó có thể làm cho uy quyền của con thành vô dụng; nhưng cũng đừng nghiệt ngã quá vì sự nghiệt ngã sẽ rắc men nổi loạn trong quân lính của con ». Lại câu chuyện này nữa. Một người Arập đến tìm đức giáo chủ Abu-Giapha Apđanlát An-Măngxua, nói với ngài: « Nếu ngài muốn cho con chó của ngài theo ngài, ngài hãy làm cho nó đói khát ». Nghe thế ngài nổi giận. Nhưng người Arập nói tiếp: « nhưng ngài cũng phải giữ đừng cho một kẻ qua đường giơ bánh nhử chó, vì chó sẽ bỏ ngài mà theo kẻ kia ». Giáo chủ hiểu và biết lợi dụng lời khuyên đó. Ngài thưởng cho người Arập và cho hắn về.

Người ta cũng kể rằng giáo chủ Apđen Malếch ben Mêruân đã viết như thế này cho em ngài là Apđen Adít ben Mêruân mà ngài đã sai cầm quân sang Aicập: « Em có thể không cần đến bọn cố vấn và bọn thư ký vì họ chỉ cho em biết những điều em đã biết rồi. Nhưng em không được coi thường kẻ địch. Đó là kẻ duy nhất làm cho em biết được sức mạnh của quân lính của em ».

Người ta nói rằng đức giáo chủ đáng kính Omarp An-Katáp không bao giờ dùng người mà không đặt

bốn điều kiện sau đây: không được cưỡi lên lưng những súc vật chở nặng; không được chiếm đoạt chiến lợi phẩm làm của riêng; không được ăn mặc sang trọng: và không đến chậm những giờ cầu kinh.

Và ngài thường thích nhắc lại những lợi sau đây: « Không có tài sản nào quý bằng trí thông minh, không có thứ đá thử vàng nào hơn được sự trau dồi trí tuệ, không có sự vinh quang nào lớn hơn sự học vấn và sự hiểu biết ».

Cũng chính đức Ôma — lạy chúa Ala phù hộ cho ngài — đã nói: « Phụ nữ có ba loại; loại phụ nữ Hồi giáo rất tốt chỉ biết đến người chồng, và chỉ chăm sóc có người chồng; loại chỉ biết lấy chồng để có con; và loại dâm ô vòng tay vào cổ tất cả bàn dân thiên hạ, và bọn nam giới cũng có đến ba loại: kẻ hiền nhân biết suy nghĩ và suy nghĩ rồi thì hành động; người hiền hơn biết suy nghĩ, lại biết hỏi ý kiến những người sáng suốt và như thế là biết hành động một cách cẩn trọng: loại mất trí không biết suy xét và không bao giờ chịu hỏi ý kiến người hiền ».

Và đấng Aliben Abu Talép cao cả — lạy Chúa Ala phù hộ cho ngài — đã nói; « Phải giữ đừng để mắc những sự lừa lọc của phụ nữ: đừng bao giờ hỏi ý kiến họ: nếu không muốn họ trở thành giảo quyệt và phản bội hơn thì cũng đừng ức hiếp họ. Kẻ nào không biết cư xử cho có chừng mực thì kẻ đó đang đi tới sự điên rồ đấy. Trong mọi việc phải trọng công lý, nhất là đối với nô lệ của mình ».

Nôzatu toan tiếp tục phát triển chương này thì sau tấm màn che nàng nghe các vị pháp quan reo lên: « Mátsalát! Chúng tôi chưa từng bao giờ nghe thấy những lời đẹp đẽ như lời người thiếu nữ có tài hùng biện này. Nhưng bây giờ chúng tôi muốn được nghe nói vài lời đến hai cái cửa kia! »

Nôzatu liền rất khéo léo chuyển sang vấn đề khác. Nàng nói:

– Một ngày khác thiếp sẽ nói đến lòng sùng mộ trên ba con đường khác của nhân loại. Bây giờ đã đến lúc phải nói với các ngài về cái cửa thứ hai.

Cái cửa thứ hai này là cái cửa của những *phép lịch sự và sự trau dồi trí tuệ con người.*

Hỡi vị hoàng tử muôn đời! Cái cửa này rộng nhất vì nó là cái cửa của những sự hoàn hảo. Chỉ có người nào mới sinh ra đã mang trên đầu ân huệ của chúa mới có thể đi khắp chiều rộng của cái cửa này thôi.

Thiếp chỉ xin kể đôi nét:

Một hôm một viên nội thần của giáo chủ Maoviát đến báo cho ngài biết rằng: người chân giả vui tính là Ababa ben Caít đang đợi ngoài cửa xin vào yết kiến. Giáo chủ cho vào. Và người chân giả vào. Giáo chủ nói:

– Ababa hỡi, lại gần chút nữa để ta được thưởng thức nhiều hơn lời nói của ngươi.

Rồi hỏi:

– Ababa này, ý kiến của anh về ta thế nào?

Anh chân giả đáp:

– Tôi ấy à? Nhưng nghề của tôi, tâu đức giáo chủ, là cạo đầu người ta, cắt râu, cậy ghét và sửa sang móng tay, nhổ lông nách, cạo lông bẹn, đánh răng và nếu cần làm cho lợi chảy máu; nhưng không bao giờ tôi làm những công việc ấy vào ngày thứ sáu vì sợ mắc tội bất kính lớn.

Giáo chủ lại hỏi:

– Thế anh thấy anh là người thế nào?

– Tôi đặt một chân lên trước chân kia rồi vừa để nó tiến lên, vừa chú ý nhìn theo nó.

Giáo chủ lại hỏi nữa:

– Anh thấy các vị thủ lĩnh của anh thế nào?

– Khi vào, tôi chào các vị ấy mà không làm điệu bộ gì cả và đợi họ chào lại tôi.

Giáo chủ hỏi thêm

– Anh thấy vợ anh thế nào?

Ababa kêu lên:

– Tâu đức giáo chủ điều đó thì xin ngài cho miễn trả lời.

Nhưng giáo chủ cứ bắt hắn phải nói:

– Vợ tôi cũng như tất cả những người đàn bà khác được tạo ra bằng cái xương sườn cụt là một cái xương xấu lại vằn vèo.

Giáo chủ nghe nói, khen:

– Quả thật anh đã trả lời hay quá chừng. Ta muốn anh xin ta một điều gì để ta ban ơn cho.

Ababa, người chân giả, đáp:

– Chỉ xin ngài cho mọi người được hưởng công lý như nhau.

Nói rồi anh ta bỏ đi. Và giáo chủ Maoviát nói:

– Trong khắp xứ Irắc chỉ có người hiền này thôi cũng đủ rồi.

Cũng dưới triều giáo chủ Ôma in An–Katáp, viên thủ kho là ông già Moaicáp:... Một hôm người con út giáo chủ cùng người vú đến thăm Moaicáp. Ông ta cho đứa bé một đồng bạc. Ít lâu sau giáo chủ cho gọi Moaicáp đến trách:

– Hỡi tên phá của kia, ngươi đã làm gì?

Moaicáp vốn là người thanh liêm:

– Tâu đức giáo chủ, nào tôi đã làm gì đâu.

— Moaicáp hỡi, đồng bạc mà ngươi cho con ta là tiền ăn cắp của công của tất cả quốc gia Hồi giáo đấy.

Moaicáp biết mình có lỗi và suốt đời ông không lúc nào quên ca ngợi giáo chủ:

— Trên mặt đất này tìm đâu thấy một người kỳ diệu như Ôma.

Người ta cũng kể chuyện rằng một lần giáo chủ Ôma đi chơi trong đêm tối có ông Atham Abudét đáng kính đi theo. Thấy đằng xa có lửa sáng, ngài tìm lại gần, nghĩ rằng mình ở đấy sẽ giúp ích được cho người khác. Ngài thấy một người đàn bà đáng thương đang đun một cái nồi gì đấy. Cạnh mụ là hai đứa con gầy guộc đang kêu rên thảm thiết. Ôma lên tiếng:

— Chúc mụ bình an. Sao mụ lại có một mình trong đêm tối lạnh, mà mụ đang làm gì đấy?

— Thưa ngài tôi đang đun một ít nước cho các cháu uống. Chúng đói và rét lắm. Nhưng một ngày kia chúa Ala sẽ hỏi tội Giáo chủ Ôma về nỗi cơ hàn của mẹ con tôi.

Giáo chủ (lúc ấy trá hình) rất cảm thương:

— Hỡi bà kia, bà tưởng Ôma biết đến nỗi khổ của bà sao? Nếu biết ông ấy đã giúp đỡ bà rồi.

— Tại sao Ôma là Giáo chủ mà lại không biết đến nỗi khổ của nhân dân và của riêng từng người một? Giáo chủ không hỏi gì nữa, nói với Atlam Abuđét:

— Thôi ta đi, nhanh lên.

Rồi ngài đi rất nhanh cho đến khi về tới buồng kho của ngài, ngài vào kho khuân ra một bao bột mì và lấy một chĩnh đầy mỡ cừu rồi bảo Abuđét:

— Ngươi hãy đặt giúp tất cả lên lưng ta Abuđét hỡi.

— Tâu đức Giáo chủ, Người để tôi mang lên lưng tôi cho.

Giáo chủ bình tĩnh trả lời :

— Thế đến ngày tái sinh ngươi cũng mang hộ ta cái gánh tội của ta sao, hỡi Abuđét.

Và ngài bắt Abuđét phải đặt bao bột và chĩnh mỡ cừu lên lưng ngài. Ngài rảo bước đến chỗ người đàn bà kia, lấy bột lấy mỡ cho vào nồi đặt lên bếp, tự tay nấu thức ăn, tự mình cúi xuống thồi lửa. Và vì ngài có bộ râu rất tốt khói cứ theo đường kẽ râu mà luồn thẳng lên. Món ăn đã nấu xong, Ôma múc cho người đàn bà và các cháu bé ăn, múc đến đâu thồi nguội đến đó cho họ ăn kỳ no nê. Rồi Ôma để lại bao bột và chĩnh mỡ mà đi. Ngài bảo Abuđét :

— Abubét hỡi ta đã thấy ngọn lửa này, ánh lửa của nó đã rọi sáng cho ta.

Và cũng chính giáo chủ Ôma ấy một hôm gặp một tên nô lệ mang chăn đàn súc vật của chủ. Ngài chặn nó lại hỏi mua một con dê cái. Người chăn nói : con dê ấy không phải của tôi.

Giáo chủ bảo hắn :

— Hỡi tên nô lệ kỳ diệu kia ! Thế ta mua chính mày vậy và giải phóng cho mày.

Thế là ngài hỏi chủ hắn, mua hắn mà giải phóng cho. Vì giáo chủ Ôma nghĩ rằng : « Không phải ngày nào người ta cũng gặp được một người thanh niên đâu ».

Một hôm khác Hắpxa, người bà con của Ôma đến tìm giáo chủ :

— Hỡi đức Giáo chủ, tôi được biết rằng cuộc viễn chinh vừa rồi đã mang lại cho ngài nhiều tiền lắm. Tôi lấy tư cách là bà con của ngài đến xin ngài một ít.

— Hắpxa hỡi ! Chúa Ala đã giao cho ta giữ gìn tài sản của người Hồi giáo. Tất cả tiền của đó là của họ đây. Tôi không thể vì muốn cho bà vui lòng và vì tình

bà con đối với người cha của bà, đụng đến món tiền này được. Tôi không phạm đến quyền lợi của toàn thể nhân dân!

Đến đây, Nôzatu ở sau tấm màn nghe thấy phía bên kia mọi người reo lên vì quá thích. Nàng ngừng lại một lát. Rồi lại tiếp:

— Bây giờ tôi nói đến cái cửa thứ ba, cái cửa của *đức hạnh.*

Và tôi sẽ lấy những dẫn chứng ở cuộc đời những bằng hữu của đức Sứ giả của chúa — xin cầu nguyện cho ngài và chúc ngài bình an — và ở những người Hồi giáo chính trực.

Người ta kể với chúng tôi rằng Hátxan An-Báxri đã nói:

— Không một ai sắp chết mà không tiếc ba điều trên đời là: Không được tận hưởng tất cả của cải cóp nhặt được; không đạt được ước nguyện đã bền tâm mong muốn; không thực hiện được ý định đã nghiền ngẫm lâu ngày.

Một hôm có người hỏi Xaphia: « Một người giàu có có thể có đức độ được không? » Xaphia trả lời:

— Có thể lắm chứ. Đó là khi hắn biết lấy sự kiên nhẫn đối phó lại những sự không may của số mệnh và khi hắn biết cảm ơn cái người đã chịu ơn hắn mà rằng: « Hỡi người anh em của tôi, nhờ người mà tôi đã có được một hành động thơm tho trước chúa Ala ».

Khi Apđala ben Sétđát thấy cái chết gần, ông cho gọi con là Môhamát đến cạnh và bảo:

— Môhamát hỡi! đây là những lời trối trăng của cha: hãy kính chúa Ala dù một mình hay trước công chúng cũng thế. Bao giờ cũng phải nói thật. Hãy ca ngợi chúa về những cái chúa đã ban cho và cảm ơn Người,

vì sự cảm ơn ấy sẽ đem đến nhiều điều tốt lành khác. Và con hỡi! nên biết rằng hạnh phúc không phải ở việc chất của làm giàu, mà là ở lòng kính mộ chúa vì chúa Ala sẽ miễn cho con tất cả mọi điều không hay.

Người ta cũng kể rằng khi Ôma ben Apđen Adit, mộ đạo, thành giáo chủ thứ tám của giòng Ôma, thì ngài cho họp tất cả những người trong họ Ôma lại, những người này rất giàu. Giáo chủ bắt họ phải giao tất cả gia sản, rồi ngài cho mang nộp ngay vào công quỹ. Họ bèn đi tìm Phatima, con gái Mêruàn và là cô của giáo chủ, người cô mà ngài rất kính trọng. Họ nhờ bà cứu họ. Bà Phatiima một đêm đến gặp giáo chủ. Bà ngồi trên tấm thảm không nói gì. Giáo chủ giục bà có điều gì cứ nói :

— Tâu đức giáo chủ, chính ngài là chủ, tôi không thể là người lên tiếng trước được. Vả lại có gì giấu được ngài đâu kể cả cái nguyên do tại sao tôi đến đây.

— Chúa Ala tối cao đã đưa Môhammát đến — xin cầu nguyện cho ngài và chúc ngài bình an — để vị sứ giả ấy trở thành một thứ hương thơm cho chúng sinh và nguồn an ủi cho tất cả các thế hệ mai sau. Lúc bấy giờ Môhammát — (xin cầu nguyện cho ngài và chúc ngài bình an) — tập hợp và lấy tất cả những cái cần lấy. Nhưng ngài để lại cho loài người một con sông để có nước giải khát cho đến muôn đời. Còn tôi, giáo chủ, ngài để lại cho nhiệm vụ giữ cho con sông đừng chảy lệch dòng và mất hút vào sa mạc.

Bà cô Phatima nói :

— Hỡi đức giáo chủ, tôi đã hiểu, tôi có nói cũng vô ích.

Rồi bà đi tìm những người trong họ Ôma. Họ đang chờ bà. Bà nói với họ :

— Hỡi những kẻ dòng giời Ommiát, các người không biết rằng được Ôma làm giáo chủ thật là một điều đại hạnh.

Cũng chính vì giáo chủ rất thanh liêm Ôna íp Apđen Adit, khi thấy mình sắp chết cho gọi tất cả con cái đến quanh mình và bảo họ: « Hương thơm của sự nghèo khổ làm vui lòng chúa ». Một người con có mặt tại đây, Mốtxlim íp Apđen Malếch bèn nói:

— Thưa đức giáo chủ, sao ngài lại để các con ngài phải bần cùng khi ngài là cha của họ, và là người chăn dắt nhân dân, khi ngài chỉ việc cho tay vào ngân khố là có thể làm cho họ giàu có được. Như thế chẳng hơn là để lại tất cả của đó cho kẻ kế thừa ngài hay sao.

Đức giáo chủ sắp chết nằm dài trên giường nghe thế rất bất bình và rất ngạc nhiên:

— Này Mốtxlim! làm sao trong những phút cuối cùng của ta, ta lại có thể cho các con ta cái gương đồi bại ấy được khi mà suốt đời ta ta đã hướng chúng đi vào con đường chính trực. Mốtxlim hỡi, trong đời ta, ta đã dự tang lễ của một vị tiền bối, một trong những người con của Mêruân. Mắt ta đã thấy nhiều việc và ta đã hiểu. Ta đã thề không hành động như ông ta lúc sống, nếu sau này ta phải làm giáo chủ.

Và cũng chính Mốtxlim íp Apđen Malếch đã kể cho chúng tôi nghe chuyện này: « Một hôm đưa đám một cụ già đáng kính, một nhà khổ hạnh về, tôi nằm ngủ mơ thấy cụ y phục trắng toát, trắng hơn cả sắc hoa nhài. Cụ dạo chơi ở nơi cực lạc có nước suối chảy, có ngọn gió hây hẩy thổi qua và say sưa dừng lại trên những cây chanh hoa nở. Cụ bảo tôi: Hỡi Mốtxlim, ai không muốn cố gắng ở đời để có thể được chết như thế này ».

Tôi được nghe chuyện: dưới triều vua Ôma ip Apđen Adít có một người làm nghề vắt sữa cừu. Một hôm đến thăm một người chăn cừu của bạn anh ta, anh thấy giữa đàn cừu có hai con chó sói mà anh tưởng là chó thường. Thấy đôi chó có vẻ dữ tợn, anh sợ quá hỏi người chăn cừu:

– Thứ chó dữ này anh dùng làm gì.

– Hỡi anh bán sữa! Không phải chó đâu, đây là những con sói nuôi, chúng không làm hại đàn cừu đâu. Vì tôi là cái đầu chỉ huy. Đầu lành mạnh thì cái thân cũng lành mạnh.

Một hôm Giáo chủ Ôma ip Apđen Adít đứng trên một cái bục bằng bùn khô, giảng đạo với nhân dân. Bài giảng chỉ tóm lại trong ba tiếng. Và ngài kết luận:

– Apđen Malếch đã chết rồi. Thế là những bậc tiền bối cùng những người kế vị ông cũng đều coi như chết cả, và tôi Ôma, tôi cũng sẽ chết như họ.

Mốtxlim nói với ngài:

– Thưa giáo chủ! cái bục này không xứng với một vị giáo chủ. Đến một cái chỗ vịn cũng không có. Ít nhất cũng để cho chúng tôi giăng ở đây một cái dây gì làm cái vịn chứ!

Nhưng giáo chủ giọng bình tĩnh nói:

– Mốtxlim hỡi, thế ra người muốn rằng Ôma đến ngày xét xử lại phải đeo một khúc của cái dây vịn ấy vào cổ sao?

Nàng Nôzatu trẻ tuổi nói tiếp:

Chính giáo chủ ấy một hôm bảo:

– Tôi không muốn chúa Ala tránh cho tôi cái chết vì đấy là cái ân huệ cuối cùng ban cho người thành tâm mộ đạo.

Calét ben Xaphun một hôm đến nhà giáo chủ Hétsam. Giáo chủ đang ngồi trong lều giữa bọn văn sĩ và bọn đầy tớ của ngài. Đến trước mặt ngài, ông ta nói:

– Cầu chúa Ala ban nhiều phúc cho ngài, hỡi đức giáo chủ. Và mong không có một giọt cay đắng nào bị trộn vào hạnh phúc đó. Bây giờ tôi xin nói với ngài không phải những lời mới mẻ gì mà là những lời có cái giá trị của những điều đã cũ.

Giáo chủ Hétsam nói với ông:

– Ipxaphun hỡi, ngươi muốn nói gì cứ việc nói đi.

– Tâu đức giáo chủ, ngày xưa có một vị vua ngự trị trước ngài, một hôm đã nói với những kẻ ngồi quanh ngài:

– Trong số các ngươi có ai được biết một vị vua nào hưng thịnh hoặc khoan đại như ta không?

Trong số đó có một người vì đã đi hành hương nhiều nên rất mực khôn ngoan. Ông nói:

– Tâu đức vua, Người đã hỏi chúng tôi một câu rất quan trọng. Tôi mạn phép được trả lời:

– Được ngươi cứ nói

– Cái danh vọng và sự hưng thịnh của nhà vua liệu có vững bền không hay cũng sẽ trôi qua như mọi vật?

– Cũng trôi qua thôi.

– Nếu vậy thì tại sao đức vua lại có thể đặt một câu hỏi quan trọng thế này đối với một việc thoảng qua thế kia, cái việc mà sau này đức vua sẽ phải chịu trách nhiệm.

– Ngươi nói đúng đấy, hỡi con người rất đáng kính kia. Thế nhà ngươi bảo ta phải làm gì bây giờ?

– Nhà vua nên đi vào con đường thánh đạo.

Thế là vua hạ chiếc mũ miện xuống mặc áo của người hành hương và đi đến đất thánh.

Ipxaphun nói tiếp:

– Và còn Người, hỡi giáo chủ của chúa Ala, Người định làm gì?

Giáo chủ Kétsam cảm động lắm, và khóc rất nhiều rất lâu đến ướt hết cả bộ râu của ngài. Ngài trở về cung, đóng cửa lại để suy nghĩ.

Lúc ấy bên kia tấm màn những vị pháp quan và lão thương gia gieo lên:

– Lạy chúa! Hay quá!

Nôzatu ngừng lại không kể nữa. Nàng nói:

Thưa các vị! Cái cửa Luân lý này còn nhiều chuyện cao nhã lắm không sao kể hết trong một buổi được. Nhưng chúa Ala còn cho chúng ta sống lâu và tôi sẽ có thể kể hết các vị nghe.

Bốn vị pháp quan reo lên:

– Thưa hoàng tử, quả thiếu nữ này là một bậc kỳ tài của tất cả các thế kỷ. Chúng tôi chưa thấy một ai có thể sánh kịp bây giờ cũng như trước kia.

Nói rồi họ chào Sackân ra về.

Sackân cho gọi bọn nô bộc chuẩn bị đám cưới và các thức ăn uống cho bữa tiệc. Các bà đô đốc đại thần được hoàng tử giữ lại để theo đoàn phù dâu.

Bữa tiệc bắt đầu. Trên những khăn giải bàn la liệt các món ăn vừa ngon vừa đẹp. Khách ăn uống thỏa thuê. Sackân cho gọi những ca nữ nổi tiếng nhất thành Đamat và tất cả vũ nữ trong cung. Trong phòng yến tiệc cũng như trong các lồng ngực đâu đâu cũng nhộn nhịp tưng bừng. Đêm đến, cung điện đèn nến sáng trưng, từ trên mặt thành đến các cửa bên ngoài, trên tất cả những con đường và tất cả khu vườn. Sackân ở nhà tắm ra, đại thần đô đốc lũ lượt đến chúc mừng.

Hoàng tử ngồi trên bục riêng dành cho những người mới cưới. Các bà xếp hàng hai dẫn tân nhân ra; hai bên có các bà mẹ đỡ đầu đi theo. Sau buổi lễ mặc quần áo, họ dẫn Nôzatu vào phòng hoa chúc, cởi áo nàng ra để lau người nhưng họ thấy da dẻ nàng thoang thoảng hương thơm sạch đẹp như một tấm gương không chút bụi mờ. Mấy bà mẹ đỡ đầu dặn Nôzatu như người ta thường căn dặn cô dâu tối tân hôn. Họ để nàng mặc một chiếc áo lót mỏng ngồi lại một mình trên giường rồi họ đi ra.

Sackân bước vào, chàng không biết thiếu nữ kỳ diệu này lại là em chàng. Nàng cũng không biết vị hoàng tử Đamắt lại chính là anh nàng.

Đêm ấy Sackân làm chủ tấm thân Nôzatu và nàng có chửa ngay, nàng cho Sackân biết tin ấy. Sackân mừng quá sáng dạy chàng cho gọi thầy thuốc đến ghi nhận ngày hạnh phúc vợ có chửa. Chàng lên ngồi trên ngai để đô đốc đại thần cùng quan khách trong nước đến chúc mừng.

Xong chàng cho gọi người thư ký riêng đọc cho viết một lá thư gửi đến vua Ôma An-Nêmân. Chàng muốn báo cho cha biết chàng đã cưới một thiếu nữ mua của một thương gia. Một thiếu nữ đẹp, ngoan, hoàn hảo về khoa học và về văn hóa. Chàng đã giải phóng để cưới làm vợ chính thức và ngay đêm đầu đã có chửa với chàng, chàng có ý định đưa vợ đến Bátđa thăm vua cha, thăm em gái Nôzatu và em giai Đunmakân. Thư xong, chàng đóng dấu trao cho người chạy thư hỏa tốc. Anh này đi ngay và sau hai mươi ngày trở về với lá thư của vua Ôma An-Nêmân, như sau:

«Thư này do một kẻ âm thầm, ủ dột ê chề vì đau đớn và buồn thương, một kẻ đã mất đi cả tấm linh

hồn cao già, mất con cái viết thư của vua Ôma An-Nêmân khốn khổ gửi con yêu là Sackân.

Con hỡi, cha khổ lắm. Sau khi con đi Đamát, cha thấy cung điện như thắt chặt tâm hồn lại. Không chịu được nữa cha đi săn cho dễ thở và cho tiêu sầu.

Săn trong một tháng, về được biết hai em con đi hành hương đến đất thánh La Mếch. Chúng bỏ đi nhân lúc cha vắng mặt. Đumakân còn nhỏ cha chưa muốn cho đi và đã hứa năm sau hai cha con sẽ cùng đi. Nó không chờ, lấy ít tiền ăn đường rồi trốn đi luôn với con em. Đoàn hành hương đã về rồi mà các em con không thấy về. Cha không có tin tức gì về chúng. Giờ đây mất chúng, cha như chìm trong nước mắt và trong nỗi đớn đau.

Cho cha biết tin con. Chúc con và mọi người trong nhà bình an ».

Nôzatu đang có chửa, Sackân giấu không cho biết nỗi bất hạnh của cha. Mấy tháng sau Nôzatu sinh con gái, Sackân mới định nói. Chàng vào phòng Nôzatu hôn đứa bé. Vợ bảo: « Con đã được bảy ngày theo tục lệ, hôm nay phải đặt tên cho nó ». Sackân bế con lên thấy có đeo ở cổ một trong ba viên ngọc thạch kỳ lạ của Abriza, nàng công chúa bất hạnh của Kaixaria.

Sackân xúc động quá.

– Viên ngọc này, ngươi lấy ở đâu hỡi nữ nô.

Nghe hai tiếng nữ nô. Nôzatu bất bình đến nghẹt thở.

– Thiếp là chủ nhân của chàng, chủ nhân của tất cả những ai ở trong cung điện này. Thiếp là hoàng hậu của chàng, thế mà chàng lại dám gọi thiếp là nữ nô! Ôi, ta không thể giấu lâu hơn nữa sự bí mật của ta. Phải! thiếp là hoàng hậu của chàng, thiếp là con gái vua. Thiếp là Nôzatu Zaman, con đức vua Ôma An-Nêmân.

Nghe thế Sackân toàn thân run lẩy bẩy, chàng bối rối, lặng người, cúi đầu, mặt xám dần rồi ngã lăn ra bất tỉnh. Một lúc hồi lại, chàng không tin tai mình.

– Nàng là con gái vua Ôma An-Nêmân? chàng hỏi.

– Thiếp là con gái vua?

– Viên ngọc thạch này là một chứng cớ. Xin cho những chứng cớ khác.

Nàng kể lại hết chuyện mình.

Thế là quá rõ. Chàng nghĩ: « Ta đã làm gì nhỉ, sao lại có thể lấy chính em gái mình? Chỉ còn có cách gả em cho một người khác. Ta sẽ gả cho một vị đại thần của ta. Nếu chuyện bị tiết lộ ta sẽ phao tin là đã ly hôn trước khi ngủ với nàng ». Sackân quay về phía em nói:

– Nôzatu hỡi, giờ đến lượt em phải biết rằng em là em gái anh vì anh là Sackân con giai vua Ôma An-Nêmân Khi còn ở trong cung, em không bao giờ nghe nói đến anh. Cầu chúa Ala tha thứ cho chúng ta.

Nôzatu nghe mấy lời, nàng thét lên một tiếng ngã lăn ra, bất tỉnh. Một lúc hồi phục, nàng tự tát vào má vừa than vừa khóc.

– Chúng ta mắc một tội khủng khiếp, nàng nói. Làm sao bây giờ? Khi cha mẹ hỏi: Con bé này ở đâu ra » thì ăn nói làm sao?

– Anh cho rằng cách thu xếp tốt nhất là gả em cho viên nội thần của anh. Như thế, em dễ dàng nuôi con bé này trong nhà ông ta coi như con của ông ta vậy. Không ai có thể ngờ vực điều gì. Chỉ có cách ấy để cứu vãn tình thế. Trước khi điều bí mật này bị tiết lộ, anh cho gọi viên nội thần.

Sackân an ủi em, hôn lên đầu nàng.

— Hôm nay dù sao cũng phải đặt tên cho con đã. Nàng nói. Chọn tên gì được?

— Anh đặt tên cho nó là « Thiên mệnh »

Sackân cho gọi viên thị vệ nội thần, lập tức cho cưới Nôzatu, cho hai mẹ con về nhà ông ta, tặng ông nhiều của cải. Viên thị vệ nội thần cũng tỏ ra kính trọng và rộng rãi đối với Nôzatu, để con bé cho vú em và nô tì chăm nom nuôi nấng.

Tất cả những chuyện đó xảy ra giữa lúc Đunmakân, em của Nôzatu và người đốt lò tốt bụng chuẩn bị đi Bátđa với đoàn người đi từ Đamát.

Bỗng Sackân lại nhận được lá thư thứ hai của vua Ôma. Thư rằng:

« Cha cầu chúa để con yêu quí của ta biết rằng cha vẫn đau khổ, đắng cay vì vắng các con.

Nhận được thư này, con phải gửi cho cha cống phẩm hàng năm của tỉnh Sam. Nhân có đoàn người đi tiến cống, con cho vợ con đi theo luôn. Cha muốn biết mặt cô ta lắm, và cũng rất muốn thử thách trình độ khoa học và văn hóa của cô ta nữa. Vừa đây có một bà già đáng kính từ xứ Rum đến với năm cô thanh nữ, vú tròn, và nguyên vẹn tiết trinh. Năm cô biết tất cả những gì mà một con người có thể biết được về khoa học và mọi kiến thức của loài người. Họ phẩm hạnh tuyệt vời mà bà già thì khôn ngoan rất mực, không lời nào tả xiết. Cha thực sự mến họ, muốn giữ họ trong cung, vì không một vì vua nào trên trái đất có thể có những người con như thế để trang sức cho cung điện của mình. Cha hỏi mua thì bà già đòi giá bằng cống phẩm hàng năm của hai tỉnh Sam và Đamát. Cha thấy không đắt, không xứng đáng là đằng khác, vì riêng từng cô cũng đáng giá hơn thế nhiều. Vậy là cha nhận

mua. Cha mời họ ở cả trong cung chờ cống phẩm đến. Cha mong con chóng gửi cho cha, vì bà già sốt ruột vội về.

Con chớ quên gửi luôn cả vợ con đến. Những hiểu biết của nàng sẽ giúp xét đoán hiểu biết của năm thanh nữ. Nếu con vợ trẻ của con mà thắng được họ về khoa học và về trí tuệ thì cha hứa sẽ gửi tặng con năm cô thanh nữ và cống phẩm hàng năm của thành Batđa

Chúc con và tất cả những người trong nhà bình an ».

Đọc xong, Sackân cho vời vị nội thần em rể cùng Nôzatu đến. Sackân đưa thư của cha cho em gái

– Đọc đi và cho anh hay em nghĩ gì.

– Điều anh nghĩ là điều nghĩ hay và ý định của anh là tốt nhất. Nhưng anh đã hỏi, em xin nói nguyện vọng tha thiết nhất của em là được về xứ sở, được gặp lại mẹ cha. Xin anh cho em về với vị thị vệ nội thần, chồng em, để em có thể kể với cha chuyện tên Bêđoanh bán em cho một lão thương gia, rồi lão thương gia bán em cho anh, chuyện anh ly hôn, chưa ngủ với em, gả em cho viên thị vệ nội thần.

Sackân nói với viên nội thần—vẫn chưa biết mình là em rể của hoàng tử :

– Ông dẫn đoàn tiến cống phẩm của Đamát đến Bátđa, đem luôn cả vợ đi, nữ nô ta gả cho ông ấy.

Viên nội thần lĩnh mệnh. Sackân cho chuẩn bị một cái kiệu lớn đặt trên lưng một con lạc đà đẹp dành cho viên nội thần, một cái kiệu thứ hai cho Nôzatu. Chàng trao một lá thư cho viên nội thần và, từ biệt hai người. Con bé « Thiên mệnh », chàng giao cho vú nuôi và nữ tì trông nom. Con bé vẫn đeo dây chuyền vàng có viên ngọc quí của nàng Abriza khốn khổ.

Nôzatu yên tâm vì con nhỏ được chăm nom chu đáo, cùng chồng lên đường, mỗi người cưỡi một con lạc đà loại chạy đua. Hai vợ chồng dẫn đầu đoàn người.

Đúng cái đêm hôm ấy, người đốt lò và Đunmakân cũng đến đấy và chứng kiến cảnh tấp nập. Đunmakân hỏi một người đầy tớ thì được biết đó là đoàn đưa cống phẩm của thành Đamát lên vua Ôma An-Nêmân

– Ai dẫn đầu đoàn này ? Chàng hỏi

– Viên thị vệ nội thần, chồng một cô nữ nô rất giỏi về khoa học và rất khôn ngoan.

Đunmakân nhớ tới chị, nhớ nhà, nhớ nước chàng khóc, muốn cùng đi với cả đoàn.

– Tôi sẽ đi cùng cậu, người đốt lò nói. Tôi đã đưa cậu từ Jêruyzalem đến đây, không thể để cậu một mình đi Bátđa được.

– Ôi, bác thật đáng yêu, đáng kính biết bao!.

Người đốt lò chuẩn bị tất cả, đặt lên lưng lừa một cái yên, một cái túi hai ngăn đầy thức ăn, Bác thắt chặt giây lưng, vén áo dài dắt vào rồi đặt Đunmakân lên lưng lừa, Đunmakân nài bác lên ngồi phía sau:

– Tôi không ngồi đâu, cậu chủ của tôi ạ, tôi muốn hoàn toàn hầu cậu.

– Ít ra bác cũng lên ngồi lấy một tiếng đồng hồ chứ.

– Được, khi mệt quá muốn nghỉ, tôi sẽ lên.

– Giờ đây, tôi không biết nói gì. Nhưng về đến nhà với cha mẹ, bác sẽ thấy tôi giả ơn sự giúp đỡ và sự tận tình của bác ra sao.

Đêm mát mẻ. Đoàn người lên đường. Viên nội thần và vợ đi đầu, mỗi người cưỡi một con lạc đà nòi, quanh là đám tùy tùng đông đảo. Đunmakân và người đốt lò theo sau. Đunmakân trên lưng lừa, người đốt lò đi bộ dưới đất.

Đoàn đi suốt đêm. Sáng, trời nóng dần, Đến lúc oi ả quá, vị nội thần cho đoàn dừng lại, nghỉ dưới bóng dừa. Lạc đà và súc vật kéo được uống nước. Rồi lại lên đường đi suốt năm đêm. Đến một thị trấn, nghỉ lại ba ngày rồ. lại tiếp tục, cho-đến khi một làn gió mát nhẹ thổi, thứ gió chỉ có thể thổi từ Bátđa. Sắp đến nơi rồi.

Đunmakân hít thở gió lành, nhớ chị, nhớ cha mẹ. Về mà thiếu mất chị, cha mẹ sẽ đau khổ biết chừng nào! Chàng lại khóc than:

« *Cái vật ta yêu, ta không bao giờ gần được sao?*

Cái vật ta yêu! sự im lặng bao giờ cũng chiến thắng?

Những giờ sum họp, sao mà ngắn ngủi. Dài lê thê là những ngày xa cách nhau.

Lại đây! Lại đây! Nắm lấy tay ta! Ta quá nóng lòng, thân ta đã cháy tan thành nước.

Lại đây! đừng bảo ta phải quên. Lạy chúa Ala, đừng bảo ta phải tự an ủi lấy ta.

Niềm an ủi duy nhất của ta là có người thân bên ta ».

Người đốt lò nói:

— Dừng khóc thế nữa cậu ơi. Nên nhớ rằng chỗ chúng ta ngồi rất gần lều căng của vị nội thần và phu nhân.

— Cứ để tôi khóc và ngâm thơ. Thơ ru tôi, và có thể tắt đi chút lửa trong trái tim này.

Chàng không nghe lời khuyên của người đốt lò, buồn bã quay nhìn về phía Bátđa đang nằm dưới ánh trăng. Cùng lúc ấy, Nôzatu trong lều không ngủ được, nghĩ đến người thân xa vắng mà buồn, mắt ướt lệ. Nàng nghe gần đâu đấy có giọng ngâm thơ say đắm:

« *Ánh hạnh phúc lóe lên một phút, lại tắt ngay, đêm tối lại tối hơn.*

Ly khoái lạc ngọt ngào bạn đưa ta uống đã thay đổi rồi.

Ta đã được hẹn sum vầy với người ta yêu dấu. Số mệnh bi hiểm hiện đến, lòng ta mất yên ổn, tâm hồn như chết đi ».

Ngâm xong, Đunmakân ngã xuống, không biết gì nữa.

Nôzạtu nghe tiếng ngâm trong đêm khuya nhỏm dạy, lo lắng. Nàng gọi tên hoạn nô ngủ ở cửa lều:

– Ngươi chạy tìm người vừa ngâm thơ dẫn đến cho ta.

– Tôi ngủ có nghe thấy gì đâu. Và đêm tối thế này, tìm sao cho ra, trừ phi đánh thức tất cả mọi người dạy.

– Phải tìm cho được. Cứ thấy ai thức thì chắc người đó là người ta vừa nghe giọng ngâm.

Tên hoạn nô không dám phân trần gì nữa, vội chạy đi. Nhưng nhìn quanh nhìn quẩn và tìm đâu cũng chẳng thấy. Đunmakân đang nằm thiếp đi. Thức, chỉ có người đốt lò già. Ông trông thấy tên hoạn nô, ánh trăng chiếu vào, có vẻ dữ tợn. Ông sợ vừa rồi Đunmakân làm ồn khiến bà vợ vị nội thần mất ngủ. Ông ngồi im. Tên hoạn nô trông thấy ông:

– Có phải ông đã ngâm thơ mà bà chủ tôi nghe không?

« Thôi! đúng là bà ta bị quấy rầy rồi », người đốt lò vội vàng chối:

– Ồ, không! Không phải tôi!

– Thì là ai vậy? Ông chỉ cho tôi với. Chắc chắn ông đã trông thấy và đã nghe, vì ông không ngủ mà.

Người đốt lò càng sợ cho Đunmakân:

– Không! tôi không biết anh ta! tôi cũng chẳng nghe thấy gì hết.

— Lạy chúa ! ngươi nói dối một cách trắng trợn, Ngươi thức ngồi đây mà bảo không nghe à ?

— Tôi xin nói thật kẻ vừa ngâm thơ là một kẻ du mục vừa cưỡi lạc đà qua đây. Cái giọng đáng nguyền rủa của hắn đã làm tôi thức giấc. Cậu chúa hãy phạt hắn.

Tên hoạn nô lúc lắc cái đầu, lẩm bẩm có vẻ không tin. Hắn báo cho chủ đó là một kẻ du mục cưỡi lạc đà đã đi xa. Nôzatu bực mình nhìn hắn không nói gì.

Vừa lúc ấy Đunmakân hồi tỉnh nhìn trời thấy mặt trăng đã lên cao. Hình như có một cơn gió nhẹ gợi nhớ thổi trong tâm hồn chàng. Lòng chàng như có vô vàn chim hót, có tiếng sáo vô hình véo von. Chàng không thể cưỡng lại ý muốn hát lên những ước nguyền thầm kín nó khiến lòng chàng như bay bổng lâng lâng. Chàng gọi người đốt lò :

— Bác nghe đây.

— Cậu lại định làm gì thế ?

— Ngâm đôi vần thơ tuyệt diệu cho nhẹ nỗi lòng.

— Cậu không biết chứ vừa rồi tôi phải khôn khéo lắm mới đối phó được với tên hoạn nô. Suýt nữa nguy to.

— Bác nói gì thế ? Hoạn nô nào ?

— Hoạn nô của vị nội thần phu nhân. Lúc cậu thiếp đi, hắn đến đây vẻ mặt đáng ghét, tay vung một chiếc gậy bằng gỗ hạnh to tướng. Hắn nhìn vào mặt từng người ngủ. Thấy mỗi mình tôi thức hắn giận dữ hỏi có phải tôi đã cất tiếng ngâm nga không. Tôi đáp không phải đó là một tên du mục đi ngang qua. Hắn có vẻ không tin và trước khi đi hắn nói : « Nghe thấy ai ngâm nga phải tóm cổ đem đến ngay để tôi dẫn tới bà chủ tôi nghe chưa. Lão phải chịu trách nhiệm về

việc này đó ». Như thế cậu thấy đành lạc hướng được tên đa đen đa nghi này không dễ.

Đunmakân lấy làm bực mình:

– Kẻ nào dám ngăn không để ta ngâm cho ta nghe những bài thơ ta thích? Ta thích bài thơ nào ta cứ ngâm nga muốn ra sao thì ra. Vả lại gần như xứ sở của ta rồi có gì đáng sợ. Không có gì làm ta phải bận lòng.

– Rõ là cậu muốn tự gây họa cho mình.

– Nhất định tôi phải ngâm nga.

– Cậu đừng bắt tôi phải lìa cậu, vì thà tôi bỏ đi chứ không thể đứng nhìn cậu gặp nạn. Đã từ một năm rưỡi nay, cậu sống với tôi, có thấy tôi làm điều gì không phải đâu. Sao giờ cậu lại buộc tôi phải bỏ đi. Mọi người ở đây mệt quá đang yên giấc. Xin cậu đừng ngâm nga làm rối người ta mặc dù tôi nhận là thơ rất hay.

Chàng Đunmakân vẫn không tự chủ được, gió heo may trên kia hát trong đám lá dừa rậm rạp. Chàng cất giọng thật cao,

«Thời gian hỡi! còn đâu những ngày chúng ta được số phận chiều nuông, được sống sum vầy trong nhà thân mến trên tổ quốc đáng yêu.

Thời gian hỡi! Tất cả đã qua rồi! Trước kia ngày thì cười vang, đêm thì cười nụ.

Ôi còn đâu những ngày mà Đunmakân mở rộng lòng bên cạnh một đóa hoa gọi là Nôzatu Zaman».

Ngâm xong chàng thét lên ba tiếng lại thiếp đi. Người đốt lò cởi áo khoác đắp lên mình chàng.

Còn Nôzatu khi nghe những câu thơ nhắc đến tên nàng và tên người em, những thơ về nỗi bất hạnh của nàng, nàng nghẹn ngào nức nở. Nàng gọi tên hoạn nô, gắt:

— Đồ khốn kiếp! Người hát lúc đầu lại hát nữa đấy. Ta vừa nghe, gần đây thôi. Lạy chúa nếu mi không tìm được mà dẫn ngay vào đây, ta sẽ nói với quan lớn cho mi một trận rồi tống cổ đi. Cầm lấy một trăm đina này đưa cho người vừa hát. Phải nói cho dịu dàng mà mời đến đây, Nếu anh ta từ chối thì đưa cái túi một nghìn đina này. Nếu anh ta vẫn từ chối thì đừng nhắc lại nữa mà phải tìm anh ta ở đâu, làm gì, người nước nào về báo ta ngay. Đi ngay đi.

Tên hoạn nô vội chạy đi tìm đặt bước vào khoảng giữa hai chân người ngủ, nhìn tận mặt từng người nhưng chẳng thấy ai thức cả. Hắn lại bên người đốt lò đầu trần mình không áo khoác. Hắn túm lấy quả quyết: «Chính ông vừa hát» Người đốt lò hoảng lên:

— Lạy chúa không phải tôi ngài thái giám ạ.

— Tôi không tha lão nếu lão không chỉ cho tôi kẻ ngâm thơ. Không có hắn tôi không dám về.

Người đốt lò lo sợ cho Đunmakân quá. Ông than phiền rồi bảo:

— Tôi đã nói người hát là một kẻ qua đường. Đừng làm khổ tôi thêm. ngài sẽ chịu tội trước chúa. Tôi chỉ là một kẻ khốn khổ từ thành phố của Abraham người bạn của chúa Ala, đến.

— Được, nhưng lão phải đi với ta tự miệng nói với bà chủ của ta bây giờ không tin ta nữa.

— Ôi vị nô bộc lớn lao đáng kính, xin cứ bình tĩnh về lều đi. Nếu giọng hát lại cất lên thì lần này tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm vì chỉ có tôi là thủ phạm.

Để tên hoạn nô đỡ bực mình mà bỏ đi, ông ngọt ngào nói với hắn, ca tụng hắn và ôm hôn đầu hắn.

Tên hoạn nô, bùi tai buông ông ra, nhưng không dám đến chỗ bà chủ. Hắn bỏ đi một lúc rồi vòng trở lại nấp gần sau người đốt lò.

Đunmakân, thiếp đi, đã tỉnh dậy.

– Giờ thì cậu dậy đi, người đốt lò nói, tôi kể cho nghe chuyện vừa xảy ra chỉ vì thơ của cậu.

Đunmakân lơ đãng:

– Tôi không muốn biết gì hết! gần đất nước rồi không lý gì tôi phải dồn nén cảm giác của mình.

Người đốt lò hốt hoảng:

– Cậu ơi, hãy thôi đi những ý nghĩ không tốt ấy, tôi sợ cho cậu và cho tôi lắm. Chưa đặt chân lên xứ sở thì đừng ngâm hát gì hết. Chưa bao giờ tôi thấy cậu bướng bỉnh đến thế. Bà vợ vị nội thần đi đường mệt nhọc lại khó ở bị cậu làm mất ngủ muốn trừng trị cậu đấy. Bà ta đã cho tên hoạn nô tìm cậu hai lần.

Đunmakân vẫn không để ý đến lời răn lần thứ ba lại cao giọng ngâm:

« *Ta không muốn nghe những lời trách móc ấy nó làm cho tâm hồn ta xao xuyến, cho ta mất ngủ hoài.*

Họ bảo ta thay đổi nhiều. Ta đáp: các người không biết đó thôi. Họ bảo: Đó là tình yêu, ta nói: tình yêu gì mà lại khiến cho sức khỏe sút kém đến thế.

Họ bảo: đó là tình yêu. Ta nói: Ta không muốn tình yêu, không muốn uống chén rượu tình, không muốn những mối sầu tình.

Ôi ta chỉ muốn những chuyện tao nhã làm dịu lòng ta đang bị nhục hình ».

Đunmakân vừa ngâm xong, tên hoạn nô đã lù lù trước mặt. Người đốt lò sợ quá, ba chân bốn cẳng chạy mất, vừa chạy vừa ngoái lại xem sao.

Tên hoạn nô rất lễ độ chào Đunmakân và chúc chàng bình an. Đunmakân cũng chào và chúc tụng lại.

— Thưa công tử, tên hoạn nô nói, lần này là lần thứ ba bà chủ tôi sai tôi tìm công tử mà bà ao ước được gặp.

— Bà chủ ngươi là đồ chó chết nào mà dám sai người triệu ta. Chúa giáng họa cho bà ấy, và cả chồng bà ấy nữa.

Đunmakân lại nguyền rủa tên hoạn nô một thôi một hồi. Tên này không nói gì, vì chủ hắn dặn phải nhẹ nhàng, và chỉ mời khách đến mà không được ép buộc. Hắn bèn ra sức trau chuốt lời nói sao cho chàng nguôi giận.

— Thưa công tử, tôi nằn nì không phải để trái ý hoặc làm công tử bực bội, chỉ xin công tử quá bộ đến để bà chủ tôi được tiếp chuyện. Bà chủ tôi khao khát được gặp, và sẽ biết tạ ơn lòng tốt của công tử.

Đunmakân cảm kích, đứng dậy theo tên hoạn nô đến lều. Người đốt lò đứng nhìn từ xa, mỗi lúc một lo sợ hơn cho Đunmakân. Ông nghĩ: « Tội nghiệp cho tuổi trẻ của cậu ta. Sáng mai, mặt trời mọc là cậu sẽ bị treo cổ thôi! » ông vụt có ý nghĩ ghê gớm hơn nên lại càng hoảng sợ « Biết đâu Đunmakân muốn thoát tội lại không đổ tất cả lên đầu ta, bảo là chính ta đã hát. Ôi! nếu thế thì tồi quá ».

Đunmakân và tên hoạn nô len lách giữa đám người nằm ngủ và súc vật khó nhọc lắm mới đến được chỗ cắm lều. Tên hoạn nô bảo Đunmakân đứng ngoài, vào bảo chủ:

— Tôi đã dẫn được người ta đến. Đây là một chàng thanh niên mặt rất đẹp, dáng bộ tỏ ra là con nhà cao quí.

Nôzatu thấy tim mình đập mạnh. Nàng bảo hoạn nô:

— Để chàng ngồi gần lều, xin chàng cứ ngâm thơ để ta thưởng thức. Sau đó ngươi hỏi xem chàng tên là gì, quê quán ở đâu.

— Hát thơ thì ta sẵn lòng, Đunmakân nói với tên hoạn nô. Còn tên ta? Nó đã bị xóa từ lâu, cũng như lòng ta đã chết, thân ta đã tàn. Chuyện ly kỳ lắm đáng được lấy kim châm vào phía trong khóe mắt. Giờ ta như kẻ say, rượu uống quá nhiều thành tàn tật. Ta như kẻ ly hồn, chết đuối trong điên loạn.

Nôzatu nghe thế, khóc nức nở. Nàng bảo hoạn nô:

— Ngươi ra hỏi xem chàng có mất người thân nào không, một người mẹ, một người cha, hay một người anh em chẳng hạn.

Hoạn nô ra hỏi chàng câu ấy.

— Than ôi! đúng như thế, chàng đáp. Ta mất tất cả, hơn nữa, mất một người chị rất yêu ta. Từ lâu ta bặt tin tức. Số phận đã chia cách chúng ta.

Hoạn nô vào lều, nhắc lại câu ấy của Đunmakân. Nôzatu cầu chúa Ala an ủi chàng trẻ tuổi, cho chàng được sum họp với những người chàng mến yêu. Rồi nàng bảo hoạn nô ra xin chàng cho nghe mấy vần thơ về những nỗi đắng cay và nỗi niềm ly biệt.

Đunmakân tì má lên bàn tay. Trăng soi xuống người và súc vật. Trong đêm im lặng, giọng chàng vang xa.

Nôzatu không cầm được lòng mình, run rẩy vén màn cửa ló đầu ra nhìn người đang hát dưới ánh trăng. Nhận được em mình, nàng kêu lên một tiếng, rồi chạy ra, hai tay vươn về phía trước.

Ôi! em tôi! em Đunmakân!

Đunmakân nhìn người thiếu phụ cũng nhận ra là chị mình. Hai người chạy lại ôm lấy nhau, xúc động

quả, ngã ra, thiêm thiếp. Tên hoạn nô sững sờ. Rồi hắn chạy vào trong lều lấy ra một cái chăn rộng đắp lên cho hai người, tỏ lòng tôn kính và cũng để khỏi có sự tò mò của kẻ ngẫu nhiên qua đây. Hắn mơ màng, chờ cho hai người tỉnh lại.

Nôzatu tỉnh trước. Rồi Đunmakân. Nôzatu quên hết nỗi buồn phiền đã đọc mấy câu thơ:

«Hỡi số mệnh! Ngươi đã thề là nỗi khổ của ta không qua được. Và thế là ta đã buộc ngươi phải lỗi lời thề!

Vì hạnh phúc của ta thật đầy đủ và người bạn đã ở bên ta. Và chính ngươi, hỡi số mệnh, ngươi sẽ là tên nô lệ vén áo dài lên cho gọn và phụng sự chúng ta.

Đunmakân ôm chặt chị gái vào lòng, nước mắt vui trào ra. Chàng đọc tiếp:

«Hạnh phúc vào mạnh trong ta, mạnh quá làm bật những dòng nước mắt vui tươi.

Ôi những con mắt của ta, quen khóc, hôm qua còn khóc nỗi buồn, hôm nay được khóc niềm vui».

Nôzatu nói với em:

— Em hãy kể chị nghe chuyện em, sau đó chị sẽ kể chuyện chị.

— Chị kể trước đi!

Nôzatu bèn thuật lại tất cả, không sót ti gì. Và thêm:

— Vị nội thần, chồng chị, lát nữa chị sẽ đưa ra mắt em. Ông ấy tốt lắm, ông ấy sẽ nhận em. Giờ thì em kể chị nghe chuyện từ ngày em ốm, chị để nằm lại trong một cái trạm ở đất Thánh.

Đunmakân kể hết đầu đuôi cho đến lúc gặp được người đốt lò.

— Em không thể nói hết được lòng tốt của bác ta. Bác có bao nhiêu tiền để dành đều tiêu hết cho em.

ngày đêm chăm sóc em. Một người cha, một người anh hay một người bạn tận tụy cũng không cư xử được thế, đến độ nhịn ăn, nhường em, nhường cả lừa cho em cưỡi, còn bác thì đi bộ dắt lừa và nâng đỡ em. Em sống được là nhờ có bác ta.

– Nếu chúa muốn, Nôzatu nói, làm được đến đâu chúng ta sẽ làm đến đấy để đền ơn bác.

Nôzatu gọi tên hoạn nô. Y chạy đến hôn tay Đunmakân. Nôzatu nói :

– Ngươi là một nô bộc tốt có vẻ mặt báo điềm lành. Ngươi là người đầu tiên báo cho ta tin tốt đẹp. Ngươi giữ lấy cái túi có một nghìn đina mà ta đã giao cho ngươi. Giờ thì chạy đi báo chủ ngươi rằng ta muốn gặp.

Tên hoạn nô sướng quá, chạy đi mời vị nội thần. Ông đến thấy một chàng trẻ tuổi lạ mặt ở đây giữa ban đêm thì ngạc nhiên hết sức. Nôzatu kể lại hết rồi nói :

– Hỡi vị nội thần đáng kính, như thế thì không phải ông lấy một nữ nô như ông vẫn tưởng, mà lấy chính con gái vua Ôma An-Nêmân là Nôzatu Zaman. Và đây là em thiếp, Đunmakân.

Nghe câu chuyện kỳ lạ mà ông tin hoàn toàn là thật, ông mê mẩn tâm thần, vì thấy mình là phò mã, con rể vua Ôma An-Nêmân. « Rồi đây ít nhất mình cũng là Tổng đốc một tỉnh nào đó », ông nghĩ. Ông kính cẩn chúc mừng Đunmakân đã chấm dứt được khổ đau, đã được gặp lại chị gái. Ông ra lệnh cắm thêm một lều nữa cho Đunmakân nhưng Nôzatu gạt đi :

– Không cần vì sắp đến xứ sở rồi. Vả lại chị em thiếp cách biệt nhau đã lâu, giờ được chung một lều mà ngắm nhìn nhau trước khi đến nhà thì cũng thú vị.

– Thôi được, tùy ý nàng.

Ông đi ra, để hai người tự do tâm sự. Ông cho mang đến đuốc thắp, nước đường, hoa quả, kẹo mứt Những thứ này, ông đã dùng hai con la, một con lạc đà chở đi từ Đamat để khi tới Batđa ai đến chào mừng, có quà tặng họ. Ông đưa Đunmakân ba bộ quần áo sang trọng. Ông cho lấy yên bọc vải có tua bện chỉ ngũ sắc đặt lên lưng một con lạc đà rồi cho chàng dùng. Ông ưỡn ngực, đi đi lại lại trước lều, nghĩ mãi đến vinh dự Chúa ban cho, đến sự quan trọng của ông trong hiện tại, đến uy quyền của ông trong tương lai.

Sáng sớm, ông đến lều vợ chào vợ. Nôzatu dặn ông:

Không được quên người đốt lò. Dặn tên hoạn nô dành cho bác ta một con lạc đà tốt cưỡi đi đường, phải chăm sóc bữa tối bữa sáng của bác cho chu đáo, và đừng để bác đi xa chúng ta quá.

Tên hoạn nô lấy thêm mấy người tùy tùng của vị nội thần đi tìm người đốt lò. Ông ta đứng tít phía cuối đoàn, sợ run lên, và đang đóng yên lừa chuẩn bị chuồn khỏi nơi đây là nơi người ta đã bắt mất người bạn trẻ Đunmakân.

Cho nên khi ông thấy tên hoạn nô cùng mấy nô lệ bỗng dưng chạy đến vây quanh, thì ông thấy như mình đang chết. Mặt ông vàng ra, đầu gối đập vào nhau, mọi thớ thịt trong người run lên vì sợ. Đunmakân muốn gỡ tội đã đổ cho ông để bà vợ vị nội thần báo thù.

Tên hoạn nô thét vào tai người đốt lò đang co rúm lại:

— Đồ nói láo! Sao lại bảo với ta rằng ông không hát, mà cũng không biết ai hát. Bây giờ thì ta biết người hát là người bạn đường của ông. Từ đây đến Bátđa ta sẽ không rời ông nửa bước, và đến nơi ông sẽ phải chung số phận với bạn ông.

Người đốt lò than vãn, nghĩ : « Điều ta muốn tránh nhất, giờ đây lại đến với ta ». Tên hoạn nô bảo bọn nô lệ :

– Tóm lấy con lừa này! cho ông ta con ngựa này. Mặc cho ông khóc, bọn nô lệ lôi con lừa đi, bắt ông phải cưỡi một con ngựa thật đẹp. Tên hoạn nô lại dặn bọn chúng :

– Suốt dọc đường, chúng bay phải canh giữ người đốt lò này cho cẩn mật. Mất một sợi tóc của ông ta, là mất một mạng của chúng bay đó. Phải hết sức tử tế. Phải chú ý đến những điều cần nhỏ nhất của ông ta.

Thấy bị canh giữ như vậy, người đốt lò tin mình sẽ phải chết.

– Thưa vị thủ lĩnh rộng lượng, ông già kêu van, tôi thề là chàng thanh niên ấy không phải là bà con anh em gì với tôi cả. Tôi là một kẻ đốt lò khốn khổ của nhà tắm công cộng. Tôi thấy chàng ta nằm hấp hối trên đống củi lẫn rác trước nhà tắm thì nhặt về thôi, chứ có làm gì nên tội !

Rồi ông khóc, nghĩ đến hàng nghìn chuyện rắc rối sẽ đến với mình. Đoàn người cứ đi. Tên hoạn nô bên ông thỉnh thoảng lại trêu chọc một câu :

– Ông và em ông cứ đọc thơ tồi phá giấc ngủ của bà chủ ta. Lúc ấy ông chẳng tỏ vẻ sợ hãi gì cả.

Tuy nhiên, cứ mỗi lần dừng nghỉ, tên hoạn nô lại mời ông cùng ăn, cùng uống, chung cốc, chung bình, hắn uống trước, ông uống sau. Nhưng ông vẫn cứ khóc, lòng dạ rối bời, không hay tin gì về Đunmakân, vì tên hoạn nô tránh không nói về chàng.

Nôzatu, Đunmakân vẫn dẫn đầu đi về phía Bátđa. Chỉ còn một ngày nữa là đến cái nơi bao ngày mong đợi. Sau đêm nghỉ cuối cùng, buổi sáng cuối cùng họ chuẩn bị đi thì bỗng thấy trước mặt, bụi bốc mù làm

trời tối sầm chung quanh. Viên nội thần trấn an mọi người, bảo họ ở nguyên chỗ rồi ông lấy năm chục kỵ binh đến xem sao.

Một lát bụi tan thì thấy một đạo quân hùng dũng, cờ phướn tung tay, bước đều theo nhịp trống. Một đoàn dũng sĩ cưỡi ngựa tách lên tiến về phía họ. Mỗi kỵ binh của viên nội thần bị năm dũng sĩ vây bọc. Viên nội thần, ngạc nhiên hỏi :

– Các người là ai mà hành động như vậy ?

– Nhưng các ông là ai đã ? Từ đâu đến và đi đến đâu ?

– Tôi là thị vệ nội thần của vị Tổng đốc Đamat, hoàng tử Sackan con vua Ôma An-Nêmân, chủ nhân của Bátđa và của xứ Hômân. Hoàng tử cho chúng tôi đem cống phẩm và tặng vật đến Bátđa tiến lên nhà vua.

Nghe thế, tất cả dũng sĩ đột nhiên rút khăn lau ra bưng lấy mắt mà khóc nức nở. Viên nội thần rất lấy làm lạ.

Viên chỉ huy tiến đến nói :

– Than ôi ! Vua Ôma An-Nêmân còn đâu ! Vua Ôma An-Nêmân đã chết. Và chết vì bị đầu độc. Thật là tuyệt vọng. Hỡi vị nội thần đáng kính, xin đi với chúng tôi đến gặp Tể tướng Đanđân đằng kia, giữa ba quân. Ngài sẽ kể tỉ mỉ về nỗi bất hạnh này.

Viên nội thần cũng khóc :

– Cuộc hành trình của chúng tôi bất hạnh biết chừng nào !

Ông được dẫn đến chỗ Tể tướng và được tiếp kiến ngay. Ông vào trong lều. Tể tướng mời ngồi. Ông nói về nhiệm vụ của ông, kể tỉ mỉ những tặng phẩm ông đem đến vua Ôma.

Nghe nhắc đến tên vua, tể tướng khóc.

– Vua Ôma An-Nêmân bị đầu độc, lát nữa tôi sẽ kể. Bây giờ tôi cho ông biết hiện tình trong nước.

Đức vua chúng tôi băng hà trong tình thương xót và lòng độ lượng vô biên của chúa Ala. Nhân dân náo động cả lên. Họ muốn biết ai sẽ nối ngôi trị vì. Nếu không có các vị đại thần và quyền quí can ngăn thì các đảng phái đã đánh nhau to. Cuối cùng, mọi người thỏa thuận nên hỏi ý kiến bốn vị pháp quan của Batđa và để họ quyết định. Họ định rằng người nối ngôi là Sarkân, Tổng đốc Đamát. Vì vậy tôi dẫn quân đến Đamát báo tin về cái chết của vua cho hoàng tử và việc bầu Ngài lên ngôi báu.

Nhưng ở Bátđa, có một phái muốn bầu hoàng đệ Đunmakân. Hiềm một nỗi từ lâu không ai biết chàng ở đâu, cả công chúa Nôzatu Zaman nữa. Đã năm năm họ đi hành hương ở Hetja, đến giờ vẫn bặt tin tức.

Nghe thế, viên nội thần, chồng Nôzatu, tuy có buồn về cái chết của vua Ôma nhưng lại thấy cực kỳ vui nghĩ rằng Đunmakân có thể làm vua Bátđa và Koratxân Ông nói với Tể tướng Đanđân :

– Câu chuyện của Ngài quả thật lạ lùng. Tôi cũng xin báo Ngài một tin mừng. Chúa Ala đã trả chúng ta hoàng tử Đunmakân và công chúa Nôzatu Zaman, giúp chúng ta san bằng mọi khó khăn.

Tể tướng Đanđân cũng vui mừng hết sức, giục ông nói về tin bất ngờ ấy. Viên nội thần kể lại hết không quên cho biết Nôzatu đã là vợ ông. Tể tướng cúi chào, tự nhận là chư hầu trung nghĩa. Đoạn ông cho tập hợp tất cả đô đốc, đại thần, thủ lĩnh quân sự có

mặt để loan tin. Mọi người chúc tụng vị nội thần, hân hoan nghĩ đến trật tự mới do Số mệnh an bài.

Viên nội thần và tể tướng Đanđân mỗi người một ghế ngồi trên một cái bục để cùng bá quan văn võ bàn luận về tình hình. Mọi người đồng thanh cử Đunmakân kế nghiệp ngôi báu, và thấy không cần đi Đamát đón hoàng tử Sáckân nữa. Tể tướng đứng dạy tỏ lòng kính mộ vị nội thần từ đây trở thành nhân vật chủ chốt của quốc gia, chúc tụng và biếu ngài những tặng phẩm quí giá. Các quan cũng đều làm như thế. Thay mặt mọi người, Tể tướng Đanđân nói:

— Hỡi vị nội thần đáng kính, chúng tôi mong rằng nhờ đại lượng của Ngài, chúng tôi sẽ được giữ nguyên chức vụ dưới triều vua mới. Xin ngài báo cho tân quân biết về việc bầu này, còn chúng tôi về trước sửa soạn nghênh đón.

Viên nội thần hứa sẽ bao dung mọi người, cho họ giữ nguyên chức vụ. Ông bảo Tể tướng cho thêm người thêm lạc đà, cho những tấm lều sang trọng, cùng ngự y, thảm dệt và đủ mọi thứ trang sức. Ông về lều Đunmakân còn Tể tướng Đandân và đạo quân trở lại Bátđa.

Vị nội thần thấy kính trọng vợ hơn nhiều. « Một cuộc hành trình may mắn! một triệu chứng tốt lành », ông nghĩ. Ông xin phép rồi mới vào lều Nôzatu, ông thuật lại những điều tai nghe mắt thấy mới rồi, cái chết mà vua Ôma, việc bầu Đunmakân chứ không phải Sackân. Ông nói với Đunmakân:

— Và bây giờ, hỡi vị vua rộng lượng, Ngài chỉ còn việc nhận ngay lấy ngai vàng, vì nếu từ chối, người được bầu thay thế, sẽ hại ngài.

Đunmakân buồn về cái chết của cha. Cả chàng và Nôzatu đều khóc. Tuy vậy chàng cũng nói:

— Ta nhận sự quyết định của Số mệnh, vì không tránh được. Lời ông thật hợp lẽ, khôn ngoan. Nhưng, còn đối với anh Sackân, ta nên xử sự thế nào?

— Cách tốt nhất là chia đôi sơn hà. Ngài làm vua Bátda còn Sackân làm vua Đamat. Cương quyết như thế để có hòa thuận và hòa bình.

Đunmakân y theo.

Viên nội thần lấy ngự bào mặc cho Đunmakân lại trao cho một thanh kiếm vàng lớn, tượng trưng cho quyền lực nhà vua. Ông chào và lui ra, chọn một chỗ cắm lều cho vua, một chiếc lều lớn, trên có nóc tròn, chiếc lều mà lần lụa bên trong đủ màu sắc có vẽ cây và hoa. Quanh lều, có trải những tấm thảm lớn trên đất nện kỹ đã tưới nước. Ông mời vua tối hôm ấy nghỉ. Và vua đã ngủ cho tới sáng.

Vừa rạng đông có tiếng trống trận và nhạc vang lên phía xa. Một đám bụi mù. Tể tướng Đandân dẫn một đoàn quân đến đón vua.

Vua Đunmakân mặc ngự bào lên ngồi trên ngai đặt giữa lều, thẳng dưới nóc tròn, thanh đại kiếm lệch trên đầu gối, hai tay đặt lên thanh kiếm. Vua ngồi im, chờ đợi.

Kỵ binh của Đamát, lính thị vệ cũ của viên nội thần kiếm tuốt trần, xếp hàng đứng quanh vua. Vị nội thần kính cẩn đứng bên phải. Rồi theo lệnh của ông, cuộc diễu hành khánh chúc bắt đầu.

Theo một hành lang căng lụa dẫn tới lều vua, các vị chỉ huy quân sự, xếp hàng mười, tiến vào, theo thứ bậc quân hàm, từ thấp lên cao. Và cứ từng mười người một, họ thề trung thành với vua Đunmakân rồi lặng lẽ

cúi chào sát đất. Cuối cùng đến lượt bốn vị đại pháp quan và tể tướng Đanđân. Bốn vị tuyên thệ trước rồi cũng cúi chào sát đất. Khi tể tướng vào, vua Đunmakân đứng dậy, đến trước ông, nói :

— Kính chào vị tể tướng đáng kính, đáng trọng, bậc cha của tất cả chúng ta, người mà các việc làm đều thơm trí tuệ, mà bàn tay khéo léo xếp đặt tài tình.

Tể tướng lấy Kinh thánh và lòng Tin thề trung thành và cúi chào sát đất.

Trong khi viên nội thần ra ngoài xếp đặt cho yến tiệc, giải bàn, nấu cỗ, chuẩn bị người hầu rượu, thì vua nói với Tể tướng :

— Để mừng ta lên ngôi, ta muốn xử thật rộng rãi với binh lính và chỉ huy của họ. Tất cả những cống phẩm của thành Đamát đem theo đây, hãy phân phát hết, không để lại tí gì, cho họ ăn uống no say. Sau đây, xin tể tướng kể lại tỉ mỉ cái chết của phụ vương ta cùng nguyên nhân cái chết đó.

Tể tướng y lệnh cho quân sĩ vui chơi ba ngày, báo cho các chỉ huy hay trong thời gian ấy, vua không tiếp ai. Quân đội chúc tụng vua sống lâu, trị vì thịnh vượng. Vua đi tìm Nôzatu :

— Em biết cha chết, vua nói, nhưng không hiểu vì sao. Hãy đến nghe chính tể tướng Đanđân kể lại.

Vua dẫn Nôzatu vào trong lều, cho rủ một bức màn lụa lớn, để Nôzatu ngồi phía sau. Vua lên ngồi trên ngai và nói với Đanđân :

— Bây giờ thì mời vị Tể tướng của cha ta kể tỉ về cái chết của vị vua cao cả bậc nhất trong các vị vua.

Và tể tướng Đanđân kể như sau :

CÂU CHUYỆN VỀ CÁI CHẾT CỦA VUA ÔMA AN-NÊMÂN VÀ NHỮNG LỜI KỲ DIỆU TRƯỚC KHI VUA CHẾT

Một hôm đức tiên vương thấy khó thở vì nhớ các ngài, cho gọi chúng tôi đến giải phiền thì thấy một bà già vẻ mặt tôn nghiêm đi với năm thiếu nữ còn trinh, vú tròn, mặt đẹp như trăng, đẹp khôn tả. Các cô thuộc lầu kinh Koran, thuộc các sách khoa học và những danh ngôn của các nhà hiền triết Hồi giáo. Bà già kính cẩn chào và nói :

– Tâu đức vua, tôi đem đến cho Ngài năm hòn ngọc mà không một ông vua nào trên trái đất có được. Xin Ngài xét đến dung nhan của họ và cho họ được thử thách tài năng. Vì nhan sắc chỉ lộ ra cho những ai thiết tha tìm kiếm nó.

Tiên quân rất đẹp lòng về năm cô gái và thấy bà già thật đáng kính. Ngài bảo mấy cô :

– Hỡi các cô xinh đẹp! nếu quả thực các cô biết nhiều điều hay của thời quá khứ thì hãy lần lượt từng cô một, kể ta nghe những lời có thể làm dịu lòng ta.

Cô thiếu nữ thứ nhất, có cái nhìn khiêm tốn và rất dịu hiền, tiến lên, cúi chào kính cẩn và nói :

Lời nói của cô thiếu nữ thứ nhất.

Tâu đức vua muôn đời, xin Người biết cho rằng không có cuộc sống, nếu không có bản năng về sự sống. Cái bản năng ấy có là để người ta có thể làm chủ được mình với sự giúp đỡ của chúa Ala và nhờ đó mà tiến gần tới Chúa là đấng tạo nên muôn loài.

Và cuộc sống được đem đến cho con người là để con người có thể phát triển về cái đẹp và tự đặt mình lên trên mọi sự lầm lạc. Và những ông vua, đã là người cầm đầu mọi người, cũng phải là người đi đầu trên con đường đạo đức cao quý, trên con đường xả kỷ vô tư. Và người quân tử vốn là người có học, trong mọi trường hợp, nhất là đối với bạn bè, phải biết cư xử cho êm thấm và phán đoán cho ổn tồn. Họ phải đề phòng cẩn thận kẻ thù nghịch, và chọn bằng hữu phải kín đáo khôn ngoan. Khi đã chọn rồi thì trong mọi việc phải lấy lòng tốt xử sự với nhau, chớ để phải nhờ đến người khác can thiệp vì rằng hoặc là họ chọn bạn trong số những người đã thoát được trần duyên có cơ trở nên thần thánh; nếu thế họ phải thành tâm lắng nghe mà tin theo lời của bạn. Hoặc là họ đã chọn bạn trong số những người còn nặng trần duyên; nếu thế họ phải để ý đừng phạm đến quyền lợi của bạn, đừng làm trái thói quen của bạn, đừng nói ngược lại lời bạn nói: vì sự trái ý làm mất đến cả lòng thương yêu của cha và của mẹ! Vì vậy không nên có sự trái ý đó. Một người bạn thân là cái đáng quý biết bao! Người bạn thân không phải như người vợ có thể ly dị lấy một người khác thay thế vào. Một vết thương lòng gây nên cho bạn không bao giờ lành được đúng như nhà thơ đã nói:

«Lòng một người bạn là cái rất mỏng manh, phải trông nom nó như trông nom một vật mỏng manh. Vì lòng bạn khi đã bị thương cũng như thứ thủy tinh mỏng đã vỡ, không thể chắp lại cho lành».

Bây giờ thiếp xin kể vài lời của những bậc hiền nhân. Xin bệ hạ biết cho rằng một vị chánh án muốn xử kiện cho thật công minh, phải lấy chứng cớ cho xác đáng, phải coi trọng hai bên nguyên bị ngang nhau không được tỏ ý kính trọng người bị cáo quý tộc hơn

người bị cáo nghèo hèn. Nhất là phải cố gắng hòa giải đôi bên làm cho tất cả những người Hồi giáo luôn luôn hòa hợp với nhau. Đặc biệt khi còn nghi ngờ thì vị chánh án phải suy nghĩ cho chín, lý luận cho kỹ và nếu vẫn còn nghi ngờ, thì không được tuyên án vội. Vì công lý là nhiệm vụ hàng đầu. Nếu đã bất công mà trở về với công lý thì còn cao quý và đáng khen hơn nhiều trước đấng tối cao. Và không bao giờ nên quên rằng chúa Ala tối cao đã đặt bọn chánh án trên đời là chỉ để xét xử sự việc bên ngoài, còn việc xét xử những điều bí ẩn bên trong thì Chúa dành riêng cho Chúa. Bổn phận một vị chánh án không nên khảo đả hoặc bắt một tội nhân nhịn đói để họ phải cung khai. Như thế không xứng đáng là người Hồi giáo. Vả lại Anzari đã nói:

– Có ba điều làm cho một vị chánh án sa đọa: một là tỏ lòng khoan dung hay có vẻ kính trọng đối với một tội nhân có địa vị cao, hai là thích được tán tụng, ba là sợ mất địa vị.

Giáo chủ Ôma một hôm bãi miễn một vị chánh án. Ông này hỏi ngài:

– Tại sao ngài bãi miễn tôi.

– Vì ngươi nói nhiều, làm ít.

Đức An Ixcăngđa hai sừng vĩ đại một hôm tập hợp vị chánh án, người đầu bếp, và người chánh thư ký lại. Ngài nói với vị chánh án:

– Ta đã giao cho nhà ngươi cái quyền cao quý và nặng nề nhất trong các quyền vua của ta. Ngươi phải có một tâm hồn vua mới được.

Ngài nói với người đầu bếp:

– Ta đã phó thác cho ngươi việc chăm sóc thể xác của ta. Thể xác ta tùy thuộc vào cách nấu nướng của ngươi đó. Hãy dùng hết nghệ thuật mà nấu nướng cho ta ăn.

Và ngài nói với người chánh thư ký:

– Còn nhà ngươi, người anh em của ngòi bút, ta giao cho ngươi thể hiện trí thông minh của ta. Ngươi hãy dùng chữ của ngươi để truyền nguyên vẹn cho hậu thế cái bản sắc của ta.

Người thiếu nữ nói xong, kéo mạng che mặt lại rồi lui về đứng giữa các bạn.

Lúc ấy người thiếu nữ thứ hai tiến lên: mắt sáng, cằm nhỏ xinh tươi. Nàng giập đầu chào đức tiên quân đức Ọma An-Nêmân, phụ vương của bệ hạ, rồi nói:

Lời của cô thiếu nữ thứ hai.

Tâu bệ hạ đầy hồng phúc, xưa người quân tử Lốc-mân đã nói với con ông ta:

– Này con! Có ba điều chỉ có thể kiểm tra được trong ba trường hợp: một là một người có thật sự tốt hay không là trong khi hắn nổi giận; hai là một người có thực dũng cảm hay không là khi hắn lâm trận; ba là một người thật có tình đồng loại hay không là khi hắn đối xử với người khác trong cơn túng đói.

Và một tên hôn quân hay một kẻ áp chế người khác, dù có được bọn triều thần nịnh hót tán tụng cũng phải đền tội và không tránh được nhục hình. Mà kẻ bị áp chế, dù sự bất công vẫn còn, cũng tránh khỏi được mọi cực hình. Đối xử với người khác phải căn cứ vào việc làm, chớ căn cứ vào lời nói của họ. Vả lại chính ý định tốt làm nên giá trị của con người. Và mỗi người sẽ được xét xử theo ý định chứ không phải theo hành động. Và tâu bệ hạ, cái điều đáng trọng nhất ở ta là tấm lòng ta đó. Một hôm người ta hỏi một vị hiền nhân:

– Con người xấu nhất là ai?

Ông đáp:

— Đó là kẻ để cho dục vọng xấu xa xâm chiếm cõi lòng. Vì như thế hắn sẽ mất hết tinh hùng dũng. Và nhà thơ đã nói rất đúng:

«Của quý nhất là cái giấu kín trong lòng ngực người ta. Nhưng tìm được con đường dẫn đến đấy, khó khăn xiết bao!»

Và đức Sứ giả của Chúa — xin cầu nguyện cho ngài và chúc ngài bình an — đã nói:

— Người hiền nhân chân chính là người biết quý cái vĩnh viễn hơn cái chóng tàn

Người ta kể rằng kẻ khổ hạnh Xabê khóc nhiều đến nỗi mắt sưng lên. Người ta phải gọi thầy thuốc đến chữa. Thầy thuốc nói:

— Tôi chỉ có thể chữa cho ông nếu ông hứa một điều.

— Điều gì vậy?

— Là phải thôi khóc đi.

— Ố! nếu tôi không khóc nữa thì tôi dùng mắt để làm gì?

Nhưng tâu bệ hạ hành động đẹp nhất là hành động vô tư. Quả vậy, người ta kể rằng trong xứ Ixraen có hai anh em; một hôm anh hỏi em:

— Trong tất cả những việc em đã làm, việc nào em cho là đáng ghê sợ nhất.

Người em giả lời:

— Là việc này: một hôm đi ngang qua một chuồng gà em đã vươn tay tóm một con gà mái bóp chết rồi vứt trong chuồng. Đó là điều đáng ghê sợ nhất trong đời em. Còn anh, anh đã làm điều gì đáng ghê sợ nhất.

— Đó là việc anh đã cầu nguyện Ala để xin một ân huệ. Vì sự cầu nguyện chỉ đẹp khi nó là sự nâng tâm hồn lên cõi cao rộng.

Vả lại, nhà thơ đã diễn tả điều ấy rất hay trong câu thơ này:

«Có hai điều không bao giờ mày nên tới gần: đó là sự sùng bái chúa Ala để cầu lợi và tội ác đối với đồng loại của mày».

Người thiếu nữ thứ hai nói xong lùi về giữa mấy cô bạn. Tức thì cô thứ ba – cô này hòa hợp được những đức tính hoàn hảo của hai cô kia – tiến lên gần đức vua Ôma và nói:

Lời nói của cô thiếu nữ thứ ba.

Tâu đức vua đầy hồng phúc, còn về phần thiếp, ngày hôm nay thiếp chỉ xin nói ít thôi vì thiếp hơi khó chịu trong người. Vả lại, những bậc hiền nhân quân tử dạy chúng ta nên nói ngắn gọn.

Vậy tâu bệ hạ, Xaphian có nói: nếu tâm hồn ở trong trái tim con người, con người sẽ mọc cánh mà nhẹ nhàng bay tới chốn bồng lai.

Cũng ông Xaphian này đã nói:

— Nhìn vào tận mặt một người xấu xí, cái việc giản đơn ấy cũng là một tội nặng đối với trí thông minh.

Sau khi nói hai câu kỳ diệu ấy người thiếu nữ lại lui về đứng giữa mấy cô bạn. Tức thì người thiếu nữ thứ tư, tiến lên và nói:

Lời nói của cô thiếu nữ thứ tư

Tâu đức vua đầy hồng phúc thiếp xin sẵn sàng nói lại những lời của những bậc công minh chính đại thuở xưa truyền lại. Người ta kể rằng Bátxra không tất[1] đã nói:

---

(1) *Không tất* là một từ chỉ một dòng tu không đi bí tất, không đi giày, chỉ đi chân không (N.D).

– Hãy giữ đừng để mắc cái tội khả ố nhất.

Những người nghe ông nói, hỏi lại:

– Cái tội khả ố nhất là tội gì vậy?

– Đó là cái việc quỳ gối rất lâu để giả vờ là cầu nguyện. Như thế là giả dối trong việc cầu chúa.

Một người hỏi ông:

– Thưa cha có những sự thật bị che giấu, có những điều rất bí hiểm. Xin cha hãy dạy cho biết.

Vị tu sĩ không tất đáp:

– Con hỡi! Những điều ấy không phải để dạy cho bọn con chiên các con, không thể để các con biết được vì rằng trong số một trăm người công minh chính đại, khó lòng tìm được lấy năm người trong sạch như bạc nguyên chất.

Và ông cụ già Ibrahim đáng kính kể lại:

– Một hôm tôi gặp một người nghèo vừa đánh mất một đồng tiền đồng. Tôi lại gần anh ta và đưa anh một đồng bạc. Anh không lấy, nói: « Tôi đang nhằm đạt tới những hạnh phúc bất diệt thì tất cả tiền bạc trên thế gian này tôi dùng làm gì? ».

Người ta cũng kể rằng một hôm cô em gái của vị tu sĩ không tất đến tìm vị mục sư Hồi giáo là Atmát ben Hanban:

– Hỡi đức mục sư! thiếp muốn hỏi vài điều, người hãy soi sáng cho lòng thiếp! Thiếp có thói quen thức đêm trên sân thượng của nhà thiếp và nhờ ánh sáng của những bó đuốc qua đường mà đan len vì nhà thiếp không có đèn đuốc gì cả. Ban ngày, thiếp bận làm việc và bận nấu nướng cho gia đình. Xin cho biết, thiếp có được phép dùng thứ ánh sáng không phải của thiếp không?

Vị mục sư hỏi:

— Hỡi chị kia, chị là ai vậy?

— Thiếp là em Batxra không tất.

Vị mục sư thánh thần đứng dậy kính cẩn chào người thiếu nữ:

— Hỡi cô em của vị thánh thơm nhất, ước sao suốt đời ta được hút thở cái vị thơm của tâm hồn nàng.

Người ta cũng kể rằng một vị hiền nhân đã nói câu này:

— Khi chúa Ala muốn làm điều tốt cho kẻ phụng sự Người thì Người mở ra cho họ cái cửa của nguồn cảm hứng.

Tôi nghe kể khi Malếch ben Đina đi qua khu chợ mà thích một món hàng nào thì tự mắng mình ngay: « Lòng ta hỡi! đừng thèm muốn, vô ích! Ta không nghe mày đâu ». Ông ta thường nhắc lại câu này: « Chỉ có một cách để cứu vớt linh hồn là đừng nghe nó xúi giục. Nghe theo lời nó chắc chắn sẽ mất nó ».

Măngxua ben Ôma kể cho chúng tôi việc này: « Một lần chúng tôi hành hương đến Lamếch, đi qua thành Cupha. Đêm ấy tối giời lắm. Tôi nghe gần tôi có tiếng cầu kinh, nghe rất rõ mà không biết từ đâu đến, cầu rằng: « Hỡi đức Thượng đế lớn lao, tôi không phải là kẻ chống lại luật pháp của Người, hay không biết đến công ơn của Người. Trong thời gian qua, có lẽ tôi đã phạm tội nặng, xin Người tha thứ cho những lỗi lầm vì tôi không có ý gì xấu, chẳng qua là hành động đã phản lại ý tôi ».

Tiếng cầu nguyện vừa dứt, tôi nghe như có một thân người nặng nề ngã xuống. Tôi không biết tiếng nói trong đêm tối ấy là tiếng ai, câu cầu nguyện trong sự im lặng ấy có nghĩa gì. Mắt tôi không thấy được

miệng người nói. Tôi không đoán được cái thân hình nặng nề ngã xuống là ai. Tôi kêu lên: « Tôi là Măngxua ben Ôma, một người đi hành hương đến Lamếch đây, có ai cần giúp đỡ không nào? » Không ai giả lời. Tôi đi. Nhưng hôm sau, tôi thấy một đám tang đi qua. Tôi đi lẫn vào những người đưa đám. Trước mặt tôi là một bà già kiệt sức vì buồn phiền. Tôi hỏi bà: «Người chết đó là ai?» Bà đáp: « Hôm qua con lão cầu kinh xong đọc mấy đoạn trong kinh Ala mở đầu thế này « Hỡi những người tin ở lời nói, hãy luyện tâm hồn cho cứng rắn... » Con lão đọc xong thì người này, cái người hiện giờ đang nằm trong quan tài này đây, thấy như gan mình vỡ tung ra mà chết. Lão chỉ có thể nói được chừng ấy ».

Người thiếu nữ thứ tư nói xong lui về đứng giữa mấy cô bạn. Cô thứ năm tiến lên. Nàng như một vòng hoa trên đầu bốn cô kia. Nàng nói:

Lời nói của cô thiếu nữ thứ năm.

Còn thiếp, tâu đức vua đầy hồng phúc, thiếp xin nói những điều lý thú của thời xưa mà thiếp được biết:

Người hiền Mốtlim Maben Đina có nói:

— Cái thích thú nào không đẩy hồn anh đến gần chúa Ala hơn, đều là tai họa.

Người ta kể rằng khi Mútxa — cầu chúc chàng bình an — đến giếng Môđen, thì có hai cô gái chăn cừu cũng đến đấy với đàn cừu của người cha các cô tên là Soaip. Mútxa cầu chúc cho chàng bình an — cho hai chị em uống nước và cho cả đàn cừu uống trong cái máng bằng thân cây kè. Hai cô về đến nhà kể lại việc đã xảy ra với cha. Cha nói với một trong hai cô:

— Con hãy trở lại chỗ chàng trai trẻ và mời chàng đến nhà ta.

Người thiếu nữ trở lại chỗ giếng. Khi nàng đến gần Mútxa, nàng lấy mạng che mặt và nói:

— Cha tôi cho tôi đến mời chàng về nhà dùng cơm với gia đình tôi để đáp lại cái ơn của chàng đối với chúng tôi.

Mútxa rất phiền lòng và lúc đầu không muốn theo cô ta nhưng rồi cuối cùng chàng cũng đi. Chàng theo sau cô gái chăn cừu; cô này có đôi mắt rất to.

Cứ mỗi lần gió thổi dán chặt vạt áo dài mỏng vào hoặc tốc vạt áo lên đôi mông lồ lộ ấy, Mútxa lại nhắm nghiền mắt lại để khỏi trông thấy. Sợ rằng sức quyến rũ có thể rất mạnh, chàng nói với thiếu nữ để chàng đi trước. Cô gái, hơi ngạc nhiên, lùi lại đi sau. Rồi cả hai đều về đến nhà Soaíp. Khi Soaíp thấy Mútxa vào — cầu nguyện cho cả hai người và chúc họ bình an — ông đứng dạy chào. Lúc ấy cơm nước đã sẵn sàng, ông mời:

— Hỡi chàng Mútxa, ước ao được tiếp chàng thân mật và hào phóng để đáp lại cái ơn của chàng đối với hai con lão.

Nhưng Mútxa đáp:

— Thưa cụ tôi không dám đem bán lấy vàng lấy bạc những hành vi chỉ dành cho sự xét xử tối cao.

Soaíp lại nói:

— Hỡi chàng trẻ tuổi, chàng là khách của lão. Đối với khách, lão có thói quen rất mến họ và rất rộng rãi đối với họ. Đấy cũng là thói quen từ bao đời ông bà tổ tiên lão! Vậy chàng hãy ở lại và ngồi ăn cùng gia đình lão.

Mútxa đã ngồi lại ăn cơm cùng họ. Ăn xong, Soaíp bảo Mútxa:

— Hỡi chàng trẻ tuổi, chàng ở lại đây, chàng sẽ chăn dắt đàn cừu. Sau tám năm, để đền công cho chàng, lão sẽ gả con gái cho, đứa con đã đến giếng tìm chàng ấy

Lần này Mútxa bằng lòng và thầm nghĩ: « Bây giờ cái việc giữa ta và cô gái đã hợp pháp rồi, ta có thể đường hoàng dùng đến cái mông của cô ta.

Người ta lại kể rằng Ipđita gặp một người bạn, bạn hỏi:

— Anh đi đâu suốt mà tôi không gặp?

Ipđita trả lời:

— Tôi cùng bạn tôi là Ipsêáp bận việc. Anh có biết anh đó không?

— Biết anh đó à? Thì anh ta ở cạnh nhà tôi hơn ba mươi năm rồi nhưng tôi không hề nói với hắn một lời.

— Thật đáng thương hại! anh há không biết rằng kẻ nào không yêu người láng giềng của mình thì cũng không được chúa Ala yêu sao? Anh không biết rằng người ta phải kính trọng người láng giềng như kính trọng một người bà con à?

Một hôm Ip Ađam hỏi một người bạn đã cùng anh ta đi hành hương ở đất thánh về:

— Dạo này anh sống thế nào?

— Khi nào có ăn thì tôi ăn, khi đói mà không có gì, thì tôi cố đợi.

— Như thế thì không khác gì những con chó ở xứ Ban, Chúng tôi ấy à, khi chúa Ala cho bánh chúng tôi ăn, chúng tôi ca tụng Người, khi không có gì ăn, chúng tôi vẫn cảm ơn Người.

Người bạn kia chỉ nói mấy tiếng: « Ôi! Người chủ của tôi ơi ». Rồi thôi không thêm gì nữa.

Người ta kể rằng Môhammát ben Ôma một hôm hỏi một người sống khổ hạnh:

– Ông có ý kiến gì về hy vọng của con người phải đặt vào Chúa Ala?

Người đó đáp:

– Tôi đặt lòng tin ở Chúa là do hai điểm này: một là miếng bánh tôi ăn chưa bao giờ bị kẻ khác tranh mất, hai là tôi hiểu rằng chính do ý chúa mà tôi được sinh ra ở đời.

Nói xong người thiếu nữ thứ năm lui về đứng giữa các bạn. Mãi đến lúc ấy, bà già thần thánh mới trịnh trọng tiến lên. Bà ta giập đầu chín lần chào đức tiên vương, đức vua Ôma An-Nêmân và nói:

Lời nói của bà già.

Tâu đức vua, Người vừa nghe những lời khuyên thiện của mấy cô thiếu nữ kia về lòng khinh thị những việc đáng khinh thị ở trần gian. Tôi xin nói những điều tôi biết về cử chỉ hành động của những bậc vĩ nhân nhất thời xưa. Người ta kể rằng mục sư Ansaphi vĩ đại – cầu chúa Ala phù hộ cho ngài – chia đêm làm ba phần: phần đầu để học, phần ba để cầu kinh và về cuối đời thì ngài thức suốt đêm không dành phần nào để ngủ nữa.

Cũng chính mục sư Ansaphi – cầu chúa Ala phù hộ cho ngài – đã nói:

– Trong mười năm đời tôi, tôi đói tôi cũng không muốn ăn bánh đại mạch, vì ăn lắm có hại nhiều bề. Nó làm cho óc đặc lại, tim rắn đi, trí năng bị tê liệt. Nó làm cho con người buồn ngủ, sinh ra lười biếng và mất hết nghị lực.

Chàng Ipphuát trẻ tuổi kể rằng:

– Một hôm, tôi đến Bátđa đúng lúc mục sư Ansaphi ngụ ở đây. Tôi đến bờ sông tắm gội. Trong lúc tôi ngồi xổm để tắm, một người, có một đoàn im lặng đi theo, quành ra phía sau tôi nói:

« Hỡi chàng trẻ tuổi, hãy chăm sóc việc tắm gội của chàng và chúa Ala sẽ chăm sóc cho chàng ». Tôi quay lại thấy người đó có một bộ râu dài, và bộ mặt phúc hậu đáng kính. Tôi vội tắm gội cho xong, rồi đứng dậy theo ông già. thấy vậy ông quay về phía tôi hỏi: « Chàng có cần hỏi ta điều gì không ». tôi đáp: « Thưa cụ, tôi muốn được cụ cho biết cái điều cụ nhớ chắc chắn nhất ở lời dạy của chúa Ala tối cao ». Cụ nói: « Hãy cố gắng tự biết lấy mình. Có biết mình thì hãy hành động. Và được thế, thì muốn gì cứ việc làm, nhưng phải giữ đừng làm thiệt đến quyền lợi của người khác ». Nói rồi, ông già cứ tiếp tục đi. Tôi hỏi một người trong số những người đi theo ông: « Ông ấy là ai thế ». – Đó là mục sư Môhamát ben Eđrít Ansaphi.

Bà già thần thánh kể tiếp như sau:

Người ta kể rằng giáo chủ Abugi Apha An-Măngxua muốn bổ Abi Hanipha làm pháp quan và giả lương một vạn đồng một năm. Khi biết giáo chủ có ý định ấy, Abi Hanipha cầu kinh buổi sáng. Rồi lấy áo dài trắng mặc vào và ngồi im không nói một tiếng. Phái viên của giáo chủ vào đưa trước cho ông ta món tiền một vạn và bảo cho biết việc ông được bổ dụng. Abi không giả lời lấy một tiếng. Người phái viên nói:

– Tuy nhiên, xin ông tin chắc rằng tất cả món tiền tôi mang tới đây là hợp pháp và được Kinh thánh cho phép sử dụng.

Abi Hamipha đáp:

– Quả món tiền này là hợp pháp nhưng Abi Hanipha này không bao giờ chịu làm tôi tớ cho bọn hôn quân.

Nói xong bà già thêm:

– Tâu đức vua, tôi còn muốn kể thêm những chuyện diệu kỳ về đời sống của các bậc hiền nhân của chúng ta thuở xưa. Nhưng sắp tới rồi và ta cũng còn nhiều ngày nữa, xin để hôm sau.

Bà già thần thánh kéo mạng xuống đến vai và lui về đứng với năm cô gái.

Đến đây tể tướng Đanđân tạm ngừng chốc lát khoan kể tiếp cho vua Đunmakân và chị vua là Nôzatu ngồi sau bức màn nghe. Một lúc sau ông mới tiếp:

Khi tiên vương Ôma An-Nêmân đã nghe xong chuyện họ kể, ngài thấy rằng những người phụ nữ này là những người hoàn toàn nhất, đẹp nhất của thời đại, được trau luyện hoàn hảo nhất về thân hình cũng như về trí tuệ. Vua không biết đối đãi với họ như thế nào cho xứng. Vua như bị ngây ngất vì nhan sắc của họ, ngài rất thèm muốn họ, lại rất cảm phục người dẫn đầu họ là bà già thần thánh. Trong khi chờ đợi, ngài cho họ ở trong tòa lầu trước đây dành cho công chúa Abriza, công chúa xứ Caitxaria. Trong mười ngày liên tiếp ngài thân hành đến thăm họ và xem họ có thiếu thốn gì không. Mỗi lần đến, ngài đều thấy bà già cầu kinh, ngày nhịn ăn, đêm trầm mặc. Ngài tin chắc ở tính chất thần thánh của bà già đến độ một hôm ngài bảo tôi:

– Hỡi tể tướng! trong cung có được một bà già thần thánh kỳ diệu đến thế thật đáng hạnh phúc biết bao! Ta hết sức kính phục bà già và yêu dấu các thiếu nữ

kia vô hạn. Bây giờ cái hạn mười ngày lưu khách đã hết có thể nói chuyện công việc được rồi, nhà ngươi hãy cùng ta đến hỏi xem bà già định bao nhiêu về những cô thiếu nữ ấy, năm cô gái trinh có đôi vú tròn trĩnh.

Thế là chúng tôi đến phòng dành riêng cho họ. Phụ vương của ngài hỏi chuyện bà già. Bà ta đáp:

– Tâu đức vua, không thể định giá những cô gái này theo những điều mua bán thông thường được. Không thể dùng vàng bạc, hay ngọc thạch, kim cương mà trả được.

Nghe thế, phụ vương của ngài ngạc nhiên lắm:

– Hỡi bà già đáng kính, vậy bà bán những cô gái kia bằng giá nào?

– Tôi chỉ có thể bán cho bệ hạ với điều kiện là bệ hạ phải nhịn ăn một tháng tròn, ngày trầm tư mặc tưởng, đêm thức cầu kinh và, sau tháng ấy, thân thể ngài đã được trong sạch rồi, xứng với tấm thân của các cô đó, ngài sẽ hoàn toàn có thể ái ân với họ.

Đức vua thú vị lắm và thấy kính trọng bà già vô cùng. Ngài nhận lời ngay. Bà già tiếp:

– Còn về phần tôi, tôi sẽ cầu nguyện để giúp đức vua nhịn ăn. Bây giờ xin mang đến đây một cái bình đựng nước bằng đồng.

Phụ vương của ngài cho mang đến. Bà ta rót đầy nước trong, cúi nhìn cái bình rồi cầu nguyện bằng một thứ ngôn ngữ xa lạ. Bà lầm rầm một tiếng đồng hồ những lời mà không một ai trong chúng tôi hiểu cả. Rồi bà ta lấy một mảnh vải thưa đóng dấu vào, bịt lấy miệng bình, đưa bình cho đức vua, dặn:

– Sau mười ngày đầu nhịn đói, ngài sẽ mở miếng vải mà uống nước trong bình. Nước thánh này sẽ làm

cho ngài khỏe lên và rửa hết mọi sự nhơ bẩn đã qua. Còn tôi, bây giờ tôi phải đi tìm mấy người anh em vì lâu lắm chưa gặp họ. Họ là những kẻ sống trong thế giới vô hình. Sớm ngày thứ mười một, tôi sẽ trở lại thăm bệ hạ.

Nói xong, bà già chúc phụ vương của ngài bình an rồi đi.

Đức vua cầm lấy cái bình, đứng dậy, đi chọn một căn buồng nhỏ xa hẳn nơi cung điện. Trong căn buồng này, đức vua chỉ để có cái bình đồng. Ngài ở trong buồng đó để nhịn ăn và trầm tư. Ngài làm vậy để xứng đáng được gần gũi thân hình của mấy cô gái kia.

Và đức vua ở bên trong khóa trái cửa lại, bỏ chìa vào túi và ngài bắt đầu nhịn ăn.

Đến sáng ngày thứ mười một, phụ vương của ngài lấy cái bình mở miếng vải mỏng ra, đưa bình lên môi và uống cạn một hơi. Tức thì ngài thấy toàn thân khoan khoái, dễ chịu và ruột gan êm ái khác thường. Vừa uống xong thì có tiếng gõ cửa. Cửa mở, bà già vào, tay cầm một gói bọc lá chuối tươi.

Đức vua đứng dậy:

– Chào bà mẹ đáng kính của tôi.

Bà ta nói:

– Tâu đức vua, những kẻ của thế giới vô hình gửi tôi mang đến ngài lời chào của họ. Tôi đã nói chuyện với họ về ngài và họ rất vui thích được biết tình bằng hữu giữa chúng ta. Để tỏ hảo tâm của họ, họ gửi biếu ngài cái bọc lá chuối này, trong có mứt kẹo, do bàn tay của những cô gái trinh làm ra, những cô gái có đôi mắt đen lay láy của chốn thiên đường. Đến sáng ngày thứ hai mươi mốt, ngài sẽ bóc bỏ lá đi lấy kẹo mứt ăn để đỡ lòng.

Nghe thế, phụ vương của ngài thích thú quá chừng:

– Cảm tạ chúa Ala đã cho tôi những người anh em trong thế giới vô hình.

Rồi ngài cảm ơn bà già nhiều lắm và hôn tay bà, kính cẩn tiễn bà ra tận cửa buồng.

Đúng như bà ta đã hẹn, sáng ngày thứ hai mươi mốt bà ta lại trở lại và nói với phụ vương của ngài:

– Tâu đức vua, tôi đã báo cho các anh em trong thế giới vô hình của tôi biết rằng tôi có ý đưa tặng ngài mấy cô thiếu nữ. Họ nghe thế thì rất hân hoan vì họ đã là bạn của ngài. Cho nên trước khi trao các cô ấy vào tay ngài, tôi mang họ đến cho những kẻ của thế giới vô hình để họ truyền cho các cô cái hơi hướng thơm tho nó sẽ làm cho Ngài đẹp lòng. Các cô ấy sẽ về đây với cả kho tàng trong lòng trái đất, kho tàng mà những người anh em của tôi trong thế giới vô hình đã ban cho họ.

Khi đức tiên vương nghe những lời ấy, ngài cảm ơn bà già đã vì ngài mà vất vả, và nói:

– Như thế thật quá nhiều! Còn về kho tàng trong lòng trái đất. Tôi sợ lạm quyền chăng.

Nhưng bà già đã trả lời ổn thỏa. Phụ vương của ngài lại hỏi:

– Thế bao giờ bà dẫn họ về đây cho tôi?

– Sáng ngày thứ ba mươi. Khi ấy ngài đã hết kỳ nhịn đói, thân thể đã trong sạch. Về phần các cô ấy, họ cũng sẽ có cái trong sạch của hoa nhài và sẽ hoàn toàn thuộc về ngài, mỗi cô gái đều đáng giá hơn cả giang sơn, đất nước của ngài.

– Ôi, thật đúng như thế đấy!

– Bây giờ giá ngài giao cho tôi bà nào mà ngài yêu nhất trong số các bà, tôi sẽ mang đến cùng các cô kia

để bọn anh em tôi trong thế giới vô hình làm cho thanh khiết.

— Cảm ơn bà lắm! Trong cung, tôi có một người đàn bà Hy lạp tôi yêu tên là Xaphia, bà ta là con vua Aphriđôniốt xứ Côngxtăngtinia. Chúa Ala đã cho tôi có với bà hai đứa con, mà than ôi, tôi đã mất đi từ bao nhiêu năm nay rồi. Hỡi bà già đáng kính, hãy đem bà ấy đi để được nhận ơn huệ của những kẻ trong thế giới vô hình và nhờ họ mà tìm mấy đứa con tuyệt vô âm tín.

Bà già thần thánh nói:

— Được lắm chứ! Nhà vua hãy mau mau cho đưa hoàng hậu Xaphia đến đây.

Và phụ vương của ngài lập tức cho đưa hoàng hậu Xaphia là mẹ của ngài tới giao cho bà lão. Bà này cho nhập bọn cùng mấy cô thiếu nữ. Bà ta đi về phòng mình một lát, lúc trở lại mang theo một cái cốc niêm kín. Bà đưa cho vua Ôma An-Nêmân và bảo:

— Sáng ngày thứ ba mươi, thời kỳ nhịn đói đã hết, xin nhà vua đến phòng tắm, tắm rửa sạch sẽ rồi vào buồng nghỉ và uống cốc nước này. Thế là công việc tinh khiết thể xác hoàn thành và đức vua sẽ xứng đáng được ôm ấp trong lòng những cô thiếu nữ đế vương kia. Bây giờ thì cầu chúc đức vua bình an và được chúa Ala thương yêu phù hộ.

Bà lão đem năm cô thiếu nữ cùng bà mẹ của ngài, nữ hoàng Xaphia, đi.

Nhà vua vẫn tiếp tục nhịn ăn cho đến ngày thứ ba mươi. Sáng hôm đó vua thức dậy đến nhà tắm, tắm xong trở về buồng và cấm không cho ai đến quấy nhiễu. Vua vào buồng đóng cửa khóa trái lại, lấy cốc, bỏ nắp có dấu đi, đưa lên miệng và uống, rồi nằm nghỉ.

Còn chúng tôi, chúng tôi biết hôm đó là ngày nhịn ăn cuối cùng nên chờ cho đến chiều rồi suốt đêm, rồi sáng hôm sau nữa cho đến tận trưa. Và chúng tôi nghĩ:

– Có lẽ nhà vua nằm nghỉ lâu để bù lại những đêm trước kia phải thức chăng.

Nhưng vì nhà vua mãi vẫn không mở cửa, chúng tôi lại gần cửa buồng lên tiếng gọi. Không có tiếng trả lời. Chúng tôi thấy im, sợ quá, quyết đập vỡ cửa vào. Và chúng tôi vào.

Nhà vua không còn đấy. Chỉ thấy từng mảng thịt của ngài, xương bị vụn ra và sắc đen. Chúng tôi ngã lăn ra ngất đi.

Khi tỉnh lại, chúng tôi lấy cái cốc quan sát. Thấy ở nắp đậy cốc một mảnh giấy viết như sau:

« Không kẻ nào làm hại mà có thể gợi được sự tiếc thương. Ai đọc mảnh giấy này xin biết cho rằng đó là sự trừng phạt kẻ đã quyến rũ những cô gái con vua để làm việc bậy bạ. Đó là trường hợp kẻ bị giết này. Hắn đã cho con hắn là Sackân đến nước chúng ta cướp con gái của vua ta, cô Abriza khốn khổ. Hắn đã chiếm đoạt thân thể cô ta và đã lấy trinh tiết của cô như hắn đã làm. Rồi hắn đem cô ta cho một tên nô lệ da đen. Tên này đã xúc phạm đến cô cực kỳ dã man rồi lại giết đi. Vì hành động không xứng đáng chút nào với một bậc đế vương vua Ôma An-Nêmân không còn sống nữa. Và ta, kẻ giết hắn, ta là « người đàn bà báo thù », người đàn bà dũng cảm tên là Bà Quái ác đây. Và không những thế, hỡi tất cả những kẻ dị giáo sẽ đọc mảnh giấy ta viết đây, ta đã giết vua của các ngươi, lại đem được hoàng hậu Xaphia, con gái vua Aphriđôniốt xứ Côngxtăngtinia về trả cho vua cha nàng. Rồi đây, chúng ta sẽ quay lại, dùng khí giới đánh phá nhà cửa chúng bay mà tiêu diệt đến mống cuối cùng. Và

rồi, trên trái đất này, sẽ chỉ còn có chúng ta, những người thiên chúa giáo thờ Thánh giá ».

Đọc xong mảnh giấy ấy, chúng tôi hiểu rõ tất cả mọi sự rùng rợn của tai họa. Chúng tôi lấy tay đập vào mặt, khóc lóc rất lâu. Nhưng khóc mà làm gì khi cái việc không thể cứu vãn được đã xảy ra rồi.

Tâu đức vua, sau việc này, khi tìm người nối ngôi, thì quân đội và dân chúng lại không cùng ý kiến. Sự bất đồng này kéo dài một tháng. Sau đấy, vì không được tin gì về ngài cả, người ta định bầu hoàng tử Sackân ở Đamát lên làm vua. Nhưng Chúa Ala đã đun dủi cho chúng tôi gặp ngài trên đường. Và việc đã xảy ra như ngài biết.

Tâu đức vua, nguyên nhân về cái chết của phụ vương ngài, tiên quân Ôma An-Nêmân là như thế đấy.

Tể tướng kể xong rút khăn lau che mắt và khóc. Vua Đunmakân, Nôzatu ngồi sau bức màn cùng viên thị vệ nội thần và mọi người có mặt đều khóc.

Viên nội thần lau nước mắt trước tiên nói với Đunmakân:

— Tâu đức vua! Khóc lắm cũng chẳng ích gì. Hãy dũng cảm lên mà trông coi việc nước. Vả chăng tiên quân vẫn sống ở ngài. Vì những ông cha vẫn tiếp tục sống ở những người con xứng đáng.

Đunmakân thôi không khóc nữa, chuẩn bị thiết triều buổi đầu tiên trị nước.

Ngài lên ngồi trên ngai, dưới nóc tròn, vị nội thần đứng lên, tể tướng Đanđân đứng trước, quân sĩ đứng sau, các vị đại thần đô đốc tùy thứ bậc mà đứng.

Vua hỏi tể tướng Đanđân:

— Xin ngài cho biết trong các tủ của cha tôi có những gì?

Đanđân kể ra tiền bạc, châu báu ngọc ngà rồi đưa trình một bản kê chi tiết.

Vua nói :

– Hỡi vị Tề tướng của cha ta, Ngài vẫn sẽ là Tề tướng của triều ta.

Đanđân cúi đầu cảm tạ, và chúc vua vạn thọ. Vua nói tiếp :

– Còn những của cải đem từ Đamát đến, hãy chia cho quân đội.

Vị nội thần tuân lệnh, cho mở những hòm bảo vật phân phát hết cho binh lính, những vật quí nhất cho chỉ huy. Họ hết lời chúc tụng và ca ngợi sự hào hiệp của vua mới.

Vua Đunmakân cho lệnh nhổ trại và dẫn quân về Bátđa. Thành phố được trang hoàng rực rỡ, nhân dân tụ hội nơi sân trước nhà, phụ nữ trên đường vua qua. Mọi người reo vui nhộn nhịp.

Vua vào cung. Điều đầu tiên là cho gọi viên chánh lục sự, đọc cho chép một lá thư gửi cho Sackân. Thư kể lại những gì vừa diễn ra và kết thúc :

– Nhận được thư này, xin anh cho tập hợp quân sĩ đến hiệp lực cùng em để tiến hành một cuộc chiến tranh thần thánh chống bọn dị giáo đang đe dọa ta và cũng để báo thù cho cha, rửa vết nhơ phải rửa.

Vua gấp lá thư, tự tay đóng ấn, gọi tề tướng trao cho :

– Chỉ có Ngài mới làm nổi cái việc tế nhị này. Ngài nói cho hay, cho dịu dàng và cuối cùng nói giúp ta câu này : « Em sẵn sàng nhường ngôi Bátđa cho anh để làm Tổng đốc Đamát thay anh ».

Tề tướng Đanđân chuẩn bị gấp, ngay tối hôm ấy đi Đamát. Ông đi rồi thì có hai việc hệ trọng trong cung. Việc thứ nhất là Đunmakân cho gọi ông ban già đốt

lò, phong tước cấp cho một lâu đài có căng những tấm thảm đẹp nhất của Batư và của Koratxân. Sẽ nói dài về người đốt lò tới bụng này.

Việc thứ hai là một chư hầu đã gửi tiến Đunmakân mười nữ nô da trắng. Một cô đẹp khôn tả được vua thích lắm. Vua yêu dấu và nàng có chửa ngay. Cũng sẽ nói tiếp sau về chuyện này.

Giờ nói về Đanđân. Ông từ Đamát về, báo ngay việc Sackân đã đáp lại lời thỉnh cầu của em và đang dẫn quân đến.

— Vì thế nhà vua phải ra ngoài thành nghênh tiếp, Tể tướng nói.

Đunmakân ra khỏi Bátđa một ngày đường. Vừa hạ trại thì Sackân có hướng đạo dẫn đường đã đến. Đunmakân tiến lên trước, định xuống ngựa đón anh. Sáckân từ xa, xua tay ngăn, rồi nhảy xuống chạy đến ôm hôn Đunmakân lúc ấy đã xuống ngựa. Hai người ôm hôn nhau thật lâu, an ủi nhau về cái chết của cha rồi kéo nhau về Bátđa.

Lập tức, tất cả dũng sĩ trong nước được vời đến, hứa sẽ được trọng đãi. Họ lũ lượt kéo đến suốt một tháng ròng. Trong thời gian ấy Sackân kể chuyện mình cho em nghe và Đunmakân cũng kể cho anh nghe chuyện của mình, nói nhiều đến người đốt lò.

— Chắc em đã thưởng công cho con người đức độ ấy rồi?

— Mới một phần thôi, Đunmakân đáp. Đánh trận về, em sẽ thưởng nốt.

Bấy giờ Sackân mới xác minh được sự thật về Nôzatu mà chàng lấy nhầm và có đứa con «Thiên mệnh». Chàng nghĩ phải hỏi thăm tin tức nàng. Chàng nhờ vị nội thần chuyển lời hộ. Ông ta giúp ngay và báo lại

với Sackân lời chào hỏi của Nôzatu. Nàng băn khoăn về tình hình « Thiên mệnh ». Sackân cho biết con bé vẫn ở Đamát và vẫn khỏe mạnh. Nôzatu được tin cảm tạ chúa.

Tất cả các bộ lạc Arập đều gửi quân đến. Hai anh em Sackân đứng ra chỉ huy lực lượng liên quân. Đunmakân từ biệt nữ nô đã có chửa với chàng và đã cung cấp cho nàng đủ mọi tiện nghi.

Đội tiên phong gồm những dũng sĩ Thổ Nhĩ Kỳ chỉ huy là Baramân. Hậu đội gồm những dũng sĩ miền Đâylam(1). Chỉ huy là Ruyxtem. Đunmakân chỉ huy trung quân. Hữu dực thuộc quyền của hoàng tử Sackân. tả dực thuộc quyền vị nội thần. Tể tướng Đanđân là phó tổng tư lệnh.

Họ cất quân đi suốt một tháng, cứ đi một tuần, lại nghỉ ba ngày cho đến xứ Rum. Nhân dân thấy họ kéo đến sợ quá, chạy đi Côngxtăngtinia báo cho vua Afriđôniốt. Vua cho gọi mụ Quái Ac. Mụ vừa đem Xaphia về. Mụ cũng đã bảo vua Hácđôbiốt xứ Kaitxaria mà mụ nuôi dưỡng thuở xưa, đem quân đến phối hợp. Cái chết của vua Ôma An-Nêmân chưa đủ cho vua Afriđôniôt hả giận. Ông còn phải rửa hận nữa cho Abriza. Cho nên ông vội dẫn quân cùng mụ Quái Ac đến Côngxtăngtinia.

Mụ Quái Ac thuật lại cái chết của vua Ôma.

– Giờ quân thù đã tới gần, nên tính sao? Vua hỏi.

– Tâu đức vua, đại diện chúa Jêxu, tôi đã có cách đến thánh cũng không gỡ nổi những mắt lưới giăng ra để bẫy kẻ thù. Kế hoạch tiêu diệt chúng như sau:

(1) Một tỉnh của Ba Tư phía bắc là Lý Hải. Người vùng này thuộc nhóm Thổ Tácta hơn là người Ba Tư (chú thích của Macđruyx).

– Ngài cho năm vạn dũng sĩ đi đường thủy đến Núi khói. Quân địch đóng ở chân núi này. Đường bộ thì cho tất cả quân lính đột kích chúng. Bị đánh khắp nơi, chúng tránh sao khỏi bị tiêu diệt.

– Kế hay lắm. Bà quả là khôn khéo nhất đời.

Vua y kế cho thuyền chở dũng sĩ đến Núi khói, đổ bộ, nấp sau những mỏm đá cao. Trên bộ, quân lính không mấy chốc cũng đã kéo đến đây.

Lực lượng hai bên là như thế này:

Bên Hồi giáo có mười hai vạn kỵ binh do Sackân chỉ huy. Bên Thiên chúa giáo có một trăm sáu mươi vạn. Khi màn đêm buông xuống núi non đồng bằng, thì mặt đất ánh lên những ngọn đuốc sáng như một lò lửa.

Vua Afriđôniôt và vua Hácđôbiốt mở đại hội những đô đốc và chỉ huy. Họ quyết định sáng hôm sau sẽ tấn công từ khắp mặt vào quân Hồi. Mụ Quái Ác, nghe bàn, cau mày và nói với hai vua cùng mọi người:

– Hỡi các dũng sĩ. Thể xác chiến đấu mà linh hồn không được thánh hóa thì kết quả sẽ tai hại. Trước khi ra trận phải đến bên đức Jêxu dùng hương phân giáo trưởng thành mà tinh lọc tâm hồn.

– Hỡi mẹ đáng kính, mẹ dạy thật đúng lúc.

Cái hương phân giáo trưởng nó là thế này:

– Khi vị đại giáo trưởng thiên chúa giáo ở Côngxtăngtinia đi đại tiện thì bọn mục sư dùng khăn lụa hứng lấy, đem phơi khô rồi nghiền làm cao trộn với xạ hương, long diên hương, cánh kiến. Sau đó, tán nhỏ cho vào những chiếc hộp bằng vàng bé tí gửi cho tất cả vua chúa và nhà thờ thiên chúa giáo. Chính cái bột phân giáo trưởng ấy dùng làm hương để thánh hóa người thiên chúa giáo trong mọi trường hợp long trọng.

nhất là dùng để chúc phúc những cặp vợ chồng mới cưới, những tân mục sư, cũng là xông khói trẻ sơ sinh. Nhưng dùng cho mười tỉnh, cho bao nhiêu thứ việc trong tất cả các nước thiên chúa giáo chỉ có phân vị đại giáo trưởng sao cho đủ. Vì vậy bọn mục sư phải làm giả. Họ dùng những thứ phân ít thánh hơn như phân của những giáo trưởng bé hơn hoặc của những phó giám mục mà trộn thêm vào. Vả cũng khó phân biệt. Một bọn thô bỉ Hy Lạp thích bột ấy lắm. Chúng dùng để xông khói trị bệnh, làm nhãn dược khô chữa mắt, hoặc dùng để chữa các bệnh dạ dày và đường ruột. Vì chỉ có vua chúa mới dùng nên thuốc này đắt lắm, một đồng cân giá một nghìn đina vàng.

Đó là chuyện phân giáo trưởng. Còn chuyện vua Afriđôniôt và bọn Thiên chúa giáo thì như thế này:

Sáng sớm, nhà vua theo kế của mụ Quái Ác, tập hợp binh lính và chỉ huy, cho hôn cây thập tự gỗ lớn xông khói cho họ với thứ hương đã tả, hương do thứ phân đại giáo trưởng nguyên chất, không pha tí nào nên mùi nặng đến độ có thể làm chết một con voi của đạo quân Hồi. Nhưng bọn thô bỉ Hy Lạp đã quen.

– Trước khi đánh bọn vô tín ngưỡng ấy, mụ Quái Ác nói, phải trừ khử Sackân là tên chủ soái thì mới thắng được. Sackân biết kích động lòng dũng cảm của quân sĩ. Hắn chết rồi thì quân đội của hắn sẽ làm mồi cho chúng ta. Cho một tướng vũ dũng ra khiêu chiến, đấu tay đôi mà giết đi.

Vua Afriđôniôt cho vời dũng sĩ Luca, con Camlutô. Chính vua tự tay xông khói cho y với hương phân. Vua lại lấy một tí phân, thấm nước miếng rồi bôi vào lợi, vào mũi, vào má của Luca, cho hít một hơi, còn đâu bôi vào lông mày và râu mép y.

Tên Luca này là dũng sĩ đáng ghê sợ nhất của các xứ Rum. Các tướng Thiên chúa giáo không một ai phóng lao, đánh kiếm, đâm thương giỏi bằng y. Nhưng hắn tài nghệ bao nhiêu thì mặt mũi lại đáng tởm bấy nhiêu. Mặt trông như mặt lừa loại xấu, nhìn kỹ lại giống mặt khỉ, quan sát cẩn thận hơn thì giống một con cóc gớm guốc hay một con rắn. Lại gần hắn còn khó chịu hơn là xa người bạn thân. Hắn đánh cắp bóng tối của đêm đen, mùi hôi của nhà xí.

Tên Luca đáng nguyền rủa này được nhà vua xông khói và thoa phấn xong thì ôm hôn chân vua và đứng chờ lệnh.

Vua bảo:

— Nhà ngươi ra đấu tay đôi với tên Sackân khốn kiếp và giết hắn đi.

Vua cho hắn hôn cây thập tự. Xong hắn nhảy lên một con ngựa hồng tuyệt đẹp phủ lụa điều, yên bọc gấm dát ngọc. Hắn cầm một cây đinh ba, người ta tưởng hắn là chủ soái. Hắn tiến đến trại người Hồi, đi trước là mấy viên truyền lệnh sứ và một tên mõ rao. Tên này đứng trước hắn, gào lên bằng tiếng Arập:

— Hỡi bọn Hồi giáo, đây là vị anh hùng vô địch đã từng đánh tan tành những đạo quân Thồ, Quyếc, Đâylam. Đây là Luca lừng lẫy con ngài Camlutô. Các người hãy cho vị vô địch của các người là Sackân, chủ của Đamát ở xứ Sâm ra đấu với vị khổng lồ của chúng ta đây!

Hắn vừa dứt, thì không khí rền vang, tiếng vó ngựa chuyển đất khiến hắn sợ xanh mắt. Mọi người nhìn về phía ấy thì thấy Sackân, con vua Ôma An-Nêmân xuất hiện. Chàng giống một con sư tử nổi sung, cưỡi

con ngựa phi nhanh như sơn dương, tay cầm thương tiến thẳng đến bọn người vô đạo. Chàng đọc mấy câu thơ :

« Con ngựa hồng nhẹ như mây bay này là của ta,
Lưỡi thương Ấn Độ sắc nhọn này là của ta,
Ta vung lên thì ánh chớp uốn như sóng lượn ».

Nhưng tên Luca ngu xuẩn, tên mọi rợ không văn hóa ở xứ tối tăm, không biết một chữ Ả-rập, không thưởng thức nổi cậu thơ hay vần điệu nhịp nhàng trên kia. Hắn sờ trán có sơn một chữ thập và đưa tay lên môi tỏ ý kính trọng dấu hiệu lạ ấy.

Bộng xấu xí hơn con lợn, hắn thúc ngựa chạy đến Sackân, rồi đột nhiên hắn dừng lại tung đinh ba cao tít không trông thấy đâu. Khi chiếc đinh ba rơi xuống, hắn bắt lấy dùng hết lực phóng sang Sackân nhanh như chớp. Và thế là hết đời Sáckân.

Nhưng Sackân giơ tay tóm được cây đinh ba đang rú lên vút bay tới. Vinh quang thay Sackân. Chàng tung lên trời cao quá không thấy nữa. Đinh ba rơi xuống chàng giơ tay trái bắt lấy nhanh như chớp. Chàng thét : « Hỡi đức đã tạo nên bảy từng trời, ta cho tên khốn kiếp này một bài học vĩnh cửu ». Và chàng phóng chiếc đinh ba. Tên khổng lồ ngu xuẩn Luca muốn bắt chước Sackân, giơ tay đón. Thừa lúc tên thiên chúa giáo sơ hở, Sackân phóng mũi lao vào trán hắn đúng chỗ chữ thập. Và linh hồn vô đạo của tên thiên chúa giáo bay qua lỗ tròn chui xuống hỏa ngục.

Tin dữ lan nhanh, binh lính của đạo quân thiên chúa giác cào mặt than khóc rồi vồ lấy vũ khí la giết báo thù. Chúng dàn thế trận và khi được lệnh hai vua ào ào xông vào trại địch. Cuộc hỗn chiến bắt đầu. Binh lính hai bên quấn quýt vào nhau la hét ầm ỹ. Máu

chảy ngập đồng. Ngựa xéo lên xác người. Người say máu lảo đảo như say rượu. Thây chất đống. Vết thương chồng chất lên vết thương. Cuộc chém giết kéo dài đến tối. Không trông thấy mặt nhau nữa, họ mới chịu buông nhau.

Đunmakân ca ngợi chiến tích bất hủ của anh rồi nói với Đanđân và vị nội thần:

— Xin hai ngài dẫn hai vạn quân đến cách biển bảy dặm mai phục trong thung lũng Núi khói chờ khi tôi kéo cờ xanh lên làm hiệu thì ùa cả ra quyết chiến. Chúng tôi ở đây vờ thua trận. Bọn dị giáo sẽ đuổi theo. Lúc đó các ông sẽ đuổi theo chúng còn chúng tôi sẽ quay lại chặn. Thế là chúng bị bao vây, chúng ta sẽ kêu lên Ala rồi Atba mà chém giết không để sót một tên.

Hai người lĩnh mệnh đi suốt đêm đem quân mai phục trong thung lũng Núi khói, ngay tại chỗ phục thiên chúa giáo đóng trước đấy rồi bỏ đi để phối hợp với bộ binh của chúng. Chính điều này làm chúng bị thua. Chúng không theo kế hoạch ban đầu của mụ Quái Ac, thật ra là một kế hoạch hay. Sáng hôm sau, hai bên lại chỉnh tề đội ngũ. Trên các lều chữ thập tỏa sáng, cờ phấp phới bay. Ở cả hai trại, quân lính đều cầu kinh trước khi ra trận. Bên hồi giáo đọc chương 1 kinh Koran, chương Con bò cái. Bên kia cầu nguyện chúa cứu thế, con đức Marian, tự thánh hóa bằng phân giáo trưởng, thứ phân đã bị phá, vì số lính được xông khói quá nhiều. Lễ xông cũng không cứu họ thoát khỏi lưỡi gươm.

Được lệnh, hai bên lại chiến đấu dữ dội hơn. Đầu bay như những quả bóng, tay chân ngổn ngang đầy mặt đất, máu chảy thành suối, suối ngập đến ức ngựa. Bỗng nhiên, bọn Hồi giáo hôm qua chiến đấu ngoan cường là thế, quay lưng bỏ chạy hết như khiếp sợ một điều gì.

Vua Afridôniốt thấy thế cho người chạy đến vua Hacđôbiốt mà quân đội chưa tham chiến để nói với ông:

– Bọn Hồi giáo thua chạy rồi! Nhớ dùng phân giáo trưởng để xông và để bôi vào râu ria chúng ta đã thành vô địch. Bây giờ xin ngài đuổi theo quét sạch bọn Hồi giáo mà hoàn thiện chiến thắng. Và như thế là ta đã bảo thủ được cho Luca thủ lĩnh của chúng ta.

Vua Hacđôbiốt chỉ chờ có dịp rửa hận cho con gái là nàng Abriza kỳ diệu ra lệnh cho quân đội: «Hãy bổ vào bọn Hồi đang tháo chạy như đàn bà». Chúng có ngờ đâu tới mưu sâu của chàng Sackân tuyệt dũng và của người em là Đunmakân.

Bọn Thiên chúa giáo vừa đuổi kịp thì quân Hồi giáo đứng lại kêu Ala Atba và lao vào bọn đuổi họ. Đunmakân kêu gọi như sau để kích động binh sĩ: «Hỡi các vị Hồi giáo! đây là ngày đạo, là ngày các vị lên thiên đường. Vì chỉ có biết dùng gươm giáo mới có được thiên đường». Thế là binh sĩ ùa tới địch như một lũ mãnh sư. Và ngày hôm ấy không phải là ngày tuổi già của bọn Thiên chúa giáo. Chúng bị chặt đầu không kịp trông thấy đầu chúng bạc thêm.

Chiến công của Sackân trong trận này vượt khỏi mọi ngôn từ. Chàng đập vụn nát tất cả trên đường. Trong khi ấy, Đunmakân cho kéo lá cờ xanh làm hiệu cho đội quân mai phục. Chàng cũng định xông vào vòng chiến. Sackân nhảy đến:

– Ôi em không được liều như thế, em phải sống để trị vì quốc gia. Từ giờ này anh không rời em, chiến đấu bên em để bảo vệ em không cho ai đụng đến.

Dũng sĩ Hồi giáo dưới sự chỉ huy của tể tướng Danđân và của vị nội thần thấy cờ hiệu, dàn thành vòng cung cắt đứt đường rút xuống biển của đội quân Thiên chúa giáo. Kết quả cuộc chiến như thế đã quá rõ ràng.

Bọn thiên chúa giáo bị quân sĩ Hồi giáo Quyếc cũng như Ba Tư, Thổ và Arập tàn sát khủng khiếp. Chỉ một số rất ít thoát được. Mười hai vạn đồ lợn ấy đã tử vong. Số còn lại chạy về phía Côngxtăngtinia, Đó là về quân Hy Lạp của vua Hacđôbiốt. Còn quân của vua Afriđôniốt thì đã kéo lên núi. Chúng chắc mẩm quân Hồi giáo sẽ đại bại Giờ đây, thấy đồng minh thế kia chúng đau xót biết chừng nào!

Quân đội Hồi được vô vàn chiến lợi phẩm. Trước hết là toàn bộ chiến thuyền, chỉ trừ hai chục chiếc còn ít người, chạy về Côngxtăngtinia báo tin bại trận. Rồi đến những của quí trong thuyền, năm vạn con ngựa đủ cả yên cương, những chiếc lều với bao nhiêu vũ khí, thức ăn thức uống trong lều, và một số các thứ khác không đếm xuể. Họ vui sướng cảm tạ Ala.

Còn bọn bại trận thì chạy miết về Côngxtăngtinia, linh hồn bị quạ đen tai vạ ám ảnh. Cả kinh thành chìm trong tang tóc. Công thị, nhà thờ treo vải tang. Nhân dân túm năm tụm ba, kêu hò nổi loạn. Thủy quân chỉ còn hai chục chiếc thuyền, bộ binh còn hai vạn mống! Nỗi buồn phiền của dân chúng càng tăng. Họ kết tội vua là phản bội. Vua Afriđôniốt bối rối, sợ quá mũi dài đến tận chân, dạ dày lộn ngược, ruột gan bong ra, trong người chảy nước. Ông cho mời mụ Quái Ác đến hỏi xem phải làm gì.

Mụ này, kẻ đã thật sự gây nên những tai họa kia, là một mụ già kinh tởm, giảo quyệt, âm hiểm, đáng nguyền rủa, mồm thối, mí mắt đỏ không có lông mi, má nhợt sạm, mặt tối như đêm, mắt toét, người ghẻ lở, tóc rối lưng còng, da cóc. Mụ như một vết thương, như một con rắn độc. Con mụ gớm guốc ấy phần lớn thì giờ ở trong cung vua Hacđôbiôt ở Kaitxaria. Mụ thích ở đấy có nhiều nô lệ gái cũng như trai. Mụ bắt

nô lệ trai cưỡi mụ, cũng như mụ thích cưỡi bọn nô lệ gái. Mụ có biệt tài khêu gợi tình dục, truyền nghề cho bọn nữ nô, trước kia là cho nữ của Abriza. Nhưng mụ thất bại không thuyết phục được Hạt San Hô mảnh khảnh, cũng thất bại đối với Abriza vì nàng ghê tởm mụ.

Tuy nhiên, phải nói rằng mụ Quái Ác rất hào phóng đối với những nữ ngoan ngoãn với mụ, và rất thù ghét những ai cưỡng lại mụ. Chính vì vậy mà Abriza bị mụ ghét cay ghét đắng.

Thấy mụ đến, vua Afriđôniôt đứng dạy chào, vua Hácđôbiôt cũng thế. Mụ nói:

– Bây giờ phải xếp lại cái thứ hương phận cùng là những lời chúc phúc của giáo trưởng nó chỉ tổ gieo họa lên đầu chúng ta. Phải hành động theo ánh sáng của sự khôn ngoan chân chính. Thế này nhé. Bọn Hồi giáo đang tiến gấp đến vây hãm ta. Phải cho mõ đi rao khắp nước kêu gọi nhân dân đến Côngxtangtinia chống địch. Tất cả binh lính gác đồn lũy phải về đây ngay, vì gấp lắm rồi. Còn tôi, cứ để mặc tôi làm. Chẳng bao lâu nhà vua sẽ được nghe kết quả mưu mô của tôi cũng như những tai họa gây cho bọn Hồi giáo. Tôi rời Côngxtăngtinia ngay bây giờ. Cầu chúa Jêxu con đức Marian phù hộ hai Ngài.

Qui kế của mụ là như thế này:

Mụ chọn năm chục dũng sĩ ưu tú giỏi tiếng Árập cho ăn mặc giả làm thương nhân Hồi giáo Đamát. Mụ đem theo một trăm con la chở đủ thứ vải vóc: lụa Antiốt và lụa Đamát, xa-tanh óng ánh, gấm vóc và nhiều thứ hàng vương giả khác. Mụ đã nói với vua Afriđôniôt viết cho một lá thư dùng làm thông hành

«Thương gia ... và ... là những thương gia Hồi giáo, tỉnh Đamát, những người vừa là ngoại quốc, vừa là ngoại đạo đối với Thiên chúa giáo chúng ta. Nhưng họ đã buôn bán trong nước, mà buôn bán là nguồn thịnh vượng và nguồn tài sản của một nước, và vì họ không phải là những người hiếu chiến mà là những người yêu hòa bình, chúng tôi cấp cho họ giấy thông hành này. Không ai được phạm đến người họ hoặc quyền lợi của họ. Không ai được đánh thuế hàng hóa hoặc thuế xuất, nhập đối với hàng hóa của họ».

Mụ mặc một chiếc áo dài len trắng giả làm một nhà khổ hạnh Hồi. Mụ bôi lên trán một thứ thuốc mỡ do mụ chế tạo khiến trán sáng lên một vẻ thánh thần đặc biệt. Mụ cho người trói chân thật chặt để dấu vết trói không lặn đi được.

Rồi mụ bảo hai dũng sĩ bạn đường:

– Giờ phải dùng roi đánh ta tướt máu ra để có những vết sẹo thật rõ. Cứ đánh, đừng ngại. Cần thì phải làm. Rồi bỏ ta vào một cái hòm giống như những hòm hàng hóa, đặt lên lưng một con la. Các chú đi cho đến trại bọn Hồi mà thủ lĩnh là Sackân. Có ai ngăn đường cản lối thì đưa cái giấy của vua Afriđôniốt, chứng nhận các chú là thương gia Đamát. Các chú xin gặp Sackân. Hắn hỏi về các chú, về buôn bán lỗ lãi ở xứ Rum ngoại đạo, thì các chú sẽ đáp như thế này: «Thưa hoàng tử, cuộc hành trình thương mại của chúng tôi ở xứ những người Thiên chúa giáo thì món lãi rõ nhất, đáng giá nhất là đã giải thoát được một vị thánh khổ hạnh khỏi tay bọn đao phủ. Chúng đã hành hạ Ngài suốt mười lăm năm trong một căn hầm bắt Ngài phải từ bỏ đạo thánh thần của đức Sứ giả Mohamát của chúng ta (cầu chúa cho Người bình an). Chuyện xảy ra như thế này: đã ít lâu nay chúng

tôi buôn bán ở Côngxtăngtinia. Một đêm đang ngồi tính sổ thì thấy trên tường in bóng một người cao lớn. Người ấy buồn bã. nước mắt tuôn trào, ướt cả chùm râu bạc. Môi ông mấp máy, lên tiếng:

– Hỡi các vị Hồi giáo! nếu trong số các vị, có ai còn biết sợ chúa Ala và tuân theo đúng những lời dạy của đức Sứ giả (cầu Chúa cho Người bình an) thì hãy đi khỏi cái sứ ngoại đạo này mà đến với quân đội của hoàng tử Sackân. Số phận đã định một ngày kia hoàng tử sẽ chiếm Côngxtăngtinia của xứ Rum. Sau ba ngày đi đường các vị sẽ thấy một cái tịnh xá. Trong tịnh xá đó, có một cái hầm. Hầm ấy, mười lăm năm qua đã nhốt một vị thánh khổ hạnh của La Mếch tên là Apđalát mà đức độ đã làm đẹp lòng đức Ala Tối Cao. Rơi vào tay bọn tu sĩ Thiên chúa giáo vốn căm thù đạo Hồi, Ngài bị nhốt trong hầm và bị chúng hành hạ khủng khiếp. Việc giải thoát được cho Ngài sẽ là hành động tuyệt đẹp đáng khen nhất trước Đấng Tối Cao. Ta không nói thêm gì nữa. Chào các vị bình an». Nói xong, bóng biến mất.

Lập tức, chúng tôi đóng gói tất cả những hàng hóa còn lại cùng những thứ đã mua ở Rum rồi rời khỏi Côngxtăngtinia. Đi ba ngày quả thấy một tịnh xá nằm giữa một thôn xóm. Để khỏi bị nghi ngờ, chúng tôi rỡ mấy gói, đem bán ở chỗ đông người, như nhà buôn thường làm. Bán cho đến tối, nhân bóng đêm lẻn vào tịnh xá, bịt mồm tên tu sĩ gác cửa, chui vào hầm. Và đúng như lời bóng ma đã báo, chúng tôi thấy vị tu hành. Ngài Apđalát hiện đang nằm trong một cái hòm mà chúng tôi chở đến trước hoàng tử».

Bày kế cho bọn dũng sĩ xong, mụ Quái Ác – cải trang thành vị tu sĩ khổ hạnh – nói thêm:

– Còn ta, ta nhận trách nhiệm sẽ tiêu diệt hết giống Hồi giáo.

Nghe xong, các dũng sĩ, theo lời mụ, đã quật cho mụ một trận tóe máu, đút mụ vào một cái hòm, đặt lên lưng la, kéo nhau đi thực hiện kế hoạch của mụ.

Lại nói về đạo quân người Hồi chiến thắng. Sau khi bọn Thiên chúa giáo bỏ chạy, họ chia chiến lợi phẩm và cảm tạ chúa Ala. Đunmakân và Sackân chúc tụng lẫn nhau, ôm hôn nhau.

Sackân nói với em:

– Cầu chúa cho vợ em sinh con giai để ta cho lấy con gái của ta là «Thiên mệnh».

Tể tướng Đanđân nói với hai người:

– Phải khôn mới được. Bây giờ rõ ràng là phải đuổi theo bọn bại trận, không để chúng kịp nghỉ ngơi, vây chúng trong thành Côngxtăngtinia mà tiêu diệt cho hết, không để sót một tên trên trái đất này. Vì, như nhà thơ đã nói:

«Khoái lạc nhất là được tự tay mình giết địch và được cảm thấy đang phi trên lưng con ngựa hung hăng.

Khoái lạc biết bao khi người yêu cho người đến báo là người yêu sẽ đến.

Nhưng nếu người yêu lại đến trước người đưa tin thì còn khoái lạc hơn.

Ôi! khoái lạc nhất là được tự tay mình giết địch và được cảm thấy đang phi trên lưng con ngựa hung hăng».

Tể tướng Đanđân đọc xong mấy câu thơ, hai vua tán thành ý kiến ông, dẫn quân nhằm Côngxtăngtinia thẳng tiến.

Đạo quân đi không nghỉ, qua những cánh đồng cháy bỏng chỉ còn cỏ úa lơ thơ trên miền đất quạnh hưu

chỉ có bóng Chúa. Sau sáu ngày đi mệt nhọc trong sa mạc không nước, họ đến một vùng đất phì nhiêu. Trước mặt chạy dài những cánh đồng tươi mát, nước chảy róc rách, cây sai quả mọc đầy. Linh dương nô rỡn, chim chóc véo von, cây to bóng cả, sương lóng lánh trên cành, hoa cười với gió lang thang. Đúng như nhà thơ đã tả :

« Hãy nhìn. Rêu trong vườn trải rộng, sung sướng được hoa ngủ vuốt ve. Rêu như một tấm thảm lớn màu ngọc bích óng ánh tuyệt vời.

Hãy nhắm mắt lại. Lắng nghe nước hát dưới chân lau. Ôi ! nhắm mắt lại nào !

Vườn cây ! Vườn cảnh ! Suối nước ! ta yêu quí biết bao !

Ôi, suối chảy dưới mặt trời, suối sáng lên mà bóng liễu rủ như lông tơ trên má.

Những giọt nước suối bám lấy cọng hoa như những chiếc nhạc bằng bạc bám vào những chiếc trục trắng. Và hoa kết vành trên đầu người tôi yêu ».

Để cho các giác quan được hưởng niềm khoái lạc, anh em Sackân định nghỉ lại ít ngày nơi đây. Đumakân nói với anh :

— Em không tin ở Đamát anh có được những khu vườn đẹp thế kia. Chúng mình nên nghỉ lại vài ba hôm. Cũng là để cho quân lính có thời giờ thở khí lành, uống nước mát, để có sức đánh bọn vô đạo.

Sackân tán thành ý rất hay này của em. Hai ngày trôi qua. Đúng lúc họ chuẩn bị nhổ trại thì nghe có tiếng ồn. Hỏi ra mới biết có một đoàn thương gia Đamát buôn bán với bọn dị giáo, về nước bị quân lính cản đường để trừng phạt việc làm đó. Bọn thương gia bị lính vây, vùng vằng đi tới. Họ quì xuống chân Đumakân, kêu :

Chúng tôi vừa mới ở nước bọn dị giao về. Họ trọng chúng tôi không xâm phạm đến tài sản, thân thể. Thế mà về xứ sở người Hồi giáo chúng ta, chúng tôi lại bị những người anh em cướp đoạt.

Nói xong họ đưa ra lá thư thông hành của vua Côngxtăngtinia. Đunmakân và Sackân đọc xong:

— Các ngươi mất thứ gì sẽ được lập tức trả lại ngay Sackân nói. Nhưng sao các ngươi là những người Hồi giáo lại đi buôn bán với họ?

— Thưa ngài, chúa Ala dẫn chúng tôi đến những người thiên-chúa giáo là để có một chiến thắng quan trọng hơn tất cả những chiến thắng của quân đội và của chính bản thân Ngài.

— Chiến thắng gì vậy, các ngươi?

— Chúng tôi chỉ có thể nói tại một nơi vắng vẻ, không có kẻ thóc mách nghe. Lộ ra tí nào, thì dù là thời bình cũng không một người Hồi giáo nào có thể đặt chân lên đất thiên chúa giáo được.

Đunmakân và Sackân dẫn bọn thương gia đến một chiếc lều kín đáo, xa mọi kẻ tò mò.

Bọn thương gia kể lại câu chuyện do mụ Quái Ác dựng lên. Hai anh em Sackân hết sức xúc động về việc nhà tu hành bị hành hạ rồi được giải thoát khỏi căn hầm của tịnh xá nọ.

— Thế bây giờ vị tu hành ấy ở đâu? Các ngươi để Ngài lại tịnh xá sao? Sackân hỏi.

— Chúng tôi giết xong tên tu sĩ gác cửa, vội đưa Ngài ra đặt nằm trong một chiếc hòm lên lưng la mà tẩu thoát thật nhanh, Chúng tôi sẽ mời Ngài ra đây bây giờ. Trước khi chạy khỏi tịnh xá, chúng tôi thấy ở đấy có hàng tạ vàng, bạc, châu báu đủ thứ. Lát nữa vị tu hành sẽ kể với hai Ngài

Họ chạy đi mở hòm dẫn vị tu hành vào. Ngài đen như quả bồ cạp, người khô đét, sẹo dài chằng chịt như dấu vết của xích xiềng hằm vào thịt da. Đó là mụ Quái Ác. Hai anh em tưởng là một vị thánh siêu phàm, nhất là trán mụ vì được bôi thứ thuốc mỡ đặc biệt lại bóng, sáng như ánh mặt trời. Hai anh em hôn tay hôn chân Ngài một cách thành kính, xin Ngài chúc phúc cho. Thấy Ngài phải chịu khổ quá nhiều, hai vua rớm nước mắt rồi khóc òa lên. Mụ ra hiệu cho đứng dậy và nói :

— Thôi đừng khóc nữa, hãy nghe tôi nói. Đối với tôi, tôi sẵn sàng cúi đầu tuân theo ý muốn của Chúa Tối cao. Tôi biết Người giáng họa cho tôi là để thử thách tính kiên nhẫn và lòng khiêm nhường của tôi. Đáng cảm tạ và đáng ca ngợi Người biết bao. Kẻ nào không chịu được những thử thách của đức Đại từ bi sẽ không hưởng được những khoái lạc trên thiên đường! Giờ đây tôi đã được giải thoát, tôi vui, không phải vì hết đau đớn, mà vì được đến giữa những người anh em Hồi giáo và hy vọng được chết dưới vó ngựa của những dũng sĩ chiến đấu cho đạo Hồi. Những tín đồ tử vì đạo trong chiến tranh tôn giáo không chết. Linh hồn họ bất tử.

Hai anh em lại nâng tay mụ hôn nữa và muốn sai người đi lấy thức ăn. Mụ xua tay :

— Ta đã nhịn ăn mười lăm năm. Chúa Ala đã ban cho ta bao nhiêu ân huệ, ta không lẽ lại trái đạo để bỏ dở cuộc nhịn ăn và việc trai giới này. Nhưng khi mặt trời lặn, có thể ta sẽ ăn một chút gì.

Hai anh em không nài thêm. Tối đến, tự tay họ mang thức ăn đến. Nhưng con mụ giảo quyệt lại từ chối nữa.

— Bây giờ chưa phải là lúc ăn mà là lúc cầu nguyện đấng Tối Cao.

Thế là mụ qui xuống làm lễ. Mụ cầu kinh suốt đêm không nghỉ và hai đêm tiếp nữa. Hai anh em Sackân kính phục lắm cứ tưởng mụ là đàn ông, là một vị thánh khổ hạnh. Họ cho mụ một tấm lều to, với kẻ hầu người hạ và những đầu bếp riêng. Hết ngày thứ ba mụ vẫn không chịu ăn gì. Hai anh em thân mang đến lều mụ tất cả những thức ăn uống có thể làm khoái con mắt và tâm hồn. Nhưng mụ cũng chẳng đụng đến chỉ dùng một miếng bánh và tí muối. Hai anh em càng kính phục. Sackân bảo em :

– Người này quả đã hoàn toàn từ bỏ mọi sự hưởng thụ ở đời. Nếu không phải tiến hành chiến tranh chống bọn dị giáo thì anh sẽ toàn tâm với ngài theo ngài suốt đời để được chúc phúc. Nhưng chúng ta hãy xin ngài nói chuyện với chúng ta một lúc đã. Mai phải tiến đánh Côngxtăngtinia không có dịp nghe nữa.

Tề tướng Đanđân nói :

– Tôi cũng muốn yết kiến vị thánh khổ hạnh để ngài cầu nguyện cho tôi được chết vì đạo có thể mới dám đứng trước đức Chúa Tối cao. Tôi đã chán cuộc đời này rồi.

Cả ba đến lều mụ thấy mụ đang say sưa cầu kinh. Họ chờ, chờ đến ba tiếng đồng hồ. Họ khóc vì xúc động rồi nức nở lên nhưng mụ vẫn quỳ gối không mảy may để ý tới họ. Họ bèn tiến lên, cúi chào sát đất. Mụ đứng dạy chào lại ;

– Giờ này các vị đến có việc gì ?

– Hỡi vị thánh khổ hạnh chúng tôi đã đến từ mấy giờ rồi. Ngài không nghe chúng tôi khóc hay sao ?

– Kẻ đứng trước chúa không thể quan tâm đến việc người trần

– Chúng tôi đến thăm ngài xin cầu phúc và để nghe ngài nói về chuyện bị bọn dị giáo giam giữ. Bọn này ngày mai chúng tôi được sự giúp đỡ của chúa sẽ tiêu diệt hết.

– Lạy chúa nếu các vị không phải là thủ lĩnh của người Hồi ta không bao giờ lại kể những điều sắp kể. Chuyện này có lợi cho các vị lắm.

Truyện cái tịnh xá

Tôi đã ở lâu trên Đất Thánh cùng những vị mộ đạo lừng danh. Tôi sống khiêm nhường không bao giờ tự coi mình hơn họ. Đấng Ala tối cao đã ban cho tôi cái đức khiêm nhường và hy sinh. Tôi định sống những ngày còn lại như thế trong sự yên tĩnh để làm việc đạo. Nhưng tính như thế là không kể gì đến số phận.

Một đêm tôi ra biển mà tôi chưa từng được thấy bao giờ. Một sức mạnh không cưỡng được đẩy tôi đi xuống nước. Thế là tôi đi và lạ quá tôi đi trên nước được không bị chìm, chân cũng không ướt. Tôi dạo chơi trên mặt biển một hồi rồi quay vào bờ. Thích thú vì mìmh có cái tài kỳ lạ mà không biết. Tôi nghĩ mấy ai lại đi lại trên mặt biển được như mình. Vừa nghĩ thế thì bị chúa trừng phạt ngay vì tội kiêu ngạo. Chúa thổi vào lòng ham thích du lịch. Tôi từ giã Đất Thánh lang thang đây đó khắp nơi trên mặt đất, tuy vẫn thực hiện nghiêm chỉnh phận sự đối với tôn giáo thần thánh của chúng ta

Một hôm qua xứ Rum, tôi tới một quả núi cao. Mờ mờ trên đỉnh là một tịnh xá Thiên chúa giáo có một tu sĩ canh giữ. Tu sĩ này trước ở Đất Thánh tôi có quen. Tên hắn là Matruna. Thấy tôi hắn chào kính cẩn và mời vào nghỉ trong tịnh xá. Hắn rắp tâm hại tôi. Hắn dẫn tôi qua một hành lang dài cuối có một cửa

mở vào bóng tối. Hắn đẩy tôi lên, khóa trái cửa, nhốt tôi lại. Hắn vốn thù ghét tôn giáo của chúng ta nên bốn mươi ngày liền không cho ăn uống gì để cho chết đói.

Giữa lúc ấy, vị tổng chỉ huy tu sĩ đi công vụ đặc biệt đến tịnh xá. Theo đi có mười tu sĩ trẻ đẹp lắm và một thiếu nữ, đẹp không kém. Cô này tên Tamaxin, mặc áo tu sĩ bó lấy người, mông vú trông nở nang.

Chỉ có Chúa Ala mới biết tên chỉ huy bậy bạ thế nào với cô ta và với các tu sĩ trẻ kia.

Thấy chỉ huy đến, tu sĩ Matruna kể chuyện tôi bị giam, bị bỏ đói đã bốn mươi ngày. Tên chỉ huy tên là Đêkianôt ra lệnh mở cửa hầm để vứt xương tôi ra.

– Tên Hồi giáo lúc này chỉ còn là một bộ xương khô khốc, chim mồi cũng không buồn lại gần. Tên chỉ huy quả quyết như thế.

Cho nên khi hắn và mấy tu sĩ trẻ mở cửa thấy tôi đang quì tụng kinh thì hắn kinh ngạc, kêu lên:

– Ôi! tên phù thủy! đập vỡ xương hắn ra!

Chúng xô đến lấy gậy, lấy roi đánh túi bụi. Tôi tưởng chết. Tôi hiểu ngay là chúa Ala bắt tôi chịu thử thách này để phạt tôi về tội kiêu ngạo trước đây khi tôi tự phụ cho là mình có thể đi trên mặt biển, mà thực ra tôi chỉ là một công cụ trong tay Đấng Tối cao.

Matruna, và bọn chó để xích tôi lại quẳng vào hầm tối. Nếu chúa Ala không làm cho cô Tamaxin xúc động để, trong một thời gian viên chỉ huy ở lại tịnh xá, ngày ngày cô vào trộm thăm tôi đem cho một chiếc bánh đại mạch và một hũ nước, thì tôi đã toi mạng rồi.

Viên chỉ huy thích tịnh xá nên ở lâu, cuối cùng hắn chọn làm nơi đi lại thường xuyên. Khi buộc phải ra đi, hắn để lại cô gái Tamaxin có Matruna canh giữ.

Tôi bị nhốt trong năm năm. Cô gái đã nhớn, đẹp nhất đời. Tôi cam đoan trong nước ta cũng như khắp xứ Rum, không thể tìm đâu thấy một người đẹp đến thế. Nhưng cô này không phải là viên ngọc duy nhất của tịnh xá. Ở đấy có hàng đống bạc, vàng, nữ trang, của cải đủ thứ, không tính xuể. Các ngài phải mau tấn công tịnh xá mà chiếm lấy cô gái và các kho tàng. Tôi sẽ dẫn đường, sẽ mở cửa những nơi giấu của, những tủ báu vật và nhất là cái tủ lớn của tên chỉ huy Đêkianôt trong có những bình bằng vàng chạm trổ rất đẹp. Tôi sẽ trao các ngài cô gái Iamaxin kỳ diệu xứng đáng với các vị đế vương. Cô đã đẹp, lại có tài ca hát, biết hát cả những bài hát Arập ở thành thị cũng như của người Bêđoanh. Cô ta sẽ giúp các ngài sống những ngày huy hoàng, những đêm ngọt ngào đầy lời chúc phúc.

Còn chuyện tôi được giải thoát như thế nào thì hai ngài đã nghe những vị thương gia tốt bụng kể rồi, những người xả thân cứu tôi khỏi bọn Thiên chúa giáo cầu chúa Ala nguyền rủa chúng và hậu duệ của chúng cho đến ngày phán xử. -

Hai anh em Sackân nghe chuyện khoái lắm, nghĩ đến bao nhiêu thứ sẽ thu về và nhất là cô Tamaxin mà mụ già khoe rất thạo nghề chơi, dù còn trẻ. Nhưng tể tướng Đanđân thì rất hoài nghi. Lời mụ già không vào đầu ông, không thuyết phục được ông, không làm ông vừa lòng. Ông phải đứng dạy đi chỉ vì lòng kính trọng hai vua. Tuy nhiên, ông không nói gì, sợ mình nhầm. Đunmakân muốn đưa cả đại quân của chàng đến tịnh xá. Mụ Quái Ác khuyên không nên.

– Tôi e tên chỉ huy Đêkianôt thấy quân đông, sợ bỏ chạy, dắt theo cả cô gái, mụ nói.

Đunmakân cho mời vị nội thần, đô đốc Ruyxtan và đô đốc Baramân đến.

– Mai, tinh mơ, Đunmakân nói, các ông dẫn quân đến Côngxtăngtinia. Chúng tôi sẽ theo ngay. Hỡi vị nội thần, ông làm Tổng tư lệnh thay tôi; ông Ruyxtan ông thay anh tôi Sackân và ông Baramân ông thay tể tướng Đanđân. Giữ kín đừng cho quân đội biết chúng tôi vắng mặt, vả lại chỉ vắng ba ngày thôi.

Đunmakân và Sackân và tể tướng Đanđân chọn một trăm dũng sĩ giỏi nhất và một trăm con la đeo thùng không để chứa của cải của tịnh xá đem theo cả mụ Quái Ác mà họ vẫn tưởng là vị thánh khổ hạnh được chúa Ala thương yêu. Theo chỉ dẫn của mụ, họ tiến đến tịnh xá. Còn vị nội thần và quân đội Hồi giáo, thì theo lệnh Đunmakân, rạng sáng hôm sau nhổ trại tiến về Côngxtăngtinia.

Mụ Quái Ác không để phí thì giờ. Mụ lấy trong một cái hòm trên lưng la, hai con bồ câu được mụ huấn luyện, buộc vào cổ mỗi con lá thư gửi vua Afridôniôt của Côngxtăngtinia. Thư cho biết mụ đã hành động như thế nào, và kết thúc:

« Nhà vua phải lập tức điều tới tịnh xá một vạn dũng sĩ tinh nhuệ nhất của xứ Rum. Đến chân núi thì đóng quân lại, bất động tĩnh chờ tôi đến. Tôi sẽ nộp cho họ hai vị vua, một tể tướng và một trăm dũng sĩ Hồi. Phải nói thêm là mưu của tôi không thực hiện được nếu không giết tên gác tịnh xá, tu sĩ Matruna. Tôi hy sinh hắn cho quân đội Thiên chúa giáo. Mạng một tu sĩ có nghĩa gì đâu trước sinh mệnh của đạo Thiên chúa.

Đáng ngợi ca thay, đấng Jêxu, chúa tể của chúng ta »

Chim câu mang thư đến đậu trên tháp cao thành Côngxtăngtinia. Người dạy chim lấy thư đưa ngay lên

vua Afriđôniốt. Vừa đọc xong, vua cho kén ngay một vạn dũng sĩ, cấp cho mỗi người một con ngựa thêm một con lạc đà đua, và một con la để chở chiến lợi phẩm. Vua cho lệnh tiến đến tịnh xá.

Đunmakân và Sackân và tể tướng Đanđân và một trăm dũng sĩ đã đến chân núi. Họ trèo lên tịnh xá. Mụ Quái Ác lấy cớ đi đường mệt, đứng dưới.

– Các vị lên trước, chiếm lấy tịnh xá, mụ nói. Tôi lên sau và sẽ chỉ chỗ giấu của.

Họ kín đáo trèo từng người một. Họ leo lên rất nhanh, rồi nhảy ào cả xuống khu vườn. Tu sĩ Matruna gác cổng thấy động chạy đến. Sackân la lên: «Giết tên chó chết này!» Hàng trăm lưỡi kiếm xóc vào y. Linh hồn tên vô đạo chui qua lỗ trôn mà xuống hỏa ngục. Cuộc cướp phá bắt đầu, tuần tự. Trước hết, họ vào nơi đặt lễ thờ cúng. Họ thấy treo trên tường từ cao xuống thấp vô số những viên ngọc và những thứ rất đẹp nhiều hơn mụ già kể. Họ xếp đầy hòm chật túi cho lên lưng la và lạc đà. Nhưng còn cô Tamaxin thì không thấy tăm hơi đâu, cũng như mười thanh niên đẹp như cô cùng tên chỉ huy khốn khổ Đêkianốt. Họ đoán là cô gái đã ra ngoài đi chơi đâu đấy hoặc trốn trong một căn buồng. Họ lục soát khắp nơi.

Họ chờ suốt hai ngày vẫn không thấy. Sackân sốt ruột:

– Em ạ, chàng nói với Đunmakân, anh không lúc nào không nghĩ tới những dũng sĩ Hồi của chúng ta đang tiến vào Côngxtăngtinia mà chưa có tin tức gì.

– Em cũng nghĩ thôi quách việc tìm kiếm Tamaxin và đồng bọn vì có thấy ai đâu. Chờ mãi uổng công. Vả lại, chúng ta đã thu được phần lớn của nả trong tịnh xá. Nên bằng lòng với những gì Chúa đã ban cho. Giờ thì hãy đến với quân ta để, nhờ sự giúp đỡ của chúa,

đánh bại bọn dị giáo mà chiếm lấy kinh đô Côngxtăng-tinia của chúng.

Họ xuống núi tìm nhà tu hành cùng đi. Vừa tới thung lũng, họ thấy bên trên, tứ phía xuất hiện những dũng sĩ xứ Rum. Chúng la hét ào ào tràn xuống bao vây họ.

Đunmakân ngạc nhiên:

– Ai báo cho bọn Thiên chúa giáo biết có chúng ta ở tịnh xá?

– Ôi, làm gì có thì giờ phỏng đoán, tìm hiểu. Sackân gắt. Tuốt kiếm ra, bình tĩnh chờ bọn chó ấy đến mà giết, đừng để một tên nào thoát về nhóm bếp thổi cơm.

– Biết cơ sự thế này thì đã đem theo nhiều người hơn để chiến đấu hiệu quả hơn, Đunmakân phàn nàn.

Tể tướng Đanđân nói:

– Dù có một vạn người cũng vô ích nơi đèo chật hẹp này. Nhưng chúa Ala sẽ giúp chúng ta khắc phục mọi khó khăn để thoát được bước hiểm nghèo. Ngày trước, đánh trận ở đây với tiên quân Ôma An-Nêmân, tôi biết rõ các ngõ ngách cùng những con suối đóng băng. Xin theo tôi trước khi bọn dị giáo bịt mất các lối. Họ toan đi thì vị thánh khổ hạnh ở đâu hiện đến bảo:

– Các vị định đi đâu thế, chạy trốn trước kẻ thù sao? Các vị há không biết rằng chỉ có chúa Ala là nắm tính mệnh chúng ta và dù có xảy ra chuyện gì thì Người vẫn đủ quyền lực để bảo toàn hoặc vứt bỏ nó. Chính tôi, do ý chúa, mà bị bỏ đói trong hầm, tôi vẫn sống được. Hãy tiến lên, hỡi các vị Hồi giáo. Nếu ở đây là cái chết thì đã có thiên đường chờ đón các vị.

Nghe thế, họ thấy thêm sức mạnh và bình tĩnh chờ quân thù hung hăn tấn công. Họ có một trăm ba người,

những một tín đồ Hồi giáo há không bằng một nghìn tên vô đạo đó sao. Quả vậy quân Thiên chúa giáo vừa đúng tầm giáo mác thì họ vung tay chém bay đầu chúng như một trò chơi. Đunmakân và Sackân mỗi vòng quay tròn lưỡi kiếm là có năm chiếc đầu lìa cổ. Một lát sau là mười đầu. Một trăm dũng sĩ cùng chém giết bọn chó má ấy một trận nhớ đời, mãi đến tối mới thôi. Các chiến sĩ Hồi giáo và ba thủ lĩnh vào trú đêm trong một cái hang đá ở sườn núi. Họ nghĩ tới số phận của vị thánh khổ hạnh. Họ đếm từng người một và thấy chỉ còn bốn mươi lăm người. Vẫn không thấy vị thánh đâu cả. Đunmakân nghĩ: « Có thể ngài là nạn nhân của lòng tin đạo và đã bị giết trong cuộc hỗn chiến rồi chăng? » Tể tướng Đanđân nói:

— Tôi có trông thấy vị thánh ấy trong lúc đánh nhau. Tôi cảm thấy hình như vị ấy kích động tinh thần quân sĩ dị giáo đánh lại chúng ta. Trông vị ấy như một hung thần đen dữ tợn.

Tể tướng Đanđân vừa dứt lời thì thấy vị thánh hiện đến trước cửa hang tay túm tóc một cái đầu lâu mắt nheo nhúm. Đó là đầu của viên tổng tư lệnh Thiên chúa giáo, một dũng sĩ rất đáng gờm.

Hai anh em Sackân reo lên:

— Khen thay chúa Ala đã cứu được ngài để chúng tôi được tiếp tục tỏ lòng kính trọng ngài.

Con mụ gian giảo đáp:

— Các con yêu quý, ta những muốn chết nơi chiến. Nhiều lần ta lăn xả vào giữa bọn lính nhưng bọn dị giáo kính trọng ta không nỡ thọc gươm vào ngực ta. Ta lợi dụng lòng tin của họ để đến gần tên chỉ huy. Nhờ có chúa Ala, ta chỉ đưa một nhát kiếm là hắn rụng đầu. Cái đầu ấy, ta đem đến đây để khuyến khích các ngài tiếp tục chiến đấu chống một đạo quân không

còn người chỉ huy nữa. Còn ta ta sẽ chạy đến đại quân của các ngài đang ở chân thành Côngxtăngtinia gọi đến cứu viện để các ngài khỏi rơi vào tay bọn dị giáo. Trong khi chờ đợi viện binh, các ngài hăng hái lên, hãy hâm nóng kiếm trong máu thù cho đẹp lòng đức chúa tể quân đội.

Hai anh em hôn tay vị thánh cảm ơn lòng tận tụy của ngài và nói:

– Tất cả các lối ra đều bị quân Thiên chúa giáo bịt mất rồi, tất cả các điểm cao đều đầy rẫy quân thù, chúng có thể lăn đá xuống như mưa ngài làm sao ra khỏi đèo này được?

Mụ già quỷ quái đáp:

– Chúa Ala sẽ che dấu cho ta không cho chúng thấy. Mà dù chúng có thấy chúng cũng không làm hại được ta. Ta ở trong tay Chúa. Chúa biết che chở cho những ai thành tâm thờ chúa và tiêu diệt những kẻ vô đạo không biết đến Người.

– Ngài nói đúng quá. Tôi đã thấy ngài dũng cảm đứng giữa trận tiền mà không một đứa nào trong bọn chó ấy dám lại gần hoặc chỉ đưa mắt nhìn Ngài. Giờ xin ngài cứu chúng tôi khỏi tay chúng. Ngài càng đi nhanh càng tốt. Giờ đang đêm, có bóng tối và có sự bảo hộ của đấng Ala tối cao, ngài đi được đấy.

Con mụ đáng nguyền rủa định lôi Đunmakân đi nhưng tể tướng Đanđân trong thâm tâm vốn nghi ngại thái độ lạnh lùng của mụ ngăn lại. Mụ nguýt tể tướng một cái rồi đi một mình.

Về cái đầu tiên chỉ huy, con mụ đã nói dối. Tên này bị một dũng sĩ ưu tú Hồi giáo giết. Mụ chỉ có việc cắt đầu hắn. Dũng sĩ Hồi giáo này đã phải hy sinh vì bọn Thiên chúa giáo thấy chỉ huy ngã xuống lập tức ùa cả

vào băm nát người chàng. Hồn chàng đã bay lên thiên đường vào tay đức Âm Thưởng.

Còn hai vua và tể tướng Đanđân và bốn mươi lăm dũng sĩ qua đêm trong hang, sáng dạy cầu kinh xong thấy mình khoan khoái, liền chuẩn bị chiến đấu. Nghe Đunmakân gọi, họ xông ra như một đoàn mãnh sư xông đến một đàn lợn. Gươm chạm gươm, thương đấu thương, lao đâm vỡ áo giáp, dũng sĩ hăng say như sói khát máu. Sackân và Đunmakân giết nhiều máu ngập tràn con sông trong thung lũng còn xác chất đầy làm không thấy thung lũng đâu nữa. Đêm đến, chiến sĩ đôi bên buộc phải rời nhau mỗi bên về trại của mình. Trại Hồi vẫn là cái hang trong núi. Vào hang là có thể đếm ngay số người của mình. Họ còn lại ba mươi lăm người. Thế là ngày qua đã mất thêm mười chiến sĩ. Không kể hai vua và tể tướng, số còn lại thấy rõ giờ đây chỉ còn dựa vào đường kiếm tuyệt vời của họ và sự giúp đỡ của đấng Tối cao nữa thôi.

Sackân lòng thắt lại thở dài: «chúng ta sẽ làm gì bây giờ». Mọi người đồng thanh: «Không gì ra ngoài ý muốn của chúa».

Suốt đêm ấy, Sackân không ngủ. Sáng dạy chàng gọi mọi người:

– Các bạn hỡi, chúng ta chỉ còn mười ba người kể cả em tôi vua Đunmakân và tể tướng Đanđân. Ra trọi với chúng sẽ tai hại, vì dù ta giỏi tuyệt vời cũng không thể cầm cự lâu với bọn địch đông vô kể, không một ai trong chúng ta sẽ sống sót mà về được. Chi bằng ta cứ ở trong hang cầm kiếm đứng ở cửa khiêu khích cho địch xông vào. Đứa nào táo gan vào đây sẽ bị băm vằm vì chúng ta ở tư thế mạnh hơn. Chúng ta vừa tiêu hao địch vừa chờ viện binh theo lời hứa của vị tu hành đáng kính.

Mọi người tán thưởng. Năm dũng sĩ ra ngoài hướng về phía địch la lên khiêu chiến. Thấy một chi đội tiến đến họ rút vào trong hang đứng làm hai hàng chắn lấy cửa.

Sự việc diễn ra đúng như Sackân tiên liệu. Tên Thiên chúa giáo nào vào là bị chặt ngay làm đôi không ra báo lại cho đồng bọn biết được. Hôm đó, chúng bị giết nhiều hơn mọi hôm và cuộc sát phạt kéo dài mãi cho đến đêm tối. Chúa làm cho bọn vô đạo tối tăm đầu óc và thêm lòng dũng cảm cho kẻ tôi tớ của Người.

Hôm sau, bọn Thiên chúa giáo họp bàn:

– Chỉ có tiêu diệt bọn Hồi giáo này thì cuộc chiến đấu mới dứt. Không tiến công vào hang nữa. Cho lính bao vây rồi chất thật nhiều củi khô quanh, đốt cả cánh rừng này mà thiêu sống chúng. Nếu chúng không muốn chết cháy mà ra hàng thì ta bắt làm tù binh dẫn về Côngxtăngtinia nộp cho vua ta là Afriđôniôt. Nếu chúng không hàng, chúng ta cho chúng thành than hồng mà thêm lửa cho địa ngục. Cầu đức Jêxu nguyền rủa chúng và con cháu đời đời dệt chúng thành tấm thảm lót chân cho người Thiên chúa giáo.

Bàn định rồi, chúng tìm củi chất đống quanh hang rồi đốt. Lửa lùa vào như nấu như nung, mỗi lúc một tăng. Các chiến sĩ Hồi không chịu nổi, tụ thành một khối, kéo ra, mở đường qua khói lửa. Hỡi ôi! Số phận nộp sống họ vào tay quân thù. Chúng muốn giết ngay. Tên chỉ huy ngăn lại:

— Dẫn chúng đến trước vua Afriđôniôt ở Côngxtăngtinia để Ngài mừng đã, rồi hãy cho chúng chết. Xiềng cổ chúng lại cho ngựa kéo về Côngxtăngtinia.

Chúng lấy giây trói họ cho vài đứa canh giữ. Xong chúng mở tiệc mừng, ăn uống đến tận nửa đêm. Chúng nốc nhiều rượu quá, nên lăn quay ra như chết.

Sackân nhìn quanh bảo em:

— Có cách gì ra khỏi tình thế hiểm nguy này không?

— Em cũng không biết nữa. Chúng ta như chim trong lồng.

Sackân như điên dại, thở dài một tiếng thật to. Chàng căng sức đến nỗi giây trói kêu răng rắc và đứt tung. Chàng chạy đến Đunmakân và tể tướng Đanđân cởi trói cho họ. Chàng đến chỗ tên chỉ huy bọn canh gác lấy chùm chìa khóa mở xiềng cho mười dũng sĩ Hồi. Họ tước khí giới và ngựa của quân Thiên chúa giáo rồi lặng lẽ lên yên, vừa đi vừa cảm tạ chúa Ala đã giải thoát cho họ.

Họ phóng thật nhanh, chốc lát lên tới đỉnh núi. Sackân báo mọi người dừng lại bàn:

— Nhờ chúa Ala, giờ thì chắc thoát, tôi có ý này.

— Ý gì? mọi người hỏi.

— Chúng ta phân đi tứ phía trên đỉnh núi này rồi la thật lớn Alahu apka! các ngọn núi, các thung lũng, các mỏm đá sẽ vang vọng lại. Bọn tà đạo chợt tỉnh sẽ tưởng là đại quân Hồi tấn công. Và không kịp xét suy, chúng sẽ chém giết lẫn nhau cho đến sáng.

Mọi người tán thành, thực hiện mưu kế của Sackân. Tiếng hét trên cao dội xuống vang vọng gấp nghìn lần trong bóng đêm. Bọn tà đạo thất kinh vội khoác áo giáp vào mà kêu: « Lạy chúa! Toàn quân đội Hồi đến rồi! » Chúng điên cuồng nhảy bổ vào nhau chém giết cho đến sáng. Trong khi ấy, nhóm nhỏ kỵ sĩ Hồi thúc ngựa về phía Côngxtăngtinia. Sáng đến, họ bỗng thấy trước mặt một đám bụi mù và nghe tiếng kêu: Alahu ápka. Rồi một đạo quân Hồi, cờ tung bay, tiến nhanh về phía họ. Ở những lá cờ to, có ghi dòng chữ: « Không có chúa nào khác ngoài chúa Ala và Môhamát là sứ giả

của Ala ». Dẫn đầu đoàn quân là hai vị đô đốc Ruy-xtan và Baramân. Theo sau là cơ man đợt sóng dũng sĩ Hồi. Thấy vua Đunmakân, hai đô đốc xuống ngựa chào mừng. Đunmakân hỏi thăm sức khỏe các dũng sĩ Hồi ở Côngxtăngtinia. Hai vị đô đốc cho biết chính vị nội thần đã gửi hai vạn quân đến. Đunmakân hỏi:

– Sao biết chúng tôi lâm nạn?

– Vị tu hành đáng kính lặn lội ngày đêm đến báo cho chúng tôi hay và giục chúng tôi đến đây. Hiện giờ ông vẫn luôn bên cạnh vị nội thần động viên khích lệ quân lính chống bọn tà giáo đang bị hãm trong thành Côngxtăngtania.

Hai anh em được tin mừng lắm cảm tạ chúa Ala về chuyến đi an toàn của vị tu hành. Họ cũng thuật lại cho hai vị đô đốc biết những chuyện đã xảy ra từ hồi họ đến tịnh xá, rồi tiếp:

– Bọn Thiên chúa giáo chém giết nhau suốt đêm, giờ hắn đang hoang mang và náo động về sự lầm lẫn của mình. Không để chúng kịp trấn tĩnh, phải quay lại tiêu diệt cho kỳ hết, đoạt lấy chiến lợi phẩm của chúng và những của cải chúng ta lấy được ở tịnh xá.

Thế là đạo quân Hồi, dưới sự chỉ huy của Đunmakân và Sackân lại đến núi, và từ trên đỉnh cao, như sấm như sét, họ tràn xuống quân tà giáo mà vung kiếm, múa thương. Cuối ngày hôm đó, không còn một tên thiên chúa giáo nào sống sót để đem tin đến cho bọn đáng nguyền rủa bị nghẽn trong thành Côngxtăngtinia.

Đạo quân Hồi thu nhặt của cải cùng chiến lợi phẩm chúc mừng lẫn nhau về trận thắng, cảm tạ ân huệ của chúa Ala. Đêm ấy, họ ngủ yên giấc.

Sáng dạy, Đunmakân bàn với các vị chỉ huy:

– Bây giờ phải đi ngay Côngxtăngtinia hợp nhất quân ta với quân của vị nội thần. Hiện giờ quân của vị nội

thân còn ít lắm. Nếu địch biết ta đang ở đây thì sẽ hiểu là đạo quân vây thành không còn bao nhiêu. Chúng có thể phá vòng vây, và như vậy sẽ tai hại cho chúng ta.

Các vị chỉ huy lấy làm phải, nhổ trại tiến đến Côngxtăngtina:

Đumakân ứng khẩu ca ngợi Chúa như sau:

« Người cho tôi sự giàu có, một ngai vàng, và biết bao ân huệ khác. Người đã cho cánh tay tôi thanh gươm của lòng dũng cảm và của chiến thắng.

Người đã cho tôi làm chủ một đế quốc bóng trùm rộng lớn. Đối với tôi, Người hào phóng vô ngần.

Người đã nuôi tôi, khi tôi là một kẻ xa lạ ở nơi xa lạ. Và khi tôi sống tối tăm giữa những người tăm tối, thì Người đã che chở cho tôi.

Vinh quang thay Người! Người trang điểm cho vừng trán của tôi bằng chiến thắng của Người. Được Người giúp sức, chúng tôi đã đánh bại bọn Rum, những kẻ không biết đến uy quyền của Người. Chúng tôi đã đuổi chúng chạy ra như một đàn súc vật tán loạn.

Vinh quang thay Người! Người đã phẫn nộ quở mắng kẻ vô đạo. Chúng say, không phải say men tốt rượu ngon, mà là say cạn chén tử vong.

Còn tín đồ của Người, nếu có ai nằm lại trên chiến trường thì họ thành bất tử, thảnh thơi dưới lùm cây hạnh phúc, trên bờ lạc hà thơm tho mật ngọt ».

Đunmakân vừa dứt thì cũng vừa lúc một đám bụi đen bốc lên phía trước. Bụi tan, mụ Quái Ác hiện đến, vẫn dưới lốt vị tu hành khổ hạnh. Mọi người chạy đến hôn tay mụ. Mụ rơm rớm nước mắt, giọng thều thào;

– Hỡi các vị tín đồ! Nguy to rồi! Nhanh lên! Anh em Hồi giáo hạ trại vây Côngxtangtinia đã bị những

lực lượng địch rất lớn đột kích bất ngờ ngay trong lều của họ. Họ bị đánh tán loạn. Phải đến cứu nhanh, nếu không đến dấu vết của vị nội thần và của các dũng sĩ cũng sẽ chẳng tìm thấy gì đâu!

Đunmakân và Sackân nghe thấy thế, tim đập mạnh như muốn ra khỏi lồng ngực, bối rối đến cực độ. Họ qui xuống ôm chân vị tu hành. Tất cả các chiến sĩ đều kêu khóc thảm thiết.

Chỉ có Tể tướng Đanđân là bình tĩnh. Ông là người duy nhất không chịu xuống ngựa hôn tay hôn chân tên tu hành xúi quẩy. Ông nói lớn với các vị chỉ huy:

— Lạy chúa Ala, tôi thấy ác cảm lạ kỳ với tên tu hành kỳ quái này, Hắn như một kẻ hư bị trục ra khỏi lòng từ bi của chúa. Hãy đuổi cổ tên phù thủy đáng nguyền rủa này đi. Hãy tin tôi, người bạn già của tiên vương Ôma An-Nêmân. Không thèm nghe hắn nói, hãy mau đến Côngxtangtinia.

Sackân nói với Đanđân:

— Ngài đừng nghi ngờ bất kính như vậy. Điều này chứng tỏ ngài trông thấy như tôi vì thánh khổ hạnh, trong cuộc hỗn chiến, bất chấp giáo gươm, đã kích động lòng dũng cảm của người Hồi. Xin ngài đừng lăng mạ. Lăng mạ là đáng trách và công kích người tốt là một tội. Nếu chúa Ala không yên vị thánh sao Người lại cho ông cái sức mạnh và lòng kiên trì ấy, lại cứu ông khỏi cực hình trong căn hầm tối ngày nào?

Nói xong, Sackân sai đưa cho ông ta một con la khỏe, đẹp, yên cương sang trọng:

— Hỡi cha, vị tôi thánh trong những vị khổ hạnh, xin ngài hãy cưỡi con la này, đừng đi bộ nữa.

Con mụ già xấu xa ấy vẫn làm bộ, nói:

— Thầy tín đồ nơi chân thành Côngxtangtinia không người chôn cất, ta sao nỡ nhàn nhã?

Mụ không chịu cười la, hòa vào đoàn binh sĩ. Mụ lăng xăng trong đám đông, người đi bộ, kẻ trên yên, như một con cáo tìm mồi.

Vừa chạy quanh, mụ vừa đọc to mấy tiết trong kinh Koran, và cầu nguyện đức Từ bi, cho đến lúc tàn quân của vị nội thần nhốn nháo chạy đến.

Đunmakân, mời vị nội thần kể lại tỉ mỉ về mối tai họa vừa qua. Vị nội thần mặt mày hốc hác, tâm hồn bị vò xé, thuật lại đầu đuôi.

Tất cả là do mụ Quái Ác xếp đặt. Khi các đô đốc Ruyxtan và Baramân chỉ huy người Thổ và người Quyếc đã đi cứu viện Đunmakân và Sackân thì đội quân hạ trại quanh Côngxtăngtinia bỗng nhiên mỏng đi rất nhiều. Vị nội thần không hở tí gì cho binh lính biết, sợ có kẻ phản bội đi báo quân Thiên chúa giáo.

Mụ già chỉ chờ dịp này, một dịp mụ phải tốn công tốn sức lắm mới có được. Mụ gọi một viên chỉ huy đang đứng trên mặt thành bảo giòng giây xuống. Mụ buộc vào đầu giây lá thư chính tay mụ viết gửi vua Afriđôniôt. Thư như sau:

«Thư này do mụ Quái Ác chu đáo và khôn ngoan và ghê tởm, tai họa rất đáng sợ cho cả phương Đông lẫn phương Tây, viết gửi vua Afriđôniôt được chúa chở che.

Và tiếp:

Tâu đức vua, Ngài sắp được an lòng. Tôi vừa cho thực hiện một mưu mô khiến cho không một mống Hồi giáo nào sống sót. Nhờ mưu đó, Đunmakân và Sackân và tên tể tướng Đanđân đã bị xích cổ. Đội quân chúng dùng để cướp tịnh xá của tu sĩ Matruna bị đánh tan. Hai phần ba quân vây thành ở đây đã được điều đi ứng cứu và cũng sẽ bị binh lính của đức Jêxu tiêu

diệt. Giờ đây, nhà vua chỉ còn việc tập hợp binh sĩ lại mở đường ra, xông thẳng vào trại bọn bao vây mà phanh thây tất cả bọn chúng. Có sự giúp đỡ của Chúa Jêxu và của đức Mẹ Đồng Trinh của người, quân ta sẽ dễ dàng chiến thắng. Một ngày nào đó, cầu chúa sẽ thưởng công cho tất cả những điều tốt lành tôi đã làm cho đạo Thiên chúa ».

Vua Afriđôniôt được thư mừng quá. Ông cho mời ngay vua Hácđôbiôt đang cùng đội quân Kaitxaria ở lại Côngxtangtinia, để cho nghe bức thư.

Hácđôbiôt cũng vô cùng thích thú, khoe:

— Nhà vua xem! Thật là mưu thần chước quỉ của bà nhũ mẫu Quái Ac của tôi. Bà quả có ích cho chúng ta hơn tất cả các thứ khí giới của quân đội. Mắt bà mà chĩa vào quân địch thì chúng còn sợ hơn cả nhìn thấy quỉ địa ngục ngày Phán xử.

Vua Afriđôniôt nói:

— Cầu chúa Jêxu cho chúng ta luôn luôn được thấy mặt người đàn bà vô giá ấy. Cầu chúa cho bà ngày càng có thêm nhiều mưu hay chước giỏi.

Ông ra lệnh cho các viên chỉ huy báo cho binh lính ngày giờ tiến công. Quân lính kéo đến. Chúng mài gươm, chúng làm dấu, chúng chửi rủa chúng báng bổ, chúng múa men, chúng la hét. Rồi chúng theo cổng lớn thành Côngxtăngtinia kéo ra.

Thấy bọn Thiên chúa giáo có quy củ, kiếm trần cầm tay, vị nội thần biết là nguy đến nơi. Ông tập hợp quân đội, kêu gọi:

— Hỡi các dũng sĩ Hồi giáo hãy tin ở đạo. Lùi là chết, kiên gan là thắng. Lòng dũng cảm chỉ là sự kiên gan trong chốc lát. Không có gì hẹp mà chúa Ala không khơi rộng được. Ta cầu đức Tối cao nhìn các ngươi bằng con mắt từ bi và ban phúc cho các ngươi.

Quân lính thấy lòng tăng thêm sức mạnh rất nhiều. Họ reo lên « Không có chúa nào khác ngoài chúa Ala ».

Phía bên kia mục sư và tu sĩ cầu nguyện chúa Jêxu và làm dấu thánh. Hai bên đều la hét dữ dội. Hai đạo quân chém giết rợn người máu chảy thành sông, đầu rơi khỏi cổ. Thần tốt phù trợ Tín Đồ. Thần xấu bênh che tà đạo. Người ta thấy rõ ai dũng cảm ai nhát gan Anh hùng nhảy vào vòng chiến, người vung gươm chém giết, kẻ bị hất khỏi yên ngựa, thây chất cao đến lưng ngựa. Nhưng quân Hồi giáo ít quá địch sao nổi bọn xứ Rum đông vô vàn. Cho nên đến lúc trời tối thì quân Hồi giáo bị đẩy lùi, lều bị triệt hạ, toàn trại thuộc quyền bọn Côngxtăngtinia.

Chính lúc rút lui ấy, quân đội Hồi giáo gặp được đạo quân của vua Đunmakân chiến thắng ở tịnh xá kéo đến.

Sackân cho vời vị nội thần đến. Trước mặt các vị chỉ huy, chàng lớn tiếng ca tụng ông đã vững vàng trong chiến đấu, khôn ngoan khi rút lui, bền bỉ lúc bại trận. Rồi tất cả hợp nhất thành một đạo quân đông đảo tiến đến Côngxtăngtinia, cờ trận tung bay trước gió. Họ hăm hở đi trả thù.

Bọn thiên chúa giáo thấy đội quân dữ tợn ấy mang theo những lá cờ hiệu có dòng chữ của lòng tin thì sợ quá mặt vàng như nghệ. Chúng cầu nguyện đức Jêxu và đức Mariam và đức Hana và làm dấu thánh. Chúng xin bọn giáo trưởng, bọn mục sư kêu gọi các thánh che chở cho chúng.

Đội quân Hồi giáo đến dưới thành Côngxtăngtinia dàn thế trận. Sackân bảo Đunmakân.

– Hỡi vị vua của muôn đời, bọn Thiên chúa giáo sẽ đương đầu với chúng ta và đó là điều tôi mong

mỏi. Muốn có trật tự và có sự xắp đặt cần phải có phương pháp.

— Hỡi bậc thầy của những mưu cơ kỳ diệu, Đunmakân nói, anh hẳn có kế gì hay.

— Cách xếp đặt tốt nhất để chiến đấu bây giờ nên như sau:

Tôi chỉ huy ở giữa đúng trước mặt quân thù. Tể tướng Đandân chỉ huy trung quân. Đô đốc Tóccát chỉ huy cánh trung quân bên trái đô đốc Ruyxtan cánh quân bên phải, đô đốc Baramân cánh quân bên trái. Còn nhà vua thì ngồi dưới lá cờ lớn để nhìn được toàn cuộc động binh, vì sau chúa Ala, ngài là trụ cột là niềm hy vọng duy nhất của chúng tôi. Tất cả chúng tôi làm thành một chiến lũy bảo vệ cho ngài.

Đunmakân cảm ơn anh về sự bài bố và về lòng tận tụy này rồi ra lệnh cho thực hiện.

Bỗng có một người từ hàng ngũ quân đội xứ Rum tiến đến. Người ấy cưỡi một con la bước đi thật nhặt mà rất nhanh yên bọc lụa trắng có trải miếng thảm Casơmia. Đó là một ông già đẹp lão râu trắng vẻ mặt đáng kính, trên người khoác một áo len trắng. Ông già đến gần chỗ Đunmakân và nói:

— Tôi được phái đến đây để trao một lời thỉnh cầu. Tôi là người trung gian mà trung gian thì không thiên vị. Cho tôi được phép nói mà không bị bất cứ sự phiền hà nào.

Sackân hứa sẽ bảo đảm an toàn cho ông.

Ông già xuống ngựa tháo chiếc thánh giá đeo ở cổ đưa cho vua mà rằng:

— Tôi được vua Afriđôniôt phái đến đây. Tôi có khuyên nên chấm dứt cuộc chiến tranh tai hại này làm tổn bao nhiêu sinh mạng được tạo nên theo hình ảnh

chúa. Nhà vua nghe lời sai tôi đến cầu xin các ngài cho chấm dứt chiến tranh bằng một cuộc chiến đấu tay đôi giữa vua Afriđôniôt và hoàng tử Sackân chỉ huy những dũng sĩ Hồi giáo.

– Xin ông cứ về bên vua xứ Rum và nói với ông ta rằng tôi Sackân thủ lĩnh người Hồi sẵn sàng nhận lời đấu. Sau cuộc đi dài này, được nghỉ một đêm là đủ. Sáng mai hai người sẽ đọ vũ khí. Nếu tôi thua thì binh lính của tôi chỉ còn một cách để tự cứu là chạy cho nhanh.

Ông già đem lời ấy về nói với vua Afriđôniôt. Vua hả hê lắm. Tối hôm ấy, ông ta ăn uống, làm lễ, cầu kinh. Sáng sớm ông đến giữa đấu trường, trên lưng một con ngựa chiều cao lớn, mình mặc áo giáp do những khâu bằng vàng kết lại, giữa là một chiếc gương viền toàn ngọc. Ông sử dụng một thanh gươm quắm, vai đeo một cây cung, kiểu phương Tây phiền phức. Đến gần hàng ngũ Hồi giáo, ông hất vành mũ lên, cất tiếng:

– Ta đây! Kẻ nào biết ta là ai, ắt biết có chuyện gì. Còn kẻ nào không biết ta là ai thì rồi sẽ biết. Hỡi mọi người! Ta là vua Afriđôniôt đầu trùm ân huệ của Chúa.

Ông ta chưa nói hết đã thấy trước mặt hoàng tử Sackân. Chàng cưỡi con ngựa hồng giá hàng nghìn đồng vàng, yên bọc gấm đính ngọc và đá quí. Chàng cầm một thanh đoản kiếm Ấn Độ khảm vàng, lưỡi sắc chém thép như chém bùn và chém bạt mọi chướng ngại. Chàng thúc ngựa sát lại ngựa Afriđôniôt và mắng:

– Tên đáng nguyền rủa kia! Liệu hồn đấy! Ngươi coi ta là một chú thanh niên da dẻ như con gái, chỉ ưa nơi giường chiếu con đĩ, không ưng nơi chiến trường. Hãy trông đây.

Sackân xoáy lưỡi gươm, giáng vào địch thủ. Afriđôniốt lùi ngựa tránh được. Thế là hai người nhảy bổ vào nhau như hai quả núi đụng nhau, như hai biển cả giao nhau. Rồi lùi, rồi tiến, khi xa, khi gần, đánh đỡ liên hồi. Hai đạo quân khi thì reo chiến thắng về Sackân, khi thì về vua xứ Rum. Hai bên đấu nhau cho đến tối, không phân thắng bại.

Lúc mặt trời sắp lặn, Afriđôniốt bỗng kêu lên:

– Lạy chúa tôi! Nhìn lại xem, hỡi kẻ quán quân vì thua trận, anh hùng về bỏ chạy. Người ta đem đến cho ngươi một con ngựa mới để ngươi thắng ta, mà ta chỉ dùng có một ngựa. Đó là mánh khóe của kẻ nô lệ không phải thói quen của những dũng sĩ anh hùng. Sackân, ngươi còn dưới bọn nô lệ nữa!

Sackân điên tiết quay lại xem con ngựa mà tên Thiên chúa giáo nói là con ngựa nào, nhưng có thấy gì đâu. Đó là một mưu mô của cái tên đáng nguyền rủa. Hắn lợi dụng Sackân quay lưng, phóng một mũi lao. Sackân thét lên một tiếng ghê rợn, một tiếng thôi, và gục đầu vào nuốm yên ngựa. Afriđôniốt coi như chàng đã chết, thét lên tiếng kêu thắng trận tiếng kêu phản trắc. rồi phóng ngựa về bên kia.

Đội quân Hồi thấy Sackân sấp mặt xuống yên, ùa đến cứu.

Những người đầu tiên là Tể tướng Đandân và hai vị đô đốc Ruyxtam và Baramâm. Họ xốc Sackân đưa vào lều vua Đunmakân. Vua như điên như dại vì đau xót và khát trả thù. Các vị lương y được mời đến. Mọi người có mặt khóc nức nở, thức suốt đêm quanh giường người anh hùng thiêm thiếp.

Sáng hôm sau, vị thánh khổ hạnh đến ngồi ở đầu giường người bị thương, đọc mấy tiết kinh Koran và

tâm lẻ quá phúc. Sackàn thở dài mở mắt. Lời nói đầu tiên là lời cảm tạ đức Từ bi đã cho chàng còn sống. Chàng nói với Đunmakân:

– Tên đáng nguyền rủa ấy đã phản trắc nên anh mới bị thương. May nhờ Chúa, anh không chết. Vị thánh khổ hạnh giờ ở đâu?

– Ngài đang ngồi ở đầu giường anh, Đunmakân đáp.

Sackân cầm tay vị tu hành đưa lên môi, còn ngài thì cầu nguyện cho chàng chóng khỏi.

– Con hãy kiên nhẫn chịu đựng nỗi oan, đức Ban ơn sẽ khen thưởng.

Đunmakân ra ngoài một lát lại vào. Chàng ôm hôn anh, hôn tay vị tu hành, rồi nói:

– Cầu chúa phù hộ cho anh. Bây giờ em phải chạy đi giết tên phản trắc, con của con chó, tên Afriđôniôt vua xứ Rum ấy, để trả thù cho anh. Sackân ngăn lại không được. Tể tướng Đanđân và hai vị đô đốc và vị nội thần xin đi giết tên khốn kiếp, nhưng Đunmakân đã lên ngựa mà rằng: « Tôi xin lấy cái giếng của Zamzam mà thề chỉ mình tôi đi trị tội con chó ấy thôi ».

Chàng thúc ngựa ra giữa đấu trường. Người ta tưởng chừng như thấy Anta [1] trên ngựa đen, nhanh hơn gió, hơn chớp, xông pha giữa trận hỗn chiến. Afriđôniôt cũng phóng ngựa vào. Hai nhà vô địch gặp nhau. Cuộc đấu bây giờ chỉ có thể kết thúc bằng cái chết. Hai bên rình đánh đối thủ những đòn trí tử. Và cái chết là về phía tên phản trắc xấu xa. Đunmakân vì nóng trả thù, sức mạnh tăng bội phần. Sau mấy hiệp, Đunmakân đã đâm một nhát xuyên qua vành mũ đứt cổ

Anta: anh hùng và thi nhân Arập của thế kỷ thứ VI nhân vật chính của một bản anh hùng ca: Truyện Anta.

bay đầu đối phương. Quân Hồi tràn sang như sấm sét giết quân Thiên chúa giáo như chém rạ, năm mươi ngàn tên cho đến khi bóng tối vừa buông xuống. Số còn lại trốn vào được trong thành đóng chặt cổng lại. Thế là chúa Ala đã đem chiến thắng đến cho dũng sĩ của lòng tin. Quân Hồi thu nặng chiến lợi phẩm của quân sĩ xứ Rum các vị chỉ huy ca tụng Đunmakân. Đunmakân cảm tạ đấng Tối cao, rồi sáng lên anh báo tin tốt đẹp. Sackân thấy nở nang lòng dạ như đang khỏi vết thương chàng nói với Đunmakân :

– Em nên biết rằng nhờ có vị tu hành đây cầu Giời giáng phúc cho dũng sĩ Tín đồ trong suốt thời gian chiến trận nên mới có được chiến thắng này.

Mụ già nghe tin vua Afriđôniôt bị giết, quân đội bị đánh tan, thì biến sắc mặt, từ vàng thành xanh, nước mắt nghẹn mi. Nhưng rồi mụ cũng trấn tĩnh được, nói thác rằng khóc vì mừng quân Hồi thắng trận. Trong thâm tâm, mụ âm mưu đốt cháy lòng dạ Đunmakân. Hôm ấy mụ bôi thuốc mỡ, dán thuốc cao vào vết thương của Sackân như thường lệ, băng lại cẩn thận, và bảo mọi người ra ngoài để Sackân ngủ cho yên giấc. Mọi người ra hết. Trong lều chỉ còn Sackân với vị tu hành xúi quẩy.

Con mụ ghê gớm này đã rình Sackân như con sói cái hung dữ hay như con rắn độc. Chàng vừa chìm trong giấc ngủ thì mụ trườn gớm guốc đến gần đầu giường, lấy trong người ra một con dao găm tẩm thuốc độc mạnh đến nỗi giọt lên đá hoa cương có thể chảy tan đá. Mụ cầm con dao trong bàn tay tai họa rồi bổng phập xuống cổ Sackân, đầu lìa khỏi xác. Và thế là người Hồi giáo vô địch, người anh hùng Sackân không ai sánh kịp, con vua Ôma An-Nêmân đã chết vì Định Mệnh, vì âm mưu quỉ sứ trong óc con mụ già đáng nguyền rủa.

Báo thù rồi, mụ đặt lá thư này do mụ viết, cạnh cái đầu bị chặt.

« Thư này do bà Saohi cao cả, người đàn bà có nhiều chiến công nên được gọi là mụ Quái Ac, viết gửi bọn Hồi giáo, có mặt trên đất nước những người Thiên chúa giáo.

Thư này các ngươi nên biết rằng trước kia chỉ có mình ta hưởng được niềm vui khi ta trừ khử tên vua Ôma An-Nêmân của các ngươi ngay trong cung hắn. Gần đây chính ta làm cho các ngươi đại bại và bị tiêu diệt trong thung lũng tịnh xá, Hôm nay chính ta khéo phối hợp vài mưu nhỏ mà đã chặt rụng đầu Sackân yêu quí của các ngươi. Ta hy vọng với sự giúp đỡ của Giời ta sẽ chặt nốt đầu tên vua Đunmakân cùng tên tể tướng Đanđân của hắn.

Còn các người khác hãy ngẫm nghĩ xem ở lại nước chúng ta hay về nước các người, đường nào có lợi. Dù sao cũng nên nhớ rằng chẳng bao giờ các người đạt được mục đích đâu. Nhờ đức Jêxu vị chúa của chúng ta, và do chính tay ta, do chính những quỷ kế của ta, các người sẽ phải chết đến tên cuối cùng dưới chân thành Côngxtăngtinia ».

Đặt lá thư rồi, con mụ lén khỏi lều vào thành Côngxtăngtinia báo tin cho bọn Thiên chúa giáo. Xong mụ đến nhà thờ khóc và cầu nguyện cho vua Afriđôniôt và cảm ơn quỷ về cái chết của hoàng tử Sackân.

Khi việc xảy ra, Tể tướng Danđân thấy bồn chồn lo lắng, khó ngủ, ngực tức như có cả thế giới đè lên. Ông chạy ra khỏi lều hít thở không khí. Đang lững thững thì thấy xa xa vị tu hành khổ hạnh rảo bước ra khỏi trại. Ông nghĩ: « Hoàng tử Sackân bây giờ chắc nằm một mình. Ta phải vào trông nom, và nếu Ngài dậy

thì nói chuyện cho khuây ». Ông vào trong lều, thấy ngay một vũng máu dưới đất, trên giường là thân và đầu hoàng tử.

Ông thét lên một tiếng kinh hoàng khiến mọi người đang ngủ chồm dạy và tất cả trại, toàn quân đội nhốn nháo cả lên. Vua Đunmakân chạy ngay đến thấy tể tướng Đanđân khóc lóc bên xác Sackân. Đunmakân kêu « Ya Ala, ôi khủng khiếp! » rồi ngã lăn ra, bất tỉnh. Tể tướng và các vị đô đốc tíu tít quanh chàng, lấy vạt áo dài quạt một lúc Đunmakân mới tỉnh. Chàng rên rỉ:

– Ôi, anh Sackân, người anh hùng vĩ đại nhất! Con quỉ nào đã đưa anh đến tình trạng khôn chữa này?

Chàng òa lên khóc nức nở. Tể tướng Đanđân các vị đô đốc Ruyxtan và Baramân, nhất là vị nội thần đều than khóc,

Bỗng Đanđân thấy lá thư, cầm lên đọc cho vua Đunmakân nghe trước mọi người. Ông nói:

– Nhà vua bây giờ chắc hiểu tại sao tôi ghê tởm tên tu hành đáng nguyền rủa ấy.

Vua Đunmakân vừa khóc vừa kêu:

– Lạy chúa! Ta sẽ tóm cổ con mụ già, lấy chì nấu lỏng đổ vào âm bộ, đóng cọc nhọn vào lỗ đít túm tóc lôi đi đóng đinh vào cổng chính thành Côngxtăngtinia.

Vua làm ma Sackân rất trọng thể, theo linh cữu mà khóc hết nước mắt, và án táng anh ở chân một trái đồi vòm nắp mộ xây bằng đá hoa trắng chạm vàng.

Đunmakân khóc mấy ngày liền, người gầy như cái bóng của chính mình. Tể tướng Đanđân, nén nỗi đau. đến an ủi vua.

– Xin nhà vua cố nén đau thương và hãy lau nước mắt. Anh ngài giờ ở trong tay đức Âm Thưởng công bằng. Mọi việc đều được định sẵn, đến giờ, đến hạn

thì phải xảy ra, đau đớn quá nào có ích gì. Xin Ngài hãy đứng lên, cầm lấy vũ khí. Ta nên nghĩ cách bao vây kinh đô bọn tà đạo này cho chặt hơn. Đó là cách trả thù tốt nhất

Trong khi ấy, có phu trạm từ Bátđa đem một phong thư của Nôzatu gửi Đunmakân.

«Chị báo em tin này: Vợ em, người nữ nô trẻ có chửa với em ngày nào, mới sinh — và vẫn khỏe — một cháu trai sáng như trăng tháng Ramađân(1). Chị nghĩ nên đặt tên cháu là Kanmakân(2). Các nhà bác học và các nhà chiêm tinh đoán là ngày sau cháu sẽ làm nên những chuyện đáng ghi nhớ đời đời, vì lúc sinh cháu có nhiều chuyện kỳ lạ.

Nhân dịp, chị đã cho tất cả các nhà thờ tụng kinh chúc phúc cho em, cho cháu và cầu cho em thắng kẻ thù.

Chị cũng báo em hay là ở đây, mọi người đều khỏe mạnh, nhất là ông bạn của em, bác đốt lò ấy mà, bác ta rất yên bình khoan khoái, và cũng như mọi người thiết tha mong tin em.

Năm nay, mưa nhiều, mùa màng có cơ tốt.

Mong em và những người quanh em được hưởng hòa bình và yên ổn».

Đọc lá thư, Đunmakân mừng thầm, Chàng nói với Đanđân:

— Hỡi vị Tể tướng! Bây giờ chúa Ala đã thưởng cho ta đứa con giai Kanmakân, thì nỗi khổ của ta cũng nhẹ đi phần nào và tim ta bắt đầu sống lại. Ta nghĩ.

---

(1) *Ramađân:* tháng chín âm lịch của người Hồi giáo. Tháng này dành cho việc trai giới. Cuối tháng có tổ chức hội hè.

(2) Có nghĩa là: giống như người trước; giống cha như đúc.

theo tục lệ, nên tổ chức lễ đoạn tang cho anh ta thật trọng thể.

Tể tướng tán thành. Lập tức ông cho dựng những lều lớn quanh mộ Sackân lấy chỗ cho những người đọc kinh Koran và cho các vị giáo sư đạo Hồi. Người ta giết rất nhiều cừu và lạc đà, thịt đem chia cho binh sĩ, suốt đêm cầu nguyện và đọc kinh. Sáng hôm sau, Đunmakân đến mộ anh. Mộ đã được phủ vải quí của Ba Tư và của Casomia. Trước toàn quân, chàng khóc và ứng khẩu mấy câu điếu anh:

Ôi Sackân hỡi! Trên má em, nước mắt chảy thành dòng, những dòng lệ có ý nghĩa hơn những dòng thơ nhịp nhàng, những dòng lệ bi ai gợi đọc thấy những điều đau xót của em, anh hỡi!

Sackân anh hỡi! em cùng toàn quân theo linh cữu của anh mà khóc. Họ kêu thương vang động đất trời!

Nơi mộ anh, huyệt đào trong đất chưa sâu bằng huyệt đào trong trái tim binh sĩ của anh, anh hỡi!

Sackân anh hỡi! làm sao tưởng tượng có được hạnh phúc cùng anh trong tấm khăn niệm trên vai những người khiêng linh cữu anh?.

Đâu rồi, ngôi sao Sackân, dù trong cát bụi, vẫn mờ đi tất cả ánh sao trên trời!

Vực sâu vô tận dưới nấm mồ, nơi anh an nghỉ, như ngọc sáng lên do ánh sáng của chính anh đem vào lòng đất, bà mẹ cuối cùng của chúng ta, anh hỡi!

Và tấm khăn liệm, nếp khăn tiếp xúc với anh, thấm sức sáng mở ra như đôi cánh mà che lấy anh».

Đọc xong, Đunmakân lại nức nở. Cả quân đội đều não nùng. Tể tướng Đanđân lăn lộn trên nấm mồ, nghẹn ngào và cũng cất giọng bi ai:

« Hỡi vị hiền nhân! Ngài vừa đổi những điều mong manh lấy những điều vĩnh viễn. Thế là Ngài đã biết noi gương tiền nhân trong cái chết.

Ngài đã bay lên cao nơi có những đóa bạch hồng dệt nên thảm thơm dưới chân tiên nữ. Cảm giác tân kỳ, mong Ngài hãy hưởng.

Cầu chúa trên ngai sáng, dành chỗ tốt nhất nơi thiên đường và niềm vui cho những ai chính trực trên trái đất ».

Lễ đoạn tang Sackân đã tiến hành xong, nhưng Đunmakân vẫn buồn vì thiếu anh, nhất là cuộc bao vây Côngxtăngtinia có cơ kéo dài.

Một hôm chàng ngỏ tâm sự với Đanđân:

— Hỡi vị Tể tướng của ta! Làm thế nào cho nỗi buồn phiền đừng quấy rầy ta, và cất cho ta mối sầu đè nặng tâm hồn?

— Tôi có cách là kể chuyện thời xưa, chuyện những vì vua danh tiếng có ghi trong sử sách. Việc này đối với tôi không khó vì dưới triều tiên quân Ôma An-Nêmân, tôi quan tâm nhất đến việc mua vui cho tiên quân bằng cách kể chuyện hay, hoặc đọc thơ của thi nhân Ảrập hoặc thơ tôi làm ra. Vậy thì đêm nay, khi toàn trại đã ngủ, tôi sẽ kể một chuyện mà chắc Ngài sẽ thích và như thế, sẽ thấy thời gian đóng quân sẽ rút ngắn đi nhiều. Tôi có thể nói trước tên truyện: « Truyện đôi tình nhân Azit và Aziza ».

Nghe nói thế, Đunmakân thấy sốt ruột chỉ mong chóng tối để nghe câu chuyện mà mới nghe tên đã thấy thích thú.

Vừa tối đến, Đunmakân đã cho thắp tất cả các đèn đuốc trong lều, đèn ở hành lang căng vải cho dọn mấy mâm đầy thức ăn thức uống cho đốt các bình

có long diên hương cùng các thứ hương khác. Rồi chàng cho mời các vị đô đốc Baramân, Ruyxtan, Tóckát, viên nội thần chồng Nôzatu. Khi mọi người đã đông đủ, chàng cho mời Đanđân:

– Hỡi vị tể tướng của tôi, chàng nói, đêm đã buông trên đầu chúng ta chiếc áo dài rộng thùng thình và mớ tóc đen. Chúng tôi chờ thưởng thức câu chuyện Ngài đã hứa kể.

– Câu chuyện tôi sắp kể, tể tướng nói, Azit và Aziza và tất cả những gì xảy đến cho họ là một chuyện có thể làm tan biến mọi nỗi phiền muộn, an ủi mọi nỗi tang tóc dù lớn đến mấy. Chuyện thế này:

TRUYỆN AZIT VÀ AZIZA VÀ HOÀNG TỬ ĐIADEM XINH ĐẸP

Ngày xưa, có một thành phố Ba Tư sau dãy núi Ixpahân gọi là Lục thành; vua là Xôlâymân Sát. Ngài là một vì vua công minh, độ lượng, khôn ngoan, lịch thiệp. Tiếng đồn xa, khách khắp nơi kéo đến, thương nhân tín nhiệm.

Vua đã trị vì lâu năm, triều đại thịnh vượng. Nhân dân yêu quí Ngài. Nhưng sống độc thân, Ngài thiếu hạnh phúc gia đình.

Vua có một vị tể tướng cũng độ lượng và tốt như ngài. Một hôm, cảm thấy trống trải khó chịu hơn ngày thường, vua cho mời Tể tướng đến mà rằng:

— Ta thấy ngực lép lại, lòng kiên nhẫn cạn đi, sức lực quá sút, chẳng bao lâu sẽ chỉ còn da bọc xương. Bây giờ, ta thấy rõ sống độc thân không hợp với tự nhiên, nhất là với những vị vua có một ngai vàng phải truyền cho con cháu. Vả chăng, đức Sứ giả của chúng ta (cầu cho Người bình an) có nói :

« Phải lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái, để đến ngày Phục sinh, trước các chủng tộc, ta có thể hãnh diện vì có đông đảo các người ». Vậy Tể tướng nghĩ thế nào, hãy khuyên ta một lời.

— Tâu đức vua, đó là một vấn đề khó nói. Thần sẽ gắng làm cho vua thỏa nguyện mà vẫn giữ được lề thói. Đưa một nữ nô không quen biết lên làm Hoàng hậu là điều thần không ưa. Vì làm sao biết được nguồn gốc, dòng dõi, cái thuần khiết của dòng máu, những điều cần biết về chủng tộc của nữ nô ấy. Và như thế làm sao nhà vua có thể giữ cho trong sạch dòng máu của các đấng tiên vương? Đứa bé sinh ra từ một sự hôn phối như thế sẽ là một đứa suy thoái, nhiều nết hư, dối trá, bạo tàn, bị chúa Ala, người sáng tạo ra nó, nguyền rủa vì những tội lỗi sau này. Một cái gốc như thế giống như một cái cây mọc trong đầm lầy, nước chát mặn, tù hãm, sẽ thối mục không lớn được. Đừng mong vị tể tướng mua cho vua một nữ nô dù là một nữ nô đẹp nhất trần gian. Thần không muốn là nguyên nhân của những tai họa ấy, và chịu những gánh nặng tội lỗi mà thần là kẻ đầu têu. Nhưng nếu nhà vua muốn, thần sẽ chọn làm hoàng hậu một công chúa, gia thế ai cũng biết, mà nhan sắc thì phụ nữ nào cũng phải nhận là tuyệt trần.

— Nếu người tìm được một phụ nữ như thế, thì ta sẵn sàng cưới làm vợ chính thức để được đức Tối cao ban phúc cho dòng họ ta.

– Nếu vậy thì nhờ chúa Ala, việc của nhà vua có thể ổn thỏa được.

– Thế nào?

– Hiền thê của thần kể rằng vua Za Sát ở Bạch Thành có một người con gái đẹp vô song, không lời nào tả xiết. Tả để Bệ hạ có thể hình dung được thì lưỡi phải mọc lông.

Vua reo lên: Ya Ala!

Tể tướng tiếp:

– Làm sao có thể nói hết về cặp mắt mi nâu, về làn tóc mây, về vóc người mảnh khảnh như vô hình nhưng đôi mông đồ sộ. Không ai đến gần, mà không dừng chân ngắm nghía. Không ai nhìn mà không chết mệt chết mê. Nhà thơ đã nói về chính nàng:

« *Hỡi người trinh nữ bụng thon! Vóc nàng mảnh khảnh, cành mềm của cây liễu non tơ, bạch dương mảnh dẻ trên vườn cực lạc cũng không sánh nổi.*

Nước miếng của nàng thơm ngọt hơn mật trên rừng, hỡi nàng tiên nữ!

Nàng hãy nhấp vào cốc cho nước miếng làm rượu bọt nồng rồi trao cốc cho ta! Nhưng trước hết xin hãy hé môi cho ta thỏa thuê ngắm hàng răng ngọc »:

Thần nghĩ nên chọn một người tín cẩn, từng trải, lịch thiệp, tao nhã, ăn nói biết đắn đo cho đến Bạch Thành càng sớm càng hay, thuyết sao cho vua Za Sát thuận gả nàng cho Bệ hạ. Bệ hạ sẽ cưới vợ theo lời khuyên của đức Sứ giả (cầu chúc cho Người bình an): « Đàn ông ai tự cho là trinh bạch thì phải đuổi ra khỏi đạo Hồi! Đó là kẻ làm bại hoại phong tục. Mục sư của đạo Hồi không được độc thân! ». Công chúa ấy, viên ngọc đẹp nhất trần gian, là người duy nhất xứng với Bệ hạ.

Nghe thế, vua Xôlâyman Sát thấy nở nang lòng dạ, thở khoan khoái và nói:

— Còn chọn ai hơn Ngài để đảm đương việc khó khăn này? Chỉ có ngài khôn ngoan, tao nhã, lịch thiệp mới đi thu xếp nổi. Ngài hãy hoàn tất mấy việc đang làm, từ biệt gia đình mà đến Bạch Thành giúp ta.

Tề tướng tuân lệnh, vội làm nốt mấy việc phải làm, từ biệt người thân, chuẩn bị lên đường, ông đem đi những tặng phẩm quí khả dĩ làm đẹp lòng những bậc vương giả như: ngọc ngà, đồ vàng bạc, thảm lụa, vải quí, hương liệu, nước hoa hồng tinh khiết, mọi vật nhẹ cân mà đắt giá. Ông chọn mười con ngựa giống tốt thuần Ả rập. Ông cũng đem đi một số khí giới lưỡi vàng, cán ngọc, những bộ áo giáp nhẹ bằng thép, áo giáp bằng những khâu mạ vàng kết lại. Lại còn những hòm đầy vật lạ của ngon nào hoa hồng đóng hộp, mõ ép thành tờ mứt khô thơm, tương hạnh nhân ướp cánh kiến nhiệt đới và trăm nghìn thứ bánh kẹo rất ngon mà các cô gái rất thích. Ông cho những hòm ấy lên lưng la và lạc đà; đem theo một trăm kỵ binh trẻ một trăm thanh niên da đen, một trăm thiếu nữ để khi công chúa về nhà chồng thì cùng đi theo.

Đoàn người mở cờ chuẩn bị xuất phát. Vua Xôlâymân Sát còn dặn dò tể tướng:

— Thế nào cũng phải đem được công chúa về. Ta bắt đầu thấy yêu nàng sôi nổi. Nàng chưa đến ta khó mà nghỉ ngơi, ăn ngủ. Ngươi khá đi nhanh, ta chờ.

Tể tướng xin tuân lệnh. Đoàn người đi suốt ngày, suốt đêm, qua đèo qua núi, qua sông qua suối, qua những cánh đồng hoang vắng, qua những cánh đồng phì nhiêu cho đến cách Bạch Thành chỉ một ngày đường Tể tướng mới dừng lại, cho đoàn nghỉ trên bờ một con sông và cho người đến báo tin trước cho vua Za Sát.

Khi người liên lạc đến cổng thành sắp vào thì vua Za Sát, đang hóng mát trong một khu vườn gần đấy, trông thấy. Vua đoán là người phương xa, cho gọi lại hỏi. Anh ta đáp:

— Tôi là phái viên của Tể tướng... đóng trên con sông... do vua Xôlâymân Sát, chủ nhân của Lục Thành và của những dãy núi Ixpahân phái đến đây.

Vua Za Sát mừng lắm cho mang các thứ nước giải khát đến mời người liên lạc, và lệnh cho các vị đô đốc đón tiếp vị sứ lớn của vua Xôlâymân mà tận hang cùng ngõ hẻm, cả trên đất của Bạch Thành; đâu đâu người ta cũng công nhận quyền lãnh chúa. Người liên lạc cúi chào kính cẩn:

— Mai, vị Tể tướng của chúng tôi xin được tiếp kiến. Bây giờ thì cầu chúa Ala tiếp tục ban cho Ngài những ân huệ tối thượng, và cầu cho các vị tiên vương của Ngài được hưởng sự độ lượng và tình thương của Chúa.

Lại nói về viên tể tướng. Ông nghỉ trên bờ sông cho đến nửa đêm, rồi tiếp tục đi, trời vừa rạng sáng thì đến cổng Bạch Thành.

Tể tướng của vua Za Sát dẫn các vị nội thần, đại thần, đô đốc cùng quan chức cao cấp ra đón. Ông vừa tắm gội xong, trao cho một tên nô lệ cái bình tắm rồi vội lên ngựa. Hai bên chào hỏi nhau xong, đoàn người vào Bạch Thành.

Đến trước cung vua, vị tể tướng của vua Xôlâymân xuống ngựa và được vị Thị vệ nội thần dẫn lên điện cần chính. Ở đây có một cái ngai cao bằng đá hoa trắng đục khảm ngọc và đá quí. Bốn chân ngai, mỗi chân là một chiếc ngà voi để nguyên. Trên ngai có một chiếc gối to bọc xa-tanh xanh có vân sóng nước thêu chỉ bằng vàng, nhấp nhánh, dây tua và hạt viền

quanh cũng trần vàng. Phía trên ngai là một cái tàn khảm vàng, đá quí, ngà, sáng chói.

Vua Za Sát ngồi trên ngai, chung quanh là những nhân vật trọng yếu của quốc gia, và đội vệ binh đứng nghiêm chờ lệnh.

Trước cảnh ấy, vị Tể tướng của vua Xôlâymân cảm thấy lòng vụt sáng lên; sự hùng biện như giục ông uốn lưỡi nói những lời ngon ngọt. Ông ứng khẩu mấy vần thơ.

«*Thấy Ngài, lòng tôi muốn bay đến bên Ngài, tôi bâng khuâng như mất ngủ.*

Không vì vui tai bằng giọng của người biết ca ngợi vua Za Sát, vua của những tấm lòng chỉ cần được chiêm ngưỡng long nhan Ngài một lần trong đời cũng đủ giầu vĩnh viễn.

Hỡi tất cả các vị đứng quanh đức vua tuyệt diệu này, ai nói mình biết một vị vua đức hạnh hơn vua Za Sát, thì người đó chỉ là kẻ dối trá, không phải là một tín đồ chân chính của Chúa».

Đọc xong, Tể tướng đứng im, không nói thêm gì. Vua mời lại ngồi cạnh Ngài. Ngài cười hiền lành, chuyện trò hồi lâu, tỏ tình thân ái và lòng độ lượng của Ngài. Đoạn vua cho mở tiệc chiêu đãi. Sau khi mọi người đã ăn uống no say, vua ngỏ ý được ngồi lại một mình với Tể tướng và vài vị nội thần. Mọi người hiểu ý, đi ra.

Tể tướng của vua Xôlâymân đứng dạy, ca tụng vua một lần nữa, rồi nghiêng mình nói:

— Thưa đức vua vĩ đại, huy hoàng, tôi đến đây vì hạnh phúc và thịnh vượng chung. Mục đích chuyến đi này là để hỏi nàng công chúa yêu kiều và duyên dáng, cao quí và khiêm nhường cho vua chúng tôi là Xôlây-

mân Sát vinh quang của Lục Thành và Ixpahân. Những tặng phẩm và những thứ quí giá tôi đem đến là để chứng tỏ lòng thiết tha của vua chúng tôi. Không biết tôn ý thế nào?

Vua Za Sát đứng dậy, cúi gập mình xuống. Các vị đại thần, đô đốc ngạc nhiên thấy vua quá kính trọng một vị tề tướng bình thường. Vua vẫn đứng mà nói:

— Hỡi vị Tề tướng tinh tế và khôn ngoan, hùng biện và lớn lao, tôi xin nói. Tôi tự coi mình như một kẻ chư hầu tầm thường của vua Xôlâymân Sát. Được dự vào dòng họ và gia đình của Người, tôi thấy đấy là một vinh dự lớn. Từ nay con gái tôi chỉ là một nữ nô trong số những nữ nô của Người. Ngay bây giờ nó đã là của Người rồi. Tôi giả lời như thế đó với vua Xôlâymân Sát, hoàng đế của tất cả chúng ta, chủ nhân của Lục Thành và Ixpahân.

Ông cho gọi các vị pháp quan và mấy chứng nhân đến, viết tờ giao ước hôn thú giữa con gái vua Za Sát với vua Xôlâymân Sát. Vua hân hoan đưa tờ giao ước lên môi hôn. Các vị pháp quan và những người làm chứng chúc mừng. Ngài ban cho họ nhiều tặng phẩm, cho mở hội lớn mừng vị tề tướng, cho bầy nhiều trò vui cho dân chúng xem, ban phát đồ ăn thức uống và tặng vật cho các người nghèo lẫn người giàu. Vua chuẩn bị cho con về nhà chồng. Ngài chọn mấy nữ nô Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, mấy nữ nô da trắng, da đen. Ngài cho làm một cái võng lớn nạm vàng khảm ngọc, đặt trên lưng mười con la xếp thành hàng ngũ. Và cả đoàn lên đường, Cái võng trên lưng mười con vật trong ánh ban mai, trông như một lâu đài tôn nghiêm và cô gái phủ mạng ngồi trên như một tiên nữ trong số những tiên nữ đẹp nhất thiên đường.

Vua Za Sát đi tiễn ba dặm đường mới từ biệt con gái, từ biệt tể tướng và cả đoàn tùy tùng trở về lòng chan chứa niềm vui và lòng tin vào mai hậu.

Đoàn người đi đường bình an. Còn cách Lục Thành ba ngày đường, vị Tể tướng đã cho người về báo tin Vua Xòlâymân Sát được biết vợ sắp tới mừng quá thưởng cho người đưa tin một chiếc áo thật đẹp. Ông cho báo quân đội, cho rao mời tất cả kinh thành đi đón, không một ai ở nhà dù là phụ nữ, thiếu nữ hay bà già lưng gặp làm đôi vì tuổi tác hay suy nhược. Mọi người tấp nập vây quanh võng công chúa. Cuộc nhập thành được định rất trọng thể vào buổi tối.

Tối đến, nhà chức trách trong thành bỏ tiền ra cho thắp sáng tất cả các phố xá và dọc con đường dẫn tới cung vua. Nhân dân xếp hàng. binh lính làm hàng rào danh dự hai bên đường. Pháo sáng nổ dòn dòn trên bầu trời trong. Trống rung, kèn thổi, cờ bay, hương tỏa trên đường phố cũng như ở các nơi công cộng. Kỵ binh đấu thương, đấu lao. Và giữa đám đông náo nức, cô dâu trong bộ áo cưới lộng lẫy của vua cha ban cho, tiến về hoàng cung, đi trước là đoàn kỵ mã và nô lệ da đen theo sau là nữ nô và nàng hầu. Đến nơi, mấy nô lệ trẻ đỡ võng trên lưng la xuống. Binh lính cùng nhân dân reo vui ầm ĩ. Võng cô dâu được khênh qua nơi cửa cấm. Mấy thiếu nữ và nàng hầu thay bọn nô lệ trẻ đưa cô dâu vào phòng riêng. Gian phòng bỗng sáng lên vì ánh mắt của nàng và nhan sắc nàng làm mờ đi ánh sáng trong phòng.

Giữa đám phụ nữ và cô hầu, nàng như mặt trăng giữa một chòm sao hay như viên ngọc nơi chuỗi hạt. Mấy cô hầu đặt nàng vào một chiếc giường lớn bằng ngà nạm ngọc và đá quí, rồi ra xếp hàng hai từ cửa phòng đến đầu hành lang.

Vua Xôlâymân Sát lúc bấy giờ mới đi giữa hàng rào danh dự do những ngôi sao sống ấy làm thành, mà vào phòng, đến chỗ giường ngà mà cô dâu son phấn và thơm tho nằm chờ. Chúa Ala lúc ấy kích thích trong lòng nhà vua một mối tình nồng cháy đối với nàng trinh nữ. Vua chiếm lấy người trinh nữ, và giữa đôi tay nàng, quên đi hết nỗi buồn phiền vì sốt ruột chờ mong.

Suốt một tháng, vua ở trong phòng người vợ trẻ, không rời nửa phút, vì hai người thể chất rất hợp nhau. Ngay sau đêm đầu, nàng có mang.

Sau đó, vua ra thiết triều, xem xét việc quốc gia, dân sự, tối đến lại vào hậu cung, cho đến tháng thứ chín. Cuối tháng ấy, hoàng hậu đau trở dạ, lên ngồi trên chiếc ghế đẻ, đến bình minh thì chúa cho sinh một cậu con giai mang liền dấu ấn của sự may mắn và giầu sang.

Nhà vua được tin mừng lắm, thưởng rất hậu cho người đem tin, rồi vội đến phòng hoàng hậu, bế con hôn lên chỗ giao mi. Vừa ngạc nhiên vì cậu bé đẹp quá :

«*Chú mọc ra như một vì tinh tú mới. Và mới sinh đã được Chúa Ala cho tột đỉnh vinh quang.*

Hỡi người vú nuôi có đôi vú đẹp đẽ và thơm tho đừng cõng chú trên lưng, uốn chú theo đường cong của người vú. Vì chỗ chú đang cưỡi nhất là lưng của mãnh sư và của những con ngựa bất kham.

Hỡi người vú nuôi! sữa vú hiền quá, trắng quá! cho chú cai sữa nhanh đi! Máu của quân thù mới là thức uống ngon nhất đối với chú!».

Nàng hầu vú nuôi chăm sóc chú bé, bà đỡ cắt rốn cho, lấy phấn đen kẻ mắt cho dài thêm. Vì chú bé là con một ông vua dòng dõi nhà vua, và con một hoàng

hậu vốn là con gái một hoàng hậu; và lại đẹp quá, sáng sủa quá, nên gọi chàng là Điađem.

Điađem được nuôi nấng giữa tình thương trong lòng những người đẹp nhất. Ngày qua, năm qua. Chú lên bảy tuổi.

Vua cha, Xôlâymân Sát, cho mời những ông thầy thông thái nhất đến dạy học viết, học văn chương, học đạo xử thế, ngữ pháp và uật học. Học như thế cho đến năm mười bốn tuổi. Vì đã học đủ những điều vua cha muốn cho học, chàng được ban một chiếc áo danh dự. Rồi nhà vua cho chàng học cưỡi ngựa, múa thương, đâm lao, săn hoẵng. Chẳng bao lâu, hoàng tử trở thành một kỵ sĩ tài ba và chàng đẹp đến nỗi, khi đi bộ hoặc cưỡi ngựa ra ngoài thành, ai trông thấy chàng cũng tự lấy làm xấu hổ.

Đến tuổi mười lăm, sức quyến rũ của chàng đã khiến các nhà thơ tặng chàng những bài thơ tình tứ nhất. Những bậc hiền nhân trinh bạch nhất, trong trắng nhất thấy tim mình nát ra, gan mình xé ra vì sắc đẹp huyền ảo của chàng, Đây là một bài thơ mà một nhà thơ si tình tặng chàng:

«Ôm hôn chàng là say sưa với mùi xạ của tất cả làn da chàng, là thấy thân hình chàng mềm mại như một cành non ướt chỉ được nuôi dưỡng bằng gió thoảng với sương trong.

«Ôm hôn chàng là không uống gì cả mà cứ say. Tôi há không biết thế sao, tôi, cứ tốt tốt thấy như mình bốc men và nước miếng của chàng thơm mùi xạ?

Đến như Nhan Sắc, sáng tỉnh giấc soi gương, cũng thấy mình là chư hầu và tù binh của chàng.

Như thế thì, ôi điên cuồng! trái tim người trần làm sao cưỡng được sắc đẹp của chàng!

Lạy chúa, lạy chúa! Nếu còn có thể sống, tôi sẽ sống với trái tim cháy bỏng vì chàng, nhưng nếu chết vì si tình và vì được chàng yêu thì hạnh phúc biết bao».

Như thế đó, khi chàng mười lăm tuổi. Mười tám tuổi thì còn khác nữa. Nét hồng trên má có lông tơ non như nhung, cằm trắng có một nốt ruồi như một giọt đen hổ phách. Dĩ nhiên là chàng làm cho người ta phải mê hồn, say mắt:

«Ôi cái nhìn của chàng! Lạt sát lửa mà không bị cháy không lạ bằng chàng nhìn mà không bị bỏng. Hỡi chàng yêu thuật kia! Suốt đời ta được chàng nhìn mà sao ta còn sống được?

Hai má của chàng lông măng như lụa Kim tuyến mịn màng.

Cái miệng chàng! Có kẻ ngây thơ hỏi ta: chất rượu của cuộc đời và nguồn của nó ở đâu? chất rượu của cuộc đời và nguồn của nó chảy trên đất nào?

Ta bảo: chất rượu của cuộc đời, ta biết: nguồn của nó, ta biết.

Đó là cái miệng của một thanh niên, mảnh khảnh và hiền như một chú hoẵng con, cổ dẻo nghiêng nghiêng, một thanh niên thân hình mềm mại.

Đó là đôi môi ướt, mịn của chú hoẵng con mảnh khảnh và nhanh nhẹn, của một thanh niên môi mềm ướt và đỏ thắm».

Đến tuổi trưởng thành, hoàng tử đẹp một cách kỳ lạ đến nỗi dọc, ngang ở tất cả các nước Hồi giáo, hễ nói đến người đẹp, là dẫn đến chàng. Cho nên bạn bè, quen thuộc của chàng nhiều không kể xiết. Quanh chàng, mọi người thiết tha mong chàng trị vì đất nước, như chàng trị vì trong lòng họ.

Thuở ấy, hoàng tử Điađem thích săn bắn và đi chơi xa qua rừng, qua núi, mặc dù cha mẹ rất lo ngại vì chàng luôn luôn vắng nhà. Một lần chàng bảo nô lệ chuẩn bị mười ngày ăn đường để chàng đi săn bộ và săn đuổi. Đi bốn ngày đến một miền có nhiều con thịt[1], có những cánh rừng đủ loại thú rừng và đủ loại nguồn loại suối chảy qua.

Hoàng tử cho lệnh săn. Một tấm lưới giăng to được chăng quanh một khoảng đất rậm. Những người lùa con thịt chạy từ ngoài vào trung tâm dồn tất cả thú vào giữa. Những con báo săn, chó săn, cùng chim ưng được thả ra cho đuổi những con thú khó lùa. Buổi săn đuổi hôm đó được một mẻ rất nhiều những linh dương và đủ loại thú. Săn xong, hoàng tử Điađem ngồi nghỉ trên bờ một con sông và chia phần cho những thợ săn dành phần tốt nhất cho cha là vua Xôlâymân Sát. Rồi chàng nằm ngủ tại đấy cho đến sáng. Vừa tỉnh giấc, chàng thấy một đoàn nữ thương, đến từ lúc đêm, cắm trại không xa. Hắc nô và thương nhân rất đông ra khỏi lều xuống sông tắm rửa. Hoàng tử cho một người đến hỏi xem họ là ai, ở xứ nào. Người liên lạc về báo:

– Bọn họ bảo: chúng tôi là những nhà buôn. Thấy nơi đây có cỏ xanh, có nước chảy êm đềm thì đến. Không có gì đáng sợ, vì đây là đất của vua Xôlâymân Sát an toàn. Vua nổi tiếng vì tài cai trị, nước nào cũng biết, lữ khách yên tâm, và chúng tôi đem tiến vua, nhất là để tặng hoàng tử Điađem kỳ diệu, một số tặng phẩm đẹp và quí.

– Ồ, lạy chúa, hoàng tử nói, nếu những nhà buôn nọ có nhiều thứ đẹp dành cho ta, sao ta không đến mà nhận. Vả lại như thế, ta sẽ qua được buổi sáng vui vẻ

1) Con thịt: con thú có thể săn bắn được, thả chó cho đuổi theo bắt.

Và hoàng tử cùng các bạn săn đi đến lều của đoàn thương gia.

Khi những nhà buôn biết được người đến là ai, thì họ ùa ra đón, mời vào lều và dựng ngay cho hoàng tử một tấm lều danh dự bằng xa-tanh đỏ trang trí bằng những bức tranh nhiều màu sắc vẽ chim muông. Phía dưới lần xa-tanh là lụa Ấn Độ và vải Casơmia. Họ đặt lên thảm lụa một chiếc gối có viền mấy hàng ngọc bích nhỏ. Hoàng tử ngồi trên thảm, tựa vào gối, bảo thương nhân dỡ hàng cho xem. Chàng chọn những thứ ưng ý nhất, giả tiền rất hậu mặc dù họ không muốn nhận. Bọn nô lệ xếp hàng xong xuôi, chàng lên ngựa định tiếp tục cuộc săn bắn, thì bỗng nhận thấy trong đoàn thương nhân có một chàng trai đẹp lạ lùng, da xanh nhợt mà hấp dẫn, quần áo diêm dúa. Chàng có vẻ rất buồn như mất mát một ai, một ông cha, một bà mẹ, hoặc một người bạn chí thân chẳng hạn.

Hoàng tử thấy quyến luyến chưa muốn đi trước khi biết người thanh niên. Chàng lại gần, chúc bình an, cố hỏi anh ta là ai, tại sao buồn? Anh thanh niên đẹp giai, mắt đẫm lệ, chỉ nói được: « Tôi là Azit » rồi khóc nức nở và ngã xuống thiếp đi.

Khi anh ta tỉnh lại, hoàng tử nói:

– Ôi, Azit! ta là bạn ngươi, Hãy kể ta nghe vì sao mà buồn khổ.

Azit không giả lời, chống cùi tay, và đọc mấy vần thơ:

« Nàng nhìn thì thật quyến rũ, hãy tránh cái nhìn ảo thuật của nàng!

Mắt đen mà buồn thì ghê gớm thật. Vì mắt đen và buồn xuyên trái tim như thép sáng của những lưỡi gươm sắc nhọn.

Và nhất là đừng nghe lời dịu ngọt của nàng, nó là rượu lửa làm bốc men cả lý trí của những bậc hiền nhân.

Ôi! Nếu Ngài biết nàng! Nàng nhìn êm dịu quá! Và tấm thân lụa của nàng, đụng vào nhung sẽ làm cho nhung vĩnh viễn mượt mà

Giữa đôi mắt cá chân đeo vòng và đôi mắt nhìn có vòng phấn đen, quãng cách thật xa.

Còn đâu mùi hương tao nhã của những chiếc áo dài thơm tho của nàng? Còn đâu mùi nước hoa hồng của hơi nàng thở?»

Hoàng tử nghe xong, không năn nỉ nữa. Để bắt chuyện, chàng bảo Azit bày hàng cho xem.

– Thưa hoàng tử, hàng tôi không có gì xứng đáng với một vị con vua.

– Lạy chúa! Dù vậy ta cũng muốn ngươi cho xem.

Hoàng tử bảo anh ngồi cạnh, trên tấm thảm lụa mà giở từng món hàng. Không cần xem xét, hoàng tử mua tất cả.

– Bây giờ người kể ta nghe vì sao buồn. Ta thấy ngươi khóc lóc mà thương, nếu vì bị ức hiếp, ta có thể trị tội kẻ ức hiếp. Nếu ngươi có nợ ai, ta vui lòng giả nợ cho. Ta thấy mến ngươi, lòng bị nung nấu thấy ngươi khổ.

Azit lại thổn thức, nghẹn ngào:

«Ôi, đôi mắt đen phấn xanh kéo dài đỏm dáng! Thân hình em trên đôi hông uyển chuyển.

Rượu ở môi em, mật ở miệng em. Những đường cong cao cả trên tấm ngực.

Hy vọng được có em êm ái cho anh hơn hy vọng được cứu thoát của người tù. Ôi đêm tối mịt mùng!»

Nghe xong hoàng tử muốn lảng chuyện, lại ngồi giở từng tấm lụa tấm vải một. Bỗng thấy rơi ra một mảnh lụa vuông thêu. Azit vội vàng nhặt lấy, run run gấp lại, để xuống dưới đầu gối, lầm bầm:

– Aziza, em yêu quí! Những vì tinh tú trong chòm Thất tinh còn dễ với tới hơn. Không có em, anh đi đâu bây giờ? Anh không đeo nổi bộ quần áo của mình, từ nay mang sao nổi nỗi đau mất em nó đè nặng lấy tâm hồn?

Hoàng tử thấy cử chỉ hoảng hốt của Azit lại nghe mấy lời than, thì ngạc nhiên hết sức.

– Azit, ngươi giấu gì thế? Chàng hỏi.

– Thưa, chính vì cái này đây, mà ngay từ đầu tôi không muốn bày hàng ra trước mắt Ngài. Bây giờ biết làm sao?

Azit thở dài não nuột. Hoàng tử năn nỉ, hết sức dịu hòa. Cuối cùng Azit kể:

– Câu chuyện về miếng vải vuông thật kỳ. Nó gợi nhiều kỷ niệm êm đềm. Sắc đẹp mê hồn của hai cô gái đã cho tôi miếng vải đôi này, không bao giờ phai mờ đối với tôi. Cô cho miếng vải thứ nhất là Aziza. Còn cô kia, nói tên bây giờ thì thật cay đắng vì chính cô ta đã khiến tôi ra nông nỗi này. Nhưng đã bắt đầu nói với hoàng tử thì tôi cũng xin kể cho hết, Hoàng tử sẽ lấy làm thích thú, và đối với những ai biết kính cẩn nghe thì chuyện có thể là một bài học bổ ích.

Azit lấy chiếc khăn đặt dưới đầu gối, mở ra đặt lên thảm. Hoàng tử thấy hai hình vuông. Một thêu một con linh dương bằng kim tuyến đỏ và chỉ tơ. Trên hình vuông kia cũng là một con linh dương, nhưng thêu bằng chỉ bạc, cổ có một vòng vàng đỏ đeo ba viên kim

lục thạch phương Đông. Thấy đôi linh dương thêu đẹp tuyệt trần, hoàng tử tấm tắc:

— Vinh quang thay kẻ đã đem bao nghệ thuật vào tinh thần những vật mình sáng tạo.

Rồi nói với chàng trẻ tuổi xinh trai:

— Azit hỡi! làm ơn kể nhanh lên cho chúng ta nghe câu chuyện của ngươi với Aziza và với cô chủ của con linh dương thứ hai.

Và chàng Azit xinh đẹp đã kể với hoàng tử Điađem:

Cha tôi là một nhà buôn lớn chỉ sinh được mình tôi là giai. Tôi có một cô em con chú, được cha tôi nuôi dưỡng cùng với tôi, vì chú tôi đã qua đời. Trước khi mất, chú tôi có xin với cha mẹ tôi khi chúng tôi trưởng thành thì cho lấy nhau.

Chúng tôi được luôn luôn ở cạnh nhau rất quyến luyến nhau. Tối, chúng tôi được ngủ chung giường. Chúng tôi chẳng thấy có gì bất tiện. Tuy vậy, sau này, nghĩ lại những khi em tôi ôm tôi, khi cô kẹp chặt đùi lại, tôi mới thấy về chuyện ngủ nghê, cô tỏ ra sáng suốt thông thạo hơn tôi nhiều.

Rồi thì chúng tôi đến tuổi trưởng thành. Tôi nghe cha tôi bàn với mẹ tôi cho chúng tôi cưới nhau. Ông đồng ý ngay với mẹ tôi về ngày viết giao ước, và cho chuẩn bị tiệc tùng. Hôn lễ định vào thứ sáu sau buổi lễ. Ông loan báo cho bà con bạn bè bên nội. Mẹ tôi báo cho bà con bạn bè bên ngoại. Mẹ tôi và mấy mụ ở lau chùi sàn đá hoa phòng khách bóng nhoáng, giải thảm, lấy vải đẹp thêu vàng căng phủ lên tường. Còn cha tôi đi đặt bánh, mứt, kẹo, chuẩn bị khay chén. Trước khi khách đến mẹ tôi giục tôi đi tắm. Một nô lệ cầm theo một chiếc áo dài mới để tôi tắm xong thì mặc.

Tôi vào nhà tắm công cộng. Khi ra, áo tôi thơm đến độ khách đi đường dừng lại hít ngửi mùi hương. Hôm thứ sáu ấy, tôi đến Thánh đường làm lễ. Bỗng sực nhớ một người bạn quên chưa mời, tôi đến bạn đi thật nhanh để khỏi nhỡ giờ làm lễ. Vội quá, tôi bị lạc vào một ngõ lạ. Phần vì đi nhanh, phần vì mới tắm nước nóng ở nhà tắm công cộng, lại bị áo dài vải cứng, người tôi đẫm mồ hôi. Thấy một chiếc ghế dài kê dọc một bức tường có bóng mát, tôi đến ngồi nghỉ một lát. Tôi rút túi lấy chiếc khăn thêu chỉ vàng trải ra ngồi. Nóng quá, mồ hôi chảy từ trán xuống má mà không có gì lau, tôi bực mình. Mồ hôi càng chảy dữ. Tôi nâng vạt áo mới lên lau vậy. Bỗng một chiếc khăn lụa trắng rơi trước mặt, nhẹ như một hơi gió, mát cả tâm hồn và hương thơm chiếc khăn có thể làm một người tàn tật lành lại được. Tôi vội nhặt lấy, ngước mắt nhìn lên xem có chuyện gì. Luồng mắt tôi gặp luồng mắt một người đẹp, người sau này sẽ cho tôi một chiếc khăn vuông có thêu hình con linh dương.

Nàng đứng nơi cửa sổ từng trên, nghiêng người, cười tươi tắn. Tôi không tả nhan sắc nàng vì bất lực. Thấy tôi nhìn chăm chú, thiếu nữ ngậm ngón tay chỏ giữa đôi môi, hạ ngón tay giữa ngoắc vào ngón chỏ tay trái rồi đặt cả hai vào giữa ngực. Xong nàng rụt vào, đóng cửa biến mất.

Tôi ngỡ ngàng, bối rối, lòng bỗng như có lửa dục bốc lên. Tôi đăm đăm nhìn về phía cửa sổ mong lại được thấy bóng người đã làm tôi ngây dại. Nhưng cửa cứ đóng im lìm. Tôi ngồi đợi cho đến chiều quên cả giao ước hôn nhân, cả vị hôn thê. Biết chắc không hy vọng, tôi đứng dậy đi về, lòng nặng chĩu. Trên đường, tôi giở chiếc khăn lụa ra, hương thơm ngây ngất khiến

tôi tưởng mình đang ở thiên đường. Mở hẳn ra, thấy ở góc có mấy câu thơ, chữ đẹp nhưng chằng chịt lấy nhau :

« *Em thử thở than bằng những chữ nhỏ xíu và rắc rối này để chàng biết cho tâm hồn em say đắm. Vì chữ viết nào cũng in dấu tâm hồn.*

Nhưng chàng bảo : sao chữ em li nhí và ngoằn ngoèo khó đọc thế kia ?

Em đáp : Chính em cũng bực bội và bị dày vò đây. Chàng quá ngây thơ đến nỗi không nhận ra đấy là dấu hiệu của tình yêu ? »

Thưa ngài, tôi như điên như dại, nhưng rồi chập tối cũng về được đến nhà, thấy em tôi ngồi khóc. Tôi vào, nàng vội lau nước mắt, đến cởi áo cho tôi, dịu dàng hỏi tại sao tôi về muộn. Nàng cho tôi hay các quan khách cùng những đại thương gia, vị pháp quan và những người làm chứng ; chờ tôi lâu quá, đã ăn uống thỏa thuê và về cả.

— Còn bác thì phát điên lên, nàng tiếp, thề hoãn lễ cưới của chúng ta đến tận sang năm. Nhưng còn anh, sao anh lại làm thế ?

Tôi thuật lại tỉ mỉ sự việc. Tôi đưa chiếc khăn ra. Nàng cầm lấy, đọc mấy câu thơ và khóc sướt mướt.

— Cô ta có nói gì với chàng không ? Nàng hỏi.

— Chỉ ra hiệu thôi, và anh chẳng hiểu gì cả. Anh muốn em thử cắt nghĩa xem sao.

Tôi tả lại các dấu hiệu.

— Ôi người anh họ rất yêu quí của em ! Giá anh xin em đôi mắt, em cũng sẽ lấy ra đưa anh ngay. Để lòng anh được thư thái lại, em sẽ hết sức giúp anh có thể gặp lại người đàn bà anh quan tâm và chắc chắn đã

yêu anh. Những dấu hiệu ấy đối với phụ nữ chúng em không có gì là bí mật cả. Rõ ràng cô ta thèm khát anh và hẹn gặp trong hai ngày. Ngón tay đặt giữa đôi vú chỉ con số hai. Ngón tay giữa đôi môi chỉ rằng đối với cô ta anh là linh hồn làm sống cả thân thể cô ta. Em yêu anh, sẽ giúp anh bất cứ việc gì và sẽ chở che cho cả hai.

Tôi cảm ơn lòng tận tụy của nàng và những lời tốt đẹp đã cho tôi hy vọng. Tôi ở nhà hai ngày chờ đợi giờ hò hẹn. Tôi buồn lắm, ngả đầu trên gối nàng. Nàng thì luôn luôn khuyến khích khiến tôi vững dạ. Đến giờ hẹn nàng giúp tôi mặc áo, tự tay xức nước hoa cho tôi, đốt cánh kiến xông áo cho tôi, âu yếm ôm hôn tôi.

— Anh yêu quí, nàng nói. Giờ làm dịu lòng đến rồi. Can đảm lên mong anh được thỏa nguyện và bình tâm khi trở về. Em chúc anh lòng thanh thản. Em chỉ vui sướng vì hạnh phúc của anh. Anh chóng về kể chuyện em nghe. Chúng ta còn sống với nhau nhiều ngày đẹp, nhiều đêm vui.

Tôi cố trấn tĩnh, từ biệt cô em rồi ra đi. Đến ngõ có bóng mát hôm nọ, tôi tới ngồi trên chiếc ghế, lòng dạ bồn chồn. Cửa sổ hé mở, tôi như choáng váng. Nén được xúc động, tôi nhìn lên. Và tôi trông thấy thiếu nữ. Lảo đảo; tôi để rơi mình, run rẩy, xuống chiếc ghế. Thiếu nữ vẫn đứng nơi cửa sổ, nhìn tôi mắt sáng lên. Nàng cầm một chiếc gương và một cái khăn đỏ. Nàng xắn ống tay áo đến vai, xòe năm ngón tay sờ vào ngực, rồi duỗi cánh tay ra ngoài phía cửa, tay cầm gương và khăn đỏ, vẫy khăn ba lần, vặn chiếc khăn lại. Tiếp đó, nàng nghiêng đầu một lúc lâu về phía tôi, rồi bỗng nhiên lui vào đóng sập cửa lại, biến mất. Như thế đó, không một lời nói. Tôi phân vân quá chừng.

không biết nên đi hay nên ở, cứ đứng nhìn lên cửa sổ hàng giờ, cho đến nửa đêm, tôi mới chán nản về nhà. Cô em khốn khổ vẫn ngồi chờ, mắt đỏ hoe, vẻ mặt buồn rầu, nhẫn nhục. Tôi cũng kiệt sức, lăn ra đất thật thảm hại. Cô em họ tôi vội chạy đến nâng tôi dạy ôm hôn lên mắt, lấy tay áo lau mắt cho tôi. Nàng rót cho tôi một cốc nước đường có rưới nước hoa, cuối cùng dịu dàng hỏi tôi vì sao về chậm và có vẻ buồn như thế.

Tôi, tuy đã oải người ra vì mệt và buồn, cũng thuật lại hết cho nàng nghe, nhắc lại cả điệu bộ của người thiếu nữ.

– Hỡi anh Azit của lòng em, Aziza nói, năm ngón tay và cái gương, theo em hiểu, có nghĩa là năm ngày nữa cô ta sẽ nhắn tin cho anh tại nhà bác thợ nhuộm ở góc phố.

Tôi thích quá:

– Em yêu, mong lời em đoán sẽ là sự thực. Anh cũng thấy ở góc phố có cửa hiệu của một người thợ nhuộm Do thái.

Ký ức như sóng dạy, tôi không cầm được nước mắt, gục đầu vào lòng em tôi mà nức nở. Nàng vuốt ve an ủi tôi:

– Anh Azit ạ, những người yêu nhau thường đau khổ vì phải đợi chờ hết năm nọ đến năm kia, thế mà họ vẫn kiên gan. Lòng anh mới bị dày vò chưa đến một tuần mà sao anh đã xúc động và buồn bã quá đến thế! Thôi hãy ăn chút thức ăn này em nấu, và uống tí rượu.

Nhưng thưa hoàng tử, tôi không thể ăn uống được gì, cũng không ngủ được, mặt mày vàng võ, hình dáng đổi thay. Vì là lần đầu tôi say mê, lần đầu nếm mùi tình yêu đắng cay mà ngòn ngọt. Năm ngày chờ đợi

tôi gầy rộc đi. Em tôi buồn lo đêm ngày ngồi canh, kể chuyện tình tôi nghe cho khuây khỏa. Nàng thức thâu đêm, thỉnh thoảng tôi bắt gặp đưa tay lau vội nước mắt thầm. Sau năm ngày, nàng bắt tôi dạy, đun nước bưng vào nhà tắm gia đình cho tôi tắm rửa. Xong, mặc áo cho tôi và giục:

– Anh hãy đi nhanh đến chỗ hẹn. Cầu chúa Ala cho anh gặp may, và dùng hương thơm của Người chữa khỏi lòng anh.

Tôi chạy một mạch đến hiệu nhuộm của người Do thái.

Hôm ấy là ngày thứ bảy. Cửa hiệu không mở. Tôi ngồi trước cửa chờ, chờ mãi đến tối, giờ mấy thầy tu cầu nguyện trên tháp nhà thờ. Đêm đến cũng chẳng thấy ai, tôi sợ bóng tối, đứng dạy đi về. Về nhà tôi như người say rượu không hiểu mình làm gì, nói gì. Tôi thấy Aziza khốn khổ đứng trong buồng, quay mặt vào tường, một tay chống vào bàn, một tay đặt lên ngực. Nàng khẽ ngâm thơ than thở cho những mối tình ngang trái.

Thấy tôi nàng lấy tay áo chùi mắt, gượng cười để che giấu nỗi khổ:

– Anh yêu, cầu chúa cho anh hạnh phúc dài lâu. Đêm hôm khuya khoắt, đường phố vắng tanh, sao anh lại về một mình, sao không ngủ lại nhà cô gái yêu anh?

Tôi đang bực mình, lại tưởng nàng chế giễu, bèn xô nàng thật mạnh, đầu va phải góc nhọn của cái ghế dài, trán toác ra, máu lênh láng. Thế mà nàng không hề giận dữ, không một lời phàn nàn, lặng lẽ đứng dạy, đốt một miếng bùi nhùi lấy khăn băng trán lại, lau sạch đá hoa sàn nhà, rồi đến bên tôi, nói rất dịu dàng như không có chuyện gì xảy ra:

— Em rất buồn vì đã nói những lời không đúng lúc làm anh phiền lòng. Anh tha lỗi cho em, anh hãy kể lại em nghe chuyện gì đã xảy ra, may ra, em giúp được gì chăng.

Tôi kể lại việc trắc trở, việc cô gái bặt tin.

— Ôi anh Azit của em! em có thể nói chắc là anh sắp đạt mục đích rồi. Cô gái muốn thử thách lòng kiên nhẫn của anh xem anh yêu cô ta, tha thiết với cô ấy đến chừng nào. Mai anh cứ đến ngồi trên chiếc ghế dưới cửa sổ, chắc chắn anh sẽ tìm được cách giải quyết cho thỏa nguyện.

Rồi nàng bưng đến một mâm đầy thức ăn đựng trong bát đĩa sứ. Tôi hất tung, bát đĩa bắn đi, lăn lông lốc trên thảm. Tôi muốn nàng hiểu tôi chẳng buồn ăn buồn uống gì đâu. Cô em họ khốn khổ của tôi lặng lẽ nhặt nhạnh những mảnh vỡ tung tóe, lau chùi tấm thảm rồi đến ngồi phía cuối chiếc đệm tôi nằm. Suốt đêm nàng quạt cho tôi, vuốt ve, an ủi, dịu hiền không tả. Còn tôi thì nghĩ bụng: « Si tình thật là điên dại! » Sáng dậy tôi vội đến chỗ cũ.

Vừa ngồi xuống ghế thì cửa sổ mở. Tôi lóa mắt. Vì kìa! xuất hiện con người đã chiếm cả linh hồn tôi. Nàng cười, hai hàm răng trắng muốt, nụ cười mới ngọt ngào làm sao. Nàng vào rồi lại ra, tay cầm một cái túi xách, một tấm gương, một bình hoa và một cây đèn nhỏ.

Nàng làm hiệu thế này: Đầu tiên bỏ gương vào túi, thắt miệng túi lại quăng vào phòng. Rồi, duyên dáng vô ngần, nàng xõa tóc ra. Mớ tóc dài như bao lấy nàng, che lấp khuôn mặt, Sau đó nàng đặt cây đèn vào giữa bó hoa cắm trong bình, rồi ôm tất cả, biến mất. Cửa sổ lại đóng sập lại. Lòng tôi cũng bay theo nàng, bâng khuâng...

Tôi đã có kinh nghiệm, biết ngồi chờ cũng vô ích, nên buồn bã tái tê bước về. Đến nhà lại thấy cô em khốn khổ nước mắt đầm đìa, đầu quấn hai vòng băng, một vòng quanh chỗ trán bị thương, một vòng quanh đôi mắt đau nặng vì đã khóc quá nhiều trong những ngày buồn thảm và trong lúc vắng tôi. Nàng không thấy tôi, đầu nghiêng nghiêng đặt vào lòng bàn tay. Nàng tự ru mình trong âm điệu du dương của những vần thơ:

« Ôi, em nghĩ tới anh, anh Azit! Anh đã trốn em đi đến nhà nào xa em? Nói đi anh, hỡi anh lang thang yêu dấu, anh định đến ở nơi nào?

Sẽ đến lượt anh buồn đấy, anh Azit ạ. Số mệnh vốn ghét ghen hạnh phúc của em, có đẩy anh đến đâu anh cũng không thể tìm thấy nơi ở ấm áp mà tấm lòng đau khổ của Aziza dành cho anh.

Anh chẳng nghe em, anh bỏ đi! Nước mắt em luyến tiếc anh chảy mãi không ngừng.

Ôi! anh hãy uống lấy nước trong, nước sạch, để phần cho nỗi đau khổ của em giải khát bằng chất muối của những giọt lệ buồn ẩn trong những hố mắt sâu.

Lòng ta hỡi, hãy khóc người tình xa vắng.

Em nghĩ tới anh, anh Azit! Anh đã trốn em đi đến nhà nào xa em? Nói đi anh, hỡi anh lang thang yêu dấu, anh định đến ở nơi nao?»

Ngâm xong nàng quay lại, hé băng nhìn thấy tôi, nàng cố gắng che giấu nỗi đau và nước mắt. Nàng đến bên tôi đứng im không nói nên lời. Một lát mới bảo tôi ngồi kể lại chuyện xảy ra. Tôi thuật lại tỉ mỉ những cử chỉ bí mật của cô gái. Aziza giải thích:

— Anh hãy vui lên, nguyện vọng của anh sắp đạt đấy. Cái gương bỏ vào túi là mặt trời lặn. Như thế là

cô ta mời anh tối mai tới nhà. Tóc đen che lấp mặt là đêm tối bao phủ mặt đất, nhấn mạnh thêm ý trên. Bình hoa có nghĩa là anh phải vào trong vườn phía sau ngõ hẹp. Cây đèn đặt trên chiếc bình nói rõ rằng vào đến vườn anh phải đi về phía có đèn thắp mà chờ người yêu đến.

Tôi đã chán quá rồi, không tin:

– Đã bao lần cô giải thích sai khiến tôi hy vọng hão huyền. Ala! sao tôi khổ quá thế này?

Aziza tỏ ra dễ thương hơn bao giờ hết, dịu dàng an ủi tôi. Nhưng nàng vẫn ngồi yên, không dám dọn cơm mời tôi ăn uống gì sợ tôi nổi khùng như trước.

Tuy vậy, chiều hôm sau, tôi lại thử đi lần nữa xem sao. Aziza lòng đau xót, quên hẳn mình mà an ủi khuyến khích tôi. Tôi đi tắm xong, nàng lấy cái áo đẹp nhất mặc cho tôi.

Aziza buồn bã nhìn tôi, rồi dặn tôi, giọng đầy nước mắt:

– Anh cầm lấy hạt xạ hương tinh khiết này bôi vào môi cho thơm. Khi đã ân ái thỏa nguyện với người yêu rồi, anh hãy đọc cho cô ta nghe câu thơ này.

Nàng ôm lấy cổ tôi khóc nức nở. Tôi thề sẽ đọc. Aziza yên tâm. Nàng đọc:

« Hỡi những kẻ si tình! Hãy nói ta hay nếu tình yêu ở mãi trong lòng nạn nhân của nó, thì lạy chúa, con đường giải thoát biết tìm đâu? »

Nàng bắt tôi nhắc lại dù tôi không hiểu hết ý và cũng không rõ sẽ có hiệu quả gì.

Tôi đi nhanh đến khu vườn hôm trước. Cổng mở. Phía trong cùng thấy một ngọn đèn. Tôi xuyên bóng tối đi tới. Tôi ngạc nhiên hết sức thấy một căn phòng lộng lẫy, vòm hình cung, trên có mái tròn lát bằng ngà và gỗ mun. Những cột đuốc bằng vàng cùng những

đèn pha lê có giây vàng móc vào trần, chiếu ánh sáng mát dịu khắp gian phòng. Giữa phòng có một bồn nước, có hình trạm trổ sơn màu và những hình vẽ đan vào nhau. Chỉ riêng tiếng nước thánh thót trong bồn nghe đủ mát rượi. Ngay cạnh bồn có một cái mâm bạc phủ khăn lụa và đặt trên chiếc ghế đẩu bằng xà cừ. Trên thảm là một cái bình sành lớn quang dầu, cổ thon đỡ lấy một chiếc cốc pha lê chân bằng vàng.

Điều đầu tiên tôi làm, thưa hoàng tử, là bỏ chiếc khăn lụa trên mâm ra. Ôi, thú vị! Tôi thấy như hiền hiện trước mắt, bốn con gà quay. Gia vị thơm tho. Có bốn bát sứ lớn, bát thứ nhất đựng bột sữa rưới nước hoa cam, trên rắc bột hồ trăn tử và bột quế. Bát thứ hai có nho khô nghiền chưng lên, ngan ngát vị nước hoa hồng. Bát thứ ba, ôi! bát thứ ba, có bánh hạnh nhận hình trám, lá bánh xếp khéo quá trông đến thèm. Bát thứ tư đựng chả hồ đào, quánh mật, nhân căng như muốn nứt. Đấy mới là nửa mâm. Nửa kia đầy những trái cây tôi ưa thích: những quả vả chín, vỏ nhăn lại nằm uể oải như biết người ta thèm mình, những trái thanh yên, nho tươi, chuối. Hoa bày vào giữa các hàng trái: hoa hồng, hoa nhài, hoa uất kim cương, hoa huệ và hoa thủy tiên.

Khoái quá! Bao nhiêu buồn phiền như tiêu tan hết. Chỉ tiếc không có ai ở đấy, chẳng có con hầu, chẳng có nữ nô, tôi không dám đụng đến thứ gì, kiên nhẫn ngồi chờ người tôi say đắm. Một giờ trôi qua. Rồi hai giờ, không thấy ai. Rồi ba giờ, cũng không ai đến. Tôi bắt đầu thấy trong bụng cồn cào. Trước đây vì mải nghĩ tới mối tình không kết quả, tôi biếng ăn. Giờ đây, bắt đầu hy vọng, nhờ chúa, tôi mới thấy đói. Tôi thầm cảm ơn Aziza luôn luôn đoán biết kết quả mà giải thích đúng những bí mật về các cuộc hẹn hò.

Vậy thì, không chịu nổi cơn đói cào ruột, tôi vớ luôn món chả hồ đào mà tôi thích hơn cả, cho trôi qua họng không biết bao nhiêu cái, nó thơm ngon như đã qua những ngón tay trắng ngà của các nàng tiên nữ. Xong, đưa vào bao tử bánh hạnh nhân hình trám dòn tan mà số phận từ bi đem đến. Tiếp theo là bát sữa trắng có rắc bột hồ trăn tử, nuốt vào cứ mát cả lòng dạ. Rồi đến món gà rán nhồi thịt rất khéo lại thêm hạt lựu chua ngon ghê, chén một, hai hay ba. hoặc cả bốn con cũng không biết nữa. Tôi kết thúc bữa ăn bằng một, hai, ba hay bốn thìa hạt lựu ngon, nghiêng bình sành quang dầu mà uống không cần đến cốc, và cảm tạ chúa Ala về những ân huệ ấy.

No bụng rồi tôi thấy mệt mỏi, chân tay rã rời, gắng gượng rửa tay xong thì lăn quay trên thảm mà ngủ lì bì. Có chuyện gì xảy ra đêm ấy? Chỉ biết sáng hôm sau, trời nắng chói chang, tôi tỉnh dạy thì thấy mình nằm không phải trên tấm thảm êm, mà trên đá hoa, ở bụng lại có một nhúm muối và một nắm than. Tôi cựa mình rồi bật dạy nhìn ngang nhìn ngửa chẳng thấy một bóng người. Tôi phân vân và xúc động, rất bực với mình sức yếu không chịu được thức đêm và mệt nhọc. Tôi buồn lững thững về nhà. Aziza khốn khổ của tôi đang than khóc:

«Gió nổi lên, nhảy nhón trên cánh đồng và thổi đến ta.

Ta ngửi thấy mùi gió trước khi gió đến vuốt ve mái tóc của ta.

Hỡi làn gió êm! Thổi lại đây! chim đang hót!

Gió thổi lại đây! yêu quá rồi thì cứ số phận mà theo.

Tình yêu hỡi! giá ta ôm được ngươi trong tay, như tình lang ôm đầu người yêu vào ngực!

Ôi! giá gió tình thổi dịu nỗi đắng cay của lòng này đang chìm trong đau khổ!

Azit hỡi, anh đi rồi thì đời còn vui thú gì, còn ý vị gì nữa đối với em.

Ngọn lửa tình nung chảy lòng ta ôi! ai có thể nói cho ta hay người ta yêu có giống lòng ta?»

Thấy tôi, Aziza vội đứng dạy lau nước mắt, chào hỏi dịu dàng và giúp tôi cởi áo. Nàng ngửi đi ngửi lại chiếc áo mấy lần mà rằng:

– Lạy chúa! Không phải thứ hương vị mà người yêu anh để lại trên áo. Có thể nào anh nói em nghe.

Tôi kể xong, nàng lo lắng lộ ra nét mặt:

– Anh Azit ạ, em không thể yên tâm về anh. Em sợ cô gái sẽ gây phiền cho anh nhiều đấy. Muối để trên da có nghĩa là cô ta chê anh, một người tình say đắm mà không thắng được giấc ngủ và nỗi mệt nhọc, nên cô ta cho anh là nhạt nhẽo. Còn nắm than có nghĩa là cô ta cầu chúa bôi đen mặt anh đi, vì cho anh là yêu đương giả dối. Đáng nhẽ phải lịch sự với khách mà đánh thức nhẹ nhàng thì cô ta lại khinh thị coi khách chỉ biết có ăn, uống và ngủ. Cầu chúa gỡ cho anh khỏi mối tình với người đàn bà thiếu tình thương và không tim ấy.

Nghe giải thích như thế, tôi tự đấm ngực nói:

– Tôi quả là kẻ có lỗi. Lạy chúa! người đàn bà ấy có lý. Đang yêu đương, ai lại ngủ bao giờ. Tai vạ này do tôi tự chuốc lấy. Giờ phải làm thế nào, hỡi cô em họ của tôi? Em hãy nói đi.

Aziza thấy tôi buồn tỏ ra thương cảm lắm. Nàng nói:

– Em bị lễ nghi ràng buộc. Vì sắp lấy chồng, theo tục lệ, em phải nghiêm chỉnh ở trong nhà, không được

ra ngoài, nếu không, có thể giúp anh biết mấy. Anh hãy nghe kỹ, nếu em không làm được cái dấu nối trực tiếp giữa đôi bên, thì cũng có thể lo liệu từ xa cho anh thành công. Tối này anh cứ đến chỗ cũ. Chớ có buồn ngủ. Muốn thế tránh đừng ăn. Ăn vào, giác quan sẽ mềm đi và trở nên nặng nề. Chớ ngủ. Khoảng một phần tư đêm anh sẽ thấy cô ta đến. Cầu chúa che chở cho anh khỏi bị lừa.

Tôi cầu cho chóng tối. Tôi sắp đi Aziza còn dặn:

– Khi cô ta đã cho anh thỏa mãn rồi thì anh chớ quên đọc câu thơ của em đấy.

Tôi hứa sẽ nhớ và ra đi.

Đến nơi tôi cũng thấy như tối qua, gian phòng lộng lẫy sáng trưng, có những mâm to đầy thức ăn, bánh kẹo, hoa quả. Mùi thơm ngào ngạt, tôi không tự chủ được, lại ăn và ăn cật lực, xong uống bình nước căng cả bụng. Tôi hài lòng lắm. Nhưng ngay sau đó, mắt chớp lia lịa, buồn ngủ quá, lấy mấy ngón tay vành mắt ra cũng không ăn thua. « Mình nằm nghỉ, đặt cái đầu lên gối một lát thôi mà, tôi tự nhủ. Nhất định không ngủ, ồ, không ngủ đâu ». Và tôi lấy một chiếc gối, ngả đầu xuống. Nhưng rồi để chỉ thức dậy vào sáng bảnh mắt hôm sau, thấy mình không phải nằm trong căn phòng lịch sự mà là trong một gian buồng có lẽ dành cho bọn giữ ngựa, trên bụng có một chiếc xương chân cừu, một quả bóng tròn, mấy hạt chà là và những hạt minh quyết, cạnh đấy là hai đồng tiền và một con dao.

Tôi xấu hổ, gạt phăng mấy thứ quý ấy đi, chỉ nhặt lấy con dao bực tức ra về. Đến nhà thấy Aziza buồn bã thì thầm mấy vần thơ:

« Hỡi ôi! nước mắt ta đã hòa tan tim ta và biến thân ta thành nước.

Người bạn ta mỗi ngày một tàn nhẫn.

Nhưng mà chàng đẹp quá, đau khổ vì chàng không êm ái hay sao?

Azit anh hỡi! tâm hồn em, vì anh mà tràn đầy say đắm, vì anh mà sầu thảm đau thương».

Lúc ấy tôi đang cáu kỉnh, chửi luôn mấy câu. Nàng lau nước mắt, vẫn cứ dịu dàng, ôm cổ tôi, ghì chặt tôi vào ngực mà tôi thì cứ đẩy ra.

– Khốn khổ thân anh, nàng nói, tối qua anh lại ngủ mất rồi.

Tôi không chịu được nữa, lăn đùng ra, quẳng xa con dao nhặt được và nghẹn ngào. Aziza đến ngồi bên tôi lấy quạt phẩy gió cho tôi, khuyến khích tôi phải can đảm lên, mọi việc rồi sẽ tốt đẹp cả thôi. Tôi kể lại những vật tôi thấy trên bụng mình khi thức giấc và bảo nàng giải cho nghe.

– Em đã chẳng dặn anh phải chống lại sự cám dỗ của thức ăn và đừng có ngủ đó sao?

Tôi sốt ruột.

– Thôi hãy giải thích cho anh nghe ngay đi.

– Quả bóng tròn có nghĩa là mặc dù anh ở trong nhà người yêu, lòng anh vẫn lang thang bay trong không chứng tỏ anh thiếu nhiệt tình Quả thì có hột có cùi. Lòng say đắm chính là cái cùi. Anh không có nên chỉ là những hạt chà là vô bổ. Mình quyết là cây của Ayúp[1] Ayúp là cha của lòng kiên nhẫn. Những hạt mình quyết để trên bụng là muốn nhắc anh phải kiên

1) *Ayúp* là một nhân vật rất được người Hồi giáo yêu thích như chàng Job trong kinh thánh, tiêu biểu cho lòng mộ đạo và tính kiên trì.

nhẫn đức tính quý đối với người đang yêu. Còn chiếc xương chân cừu thì không nên giải thích.

– Thế còn lưỡi dao và hai đồng tiền?

Aziza lo ngại giọng run run:

– Ôi anh Azit, em sợ cho anh lắm. Hai đồng tiền là hai con mắt. Cô ta muốn nói: « Nếu anh lại đến để cứ ngủ đi như thế thì tôi lấy hai con mắt mà thề rằng sẽ dùng dao cắt cổ anh không thương tiếc ». Em sợ anh buồn cứ phải nén mối lo ngại mà khóc thầm một mình trong căn nhà trống trải chỉ tự an ủi bằng tiếng nức nở.

Tôi cũng mủi lòng thấy nàng phải buồn khổ.

– Bây giờ phải làm thế nào, tôi hỏi. Phải giúp anh ra khỏi mối tai họa khó tránh này.

– Em sẵn lòng nhưng anh phải nghe và làm theo lời em nếu không sẽ hỏng hết.

– Anh thề sẽ làm theo.

Tin lời tôi Aziza thấy vui trong lòng, ôm hôn tôi mà rằng:

– Thế này nhé: giờ anh phải ở đây ngủ suốt ngày. Như thế, buổi tối, anh sẽ không buồn ngủ nữa. Khi anh thức dạy, em sẽ cho anh ăn uống thì anh không còn gì đáng ngại nữa.

Nàng bắt tôi nằm xuống xoa bóp nhè nhẹ. Cảm giác êm êm khiến tôi ngủ được ngay. Chiều đến tôi tỉnh giấc còn thấy nàng ngồi bên quạt cho tôi. Chắc nàng đã khóc suốt vì áo có vết nước mắt. Aziza vội mang thức ăn lên, gắp cho vào mồm tôi. Tôi chỉ còn có việc ăn đến căng bụng. Nàng lại cho tôi uống một bát nước táo ngâm đường có rưới nước hoa hồng, uống mát cả ruột. Nàng rửa tay cho tôi, lấy khăn thơm mùi xạ lau

rồi vẩy nước hương vào người tôi. Xong xuôi, nàng tìm một chiếc áo cực đẹp mặc cho tôi và nói :

— Nếu Chúa muốn, đêm nay nhất định anh sẽ được thỏa nguyện.

Nàng dắt tôi ra tới cửa :

– Chớ quên lời em dặn.

– Dặn gì ?

– Ôi anh Azit, câu thơ anh đã thuộc ấy mà.

Tôi đến khu vườn, và như mấy lần trước, tôi vào căn phòng mái vòm hình cung, ngồi trên thảm đẹp. Vì đã no, tôi dửng dưng nhìn mấy chiếc mâm và thức cho đến nửa đêm. Không thấy một ai. Không nghe một tiếng động. Đêm dài như một năm, nhưng tôi vẫn kiên trì và ngồi đợi. Ba phần tư đêm trôi qua, gà gáy canh một. Tôi bắt đầu thấy đói. Đói tăng dần. Tôi đứng phắt dạy đến mở mâm mà ăn no nê. Rồi uống một cốc, hai cốc... mười cốc. Đầu tôi nặng chịu. Tôi chống rất cương nghị cứng người lên, lắc đầu lia lịa. Đúng lúc tôi chực lăn ra thì nghe có tiếng cười và tiếng lụa sột soạt. Vừa vội rửa tay rửa mồm xong thì tấm màn lớn cuối phòng kéo lên. Và nàng bước vào, tươi cười, đẹp như vầng trăng, với mười nữ nô trẻ đẹp như những vì tinh tú. Nàng mặc một chiếc áo xa-tanh xanh thêu chỉ đỏ bằng vàng. Tôi liền đọc mấy vần thơ :

« Cô gái tuyệt mỹ, nàng đây rồi với cái nhìn kiêu hãnh. Áo dài xa-tanh không cúc để hé đôi vú lộng lẫy nhởn nhơ. Tóc nàng buông xõa.

Tôi như choáng váng. Nếu hỏi tên, nàng nói : « Em là người lấy lửa bất diệt đốt cháy tâm can người tình ».

Nếu tôi kể những sự dày vò của tình yêu, nàng nói: « Em là tảng đá điếc, là bầu trời câm. Ôi ngây thơ! Ai lại oán trách đá điếc với trời câm?

Tôi bảo nàng: Nếu tim nàng là đá, thì những ngón tay tôi sẽ làm cho đá phải tuôn nước trong như Mô-iz đã làm trước kia ».

Nàng mỉm cười nói:

— Tốt lắm! Nhưng sao lần này chàng lại thắng được giấc ngủ.

— Vì nàng đến như một cơn gió thoảng làm mát tâm hồn tôi,

Nàng nháy mắt làm hiệu cho bọn nữ nô. Họ kéo nhau ra hết, chỉ còn lại hai chúng tôi trong phòng. Nàng đến ngồi cạnh tôi, hai tay ôm lấy cổ tôi. Đêm ấy là một đêm tôi được hoan lạc tâm hồn, giác quan mở hội.

Sáng dạy, khi tôi tạm biệt, nàng giữ lại:

— Chờ một chút, em có điều muốn ngỏ cùng chàng.

Tôi hơi ngạc nhiên, ngồi lại bên nàng. Nàng mở một chiếc khăn quàng lấy ra miếng vải vuông, có thêu con linh dương thứ nhất mà Ngài thấy đấy. Nàng đưa cho tôi, dặn:

— Chàng hãy giữ gìn cẩn thận chiếc khăn của một thiếu nữ bạn, công chúa đảo Long não và đảo Pha lê đấy. Đây là điều hệ trọng trong đời chàng. Vả lại, nó nhắc chàng luôn luôn nghĩ tới kẻ đã tặng chàng.

Tôi cảm ơn rối rít, từ biệt nàng, quên khuấy không đọc câu thơ Aziza dặn. Về nhà thấy Aziza nằm, vẻ mặt báo hiệu một bệnh trạng nguy kịch. Thấy tôi

vào, nàng cố gượng dậy. Và mắt đẫm lệ, nàng lê bước đến bên tôi, ôm tôi vào ngực thật lâu, rồi hỏi:

— Anh có nhớ đọc câu thơ em dặn không?

— Tôi luống cuống:

— Ồi, anh quên mất rồi! Chỉ tại cái con linh dương thêu trên mảnh lụa này.

Tôi giở mảnh lụa ra cho nàng xem con linh dương. Aziza không tự chủ được nữa òa lên khóc: *«Ôi trái tim khốn khổ, nên hiểu rằng quyến luyến lắm thì phải chán chường; thân thiết lắm thì phải lìa tan».*
rồi nói:

— Lần sau anh chớ quên đọc cho cô ta câu thơ em dặn.

— Em nhắc lại lần nữa, anh hầu như quên mất rồi.

Nàng nhắc lại. Tôi cố nhớ. Tối đến, nàng giục:

— Đến giờ rồi, cầu chúa dẫn anh đi yên ổn. Đến khu vườn, tôi vào phòng người tình đang chờ đợi. Nàng ôm hôn tôi. Ăn uống xong, chúng tôi lại chìm đắm trong hoan lạc. Sáng dậy, tôi đọc câu thơ của Aziza:

«Hỡi những kẻ si tình! Hãy nói ta hay, nếu tình yêu ở mãi trong lòng nạn nhân của nó, thì lạy Chúa, con đường giải thoát biết tìm đâu».

Thưa hoàng tử! tôi không thể nói hết với Ngài nỗi xúc động sâu xa của nàng khi nghe câu thơ ấy. Nàng vốn cứng rắn thế mà khi nghe xong, tim như tan ra trong lồng ngực. Nàng khóc than:

«Đáng phục thay người tình địch cao thượng! Nàng biết hết bí mật mà không hé một lời. Nàng đau khổ vì tình bị san sẻ mà chẳng oán thán. Nàng hiểu cái giá diệu kỳ của sự chịu đựng».

Tôi nhầm thuộc đoạn thơ để về đọc cho Aziza. Đến nhà thấy Aziza nằm dài trên đệm, mẹ tôi ngồi cạnh chăm nom.. Mặt nàng xanh nhợt: trông nàng yếu lắm như vừa ngất đi. Nàng ngước mắt đau đớn nhìn tôi, không cử động. Mẹ tôi ngúc ngắc cái đầu nghiêm khắc nhìn tôi:

— Nhục nhã lắm. Azit ạ! Mày bỏ người vợ sắp cưới như thế sao?

Aziza cầm tay mẹ tôi hôn và ngắt lời bà mà hỏi tôi, giọng mệt nhọc, nghe không rõ:

— Anh có quên lời em dặn không đó?

— Em yên tâm. Anh đã đọc. Cô ta nghe xúc động lắm, nên đã làm mấy câu thơ.

Và tôi nhắc lại. Aziza nghe, khóc thầm, và đọc những lời thơ này của thi sĩ:

«Kẻ nào không giữ nổi bí mật cũng không kiên nhẫn chịu đựng thử thách thì chỉ còn cầu chết là xong.

Em chỉ biết quên mình suốt cả cuộc đời, mà chết đi không một lời an ủi của người yêu. Em chết rồi thì anh chuyển lời em chào đến kẻ đã làm em bất hạnh».

Nàng dặn thêm:

— Khi anh trở lại với người yêu thì xin anh đọc lại cho cô ta nghe mấy vần thơ ấy. Chúc cho đời anh êm ái, dễ dàng, anh Azit hỡi.

Tối đến, theo thói quen, tôi trở lại khu vườn vào phòng cùng người yêu ăn uống no say, nô rỡn đủ trò rồi lại ôm nhau ngủ cho đến sáng. Tôi đọc mấy câu thơ của Aziza.

Nghe rồi, nàng thét lên một tiếng, lùi lại, sợ hãi:

— Lạy chúa! người đọc mấy câu thơ này cho chàng hẳn giờ đã chết

Nàng thêm.

— Em mong người này không phải bà con gì với chàng, không là chị ruột, không là chị họ. Vì em nhắc lại: người này đã là người thiên cờ.

— Đó là vị hôn thê của tôi, con gái chú tôi đó.

— Chàng nói gì? Không đúng! Nếu quả là vị hôn thê thì chàng phải yêu cô ta chứ!

Tôi nhắc lại:

— Là vị hôn thê của tôi thật mà, cô Aziza, con chú tôi.

— Thế sao chàng không nói với em. Lạy chúa, nếu biết, em không bao giờ lại đi cướp chồng người ta. Khổ chưa! Thế cô ta đã biết chúng mình gặp nhau và yêu nhau chưa?

— Biết chứ! Chính cô ấy đã giải cho tôi hiểu những dấu hiệu bằng cử chỉ của nàng mà. Không có cô ta, tôi không thể đến với nàng được. Nhờ những lời khuyên hay, những lời dẫn khéo của cô ấy mà tôi đã tới đích.

— Thế thì chính chàng đã làm cho cô ta phải chết! Cầu chúa đừng hủy hoại tuổi xuân của chàng như chàng đã hủy hoại tuổi xuân của vị hôn thê đáng thương của chàng, Chạy nhanh về xem sự thể ra sao?

Tôi đi ngay, lòng băn khoăn về tin xấu ấy. Đến đầu phố, gần nhà tôi, nghe trong nhà có tiếng phụ nữ than khóc thảm thê. Mấy bà láng giềng vào vào, ra ra. Tôi hỏi thăm, một bà cho biết:

— Người ta thấy Aziza nằm chết sau cửa buồng!

Tôi nhảy bổ vào. Mẹ tôi, người trước tiên thấy tôi, mắng ngay:

— Mày phải chịu trách nhiệm trước chúa Ala về cái chết của nó. Máu của nó đeo nặng vào cổ mày. Mày là một thằng chồng chưa cưới đáng buồn đáng chán lắm, con ạ.

Bà sắp mắng tiếp nữa thì cha tôi vào. Bà im không nói gì. Cha tôi chuẩn bị tang lễ. Khi bạn bè thân thuộc đã đến đông đủ, chúng tôi cử hành theo nghi thức một tang lễ lớn, tụng kinh ba ngày trong lều, ba ngày trên mộ.

Tôi về nhà, đến bên mẹ tôi, cũng thấy động lòng trắc ẩn đối với người con gái đáng thương. Mẹ tôi dỗ dành:

– Mẹ muốn con cho mẹ biết con đã làm gì đến nỗi Aziza đến phải nồ gan mà chết. Mẹ hỏi han về bệnh tình, nó không chịu nói, nhất là không có một lời cay đắng về con. Trái lại, cho đến phút cuối cùng, nó còn có những lời chúc phúc đối với con. Vậy thì con hãy kể mẹ nghe con đã làm gì con bé bất hạnh để nó phải chết như thế.

– Con ấy à? Con có làm gì đâu?

Mẹ tôi vặn năn nỉ:

– Khi nó sắp tắt thở, mẹ ngồi ở đầu giường nó. Nó ngửa đầu mở mắt nhìn mẹ mà nói: « Bác của cháu ơi! Cháu cầu chúa đừng bắt ai phải đền nợ máu cho cháu và tha thứ cho những ai đày vò lòng cháu. Cháu sắp được từ một cõi đời không bền vào một cõi đời bất diệt ». Mẹ an ủi nó: « Con ơi! con đừng nói đến cái chết. Cầu chúa cho con chóng khỏi ». Nhưng con bé buồn bã nhìn mẹ nói: « Bác của cháu. Cháu nhờ bác nói với anh Azit lời dặn cuối cùng của cháu, đừng có quên là khi anh đến nơi thường đến, trước khi về, thì nói thế này: « Cái chết còn êm ái và đáng ưa hơn sự phản trắc ». Nói thế là làm ơn cho cháu. Sau khi chết cháu sẽ phù hộ anh như đã chăm sóc anh lúc sinh thời ». Rồi con bé nhấc gối lên lấy ra một vật nhờ trao cho con, nhưng bắt mẹ phải thề chỉ khi nào, con có những

tình cảm tốt hơn, biết thành thực thương tiếc nó mà khóc thì mới trao. Mẹ giữ gìn cẩn thận và sẽ trao khi con thực hiện điều kiện đặt ra.

Tôi nói:

– Được! Nhưng mẹ cho con nhìn qua vật ấy một chút.

Mẹ tôi cương quyết từ chối và bỏ đi.

Thưa Ngài, dạo ấy tôi thật dại dột, không biết điều, không chịu nghe tiếng nói của trái tim. Đáng lẽ phải khóc thương Aziza của tôi và để tang nàng, thì tôi lại chỉ nghĩ đến chơi bời và giải trí. Và đối với tôi, không gì khoái lạc bằng đến nhà người tôi say mê. Cho nên cứ tối đến là tôi vội vã tới nhà nàng và nàng cũng bồn chồn đợi tôi. Tôi vừa bước vào là nàng chạy đến đánh đu vào cổ tôi mà hỏi tin về Aziza. Tôi kể chi tiết về cái chết và đám tang thì nàng tỏ lòng rất thương tiếc người quá cố:

– Ôi, giá em biết được bao nhiêu điều tốt lành mà cô ta đã làm cho chàng trước khi chết và sự quên mình kỳ lạ của cô ta, em đã cảm ơn và tìm cách đền công.

Tôi nói:

– Và nhất là cô ấy đã dặn kỹ mẹ tôi nhắc lại cho tôi nghe mấy lời cuối cùng của đời cô. « Cái chết còn êm ái và đáng ưa hơn sự phản trắc ».

Nàng bỗng kêu lớn:

– Cầu Chúa thương cô ta. Chết rồi mà cô ấy còn cứu giúp chàng vì tôi đã âm mưu giăng bẫy ám hại chàng, mấy lời trên quả đã cứu chàng.

Tôi ngạc nhiên quá đỗi:

– Nàng nói gì kỳ thế? Nàng đã yêu tôi mà nàng lại định hại tôi sao? Nàng định giăng bẫy như thế nào?

— Chàng thật trẻ con và ngây thơ quá, nàng nói. Tôi thấy chàng chẳng hiểu gì về những điều xấu xa của phụ nữ chúng tôi. Thôi, không nói nữa. Chàng chỉ nên biết nhờ có cô em họ mà chàng thoát tay tôi. Tuy nhiên. tôi chỉ tha chàng với điều kiện ngoài tôi ra, chàng không được nhìn, không được nói một lời với bất kỳ người đàn bà nào dù trẻ, dù già. Nếu không thì khốn đấy, khốn đấy. Người khuyến khích chàng bằng những lời khuyên đã chết rồi thì không còn ai cứu chàng nổi khỏi tay tôi. Cho nên đừng quên điều kiện tôi đặt ra. Giờ thì xin chàng một điều.

— Điều gì vậy?

— Dẫn tôi đến viếng mộ cô Aziza đáng thương và để tôi khắc vào mộ chí vài dòng chữ xót xa.

— Nếu chúa Ala muốn, ngày mai chúng mình sẽ đi.

Tôi ngủ lại đêm với nàng. Nàng luôn miệng hỏi tôi về Aziza.

— Sao chàng không nói cho em biết cô ấy là em họ chàng?

Đến lượt tôi hỏi lại:

— Câu « Cái chết còn êm ái và đáng ưa hơn sự phản trắc », thật ra có nghĩa gì nhỉ?

Nhưng nàng không giả lời.

Sáng hôm sau, vừa tinh mơ nàng đã dạy xách một túi lớn đầy những đồng đina vàng, giục tôi:

— Dạy đi thôi! Tôi muốn xây một cái mái vòm trên mộ cô ta.

Hai chúng tôi ra đi, tôi đi trước, nàng theo sau, lấy đina trong túi xách phân phát cho người nghèo suốt dọc đường, mỗi lần cho đều nói: « Lần bố thí này là dành cho sự an nghỉ của linh hồn Aziza. »

Đến nơi, nàng gục vào phiến đá hoa trên mộ và khóc. Rồi lấy trong chiếc túi lụa ra một lưỡi đục bằng thép một chiếc búa bằng vàng, đục trên đá nhẵn mấy câu thơ, chữ thật nắn nót:

«Ta là khách qua đường, một hôm dừng chân trước một nấm mộ vùi dưới lá cây phía trên có bầy cây thu mẫu đơn nghiêng đầu như khóc.

Ta hỏi! Ai nằm dưới mộ? Đất giả lời ta: Người kia! Hãy cúi đầu kính cẩn. Đây an nghỉ một thiếu nữ si tình.

Ta kêu: Ôi nàng an giấc nghìn thu! Tình yêu đã giết nàng. Cầu chúa cho nàng quên sầu não, và đặt nàng lên đỉnh cao nhất chốn thiên đàng.

Hỡi những kẻ si tình bất hạnh, các người đến chết còn bị ruồng bỏ, vì chẳng một ai đến quét bụi nấm mộ các người.

Nhưng, nơi đây, ta muốn trồng hoa hồng và những hoa tình mà ta lấy nước mắt tưới cho thêm tươi».

Xong, nàng chào vĩnh biệt nấm mộ Aziza và cùng tôi trở về lâu đài. Nàng thốt nhiên trở nên dịu hiền. Mấy lần, nàng bảo tôi: «Lạy chúa! Chàng đừng bỏ em». Tôi vội an ủi nàng ngay. Tối nào tôi cũng đến. Nàng tiếp tôi hân hoan, niềm nở, hết sức chiều chuộng tôi. Tôi cứ như thế, ăn uống, ái ân. Tôi được mặc áo dài ngày một đẹp hơn, áo lót ngày một mịn hơn. Tôi trở nên cực kỳ béo tốt. Và chẳng cảm thấy buồn phiền gì nữa, quên hẳn cô em họ tội nghiệp của tôi. Như thế một năm ròng.

Một ngày đầu năm sau, tôi đến nhà tắm công cộng, mặc chiếc áo dài sang nhất; tắm xong tôi uống một cốc kem, khoan khoái hít thở mùi thơm của chiếc áo

tẩm nước hoa. Tôi thấy dễ chịu hơn bình thường, mọi vật quanh mình như trắng ra. Tôi say sưa yêu đời, người nhẹ bỗng tung tăng như một gã say, những muốn gục đầu vào ngực người yêu mà tâm tình trò chuyện.

Tôi đến nhà nàng. Qua một ngõ hẹp gọi là ngõ Trúc, tôi thấy một bà già đi về phía tôi, tay cầm cây đèn dầu soi đường và một lá thư. Tôi đứng lại. Bà lão chào tôi:

– Cậu có biết đọc không, bà hỏi?

– Có ạ.

– Thế thì đọc hộ lão lá thư này.

Tôi cầm lá thư, bóc ra rồi đọc. Người viết thư nói mình vẫn khỏe mạnh và gửi lời thăm bố mẹ và em gái. Được tin lành, bà giơ hai tay lên trời, chúc tôi may mắn, rồi cầm lại lá thư mà đi. Một lát bà quay lại, cầm tay tôi đưa lên miệng hôn mà rằng:

– Lão muốn nhờ cậu một việc. Cậu đã làm ơn thì làm cho trót, cậu sẽ được chúa ban thưởng. Phiền cậu theo lão đến nhà gần đây thôi để đọc lá thư cho mấy mụ nhà lão nghe, vì họ không muốn chỉ nghe tóm tắt, nhất là đứa con gái lão nó rất mến anh nó. Anh nó đi buôn xa đã mười năm. Và đây là lá thư thứ nhất từ khi chúng tôi khóc anh nó vì tưởng đã chết. Cậu đi với lão nhé. Cậu không cần vào nhà, đứng ngoài đọc cũng được. Chắc cậu biết đức Sứ giả (cầu chúc Người bình an) có nói về việc giúp đỡ đồng bào: « Ai giúp một người Hồi giáo thoát khỏi một nỗi khổ trong muôn vàn nỗi khổ ở đời này, chúa Ala sẽ ghi nhớ, và tránh cho người ấy bảy mươi hai nỗi khổ trong những nỗi khổ của thế giới bên kia ».

Tôi bằng lòng giúp, bảo bà lão đi trước soi đường. Đi mấy bước đến cổng một tòa lâu đài. Thật là một

cái cổng đồ sộ toàn gang và đồng đỏ. Tôi đứng tựa cổng còn bà già gọi to bằng tiếng Ba Tư. Bỗng — thật bất ngờ, sự việc nhanh quá — bất thình lình cổng hé mở, một cô gái nhanh nhẹn, mũm mĩn, tươi cười hiện ra, chân không, bước trên đá hoa rửa sạch. Hai tay nàng vén quần cộc lên quá nửa đùi, còn tay áo thì xắn lên tận vai, hai tay trắng trong. Tôi không biết nên ngắm cái gì hơn : đôi đùi bạch ngọc hay đôi tay pha lê. Quanh mắt cá chân là những chiếc nhạc nhỏ bằng vàng nạm ngọc. Cổ tay mềm mại có đôi xuyến nặng lấp lánh, tai có khuyên tai ngọc, cổ có chuỗi hạt châu quí vô giá quấn làm ba vòng. Một tấm khăn mịn màng lấp lánh ánh kim cương bọc mớ tóc. Có thể nghĩ rằng trước khi mở cổng, nàng đang làm một việc gì thú lắm vì chiếc áo lót bỏ ra ngoài chiếc quần cộc không thắt giải rút. Dù sao, tấm nhan sắc và nhất là bộ đùi tuyệt mỹ cũng khiến tôi nghĩ ngợi lung lắm.

Thiếu nữ trông thấy tôi, ngạc nhiên, mở to đôi mắt ngây thơ và hỏi bằng một giọng ngọt ngào tôi chưa từng được nghe thấy bao giờ trong đời :

— Mẹ ơi ! đây là người sẽ đọc thư hộ chúng ta đấy à ?

— Đúng đấy !

Nàng cầm lấy bức thư trong tay mẹ đưa cho tôi. Tôi đang nghiêng đầu, giơ tay nhận thì bất thình lình, bị húc rất mạnh vào lưng. Tôi đứng cách cổng hai bước, bị bắn vào phía trong và bà lão nhanh như chớp nhảy bổ vào đóng sập cổng lại. Bị cầm tù giữa hai người, tôi chưa kịp nghĩ xem họ sẽ làm gì tôi thì người thiếu nữ đã quèo chân làm tôi ngã lăn ra, và cô ta trườn lên ôm cứng lấy tôi đến ngạt thở. Tôi đinh ninh sẽ chết. Nhưng không phải ! Thiếu nữ nhổm dạy, cưỡi lên bụng tôi, lấy tay xoa lên người tôi rất mạnh.

rất lâu, rất kỹ, các giác quan tôi bị tê liệt hết, tôi nhắm mắt như một thằng ngốc. Lúc ấy cô ta mới đứng dạy, kéo tôi lện rồi cùng mẹ cô dắt tôi đi qua bảy con đường hẻm, bảy hành lang đến chỗ cô ở. Tôi thì như một gã say rượu, cứ nhắm mắt bước theo.

Đến nơi, cô bảo tôi ngồi xuống, mở mắt ra. Tôi thấy một căn phòng rộng, có bốn cửa tò vò kính soi sáng, rộng đến độ có thể dùng làm trường đua ngựa được. Tường bọc bằng những tấm vẽ màu tươi. Đồ đạc trong phòng hình dáng thật đẹp cùng những ghế dài, những gối, đệm đều bọc gấm, nhung. Cuối phòng là một gian buồng có một chiếc giường to bằng vàng nạm ngọc và đá quí như giường của một vị vương tôn như Ngài, hoàng tử Điađem vậy.

Tôi sửng sốt khi thấy thiếu nữ gọi đích tên tôi :

— Azit ! chàng muốn sống hay muốn chết ?

— Muốn sống !

— Nếu thế, phải lấy tôi làm vợ.

— Lạy chúa Ala ! lấy một kẻ phóng túng như cô thì tôi thà chết.

— Ôi, Azit ! hãy tin tôi, hãy lấy tôi để thoát khỏi tay cô con gái mụ Đalila Quỷ Quyệt !

— Con gái mụ Đalila Quỷ Quyệt là ai ? Tôi không biết ai tên như thế.

Cô ta cười :

— Azit ! chàng không biết cô con gái mụ Đalila Quỷ Quyệt à ? Thế mà đã một năm bốn tháng rồi, cô ta là người tình của chàng đấy ! Azit khốn khổ ơi, nên đề phòng những trò xấu chơi của cái con ranh mà Chúa phỉ nhổ ấy. Trên mặt quả đất này, không có một tâm hồn nào thối tha như tâm hồn con ấy. Bao nhiêu nạn

nhân bị hắn giết! Bao nhiêu tội ác đối với những kẻ mê hắn. Tôi lấy làm lạ tại sao từ khi biết hắn đến nay chàng không việc gì cả

Nghe nói thế, tôi sững sờ, hỏi:

– Ôi, cô chủ của tôi! Làm sao cô biết được con người ấy và bao nhiêu chi tiết mà tôi chẳng biết gì.

– Tôi biết hắn như Số phận biết những quyết định của mình và những tai họa giấu kín. Nhưng trước hết, tôi muốn chính chàng kể cho nghe chuyện giữa chàng với hắn. Vì, tôi nhắc lại, chàng đã ở trong tay hắn mà sống được thì lạ lùng thật.

Tôi bèn kể lại tất cả câu chuyện giữa tôi và người tôi say mê trong khu vườn, giữa tôi và Aziza, cô em họ. Nghe tên Aziza, cô ta động lòng, khóc sùi sụt, hai tay cứ đấm vào nhau ra chiều tuyệt vọng, rồi bảo tôi:

– Azit chàng hỡi! cầu Chúa đền bù cho chàng! Bây giờ, tôi thấy rõ nhờ Aziza mà chàng thoát chết. Mất nàng rồi, chàng phải cẩn thận tránh những bẫy mà con xấu xa ấy giăng lên bẫy chàng. Nhưng chúng tôi đã buộc giữ bí mật cho nhau nên không được phép lộ nhiều với chàng.

Tôi còn cho cô ta biết câu thơ: « Cái chết còn êm ái và đáng ưa hơn sự phản trắc ». Nghe câu này, cô ta reo lên:

– Ôi, Azit, đó là những lời đã cứu chàng thoát chết. Sống hay chết, Aziza vẫn tiếp tục bảo vệ chàng. Nhưng thôi hãy để người chết an phận trong tay chúa. Hãy nói đến chuyện bây giờ. Azit chàng hỡi? Từ lâu, em vẫn ngày đêm mong chiếm đoạt được chàng, mãi hôm nay mới bắt được. Chàng thấy em thành công đấy chứ! Chàng còn trẻ không thể hiểu được những mưu ma

chước quỉ của một bà già như mẹ em. Thôi cứ để số phận an bài. Hãy mừng về người vợ của chàng. Một lần nữa, em nói chàng hay em muốn lấy chàng do một giao ước hợp pháp trước chúa Ala và đức Sứ giả (cầu chúc Người bình an). Chàng muốn gì có nấy và có thừa thãi: tiền bạc, vải vóc để may áo quần, khăn đội đầu nhẹ, sạch, chàng sẽ có đủ mà không phải mất đồng nào. Và không bao giờ chàng phải chi món gì hết. Vì ở đây gạo trắng nước trong ê hề. Đáp lại, chàng chỉ cần làm một việc.

– Việc gì vậy?

– Là đối với em chàng làm y như con gà trống.

Tôi không hiểu gì cả:

– Con gà trống nó làm gì cơ?

Cô gái nghe hỏi thét lên cười, cười lăn cười lộn, vỗ tay đôm đốp mà rằng:

– Sao? Chàng không hiểu cái nghề con gà trống thật à?

– Lạy chúa! Thật tôi không hiểu cái nghề ấy! Nghề gì vậy?

– Cái nghề của con gà trống, Azit chàng hỡi, là ăn, uống và đạp mái.

Tôi bối rối quá; nói:

– Lạy chúa! Tôi không biết đó là một nghề!

– Nghề tốt nhất đấy, Azit ạ. đứng dạy đi! rắn rỏi lên! thắt lại lưng, cứng thân lên nào!

Và cô ta gọi mẹ: « Mẹ ơi! vào nhanh lên! » Bà lão bước vào theo sau là bốn người làm chứng chính thức, mỗi người cầm một cây đuốc. Chào hỏi xong, họ ngồi thành vòng tròn. Cô gái, theo tục lệ hạ mạng che mặt xuống rồi khoác một chiếc khăn quàng to. Những người

làm chứng ký vào tờ giao ước trong đó cô gái nhận là tôi đã đưa cô các khoản trước sau là một vạn đina hồi môn, tự nhận là con nợ của tôi. Nàng thưởng cho những người làm chứng theo thông lệ. Họ chào ra về. Bà mẹ cũng ra. Chỉ còn lại hai chúng tôi trong căn phòng lớn có bốn cửa lỏ vỏ kính.

Cô gái đứng dạy cởi áo ngoài, chỉ còn một áo lót mỏng, thêu rất đẹp. Sáng dạy, tôi chuẩn bị đi thì nàng cười ranh mãnh:

– Chàng đi đâu? Chàng tưởng cửa ra cũng rộng mở như cửa vào đấy hẳn. Azit! đừng hiểu lầm, chàng Azit ngây thơ hỡi, chớ coi tôi như cô con gái mụ Đalila Qui Quyệt. Bỏ cái ý nghĩ nhục nhã ấy đi. Azit, chàng quên rằng chàng đã lấy tôi bằng luật pháp bằng hôn nhân có giao ước. Nếu chàng say thì hãy tỉnh lại và xử sự cho hợp lý. Chàng nhìn xem: Nhà này một năm chỉ mở cửa một lần trong một ngày. Hãy đứng lên tìm xem tôi nói có đúng không.

Tôi sợ hãi đi về phía cửa lớn xem xét thì thấy cửa đã cài, khóa lại, đóng đinh không mở được nữa. Tôi về chỗ cô gái, xác nhận lời cô nói là đúng. Nàng mỉm cười, sung sướng.

– Azit chàng hỡi! Ở đây bột mì, hạt đậu, quả tươi quả khô, lựu vỏ khô, đường, kẹo, mứt, cừu, gà và những thứ tương tự vô số đủ nuôi chúng ta trong nhiều năm. Điều này cũng chắc chắn như việc chàng phải ở đây với em một năm. Chàng hãy đành lòng và bỏ cái vẻ mặt ỉu xìu ấy đi.

Tôi thở dài. Trăm sự đành nhờ chúa Ala cả thôi.

– Chàng phàn nàn gì vậy? Đồ ngốc! Nàng nói. Làm sao mà phải thở vắn, than dài? Đêm qua, chàng đã chẳng tỏ ra thành thạo với cái nghề gà trống của mình đó sao?

Và nàng cười. Tôi cũng cười. Từ đó, tôi chỉ còn biết nghe theo và làm đúng những gì nàng muốn. Thế là tôi phải ở lì đấy suốt mười hai tháng, ăn uống cho béo để làm cái nghề gà trống. Còn nàng thì cuối năm đẻ được một đứa con. Mãi tới khi ấy tôi mới nghe tiếng kẹt cửa lần đầu tiên. Tôi thầm kêu được giải thoát Ya Ala!

Cửa mở. Một đoàn người vào, đem thức ăn cho năm sau: hàng gánh đường, bột, kẹo, mứt và các thức ăn tương tự. Tôi muốn nhảy ngay ra đường phố, nhảy ngay đến tự do. Nhưng nàng nắm lấy vạt áo tôi mà rằng.

– Hỡi Azit bội bạc, ít ra chàng cũng chờ cho đến tối, đến cái giờ phút năm ngoái chàng vào đây.

Tôi đành phải nán lại. Tối đến, tôi đứng dậy đi về phía cửa. Nàng tiễn tôi, bắt phải thề trở lại trước khi cửa đóng buổi mai. Tôi phải lấy thanh gươm đức Sứ giả (cầu chúc Người bình an), lấy Kinh Thánh và sự Ly Hôn mà thề.

Ra khỏi nhà, tôi rảo bước về với bố mẹ. Qua nhà người yêu, người mà vợ mới của tôi là con gái mụ Đalila Quỷ Quyệt, tôi tạt vào. Tôi ngạc nhiên vô cùng, vì cổng vườn vẫn mở, phía trong vẫn cây đèn thắp sáng.

Tôi cảm kích và cũng bực mình, tự nhủ: « Một năm rồi, ta không tới đây, nay đến bất ngờ mà thấy y hệt như xưa. Azit này, mẹ chắc khóc mi coi như đã chết, nhưng trước khi về với mẹ, cũng phải xem người tình cũ của mi ra sao đã. Ai biết chuyện gì đã xảy ra từ bấy đến nay »?

Tôi đi rất nhanh đến gian phòng có vòm khung có mái tròn bằng gỗ mun và bằng ngà. Tôi nhảy bổ vào. Người tình của tôi kia rồi. Nàng ngồi cúi lom khom,

một tay tựa má. Nàng giật mình, cố đứng dạy, lại xúc động ngồi phịch xuống. Sắc da nàng thay đổi nhiều quá, mắt ướt lệ, vẻ mặt buồn thiu. Một lúc, nàng lên tiếng, giọng thắm thía:

– Azit! chàng đã đến! Khen thay chúa Ala!

Tiếng reo hồn nhiên như trách tôi đã bạc tình khiến tôi bối rối, cúi đầu. Nhưng rồi tôi cũng đến ôm hôn nàng mà hỏi:

– Sao nàng lại đoán biết tôi đến tối nay?

– Em đâu biết chàng đến? Từ một năm nay, đêm nào em chả ngồi đây đợi chàng. Em chỉ khóc thầm, gầy mòn dần, khác xưa nhiều, vì thức đêm, vì mất ngủ. Từ hôm tặng chàng chiếc áo lụa mới và bắt chàng hứa phải trở lại, em cứ chờ đợi thế này. Chàng cho em hay vì sao xa em lâu thế.

Thưa hoàng tử Điađem, tôi ngây thơ kể lại chi tiết chuyện của tôi, cả chuyện tôi cưới người thiếu nữ có đôi đùi đẹp. Rồi tôi nói:

– Tôi chỉ ở đây với nàng được có đêm nay. Tôi đã lấy ba điều thiêng liêng nhất thề với vợ tôi là tôi sẽ về trước khi trời sáng.

Nghe tin tôi đã cưới vợ, nàng tái mặt, ngồi im vì bất bình, cuối cùng nàng to tiếng:

– Đồ khốn nạn! Ta biết ngươi trước mà ngươi không dành được cho ta một đêm nào trọn vẹn, cả đối với mẹ ngươi cũng thế. Ngươi tưởng ta cũng kiên tâm được như nàng Aziza kỳ diệu mà chúa Ala thương tình đấy hẳn? Ngươi chớ tưởng ta sẽ chết héo vì sự phụ bạc của người. Ôi! tên Azit đê tiện. Giờ thì đố ai cứu mi khỏi tay ta. Không có lý gì ta tha mi. Giờ mi đã có vợ con thì còn làm được trò trống gì. Ta vốn ghê tởm những kẻ có vợ, ta chỉ vui thú với những kẻ

độc thân. Từ nay, mi không phụng sự được ta nữa. Mi không phải là của ta. Và ta cũng không muốn mi thuộc về bất kỳ ai. Chờ đấy.

Giọng cô ta ghê gớm, mắt như xuyên thủng người tôi. Tôi biết sẽ có chuyện. Tôi chưa kịp suy nghĩ gì thêm thì mười nữ nô trẻ, gân guốc hơn những tên da đen quật tôi xuống, chặn cứng lên người. cô ta thì lăm lăm một con dao phay sáng loáng :

– Chúng tao sẽ cắt tiết mi, như người ta cắt tiết mấy con dê đa dục vậy. Như thế là ta báo thù cho ta, luôn thể cho nàng Aziza đáng thương mà mi đã làm cho đau khổ đến nổ gan ra. Azit ! Mi phải chết ! Cầu chúa đi !

Nói rồi, cô ta tì gối lên trán tôi, còn mấy con hầu thì giữ chặt không cho tôi thở nữa. Chắc chắn tôi phải chết, nhất là khi thấy chúng hành động trên người tôi. Quả vậy. hai đứa ngồi lên bụng tôi, hai đứa giữ chân, hai đứa ngồi lên đầu gối. Cô ta đứng dạy cùng với hai đứa khác dùng roi đánh vào gan bàn chân tôi vô hồi kỳ trận. Tôi đau quá, lịm đi. Chúng phải nghỉ tay. Tôi tỉnh lại, kêu lên :

– Ta không chịu nổi hình phạt này, cho ta chết thôi !

Cô gái ra chiều theo ý tôi, vớ lấy con dao phay ghê rợn, liếc vào chiếc giày vải của mình và bảo hai nữ nô : « Dướn cổ hắn lên ! » Đúng lúc ấy, bỗng chúa Ala gợi tôi nhớ mấy lời cuối cùng của Aziza và tôi kêu lên : « Cái chết còn êm ái và đáng ưa hơn là sự phản trắc ». Nghe vậy, cô gái thét lên một tiếng sợ hãi, rồi nói :

– Aziza nàng hỡi ! cầu chúa thương nàng ! Nàng vừa cứu được người anh họ khỏi cái chết không gì cứu khỏi.

Nói xong, cô gái nhìn tôi mà rằng:

– Còn mi! nhờ mấy lời của Aziza cứu thoát, mi đừng tưởng thế là xong nợ. Thế nào ta cũng phải báo thù mi, báo thù cái con đĩ rạc đã giữ mi xa ta. Để đạt hai mục đích ấy, ta có một cách hiệu nghiệm nhất, cách duy nhất.

Nàng bảo bọn con hầu:

– Này! Nghe đây! Đè hắn cho chặt, không cho cựa quậy, trói nghiến hai chân lại!

Rồi nàng đi lấy một cái chảo bằng đồng thau có dầu và phó mát, đặt lên bếp lửa, chờ cho phó mát tan trong dầu sôi thì đến chỗ tôi mà lột chiếc quần cộc tôi ra. Nỗi sợ hãi và xấu hổ chạy rần rật khắp người tôi. Tôi biết chuyện gì sẽ đến. Nàng lấy một sợi giây bôi sáp buộc vào cái giống đực của tôi, đưa hai đầu cho hai nữ nô kéo thật căng rồi dùng dao cạo lia một nhát.

Thưa hoàng tử, đau đớn, tuyệt vọng, tôi ngất đi. Tỉnh lại thấy phía dưới bụng tẹt như đàn bà. Bọn nữ nô đang lấy dầu phó mát thấm vào chỗ thiến cho cầm máu.

Mọi việc xong xuôi, cô gái đến đưa cho tôi một cốc nước đường, rồi nói, giọng khinh bỉ:

– Uống đi, rồi ở đâu đến thì giờ về đấy! Đối với ta, bây giờ, mi chẳng là cái thá gì cả, chẳng dùng được việc gì, vì rằng cái ta cần, ta đã xẻo lấy rồi. Điều ta muốn, ta đã thực hiện.

Nhiếc mắng xong, nàng đá tôi ra khỏi nhà và còn nói với:

– Còn cái đầu trên cổ thế là hạnh phúc lắm đấy!

Tôi đau đớn lết từng bước một về đến nhà người vợ trẻ. Đến nơi, thấy cửa vẫn ngỏ, tôi lặng lẽ bước vào, lăn kềnh lên đệm giữa phòng lớn. Vợ tôi chạy ra.

thấy tôi mặt xám lại thì quan sát kỹ càng, bắt tôi phải kể lại câu chuyện và cho xem người. Nghĩ mà ngán ngẩm cho thân hình, không chịu nổi, tôi lại ngã lăn ra thiếp đi.

Tỉnh lại, tôi thấy mình nằm ngoài phố, ngay dưới chân cái cổng to. Vợ tôi thấy tôi chẳng khác gì phụ nữ đã quẳng tôi ra khỏi nhà.

Tôi cố gượng đi về, nép vào lòng mẹ, người mẹ đã khác nhiều, không biết tôi lạc bước tại phương nào. Bà thấy tôi xanh xao, yếu ớt quá, càng khóc to. Tôi nhớ Aziza khốn khổ, dịu hiền của tôi, chết vì buồn phiền mà không một lời oán trách. Lần đầu tiên, tôi thấy tiếc nàng và, vì thất vọng, vì hối hận mà khóc nàng. Tôi vừa dịu lòng được một lát, thì mẹ tôi khóc bảo tôi:

– Con ơi! nhà ta gặp nhiều bất hạnh quá! Mẹ cho con hay cái điều xấu nhất: cái chết của cha con!

Nghe tin, tôi khóc nức nở, tiếng khóc như nghẹn lấy cổ. Tôi lặng người đi một lúc rồi gục mặt xuống đất, phủ phục như thế suốt đêm. Sáng dạy, mẹ tôi đến ngồi cạnh tôi. Nước mắt lặng lẽ chảy trên má, tôi cứ ngồi nhìn mãi chỗ Aziza thường ngồi trước kia.

– Con ơi! Mẹ tôi nói, đã mười ngày nay, mẹ thui thủi một mình trong căn nhà đã vắng ông chủ của nó, mười ngày cha con đã mất trong tình thương của Chúa.

– Mẹ ơi! khoan hãy nói đến cha. Giờ con muốn nghĩ đến Aziza tội nghiệp trước đã, con không đủ đau thương cho những kỷ niệm khác – Ôi Aziza bị anh ruồng bỏ, em mới thật sự yêu anh. Hãy tha thứ cho kẻ khốn nạn đã giày vò em. Tội lỗi và sự phản trắc của hắn đã bị trừng phạt quá đáng.

Mẹ tôi nhận thấy tôi đau khổ thật sự, đau khổ mênh mông, nhưng bà không nói gì. Trước mắt, bà hãy băng bó vết thương cho tôi, tầm bổ cho tôi lại sức. Bà vẫn tỏ ra âu yếm tôi:

– Lạy Chúa, bà nói, đã phù hộ cho con khỏi những tai họa xấu nhất, đã cứu con thoát chết.

Bà cứ thế, an ủi chăm sóc cho đến khi tôi lành hẳn mặc dù vẫn ốm tinh thần về kỷ niệm xưa.

Một hôm sau bữa cơm, mẹ tôi đến ngồi cạnh tôi, thủ thỉ:

– Con ạ, mẹ thấy đã đến lúc trao cho con vật lưu niệm của con Aziza tội nghiệp. Nó dặn mẹ chỉ trao cho con khi mẹ thấy con tỏ ra thật bụng thương tiếc nó và cắt bỏ hẳn những sợi dây bất chính ràng buộc con.

Bà mở hòm lấy ra một cái gói, mở gói ra đưa tôi một tấm khăn có thêu con linh dương thứ hai mà Ngài thấy đấy, thưa hoàng tử. Và đây là mấy câu thơ thêu bên cạnh:

« Anh làm cho trái tim em khao khát anh rồi anh lại nghiền cho nát. Anh đã làm cho mắt em quen thức mà ru anh ngủ.

Dưới mắt em, anh nghe thấy tim em thổn thức mà anh toàn mơ màng đến những mối tình đâu xa, trong khi mắt em, tim em như muốn tan đi vì tha thiết với anh.

Chị em hỡi, khi tôi chết rồi, hãy đề lên mộ chí của tôi: « Hỡi ai đi trên con đường của chúa Ala, đây là miếng đất cuối cùng đã an nghỉ một kẻ nô lệ cho ái tình ».

Đọc mấy câu thơ, tôi khóc sướt mướt, tự tát vào má mình. Khi mở tấm khăn, tôi để rơi một mảnh giấy sau này do chính Aziza viết:

«Hỡi người anh họ mến yêu của em! Em yêu, em quí anh hơn cả máu thịt và sinh mệnh của mình. Cho nên sau khi chết, em vẫn cầu chúa cho anh được toại nguyện với tất cả những cô gái anh ưa. Em biết con gái mụ Đalila Quỉ Quyệt sẽ làm anh khốn đốn. Anh nên coi đây là một bài học. Nên bật rễ khỏi trái tim, những thứ tình nguy hiểm của bọn đàn bà xấu xa. Chớ nhẹ dạ trong luyến ái. Cảm tạ Chúa cho em đi trước để khỏi phải đau lòng chứng kiến nỗi đau đớn của anh. Em xin anh, vì Chúa, mà giữ lấy chút kỷ niệm vĩnh quyết này, tấm khăn có thêu con linh dương. Nó là bạn của em trong những lúc anh vắng nhà. Công chúa Xet Đônia của đảo Long não và đảo Pha lê gửi cho em đó. Gặp bất hạnh, anh nên đến hai đảo này tìm nàng. Nhưng anh Azit ạ, nhan sắc và sức quyến rũ của nàng không phải để cho anh, nên anh chớ có nặng lòng. Nàng sẽ chỉ giúp anh khỏi buồn phiền, tâm hồn thôi khắc khoải.

Utxalam, anh Azit ạ».

Đọc xong, thưa hoàng tử, tôi lại càng xúc động, còn bao nhiêu nước mắt, thôi thì tôi khóc cho hết. Mẹ tôi cũng khóc, cho mãi đến tối.

Buồn đau suốt một năm, tôi mới nghĩ đến việc đi tìm công chúa Đônia. Mẹ tôi cũng khuyến khích tôi đi.

— Đi xa sẽ giải phiền và làm con hết buồn. Đúng lúc này ở thành phố ta có một đoàn nữ thương sắp đi. Con mua ít hàng hóa rồi xin nhập với đoàn. Ba năm sau, con sẽ về cùng họ. Con sẽ quên đi nỗi tang tóc đè nặng lên tâm hồn con, con khoan khoái thì mẹ cũng vui lòng.

Tôi nghe lời mẹ, mua ít hàng quí giá cùng đoàn lữ thương đi khắp nơi. Có điều tôi không có can đảm bày hàng hóa như họ. Trái lại, ngày nào tôi cũng ngồi riêng một chỗ, trải tấm khăn kỷ niệm của Aziza ra trước mặt, vừa nhìn vừa khóc. Cứ như thế cho đến một năm sau chúng tôi tới được biên giới đất nước công chúa Đônia. Đó là bảy hòn đảo Long não và Pha lê.

Vua xứ này là Saramân, cha của Xet Đônia. Công chúa có tài thêu linh dương lên lụa mà gửi tặng các bạn gái.

Đến đây, tôi nghĩ bụng: « Azit hỡi, kẻ tàn tật đáng thương, kẻ mà nơi dưới bụng tẹt nét như đàn bà, giờ thì những nàng công chúa, những cô gái trẻ trên trái đất này đối với ngươi còn có nghĩa lí gì? »

Tuy nhiên, nhớ lời Aziza, tôi cũng tìm hiểu kỹ xem có cách nào gặp được công chúa. Vô ích, không ai chỉ cho tôi cách gì cả. Một hôm tôi đi dạo ở các khu vườn quanh thành phố, lấy màu xanh của cây cối mà khuây khỏa nỗi buồn. Hết vườn này qua vườn kia, tôi bỗng đến một khu cây rất đẹp, chỉ nhìn không thôi cũng đủ lâng lâng tấc dạ.

Trên cái bục ở cổng vào, có ông già canh cổng ngồi, một ông già đạo mạo, vẻ mặt thành kính. Tôi đến chào, hỏi xem khu vườn là của ai.

– Của công chúa Xet Đônia, ông già đáp. Cậu có thể vào dạo chơi một lát hít thở hương thơm của hoa và của cây.

– Cảm ơn cụ, nhưng cụ có thể cho phép cháu đứng nấp sau bụi hoa kia chờ công chúa đến mà ngắm một tí cho sướng không?

– Lạy chúa! Không được!

Tôi thở dài. Ông già nhìn tôi âu yếm mà dắt tôi vào vườn. Ông dẫn tôi đến một nơi có bóng lá ướt trông ngoạn mục. Ông hái những quả chín ngọt nhất đưa tôi:

– Ăn đi cho mát, ông nói. Chỉ có công chúa Đônia là biết mùi vị của những thứ này. Cậu ngồi đây, đợi tôi một lát.

Ông bỏ đi lấy một con cừu non quay đem đến mời tôi ăn một cách rất vui vẻ, xẻo cho tôi những miếng ngon nhất. Thấy ông tốt quá, tôi đâm bối rối, không biết cảm ơn thế nào.

Đang ăn uống, chuyện trò thân mật thì có tiếng cánh cổng mở nghe như hát. Ông già vội kêu lên:

– Cậu đứng dạy, nhanh lên! Đến nấp ở chỗ này. Đứng im.

Từ chỗ nấp, qua một kẽ hở, tôi thấy ở phía cổng hé mở cái đầu của một viên thị vệ da đen nhô vào hỏi:

– Ông già giữ vườn ơi, có ai trong này không? Công chúa Đônia đến đấy!

– Thưa ngài không có ai cả.

Rồi ông chạy đến mở rộng cổng ra. Thưa hoàng tử, thấy Xet Đônia, tôi ngỡ đây là Hằng Nga giáng thế. Tôi như bị đóng đinh tại chỗ, mồm há hốc ra, lặng người như chết. Tôi khát khao được nói một lời với nàng mà vẫn không thở ra hơi, tôi đứng im suốt thời gian công chúa dạo trong vườn. Tôi như kẻ qua sa mạc khát cháy họng, đến hồ nước thì kiệt sức không lê nổi mình đến chỗ nước trong. Tôi thấy rõ là từ lâu tôi đã thành phụ nữ rồi thì chẳng còn tạo ra được niềm hoan lạc gì cho công chúa Đônia hay cho bất kỳ người phụ nữ nào khác. Tôi chờ cho Xet Đônia ra về thì cũng từ biệt ông lão giữ vườn. Tôi vội tìm đoàn lữ

thương, nghĩ bụng: « Azit! mi đã nhẫn thín, mà không khuất phục nổi những ai về mặt tình ái nữa đâu. Về với mẹ đi thôi mà chết bình an trong căn nhà không có ông chủ. Đối với mi, đời không còn nghĩa lý ». Đến được xứ này khó nhọc biết bao, nhưng vì thất vọng quá, tôi cũng chẳng muốn nghĩ tới lời Aziza bảo tôi rằng công chúa Đônia có thể làm cho tôi có hạnh phúc. Vậy là tôi theo đoàn lữ thương về nước. Và thế là tôi đến đất này thuộc quyền vua Xôlâymân Sát, phụ vương của Ngài, hoàng tử Điađem.

Chuyện tôi là thế đấy.

TRUYỆN CÔNG CHÚA ĐÔNIA VÀ HOÀNG TỬ ĐIAĐEM

Nghe câu chuyện rất kỳ lạ và được biết công chúa Đônia bí mật mà đáng ưa, lại có tài vẽ và thêu trên lụa, hoàng tử Điađem thấy lòng mình say đắm nên quyết gặp được nàng.

Chàng cùng Azit lên ngựa về Lục Thành. Đến nơi, điều đầu tiên hoàng tử làm là đưa Azit đến ở một tòa nhà rất đẹp, đủ mọi tiện nghi. Đoạn chàng về phòng riêng trong cung điện vua cha, đóng kín cửa mà khóc, không chịu tiếp ai vì những điều tai nghe vốn cũng gây cảm xúc như những điều mắt thấy hoặc cảm thấy.

Vua Xôlâymân Sát thấy con sắc da đổi khác thì biết là Điađem có điều buồn lo.

— Làm sao mà trông con xanh xạo, buồn bã thế? Ngài hỏi. Hoàng tử kể cho nghe mối tình say đắm của chàng với Xét Đônia mặc dù chẳng chưa thấy mặt, chỉ nghe Azit tả lại con mắt, dáng người, sự hoàn mỹ của nàng cùng nghệ thuật tuyệt vời vẽ hoa và thú.

Vua cha đo dự, nói:

— Quần đảo Long não và Pha lê xa quá. Dù Xét Đônia có là một công chúa tuyệt diệu thì ở đây, trong cung mẹ con cũng không thiếu mỹ nữ và nữ nô đẹp của tất cả trái đất này. Trong số năm trăm người đẹp như trăng, con ưng ai thì lấy, bằng không ta sẽ cưới cho con một công chúa con vua láng giềng chắc chắn là đẹp và khéo tay hơn Xet Đônia.

— Con chỉ lấy công chúa Đônia thôi, cô công chúa vẽ linh dương trên gấm vóc rất đẹp ấy. Thế nào cũng phải cưới cho con nếu không con sẽ trốn khỏi đất nước, bỏ bạn, bỏ nhà, rồi tự tử cho xong.

Vua thấy trái ý hoàng tử là bất lợi nên nói:

— Con hãy kiên nhẫn ít lâu để ta cho một phái đoàn đến quần đảo Long não và Pha lê hỏi con gái vua nước ấy cho con, theo đúng nghi lễ như trước kia ta đã làm khi cưới mẹ con. Nếu ông ta từ chối ta sẽ huy động một đạo binh mà khi dàn ra: tiền quân sẽ ở biên giới quần đảo Long não và Pha lê, hậu quân thì ở sau dãy Ixpahân, biên giới của nước ta. Đạo binh sẽ tàn phá tất cả các vùng của đất nước ông ta. Ta sẽ làm cho đất đai rung chuyển dưới chân và toàn vương quốc ông ta rơi vụn trên đầu ông ta.

Nói rồi, vua cho vời người bạn của Điađem là chàng thương gia trẻ tuổi Azit mà hỏi:

— Ngươi có biết con đường dẫn tới quần đảo Long não và đảo Pha lê không?

— Tôi có biết.

— Ta phái vị Tể tướng của ta đến gặp vua xứ ấy. Ta mong ngươi sẽ theo ông ta,

Rồi vua cho mời viên tể tướng dặn :

— Ngươi hãy đến quần đảo Long não và Pha lê hỏi con gái vua xứ ấy cho con ta, thu xếp thế nào tùy ý.

Tể tướng xin tuân lệnh, còn Điađem sốt ruột, lui về phòng riêng, suốt đêm mơ tưởng, không chịu ăn, không chịu ngủ.

Sáng dậy vua cha vội đến tìm chàng thì thấy chàng thay đổi nhiều, da dẻ xanh xao hơn tối qua. Để an ủi chàng, vua cho chuẩn bị gấp, không quên những tặng phẩm quí giá cho vua quần đảo Long não và Pha lê cùng quần thần của Ngài.

Tể tướng và Azit lên đường.

Họ đi đêm, đi ngày. Gần đến nơi, Tể tướng cho hạ lều trên bờ một con sông, cho người đến báo vua quần đảo Long não và Pha lê biết. Gần tối, thì viên nội thần, đô đốc của nhà vua, ra đón đưa vào cung.

Azit và Tể tướng ra mắt vua, tiến tặng phẩm. Vua nhận ra và cảm ơn. Hai người ở lại trong cung năm ngày, theo tục lệ, nghỉ ngơi cho hết nỗi mệt nhọc đi đường. Sáng ngày thứ năm, Tể tướng mặc chiếc áo cẩm bào, đến trước nhà vua, bày tỏ việc cầu hôn, rồi lễ độ đứng im chờ đợi.

Nghe đến chuyện cầu hôn, nhà vua băn khoăn, cúi đầu, ngẫm nghĩ không biết nên trả lời thế nào cho vị sứ giả của vua Lục Thành hùng cường. Công chúa vốn

rất sợ chuyện chồng con, chắc sẽ bực mình từ chối như đã từng từ chối hoàng tử các nước lân bang cùng bao người khác.

Cuối cùng vua vẫy gọi viên trưởng hoạn quan đến gần :

– Ngươi đem ngay những tặng vật này của Tể tướng đến cho số chủ của ngươi là công chúa Xét Đònia, và ngươi nhắc lại đúng những lời quan tể tướng đã nói.

Viên hoạn quan cúi đầu nhận lệnh, đi ra. Sau một giờ y về mũi dài đến gót mà rằng :

– Tâu đức vua của muôn đời! Thần đến gặp công chúa, trình ý của Ngài tể tướng đây thì thấy mắt công chúa như nẩy lửa. Nàng đứng phắt dạy, tóm lấy cây gậy chạy đến phang vào đầu thần. Thần phải bỏ chạy. Công chúa đuổi theo qua khắp các cửa mà la lên :

– Nếu cha ta cứ ép, thì chồng ta không kịp nhắc mạng nhìn mặt ta đâu. Ta sẽ tự tay giết chàng rồi giết ta sau.

Vua nói với tể tướng và Azit :

– Hai ngài đã nghe thấy đấy. Xin cho tôi gửi lời chào đức vua Xôlâymân Sát, và xin nói giúp rằng con gái tôi rất sợ lấy chồng. Cầu chúa cho hai ngài về đến xứ sở bình an.

Tể tướng và Azit thấy không có kết quả gì, vội về Lục Thành tâu bày lại. Vua Xôlâymân Sát nổi trận lôi đình, muốn tức tốc ra lệnh cho tướng lĩnh đem đại quân tiến đánh quần đảo Long não và Pha lê.

Tể tướng can vua :

– Tâu đức vua, không nên làm như vậy. Lỗi không phải tại cha mà tại con. Chỉ có cô ta là gây cản trở.

Cha cô cũng phiền lòng như chúng ta thôi. Những lời ghê gớm nàng thốt ra với viên trưởng quan, thần cũng đã tâu trình.

Vua Xòlâymân thấy nói có lý, vả lại cũng sợ con sẽ bị giết nếu lấy công chúa. Dù có tràn quân sang bắt công chúa làm nô lệ, cũng chẳng ích gì, vì cô ta đã thề sẽ chết kia mà.

Vua cho vời Điađem nói cho biết sự tình, tuy thấy trước chàng sẽ buồn. Không ngờ hoàng tử không thất vọng, lại quả quyết nói.

— Thưa cha, con không để thế đâu, con thề trước chúa Ala rằng Xét Đônia sẽ là vợ con, nếu không con sẽ chẳng còn là Điađem của cha nữa. Con sẽ đến với cô ta, dù phải thiệt mạng.

— Làm thế nào mà đến được?

— Con sẽ giả làm một thương nhân.

— Nếu vậy, đem tể tướng với Azit cùng đi.

Vua cho đóng mười vạn đina hàng quì, với tất cả của cải trong cung đóng thành gói. Vua cho mười vạn đina tiền mặt, cho ngựa lạc đà, la, và những chiếc lều bọc lụa màu tươi rất sang trọng.

— Điađem hôn tay cha, thắng áo du lịch vào, tìm mẹ để hôn tay từ biệt. Mẹ khóc, cho mười vạn đina và cầu Chúa phù hộ cho chàng được toại nguyện và yên ổn trở về. Năm trăm cung tần vũ nữ vây quanh hoàng hậu cũng khóc, lặng lẽ nhìn chàng với tấm lòng kính trọng và mến thương.

Điađem đem theo anh bạn Azit và vị tể tướng lão thành. Thấy Azit bỗng dưng chảy nước mắt, hoàng tử hỏi tại sao.

— Anh ơi! Azit đáp, em thấy không thể rời anh nhưng em xa mẹ đã lâu, nay đoàn lữ thương của em sắp về nước, mẹ em sẽ ra sao khi không thấy em trong đoàn?

— Cứ yên tâm, Azit, em giúp anh thành công rồi sẽ về nước.

Thế rồi họ lên đường, có vị tể tướng từng trải đi cùng. Tể tướng kể cho họ nghe nhiều chuyện hay để giải khuây và để hoàng tử đỡ sốt ruột. Còn Azit thì đọc thơ, những vần tuyệt diệu của thi nhân, thỉnh thoảng lại sáng tác đôi vần về sự chờ đợi và về những gã si tình.

Đi một tháng thì đến kinh đô nước Long não và Pha Lê. Đến chợ buôn bán lớn, Điađem thấy đỡ lo, tim đập vui hơn. Theo gợi ý của Azit, họ thuê cả một dãy hàng, thuê tất cả các cửa hàng phía dưới, tất cả các buồng ở bên trên, còn Tể tướng thì đi tìm thuê một tòa lầu trong phố. Họ xếp những gói hàng mang theo vào cửa hiệu, nghỉ bốn ngày rồi đi thăm khu bán tơ lụa.

Tể tướng bàn với Điađem và Azit:

— Tôi đang suy nghĩ về việc phải làm trước tiên không có thì không tài nào đạt được mục đích.

— Chúng tôi sẵn sàng nghe vì người già thường có nhiều ý hay nhất là khi lại từng trải việc đời như Tể tướng.

— Ý tôi là không nên để hàng đóng gói ở đây vì khách không thấy được. Phải mở cho hoàng tử, giờ là thương gia, một cửa hiệu lớn ngay tại khu chợ tơ lụa. Ngài ngồi ở mặt hàng, ngay chỗ ra vào để bán và chỉ hàng, còn Azit ngồi phía trong, chuyên vải ra và mở những kiện vải cho Ngài. Ngài thì rất đẹp, Azit

cũng không kém, như thế chẳng bao lâu cửa hiệu ta sẽ đông khách nhất khu chợ.

Điađem khen :

– Ý thật tuyệt !

Rồi vận chiếc áo đẹp của bậc phú thương, Điađem vào khu tơ lụa, theo sau là Azit, tể tướng và mấy người hầu.

Những người bán hàng thấy Điađem đẹp quá choáng váng cả người, quên cả khách mua, kẻ đang cắt vải, giơ kéo lên giời, kẻ mua quên cả mua. Tất cả tự hỏi: « Không biết có phải anh Rađun giữ chùm chìa khóa vườn Thượng uyển quên không đóng cổng để cho chàng thanh niên tiên tử này xổng xuống trần chăng ? » Những người khác, khi chàng đi qua reo lên :

– Ya Ala ! thiên thần của Người đẹp quá !

Đến giữa khu chợ, họ tìm đến chỗ vị trùm phường. Thấy họ, các thương gia đang ngồi đều đứng dạy chào. Họ nghĩ tể tướng là cha của hai chàng trẻ, đẹp.

Tể tướng nói :

– Xin cho hỏi trong các vị đây ai là trùm phường?

– Cụ ấy đây !

Tể tướng nhìn người họ chỉ, thấy đấy là một cụ già cao to, râu bạc phơ, vẻ mặt tươi cười, đáng kính. Cụ chào thân mật, mời ngồi cạnh, trên tấm thảm.

– Tôi sẵn sàng giúp các ngài, cụ nói.

– Hỡi vị lão trượng thanh lịch, bao nhiêu năm tôi dẫn hai cháu đi khắp đó đây cho hai cháu biết các dân tộc để hoàn bị việc học hành, học buôn, học bán, học phong tục tập quán các nơi. Vì vậy, chúng tôi đến ở đây một thời gian để các cháu được nhìn ngắm vẻ mỹ quan của thành phố và học hỏi thuần phong mỹ

tục cùng sự lễ độ của dân chúng ở đây. Chúng tôi xin Cụ cho thuê một cửa hiệu khang trang, địa điểm thuận lợi để bày hàng hóa của đất nước xa xôi chúng tôi.

Vị trùm phường hứa sẽ làm vừa lòng khách. Ông quay về phía hai chàng để nhìn cho rõ. Mới trông, ông đã sửng sốt về sắc đẹp của hai người. Ông thích đến điên cuồng đôi mắt của họ. Ông vốn mê giai đẹp hơn gái đẹp, và thích nhất cái sắc đẹp hấp dẫn của những em bé xinh trai. Ông nghĩ : « Vinh quang thay và đáng khen thay Đức đã sáng tạo, đúc nặn nên họ, biến một chất không có sự sống thành một vẻ đẹp kỳ lạ đến thế ! ».

Cho nên ông đứng dạy ngay, tận tình giúp đỡ họ hơn cả một tên nô lệ hầu hạ chủ nô. Ông dẫn ba người đi xem các cửa hàng còn thuê được, cuối cùng chọn một ngôi, chính giữa khu chợ. Ngôi hàng rộng rãi, sáng sủa, dễ nhìn ngắm, một ngôi hàng xinh xắn, mặt trước bằng ván ghép. Ngăn hàng có nhiều tầng toàn bằng ngà, gỗ mun, và pha lê. Dãy phố ở đây được quét dọn và tưới nước sạch sẽ. Đêm đến, người canh chợ thường đứng gác trước cửa.

Ngã giá xong, ông trùm trao chùm chìa khóa cho tể tướng và chúc :

– Hôm nay ngày tháng tốt, cầu chúa Ala ban phúc và phù hộ cho cửa hiệu vào tay hai vị con Ngài, sẽ buôn bán phát đạt.

Tể tướng cho đem đến bày những hàng qui giá, vải đẹp, gấm vóc và cả cái kho tàng vô giá lấy từ trong tủ vua Xôlâymân Sát. Xong xuôi ông dẫn hai thanh niên đến nhà tắm công cộng, gần cổng chợ, cách đấy mấy bước. Nhà tắm này được tiếng là sạch sẽ, nền đá hoa bóng loáng, năm bậc lên xuống đều có đặt guốc gỗ xếp thành hàng thứ tự.

Đôi bạn trẻ vội vã tắm cho xong, không chờ tề tướng vì nóng lòng về cửa hiệu. Họ hí hửng đi ra, lại gặp ngay vị trùm phường. Ông già mê hai chàng nên ngồi ở bậc lên xuống đợi họ ra. Tắm xong, hai chàng càng đẹp càng tươi. Ông so sánh họ với đôi công non, mảnh dẻ xinh xắn. Ông thấy má họ trở nên hồng hào, mắt đen sẫm, mặt sáng hơn. Hai chàng mềm mại như hai cành cây có thêm màu sắc của quả trên cành, hoặc như đôi mặt trăng dịu hiền, màu sữa. Bất giác ông nghĩ tới câu thơ:

«Chỉ sờ tay chàng thôi mà tất cả các giác quan của ta đã bị kích động và ta rùng mình! Không biết ta sẽ ra sao khi được thấy tấm thân chàng có sắc trong của nước hòa với sắc vàng của ánh dương?»

Ông đến trước mặt họ, nói:

— Mong các cháu tắm xong được khoan khoái! Cầu Chúa cho các cháu luôn luôn được khoan khoái như thế!

Điađem đáp lời, giọng thật dễ thương:

— Chúng cháu ước được cùng cụ chung hưởng!

Để tỏ lòng kính trọng tuổi tác và chức trùm phường của ông già, hai chàng đi trước dẫn ông đến cửa hiệu.

Hai chàng mời ông đi tắm vì đấy là cách tỏ tình thân thiện tốt nhất. Ông già từ chối lấy lệ rồi nhận lời, lòng sáng lên vì ham muốn. Ông cùng họ đến nhà tắm.

Họ vào. Tề tướng, đang hong người trong một buồng riêng, đã nhìn thấy họ. Ông đến ngang chỗ bồn tắm ở chính giữa nơi ba người đang đứng. Ông cố mời ông già vào buồng riêng nhưng ông già từ chối không muốn lạm dụng lòng tốt của Tề tướng, nhất là Điađem và Azit lại nắm tay ông già mà lôi đến buồng họ.

Azit và Điađem cởi hết áo quần ông già ra, và cũng cởi hết quần áo của mình. Hai người xoa bóp cho ông già thật mạnh. Điađem tranh lấy phần gội xà phòng cho ông còn Azit giành việc lấy chậu đồng giội nước.

Hai người cứ thế mà kỳ cọ, mà xát xà phòng, mà dội nước, thì bỗng tể tướng đến khiến ông già thất vọng Hai chàng dùng khăn to, nóng lau người cho ông rồi lại lau bằng khăn mát, thơm. Họ mặc quần áo cho ông, mời ngồi trên chiếc bục ăn kem mùi xạ hương, có rưới nước hoa hồng.

Ông già vờ chú ý nghe chuyện Tể tướng. Thực ra, ông chăm chú nhìn hai thanh niên duyên dáng đi đi lại lại chăm sóc ông. Tể tướng chúc mừng theo xã giao sau khi tắm. Ông già nói: «Các ngài vào thành phố chúng tôi, ân huệ cũng theo vào!» và:

«Thấy khách đến, đồi núi trở lại xanh tươi, đất đai rung chuyển nở thêm hoa; rồi đất cùng người reo vui đón chào những vị khách phong lưu».

Cả ba người cảm ơn ông già về tính tình tao nhã và đưa ông già về tận nhà. Ông già mời họ dùng cơm. Họ cáo từ. Ông già ngây người đứng nhìn họ xa dần.

Về tới nhà, ba người cùng nhau ăn uống rồi đi ngủ. Sáng dạy, tắm rửa, cầu kinh xong, cổng chợ mở, họ đến cửa hiệu để khai trương.

Đến nơi, họ thấy các người hầu đã bày biện, trang hoàng lịch sự đâu vào đấy. Cửa hiệu được chăng màn lụa, đặt hai tấm thảm đúng chỗ, mỗi tấm đáng giá một nghìn đina, hai chiếc gối viền, thêu kim tuyến, mỗi chiếc trị giá một trăm đina. Trên các ngăn hàng bằng ngà, gỗ mun, pha lê là những hàng quí xếp đặt ngăn nắp.

Hai tấm thảm thì một tấm Điađem ngồi, một tấm Azit ngồi. Tề tướng ngồi cách đều hai người, chính giữa cửa hiệu, còn các người hầu đứng quanh, gọi dạ bảo vâng rất nhanh nhẹn.

Không bao lâu, dân chúng đều biết tiếng cửa hiệu kỳ diệu này. Khách khắp nơi đến tranh nhau được nhận hàng mua từ tay người thanh niên, gọi là Điađem mà sắc đẹp làm quay cuồng mọi đầu óc, bay mất mọi trí khôn. Tề tướng nhận thấy mọi việc tiến hành mỹ mãn, dặn Điađem và Azit một lần nữa phải hết sức kín đáo, rồi lặng lẽ về nhà nghỉ.

Thời gian nhanh chóng trôi qua, Điađem vẫn không thấy động tĩnh gì về phía Đônia thì bắt đầu sốt ruột và thất vọng đến mất ăn mất ngủ. Bỗng một hôm, ngồi trước cửa hiệu, chàng thấy một bà già chững chạc phủ một tấm mạng xa-tanh đen đi qua. Bà để ý ngay đến ngôi hàng sang trọng và người bán hàng trẻ đẹp ngồi trên tấm thảm. Bà xúc động quá nghĩ bụng: « Đây không phải là một người trần mà là một thiên thần hoặc một vì vua chúa của một quốc gia trong mơ » Bà chào, Azit từ phía trong làm hiệu cho Điađem. Chàng đứng dạy, cười rất tươi mời bà ngồi xuống thảm. Chàng ngồi cạnh, lấy quạt quạt cho bà ráo mồ hôi.

– Cậu đẹp đẽ, có duyên, thập phần hoàn hảo thế này, cậu là người đây ta đấy à? Bà hỏi.

Điađem đáp, giọng trong trẻo, dễ thương, quyến rũ:

– Lạy chúa! đây là lần đầu tiên cháu đặt chân lên đất này. Cháu đi chơi để giải trí thôi, còn buôn bán cốt để cho đỡ buồn.

– Xin chào vị khách duyên dáng của thành phố chúng tôi. Bà tiếp. Thế, từ đất nước xa xôi, cậu mang những gì đến đây? Cho già xem thứ gì đẹp nhất ấy! Vì đẹp thì thích đẹp mà!

Điađem cảm động vì những lời ngọt ngào ấy. Chàng mỉm cười để cảm ơn và nói:

— Trong hiệu, cháu có nhiều thứ chắc là bà vừa lòng vì là những thứ xứng đáng với các nàng công chúa và những người như bà.

— May quá. Già đang tìm mua ít vải đẹp may áo cho công chúa Đônia, con gái đức vua Saramân của già.

Nghe đến cái tên muôn vàn yêu quí, Điađem không nén được lòng, bảo Azit:

— Azit hỡi, đem ngay ra đây cái món hàng đẹp nhất quí nhất ấy.

Azit mở một cái tủ kê ngay ở gần đó. Tủ này chỉ có một gói hàng thật đặc biệt. Vỏ bọc ngoài bằng nhung Đamát, viền hạt nhỏ bằng vàng, có thêu hoa lá nhiều màu, giữa là một con voi say sưa nhảy múa. Gói hàng tỏa một mùi thơm thoang thoảng mà ngất ngây. Azit lấy trao cho Điađem. Chàng mở lấy ra một mảnh vải vừa đủ để may một chiếc áo cho một tiên nữ hoặc cho một công chúa diệu kỳ. Còn muốn tả hết những viên ngọc cùng những đường thêu kín hết những sợi ngang của tấm vải thì phải là những nhà thơ được chúa Ala gợi cảm mới làm nổi. Ít nhất mảnh vải cũng đáng giá mười vạn đina không kể cái vỏ bọc ngoài.

Điađem thong thả trải ra trước mắt bà già. Bà thấy không biết nên ngắm mảnh vải hay khuôn mặt của chàng thanh niên có đôi mắt đen láy.

— Vải này được đây. Già phải giả cậu bao nhiêu?

Chàng nghiêng đầu, đáp:

— Cháu phải các thêm tiền cho bà thì có, vì được may mắn biết bà.

— Hỡi chàng thanh niên quí mến! Cô nào được ngồi vào lòng cậu được vòng hai tay ôm cậu thì diễm phúc biết bao! Nhưng kiếm đâu được một cô xứng với cậu. Về phần già, già biết trên khắp mặt đất này, chỉ có một cô là xứng với cậu thôi. Nhưng này, hỡi con công non kia, tên cậu là gì nhỉ?

— Điađem ạ.

— Ôi, một tên dành cho các vị hoàng tử con vua. Làm sao một thương gia lại mang cái tên có nghĩa là « vương miện » ấy được?

Azit từ nãy chưa nói một lời, giờ mới thốt lên tiếng đỡ lời bạn:

— Bà ơi! anh ấy là con một, bố mẹ quí lắm nên mới đặt cho cái tên hoàng tử như thế đấy.

— Đúng! Nếu Nhan Sắc phải bầu một vị vua thì nhất định phải chọn Điađem. Điađem hỡi! Từ nay già này sẽ là nô lệ của cậu. Chúa Ala bảo đảm cho lòng tận tụy của già đối với cậu. Rồi cậu ắt thấy già sẽ làm gì giúp cậu. Cầu chúa che chở cho cậu khỏi Số mệnh bi đát và khỏi con mắt những kẻ hiếu kỳ.

Nói rồi bà ta cầm cái gói quí giá mà đi, về đến nhà còn cảm động. Bà vốn là vú nuôi của Xét Đônia, cho bú mớm từ tấm bé. Đônia thấy bà cắp gói hàng trịnh trọng thì hỏi:

— Vú đem cho tôi cái gì nữa đấy? Cho xem nào!

— Hỡi cô chủ của tôi, cô cầm lấy cái này mà xem

Bà mở gói ra. Đônia thích quá:

— Bà Đuđu tốt bụng của tôi ơi! Áo đẹp quá. Nhưng vải này, nước ta làm gì có? Nàng nói.

— Đúng là đẹp thật! Nhưng giá cô được thấy người bán hàng trẻ đã cho tôi vải mang về cho cô! chàng đẹp

biết chừng nào! Anh gác Rađun vườn Thượng uyển đã quên không đóng cồng để chàng xuống trần làm mát gan thiên hạ. Tôi ước ao chàng thanh niên rạng rỡ ấy được ngủ trong lòng cô và...

Đônia ngắt lời:

– Cái nhà vú này! Thôi đi! sao lại nói chuyện đàn ông đàn ang với ta? Thứ khói nào đã làm cho vú đen đầu óc đi như thế. Thôi, hãy đưa cái áo tôi xem gần một chút.

Rồi nàng cầm lấy mà vuốt ve, lại khoác thử vào người. Vú tấm tắc:

– Cô mặc đẹp đấy. Nhưng đẹp có đôi vẫn hơn đẹp lẻ chiếc! Ôi Điađem!

– Mụ Đuđu quỉ tha ma bắt! Mụ Đuđu xấu xa! Không được nói gì nữa. Đến cửa hiệu, hỏi xem tên thương gia ấy có nguyện vọng gì, muốn xin một việc gì không, phụ vương ta sẽ y ngay.

Bà già nheo mắt cười:

– Một nguyện vọng? Lạy chúa, tôi chắc chàng có đấy. Ai lại không có nguyện vọng.

Bà vội đến cửa hiệu Điađem.

Thấy bà, Điađem như mở cờ trong bụng. Chàng nắm tay bà mời ngồi xuống cạnh, mời uống nước, ăn kẹo. Bà nói:

– Già đem cho cậu tin này: Cô chủ Đônia của già chào cậu, và nhắn nói với cậu rằng cậu đến là làm vinh dự cho thành phố, là làm cho nó sáng bừng lên. Cậu có nguyện vọng gì, xin cứ nói.

Điađem như mở cờ trong bụng. «Việc thế là xong». Chàng nghĩ, và nói với bà già:

— Tôi chỉ có một nguyện vọng là nhờ bà đưa cho Xét Đònia lá thư tôi sắp viết, và đem đến cho tôi thư nàng trả lời.

Điađem bảo Azit lấy cho mình cái nghiên mực bằng đồng, giấy và bút ống sậy. Chàng viết:

«Tôi tìm trong nỗi đau chờ đợi bao điều viết lên mặt giấy, gửi cho nàng, hỡi nàng tối cao.

Dòng đầu, tôi viết những dấu hiệu của ngọn lửa bốc cháy trong tôi. Dòng hai, lòng ham muốn và tình yêu của tôi.

Dòng ba, cuộc đời và lòng kiên nhẫn. Dòng bốn, tất cả lòng nhiệt thành. Dòng năm, khát vọng của đôi mắt thèm nhìn ngắm.

Và dòng sáu, lời cầu xin một chốn hẹn hò». Cuối thư là một dòng thay chữ ký.

«Những vần thơ này nạm vào nhan sắc của nàng là do tay một tên nô lệ của một lòng ham mến từ lâu, một tù nhân trong ngục đau khổ, một bệnh nhân của nỗi giày vò, một kẻ kêu cầu được nàng nhìn đến. — Chàng thương gia Điađem.»

Chàng đọc lại, thấm cho khô, gấp thư, đóng dấu và đưa bà già kèm theo một cái túi trong có một nghìn đina để đền công bà.

Bà già chúc thành công rồi về cung. Vừa thấy bà, công chúa đã hỏi:

— Thế nào bà Đuđu tốt bụng của tôi, chàng thương gia muốn điều gì để tôi xin phụ vương cho chàng toại nguyện.

— Thưa cô chủ, tôi cũng chẳng hiểu chàng muốn xin gì. Đây là thư chàng, tôi không biết trong thư nói gì.

Và bà trao lá thư cho công chúa. Đônia đọc xong, bực tức:

– Ôi! Thằng lái buôn vô sỉ! Hắn dám ngấp nghé ta cơ à?

Nàng tát vào má mình như điên như dại:

– Ta phải treo cổ thằng khốn nạn ấy ngay trước cửa hiệu của hắn mới được!

Bà già ra vẻ ngây thơ hỏi:

– Có chuyện gì ghê gớm thế, thưa công chúa? Tên thương nhân này vòi giá cả một cách quá quắt chăng?

– Khốn khổ! công chúa nói, chỉ toàn chuyện yêu đương, chuyện đắm say.

– Táo gan thật! Vậy! Công chúa cần phải viết thư đe dọa cái tên đều cáng ấy để hắn dừng tiếp tục.

– Đúng! Nhưng ta sợ viết như thế càng làm cho hắn táo gan hơn.

– Không đâu! Điều đó buộc hắn phải suy nghĩ tới những cử chỉ rồ dại của hắn.

– Nếu vậy, vú đem bút mực lại đây cho ta.

Và nàng viết:

« Đồ mù quáng tự huyễn hoặc! Người với sao trên trời, làm như kẻ trần tục với tới được trăng sao.

Để mở mắt cho ngươi, ta lấy Đức đã tạo ngươi thành con sâu đất, lấy vô biên tạo nên sự trinh bạch của những vì tinh tú tinh khiết, mà thề rằng:

Nếu ngươi lại tái phạm hành động vô liêm sỉ, ta sẽ cho đóng đinh nhà ngươi lên một tấm ván xẻ từ một thân cây đáng nguyền rủa, làm gương cho những tên đều cáng khác ».

Nàng đóng dấu lá thư, đưa cho bà già. Bà vội đi ngay đưa cho Điađem. Điađem đang nóng lòng chờ, cảm ơn bà. Đọc xong, chàng buồn lắm, thiểu não nói với bà.

– Công chúa dọa tử hình, nhưng tôi đâu sợ chết. Sống còn mệt hơn. Tôi lại phúc đáp nàng để được chết.

– Đời cậu thật quí đối với tôi, bà già nói. Tôi xin hết sức giúp cậu, cùng cậu chia nỗi hiểm nguy. Cậu viết thư đi, tôi chuyển cho.

Điađem bảo Azit:

– Em lấy biếu bà một nghìn đina. Chúng mình hãy tin ở chúa Ala quyền lực.

Và chàng lại viết:

« *Đêm qua ta ước mơ. Nàng lấy tang tóc, chết chóc dọa ta, quên rằng chết là nghỉ ngơi, và mọi việc do Số phận an bài.*

Lạy chúa Ala! Nàng không thương những kẻ dành tình yêu cho những nàng trong trắng cao cả mà người trần không dám ngước mắt nhìn lên.

Ôi! những ước mong của ta, những ước mong không kết quả, đừng ước ao gì nữa để cho hồn ta chìm mất trong đắm say vô vọng.

Nhưng còn nàng, con người sắt đá, đừng tưởng ta để cho sự áp bức chế ngự ta.

Thà ta để hồn bay đi cùng hy vọng, còn hơn chịu cuộc đời từ đây không mục đích và toàn khổ đau ».

Chàng đưa thư cho bà già, khóc mà rằng:

– Tôi làm phiền bà, nhưng than ôi, hẳn không kết quả gì đâu. Tôi cảm thấy chỉ còn có việc chết nữa thôi.

— Cậu buồn quá và linh tính báo sai đấy. Cậu tự nhìn lại mà xem. Cậu không phải là mặt trời hay sao? Còn nàng há chẳng là mặt trăng? Tôi suốt đời chỉ làm cái chuyện xe duyên, chẳng lẽ lại không vun đắp nồi cho cặp nhan sắc này sao? Cậu hãy bình tâm đừng lo ngại gì. Chẳng bao lâu, tôi sẽ đem tin vui đến cho cậu.

Bà từ biệt, giấu thư trong mái tóc. Về tới cung, bà chào công chúa rồi ngồi im. Một lúc mới nói

— Tóc tôi rối bù, tôi không đủ sức tết lại. Xin cô cho một nữ nô chải hộ.

Xét Đônia vồn vã:

— Ôi u Đuđu của em! Để em chải cho như u đã chải tóc cho em bao nhiêu lần.

Công chúa gỡ mớ tóc bạc của vú nuôi định chải thì mảnh giấy rơi xuống thảm. Xet Đônia ngạc nhiên, định nhặt lên thì bà già nói.

— Có lẽ lúc tôi ở nhà chàng thương gia trẻ tuổi mảnh giấy này đã vương vào mái tóc tôi. tôi phải đến trả ngay lại cho chàng ta mới được.

Nhưng Đônia đã nhặt lên xem. Nàng cau mày, giận dữ:

— A! Bà Đuđu nham hiểm. Đây là mưu mô của bà. Cái thằng lái buôn mặt dày tai hại. Ai phái hắn đến đây. Hắn từ xứ sở nào dám đến với ta? Và ta, Đônia, làm sao ta có thể nhìn mặt hắn, hắn vốn không cùng chủng tộc, không cùng dòng máu với ta? Bà Đuđu, tôi đã chẳng bảo bà là hắn sẽ táo gan hơn là gì?

— Đúng hắn là một tay liều lĩnh, sự liều lĩnh của một tên quỉ sứ địa ngục. Nhưng hỡi cô chủ của tôi! Cô cứ viết cho hắn, viết lần cuối cùng. Tôi xin bảo đảm hắn sẽ phục tùng. Nếu không, cứ việc giết ngay hắn và cả tôi nữa.

Công chúa lấy bát, xếp đặt cho có vần, có điệu mấy câu này:

« Đồ mất trí, mơ ngủ, đau khổ và tai họa lơ lửng trong không khí ngươi đang thở.

Ngươi há không biết rằng có những con sông cấm không cho ngược dòng, những nơi tĩnh mịch không cho người thường bước tới?

Tất cả mọi người hợp sức lại còn không dụng tới nổi những vì tinh tú gần nhất, thế mà ngươi tưởng có thể với tới những vì sao của trời?

Và trong mơ, ngươi lại dám vuốt ve hoặc ôm ấp những nàng tiên nữ.

Ôi kẻ ngây thơ, hãy nghe vị nữ hoàng của ngươi, đừng tự lừa dối mình! Nếu không, niềm sợ hãi tối tăm sẽ như một lũ quạ quang quác cái chết trên đầu ngươi và đập cánh đêm lượn quanh nấm mộ mà ta sẽ đặt ngươi vào!»

Nàng gấp lại, đóng dấu đưa cho bà già. Sáng hôm sau, bà vội trao cho Điađem.

Đọc những lời phũ phàng ấy, Điađem thấy tan hy vọng từ nay. Chàng bảo Azit:

— Azit bảo ta nên làm gì bây giờ? Ta không có hứng thú để có thể viết cho nàng một lá thư quyết định được.

Azit nói: « Em sẽ thay anh viết thử xem sao ».

— Được! Điađem nói. Hãy đem tất cả tài nghệ của em mà viết cho nàng.

Azit viết:

« ... Mòn mỏi vì một mối tình không có người yêu, tôi hết kiên nhẫn và can đảm rồi.

Hỡi nàng sắt đá có mái tóc đêm! Nàng chắc tránh được những rủi ro của số phận oái oăm để hành hạ kẻ khốn khổ kêu gọi nàng đến thế kia sao?

Nàng hiểu cho! Một kẻ khốn khổ vì nhan sắc của nàng đã bỏ cha, bỏ nhà, bỏ Tổ quốc, bỏ những đôi mắt của bao người đẹp yêu quí chàng!»

Azit đưa Điađem xem. Điađem đọc để thưởng thức âm điệu, tuyên bố hài lòng và khen hay. Chàng lại trao cho người vú già. Bà lại đưa cho Đônia.

Lần này, công chúa nổi cơn thịnh nộ thật sự, quát:

– U già đáng nguyền rủa! U Đuđu tai hại! Vì u, ta chịu bao nhiêu nỗi nhục nhã. Ôi, u già xúi quẩy! Ta không muốn nhìn mặt u nữa. Đi ngay! không ta gọi lũ nô tì dừng roi da đánh tan xác, ta lấy gót giầy nghiền xương u ra!

Công chúa cất tiếng gọi nô tì. Bà vú vội vàng chạy đi, đến kể cho hai chàng thanh niên và nhờ họ đùm bọc. Điađem nhẹ nâng cằm bà, rầu rỉ nói:

– Lạy chúa! Giờ đây tôi thấy buồn gấp đôi vì tại tôi mà già phải chịu hậu quả tai hại.

Bà già vẫn kiên trì:

– Con cứ yên tâm! Ta chưa nản lòng. Đời ta chưa lần nào bất lực trong việc xe duyên cho kẻ si tình! Khó khăn càng kích thích ta phải khôn ngoan hơn để giúp con đạt được điều mong ước.

– Mẹ ạ, Điađem hỏi, mẹ có thể cho biết vì sao Xet Đônia lại ghê sợ bọn đàn ông đến thế?

– Chỉ tại một giấc chiêm bao.

– Một giấc chiêm bao? Chỉ tại có thế?

– Chỉ có thế. Chuyện thế này: Một đêm công chúa chiêm bao thấy một người bẫy chim giăng lưới trong

một cánh rừng thưa. Y vãi hột mì xuống mặt đất rồi lui vào một chỗ ngồi rình. Một lát chim kéo đến, trong số có một đôi bồ câu. Con đực vừa mổ vừa vờn quanh con cái không để ý đến tấm lưới. Bỗng chân nó bị vướng, càng cựa càng bị thắt chặt lại. Nó vỗ cánh bành bạch khiến bầy chim sợ, ào bay đi. Con cái bỏ, không ăn nữa tìm cách cứu chồng. Hắn dùng mỏ dùng đầu, gỡ được, cứu con đực trước khi người bẫy chim đến. Đôi chim bay đi, lượn một vòng trên không rồi lại sà xuống mổ hạt mì. Con đực lại vừa mổ vừa vờn. Con cái muốn tránh cứ lui dần, vô ý vướng phải mắt lưới, dẫy dụa. Bầy chim vụt bay đi. Con đực bay theo chẳng buồn nghĩ gì đến số phận vợ nó. Người bẫy chim chạy đến bắt con cái và làm thịt tức thì.

Công chúa xúc động tỉnh giấc. Nàng khóc, gọi già đến thuật lại cho nghe và kết luận: Giống đực đều như nhau, người lại còn tệ hơn vật. Phụ nữ không thể hy vọng gì ở tính ích kỷ của đàn ông. Ta thề trước chúa Ala là không khi nào ta để cho cái bọn đáng ghê tởm ấy đến gần.

– Thế mẹ không nói cho nàng biết rằng tất cả đàn ông đều bất nghĩa như con chim đực, mà phụ nữ không phải ai cũng được như con chim cái khốn khổ chung tình?

– Nói gì nàng cũng không chịu. Nàng sống độc thân, chỉ tôn thờ có sắc đẹp của mình.

– Thế nào tôi cũng phải được thấy nàng một lần, được một tia mắt nàng soi thấu tâm hồn, dù có phải chết. Hỡi lão mẫu đáng kính, không bao giờ cạn nguồn khôn khéo! xem có cách gì giúp cho.

– Cậu là ánh sáng của mắt ta, ta cho cậu biết phía dưới lầu công chúa có một khu vườn dành riêng cho nàng dạo chơi. Cứ một tháng nàng vào một lần, có bọn

con hầu đi theo, vào bằng một cửa bí mật để tránh con mắt khách qua đường! Đúng một tuần nữa là ngày dạo chơi của công chúa. Già sẽ dẫn cậu đến. Già đoán rằng dù đề phòng đến mấy, công chúa hễ thấy cậu là bị sắc đẹp của cậu chinh phục ngay. Vì tình yêu là một tặng phẩm của chúa Ala và khi Chúa muốn thì tình yêu sẽ đến.

Điadem thấy dễ thở đôi chút. Chàng cảm ơn bà vú, mời bà về ở chung vì bà chưa thể về cung với công chúa được. Trên đường về, Điađem bảo Azit:

– Anh không có thì giờ đến cửa hàng nữa, anh nhường hoàn toàn cho chú, chú muốn làm gì tùy ý.

Đến nhà, chàng kể lại đầu đuôi câu chuyện cho Tể tướng nghe, giấc chiêm bao của công chúa, khu vườn chàng định đến, và hỏi ý kiến Tể tướng.

Tể tướng nghĩ một lúc khá lâu, rồi ngửng đầu nói:

– Tôi đã tìm được cách giải quyết. Nhưng trước hết phải đến khu vườn xem xét tại chỗ đã.

Đến nơi thấy lão canh vườn ngồi ở cổng, họ chào hỏi, lão đáp lễ thì Tể tướng dúi vào tay lão một trăm đina mà rằng:

– Thưa bác, chúng tôi ao ước được vào khu vườn xinh đẹp này cho thanh thản tâm hồn và ngồi bên hoa, bên nước mà ăn uống một chút gì. Chúng tôi là người phương xa tìm nơi danh lam thắng cảnh mà du ngoạn.

Ông già cầm tiền, nói:

– Mời quí khách vào, xin cứ tự nhiên. Tôi chạy đi mua một chút gì để các vị dùng.

Lão đưa khách vào rồi chạy đến chợ mua về một con cừu quay và bánh kẹo. Họ ngồi ăn trên bờ một con suối.

Tể tướng bỗng hỏi:

— Tòa lâu đài trước mặt chúng ta kia có vẻ tiều tụy. Sao bác không cho tu sửa?

— Lạy chúa! đó là lầu của công chúa Đônia. Nàng sống ẩn dật quá, chẳng để ý gì, mặc cho nó đổ nát.

— Thật đáng tiếc, Tể tướng nói. Ít nhất cũng nên quét vôi lại tầng dưới, dù chỉ để cho mát mắt bác. Nếu được, tôi xin chịu hết phí tổn tu sửa.

Người giữ vườn ưng thuận. Tể tướng đưa cho lão một trăm đina nữa, nói:

— Bác tìm giúp cho mấy người thợ nề và một họa sĩ giỏi vẽ tranh màu. Bác cầm lấy món tiền này, công của bác đấy.

Thợ nề, họa sĩ đến. Tể tướng dặn dò việc phải làm. Khi phòng lớn tầng dưới đã sửa chữa và quét vôi xong thì họa sĩ, theo lời dặn của Tể tướng, vẽ một khu rừng, giữa có lưới chăng, có một con bồ câu mắc lưới, đập cánh toan bay.

Họa sĩ vẽ xong. Tể tướng bảo vẽ một bức khác.

— Phía bên kia, cũng vẽ như thế này, nhưng là một con chim câu đực. Con cái bị người bẫy chim bắt. Nó đến cứu và hy sinh vì sự tận tình của nó.

Họa sĩ vẽ xong, ra về, được Tể tướng giả công rất hậu hĩnh.

Tể tướng cùng hai chàng thanh niên và người giữ vườn ngồi ngắm một lúc xem ý tứ của bức tranh liệu có tác dụng như thế nào. Điađem vẫn cứ buồn, mơ màng nhìn cảnh vẽ. Chàng bảo Azit.

— Chú đọc cho anh nghe vài câu thơ cho khuây khỏa tâm hồn đang bị vò xé.

Azit đọc:

« Ip Xina viết về y học quy định phép chữa bệnh mầu nhiệm nhất:

Bệnh tình chỉ có thể chữa bằng tiếng hát nhịp nhàng và ly rượu nhẹ uống trong vườn cây.

Tôi theo lời Ip Xina, nhưng hỡi ôi! chẳng có kết quả gì.

Tôi thử chạy theo những mối tình khác thì thấy số phận mỉm cười và cho tôi khỏi bệnh.

Ip Xina! ông lầm rồi! Thuốc duy nhất chữa được bệnh tình vẫn lại là tình yêu »

– Có thể thi sĩ có lý. Nhưng khi người ta đã hết ý chí thì cũng khó đấy Điađem nói.

Rồi họ đứng dạy, chào lão giữ vườn về tìm bà già.

Một tuần đã trôi qua. Xet Đônia, theo thói quen, muốn đi dạo trong vườn. Nàng thấy nhớ vú già và thấy mình quá bất nhẫn đối với người đã thay mẹ nuôi nấng mình. Nàng liền sai một tên nô lệ ra chợ tìm, một tên khác đến các nhà quen của bà. Hôm ấy, bà Đuđu sau khi dặn dò Điađem mấy điều cần thiết, một mình lững thững về cung. Một tên nô lệ trông thấy chạy đến chào kính cẩn và mời bà vào gặp công chúa đang khóc vì thương bà và mong muốn làm lành. Bà giả vờ giận dỗi tí chút rồi dàn hòa ngay. Đônia hôn lên má bà, bà hôn tay Đônia rồi hai người qua cửa bí mật vào vườn, theo sau là mấy nàng hầu.

Về phần Điađem, thì sau khi Đuđu đi rồi, Tể tướng và Azit mặc cho chàng một chiếc áo đế vương đáng giá đến năm nghìn đina, thắt chiếc thắt lưng bằng sợi vàng, khảm ngọc thạch, móc bằng ngọc bích. Khăn chít đầu bằng lụa trắng thêu những hình vẽ bằng kim tuyến, lông chim cắm vào khăn bằng kim cương. Hai

người cầu chúa Ala ban phúc cho chàng, rồi dẫn chàng đến gần khu vườn thì về. để chàng vào một mình cho dễ.

Điađem đến cổng chào người giữ vườn. Lão đứng dạy, kính cẩn và thân mật đáp lễ. Vì không biết công chúa đã vào khu vườn, lão bảo Điađem :

— Khu vườn này là vườn của công tử, còn tôi là nô lệ của công tử.

Lão mở cổng, mời vào, đóng cổng lại đến ngồi chỗ cũ mà ca ngợi chúa Ala đã đạo nên những người đẹp.

Điađem theo lời dặn của bà già, đến nấp sau tảng đá lớn mà chờ công chúa đi qua.

Về phần công chúa, nàng đang dạo cùng bà vú thì bỗng nhiên vú nói :

— Hỡi cô chủ của tôi ! Tôi muốn nói điều này khiến cô nhìn mát mắt hơn những cây cối, hoa quả kia.

— Vú cứ nói, Đuđu ạ, tôi xin nghe.

— Cô nên cho mấy nàng hầu kia về cung đi. Hưởng cái mát dịu của giời đất thế này mà có họ thì còn thoải mái gì. Họ chỉ làm phiền cho cô thôi.

— Vú nói phải đấy !

Nàng ra hiệu cho bọn họ rút đi. Chỉ còn công chúa và bà Đuđu. Công chúa đi dạo về phía tảng đá có chàng Điađem nấp kín. Điađem thấy công chúa đẹp quá, xúc động đến ngất đi. Đônia vẫn tiến bước. Đến gian phòng mà Tể tướng đã cho vẽ bức tranh người bẫy chim, Đuđu khẩn thiết mời vào. Lần đầu tiên, nàng bước chân tới đây vì trước kia, nàng không bao giờ nghĩ đến gian phòng vốn dĩ dành cho người hầu kẻ hạ này.

Thấy bức vẽ trên tường, Đônia bối rối :

— Ôi vú Đuđu, nhìn xem này ! giấc chiêm bao của ta thuở nọ, nhưng trái ngược ! Lạy chúa ! Ya rabi ! ta xúc động quá.

Nàng nén lòng, ngồi xuống thảm :

— Ôi Đuđu ! Ta không nhầm chăng? Hay con quỉ tinh nghịch nào đã giễu ta vì ta ngờ nghệch tin vào mộng mị ?

— Già đã lấy kinh nghiệm cũ kỹ của mình mà nói cho công chúa hay là trước kia công chúa đã nhầm rồi mà. Giờ thì hãy ra đi dạo mát chút nữa. Giời về chiều mát mẻ êm dịu hơn trong bầu không khí thơm tho.

Hai người lại ra vườn. Điađem đã tỉnh lại. Theo lời dặn dò của Đuđu, chàng cất bước thong thả có vẻ thờ ơ, như chỉ chú ý đến cảnh đẹp.

Tới một chỗ rẽ, Xet Đônia bỗng trông thấy chàng.

— Vú ơi ! nàng gọi, vú có thấy chàng thanh niên kia không ? xem kìa, chàng đẹp quá. Cái thân hình ! cái dáng đi ! vú có biết chàng không ?

— Già không biết, nhưng trông thì có vẻ như con một vì vua ! Thật là tuyệt diệu !

— Chàng đẹp hoàn toàn !

— Hoàn toàn ! Sung sướng thay kẻ tình nhân của chàng.

Nói rồi, Đuđu ngầm ra hiệu cho Điađem ra về. Điađem hiểu ý đi về phía cổng. Đônia nhìn theo.

— Ôi Đuđu, nàng thổ lộ, vú có cảm thấy được sự thay đổi trong lòng ta không ? Có thể nào trông thấy một người đàn ông mà ta, Đônia, ta phải bối rối như vậy ? Vú hỡi, thế là ta bị sa lưới rồi, giờ phải nhờ đến vú giúp đỡ.

— Cầu chúa làm cho kẻ quyến rũ đáng nguyền rủa ấy phải xấu hổ. Công chúa mắc lưới, nhưng con đực sắp đến cứu đẹp biết bao!

— Ôi, Đudu, Đudu tốt bụng của tôi! Vú phải đưa được chàng trẻ tuổi đẹp giai ấy đến đây cho tôi. Tôi muốn được chàng từ tay của vú, hỡi vú mến yêu. Vú làm ơn chạy đi tìm ngay cho. Đây một nghìn đina, một chiếc áo một nghìn nữa thưởng công cho vú. Nếu vú không đi, tôi chết mất.

— Công chúa cứ trở lại cung đi, để tôi tự liệu. Tôi hứa sẽ thực hiện được sự sum họp kỳ diệu này.

Bà từ biệt Xet Đônia tìm đến Điađem. Chàng vui lắm biếu ngay bà một nghìn đina vàng. Bà thuật lại nỗi xúc động của Đônia và cuộc đối thoại giữa hai người.

— Thế bao giờ có sự sum họp? Điađem sốt ruột hỏi.

— Nhất định ngày mai.

Điađem lại biếu bà một chiếc áo dài và những tặng vật trị giá một nghìn đina vàng. Bà nhận rồi nói:

— Đến giờ, tôi sẽ thân đến tìm cậu.

Bà vội chạy tới Đônia đang lo lắng chờ:

— Bà có tin gì về chàng đấy?

— Già đã tìm và nói chuyện được với chàng. Mai già sẽ tự tay dẫn chàng đến với công chúa.

Xét Đônia mừng quá biếu bà một nghìn đina vàng và những tặng vật trị giá một nghìn nữa. Đêm ấy cả ba người, hài lòng, ngủ ngon, lòng tràn đầy niềm hy vọng êm ái.

Vừa sáng, bà già đã đến nhà Điađem. Chàng cũng đương ngồi chờ. Bà mở một cái gói mang theo, lấy một bộ quần áo phụ nữ mặc cho Điađem, che mặt chàng bằng một cái mạng nhỏ, dày, lấy một cái khăn to chùm cả người chàng. Rồi bà dặn:

– Giờ hãy bắt chước cách đi của phụ nữ: bước ngắn mà ưỡn ẹo đôi mông như mấy cô còn trinh bạch. Ai hỏi gì, mặc tôi trả lời, cậu không được lên tiếng bất cứ vì lý do gì.

Hai người đi đến cửa cung. Người gác cửa lại chính là viên trưởng hoạn quan. Thấy người la, ông ta hỏi bà già:

– Người này là ai? sao tôi chưa thấy bao giờ. Đưa lại gần, tôi xem. Lệnh nghiêm đấy, tôi phải sờ nắn khắp người, nếu cần phải lột truồng tất cả nữ nô mới do tôi chịu trách nhiệm. Con này tôi chưa biết, hãy để tôi sờ bằng chính tay tôi, nhìn bằng chính mắt tôi.

Bà già không chịu:

– Ông nói gì vậy, hỡi vị trưởng quan? Ông há không biết công chúa Xet Đônia cho gọi nữ nô này vì tài thêu thùa sao? Chính cô ta là một trong những người đã thêu cho công chúa những hình vẽ rất đẹp trên lụa đấy.

Viên quan hoạn cáu có:

– Thêu với thùa gì? Mặc! Cứ phải để cho tôi khám xét, sờ mặt, sờ lưng, sờ hông, sờ trên sờ dưới.

Bà vú điên tiết đứng sững trước mặt viên hoạn quan.

– Ta vẫn cứ tưởng ông là một người lịch sự lễ độ mẫu mực. Đột nhiên, ông làm sao thế? ông muốn ta buộc lòng phải nhờ người ta tống ông ra khỏi nơi đây sao?

Rồi bà quay về phía Điađem cải trang nói lớn:

– Con ơi, bỏ qua cho vị trưởng quan. Ngài đùa một chút thôi. Đi nào, đừng sợ.

Điađem bước qua cổng, ưỡn ẹo đôi mông, mỉm cười. Vị hoạn quan ngất ngây vì sắc đẹp của Điađem lộ qua mảnh vải.

Điađem được bà vú dẫn qua một đường cầu, rồi một hành lang rồi lại những đường cầu, những hành lang. Hết hành lang thứ bảy thì đến một căn phòng có bảy cửa buông rèm, trước phòng là một cái sân rộng.

– Cậu đếm từng cửa một, đến cửa thứ bảy thì vào Bà già dặn. Cậu sẽ thấy một thứ quí hơn tất cả mọi của cải trên đời, một đóa hoa phong nhụy, một làn da thịt non tươi, một sự dịu dàng êm ái mà người ta gọi là Xet Đônia.

Điađem trong bộ quần áo phụ nữ đến các cửa và vào cửa thứ bảy. Chàng bỏ rèm xuống nhấc mạng che mặt lên. Xet Đônia lúc ấy đang ngủ trên chiếc ghế dài, chỉ có làn da hoa nhài trong trẻo là quần áo. Điađem vứt mọi thứ vướng mắc trên người nhảy đến ôm lấy công chúa. Cuộc gặp giỡ đầu tiên giữa hoàng tử Điađem đẹp trai và công chúa Đônia là như thế.

Điađem ở trong cung khoảng một tháng trời.

Lại nói về vị Tể tướng và Azit. Hôm ấy hai người chờ hoàng tử đến đêm. Không thấy chàng về họ lo phiền thực sự. Sáng dạy cũng vẫn không tin tức, họ chắc là chàng đã bị hại, nên bối rối hết sức không biết nên xử trí ra sao. Azit nghẹn ngào:

– Cửa cung cấm không bao giờ còn mở ra cho chủ của chúng ta nữa. Biết làm sao bây giờ.

– Cứ ở đây đợi thôi, chẳng đi đâu cả. Tể tướng nói:

Hai người ở nhà suốt tháng mất ăn mất ngủ, than khóc về nỗi bất hạnh không phương cứu chữa. Sau một tháng, không có dấu hiệu gì chứng tỏ Điađem còn sống, Tể tướng bàn với Azit:

– Hoàn cảnh chúng mình thật thảm hại và khó khăn. Cách giải quyết tốt nhất là về nước tâu với vua về tai họa này, nếu không Ngài sẽ trách chúng ta không báo.

Thế là họ lên đường về Lục Thành thủ đô của vua Xôlâymân Sát. Vừa đến nơi, họ vội vào cung tâu trình sự việc cùng kết thúc bi thảm. Kể xong, hai người khóc nức nở.

Nghe tin sét đánh, vua Xôlâymân thấy như cả thế giới sụp đổ dưới chân Ngài và bản thân Ngài cũng lăn ra, ngất đi. Nhưng từ nay khóc lóc, tiếc thương liệu được việc gì! cho nên vua nén mối đau thương nó gặm nhấm tim gan, bôi đen tâm hồn và trái đất. Ngài thề sẽ báo thù cho cái chết của đứa con là Điađen bằng một cuộc báo thù không tiền khoáng hậu. Ngài cho mõ rao, gọi tất cả những người còn cầm được kiếm, thương, gọi tất cả quân đội và chỉ huy. Ngài huy động tất cả vũ khí chiến tranh, lều, voi, và dẫn đại quân tiến đến quần đảo Long não và Pha lê, theo sau là tất cả nhân dân vốn rất yêu quí Ngài vì sự công bằng và lòng độ lượng của Ngài.

Trong khi ấy, trong cung sáng ngời hạnh phúc, đôi tình nhân Điađem và Đônia ngày một thương mến nhau và chỉ đứng lên khỏi tấm thảm để uống rượu cùng nhau và cùng nhau ca hát. Cứ như thế trong sáu tháng trời. Một hôm, thích thú cực độ với tình yêu, Điadem nói với Đônia:

— Hỡi nàng mà lòng ta tôn thờ, chỉ còn thiếu có một điều để cho tình đôi ta thực là tuyệt diệu.

— Hỡi Điađem, ánh sáng của mắt em, chàng còn muốn ao ước gì nữa, xin chàng cứ nói,

— Con cừu non của anh, Anh xin nói anh là ai. Công chúa hỡi, anh cũng là con vua, không phải là một thương gia ở chợ đâu. Cha anh là Xôlâymân Sát, chủ nhân của Lục Thành và của dãy núi Ixpahân. Chính Người trước kia đã phái vị tể tướng đến vua Saramân phụ vương của em để hỏi em cho anh. Em có nhớ

khi ấy em từ chối và dọa đánh viên trưởng hoạn quan đến nói chuyện cưới xin với em không? Thôi thì bây giờ chúng ta hãy thực hiện cái điều quá khứ đã từ chối. Sau đấy, chúng mình sẽ cùng về Ixpahân xanh tốt.

Nghe thế, công chúa Đônia càng vui vẻ vòng chặt lấy cổ chàng Điađem xinh đẹp, và tỏ ra bằng những cử chỉ không thể lầm được, rằng nàng sẽ làm theo lời chàng. Và đêm ấy, lần đầu tiên, cả hai ngủ được trọn giấc. Mười tháng qua, ánh bình minh sáng nào cũng bắt gặp họ đang ôm nhau, hôn nhau, cùng những chuyện đại loại như thế.

Mặt trời đã lên, cả hoàng cung nhộn nhịp mà đôi tình nhân vẫn say sưa trong giấc điệp. Vua Saramân ngồi tựa gối trên ngai vàng, quanh mình có các vị đô đốc, đại thần. Ngài tiếp nghiệp đoàn những nhà kim hoàn cùng vị thủ lĩnh của họ. Vị này tiến vua một cái hộp rất đẹp trong có hơn mười vạn đina về kim cương, hồng ngọc, bích ngọc. Vua rất đẹp lòng, gọi viên trưởng hoạn quan, bảo:

— Kafua, ngươi đem chiếc hộp này cho cô chủ ngươi là Xet Đônia và về cho ta biết cô có thích không.

Hoạn quan Kafua đến căn lầu dành riêng cho công chúa. Đến nơi ông thấy vú Đuđu nằm gác trên một chiếc thảm chắn cửa. Tất cả các cửa lầu đều đóng kín, buông rèm. Ông nghĩ: « Không hiểu sao họ ngủ mãi tới giờ. Họ có thói quen dạy trưa thế đâu? » Không muốn về mà không được việc gì, ông bước qua người bà già, đẩy cửa vào. Y ngẩn người, ngơ ngác thấy Xét Đônia trần truồng nằm ngủ trong tay một thanh niên với hàng mớ dấu hiệu về một cuộc gian thông kỳ quái.

Kafua nhớ lại cái lần y bị Xet Đônia chửi mắng toan hành hung.

— Té ra cô ta ghê tởm giống đực như thế này đây, y nghĩ. Nếu Chúa muốn thì giờ đến lượt ta trả thù cho việc ta bị nhục.

Y rón rén bước ra, khép cửa lại, về báo nhà vua.

Cô chủ ngươi nói gì? Vua hỏi.

Kafua đưa cái hộp kim cương giả vua.

Vua ngạc nhiên

— Con gái ta không thích ngọc, cũng như không thích chồng sao?

— Xin vua miễn cho tôi phải trả lời trước đám đông này.

Vua cho mọi người ra khỏi điện Cần chính, chỉ giữ lại có vị Tể tướng. Viên hoạn quan thuật lại điều đã chứng kiến và nói thêm:

— Nhưng mà chàng thanh niên ấy quả là đẹp thật.

Vua Saramân đập hai tay vào nhau, trừng mắt, thét lên:

— Việc tày đình! Kafua, ngươi thấy thế thật à?

— Tâu đức vua, thấy thật, thấy bằng con mắt này, thấy bằng con mắt này nữa.

— Thật là một việc tày đình!

Vua truyền cho viên hoạn quan dẫn hai tội phạm đến.

Hai người bị dẫn đến, thì vua nghẹn ngào:

— Thì ra việc có thật!

Ngài không nói được nữa, tóm lấy thanh kiếm lớn định nhảy bổ đến Điađem. Xet Đônia ôm lấy người yêu, hôn chặt lên môi chàng.

— Đến thế này, xin phụ vương cứ giết cả hai chúng con! Nàng nói.

Vua lại lên ngồi trên ngai, cho viên hoạn quan dẫn Đônia về phòng nàng, rồi quay lại phía Điađem.

– Tên cám dỗ khốn kiếp này! Mi là ai? Bố mi làm gì? Sao mi dám đến với con gái ta?

Điađem cứng cỏi:

– Nếu nhà vua giết tôi thì Ngài sẽ phải chết theo, vương quốc của Ngài sẽ tan nát.

Vua giận sôi lên:

– Sao lại thế được?

– Tôi là con vua Xôlâymân Sát. Tôi chỉ lấy lại cái mà người ta từ chối tôi, theo đúng điều giao ước. Ngài hãy mở mắt ra trước khi ra lệnh giết tôi.

Vua nghe nói, lưỡng lự, hỏi ý kiến vị Tể tướng của ngài. Tể tướng nói:

– Xin bệ hạ đừng tin lời tên bợm điếm này. Đối với thằng đĩ đực này, chỉ mới có cái chết mới đáng tội. Cầu chúa nguyền rủa nó.

Vua ra lệnh cho đao phủ chặt đầu Điađem. Nhưng thật là vô cùng may mắn cho hoàng tử, vừa đúng lúc ấy có tin hai phái viên của vua Xôlâymân Sát xin vào bái yết. Hai phái viên đến trước, còn vua Xôlâymân và đại quân đến sau. Hai phái viên này chính là Tể tướng và chàng Azit trẻ tuổi. Hai người vào, nhận ra hoàng tử Điađem thì rất đỗi mừng. Họ sà đến ôm hôn chân chàng. Điađem nâng dạy, ôm hôn họ và vắn tắt thuật lại tình thế. Hai người cũng cho chàng biết tình hình và báo cho vua Saramân hay là vua Xôlây-mân Sát cùng tất cả quân lực cũng sắp tới.

Lai lịch hoàng tử Điađem đã rõ. Vua Saramân giật mình thấy việc cho xử trảm Điađem nguy hiểm biết chừng nào. Ngài giơ hai tay lên trời, cảm tạ chúa Ala đã cho ngừng tay đao phủ. Ngài nói với Điađem.

— Con hỡi, hãy bỏ quá cho một lão già như ta, không còn biết mình làm gì. Nhưng lỗi tại viên tể tướng xúi quẩy của ta. Ta sẽ cho đóng cọc ngay vào đít hắn.

Hoàng tử hôn tay Ngài, mà rằng:

— Ngài cũng như phụ vương tôi. Chính tôi phải tạ tội đã làm Ngài phẫn nộ.

Vua lại nói:

— Lỗi cũng tại tên hoạn quan đáng nguyền rủa. Ta sẽ cho đóng đinh hắn vào một tấm gỗ mục không đáng giá hai đồng.

Điađem can vua:

— Tên hoạn quan thì đáng tội rồi. Nhưng còn viên tể tướng thì để lần sau, nếu ông ta tái phạm.

Azit và Tể tướng của vua Xôlâymân xin xá tội cho tên hoạn quan. Y sợ quá đến nỗi đái cả ra quần. Vua nể lời Tể tướng tha cho Kafua.

Nghĩ tới người yêu. Điađem xin vua:

— Điều quan trọng là phải làm cho Xet Đônia, linh hồn của tôi hết sợ.

Vua nói:

— Để ta thân đến bảo cho.

Trước khi đi, vua bắt vị Tể tướng, mấy vị đô đốc, nội thần dẫn hoàng tử đến nhà tắm để cho chàng được khoan khoái. Rồi vua vội đến phòng riêng của Xet Đônia. Công chúa đang chuẩn bị tự đâm một mũi kiếm vào tim. Vua hốt hoảng kêu lên:

— Chàng an toàn rồi. Con hãy thương cha, con gái của cha!

Xet Đônia nghe thế quẳng thanh kiếm ra xa, hôn tay vua cha, Vua nói rõ tình hình cho nàng biết.

— Con chỉ yên tâm khi được trông thấy người yêu. Nàng nói.

Điađem đi tắm về, vua dẫn đến với công chúa. Nàng ôm choàng lấy cổ chàng, hai người hôn nhau, vua lặng lẽ đi ra, khép cửa lại.

Vua ngự triều chuẩn bị việc đón tiếp vua Xôlâymân Sát. Vua nhờ Tể tướng và Azit đến báo tin vui mọi việc đều tốt đẹp. Đồng thời, Ngài gửi làm tặng phẩm đến vua Xôlâymân một trăm con ngựa thật đẹp, một trăm con lạc đà đua, một trăm thanh niên, một trăm thanh nữ, một trăm nô lệ da đen nam, một trăm nô lệ da đen nữ.

Vua Saramân thân ra ngoài thành đón, mang theo hoàng tử Điađem và một số đông tùy tùng. thấy họ đến, vua Xôlâymân Sát cũng tiến lại chào. Ngài reo vui:

— Cảm tạ chúa Ala đã cho con ta tới đích. Hai vua ôm hôn nhau thắm thiết. Điađem vòng lấy cổ cha mừng ứa nước mắt. Vua cha cũng vậy.

Sau đấy là tiệc tùng, ăn uống, chuyện trò, thật là thập phần hạnh phúc.

Vua cho gọi các vị pháp quan, các người làm chứng đến, thảo bản giao ước hôn nhân cho Điađen và Xet Đônia.

Binh sĩ và nhân dân được hưởng ân huệ dồi dào. Bốn mươi ngày đêm thành phố được trang hoàng và thắp sáng. Điađem và Đônia, trong không khí tưng bừng rộn rã của những ngày hội ấy, từ đấy được tha hồ yêu quí nhau, đến tột đỉnh của tình yêu.

Điađem không quên những việc tốt của anh bạn Azit. Chàng để Azit cùng một đoàn về quê tìm mẹ, người mẹ đã bao lâu khóc đứa con xa. Khi Azit trở lại, Điađem không muốn rời chàng nữa.

Sau khi vua Xôlâymân Sát mất, Điađem lên ngôi vua, phong cho Azit làm tể tướng, cho ông già giữ

vườn công chúa làm Trưởng thị thần, ông già ở khu chợ kinh đô đảo Long não làm trùm trưởng các phường hội. Tất cả mọi người sống trong hạnh phúc, cho đến lúc chết.

Kể xong truyện Azit và Aziza, truyện Điađem và Đònia, Tề tướng Đanđân xin phép vua Đunmakân ngừng một lát để uống một cốc nước đường hoa hồng.

Vua Đunmakân khen :

– Hỡi vị Tề tướng của ta, trên thế gian này, có ai đáng làm bạn với các vị đế vương được như Ngài không ? Chuyện Ngài kể quả là thú vị, ta nghe mê lắm.

Và vua tặng Tề tướng cái áo bào đẹp nhất trong kho tàng nhà vua.

Nhưng còn việc bao vây thành Côngxtăngtinia ? Nó đã kéo dài bốn năm. Binh sĩ và chỉ huy đã bắt đầu thấy buồn khổ vì nhớ cha nhớ mẹ, nhớ bạn bè. Một cuộc nổi loạn khó mà tránh được.

Vua Đunmakân phải quyết định nhanh chóng. Ngài cho gọi ba vị chỉ huy cao nhất Baramân, Ruyxtan, Tuyếccát đến bàn :

– Các vị biết đấy ! Cuộc bao vây khốn khổ này và những tai họa không chữa được mà mụ Quái Ác giáng xuống đầu chúng ta dù mới chỉ là cái chết của anh ta, Sackân dũng cảm, tất cả đã đè nặng lên mọi người. Phải làm gì bây giờ, các vị nghĩ đi rồi trả lời ta.

Ba vị chỉ huy cúi đầu, suy nghĩ lung lắm.

– Tâu đức vua, họ nói, Tề tướng Đanđân có kinh nghiệm hơn tất cả bọn chúng tôi. Ông đã bạc đầu vì từng trải. Xin ông cho biết ý.

Vua nhìn Tề tướng :

– Tất cả chúng ta đang chờ ngài lên tiếng.

Đanđân tiến lên:

– Tâu đức vua của muôn đời, ông nói, thần nghĩ ở lại đây lâu hơn không có lợi. Trước hết, chắc Bệ hạ cũng muốn về thăm con nhỏ Kanmakân và cô cháu Thiên Mệnh con gái của hoàng tử Sáckân quá cố, cô bé được các bà săn sóc trong cung Đamát. Còn tất cả chúng thần đây đều thấy buồn khổ vì phải ở quá xa xứ sở và gia đình. Ý thần là ta nên trở về Bátđa, sau này sẽ liệu bề trở lại làm cho cái thành vô đạo này chỉ còn là nơi cho lũ quạ và kền kền đến làm tổ.

Vua phán:

– Ngài nói rất hợp ý ta.

Rồi cho mõ rao loan báo cho toàn trại biết trong ba ngày nữa sẽ lên đường về nước.

Ngày thứ ba, trống dong cờ mở, đội quân nhổ trại, ngày đi đêm nghỉ, về đến Bátđa, thành phố yên bình. Nhân dân vui sướng đón tiếp tưng bừng.

Việc đầu tiên mà vua Đunmakân làm, là vào thăm và bế đứa con trai Kanmakân vừa tròn bảy tuổi. Việc thứ hai là cho gọi người bạn cũ, ông già đốt lò đến. Thấy ông, vua đứng dậy, ôm hôn và mời ngồi cạnh, khen lấy khen để, trước mặt các quan trong triều. Thời gian qua, người đốt lò chỉ có việc ăn uống nghỉ ngơi nên đã béo đến phát phì, cổ như cổ voi, bụng như bụng cá kình, mặt bóng nhẫy như một cái bánh tròn vừa ra lò, trông không nhận ra được nữa.

Ông ta không dám nhận lời vua mời ngồi cạnh.

– Ôi, ông chủ của tôi! Ông nói. Cầu chúa cho tôi đừng lạm dụng lòng tốt của Ngài. Những ngày tôi dám tự cho phép ngồi trước mặt Ngài đã qua lâu rồi!

– Những ngày ấy, vua nói, đối với bác, vẫn có thể bắt đầu lại. Tôi coi bác như cha, vì bác đã cứu tôi sống mà.

Vua ép ông ta phải ngồi bên cạnh trên chiếc ngai vàng.

— Tôi muốn bác xin một ân huệ gì. Vua nói. Tôi sẵn lòng thực hiện dù là việc chia đôi giang sơn với bác. Bác nói đi. Chúa Ala nghe bác nói đấy.

— Tôi muốn xin Ngài một việc mà tôi đã ước ao từ lâu nhưng lại sợ mình thô lỗ quá.

— Bác phải nói mới được. Vua giục.

— Vậy tôi xin nói. Thế này nhé. Tôi muốn vua cấp cho tôi một mảnh giấy cử tôi làm người đứng đầu những người đốt lò trong Thành phố Thánh, thành phố của tôi.

Nghe vậy, vua và mọi người cười lăn ra. Người đốt lò tưởng mình xin quá đáng mà không được nên buồn lắm. Nhưng vua đã nói:

— Lạy chúa, bác xin một điều khác đi!

Tể tướng Đanđân nhích lại gần ông ta, cấu chân, nháy mắt như muốn mách ông ta xin một điều khác nữa.

Người đốt lò lần này xin:

— Thưa đức vua của muôn đời, tôi rất muốn được làm Trùm trưởng nghiệp đoàn những người quét rác trong thành phố Thánh, thành phố của tôi.

Vua và những người có mặt cười ngặt nghẽo.

— Xem nào! vua khuyến khích, bác phải xin một chức gì xứng với bác, một điều xin cho đáng xin chứ!

— Tôi sợ Ngài không thể cho được.

— Đối với Chúa Ala, không việc gì là không làm được!

— Vậy thì hãy cho tôi làm vua Đamát thay cho cố hoàng tử Sáckân,

— Được lắm.

Và vua Đunmakân viết ngay giấy cho người đốt lò làm vua Đamát đổi tên cho vua mới là Zablakân En-Mujahet. Vua Đunmakân ôm hôn từ biệt người đốt lò, dặn phải xử tốt và công bằng với thần dân. Vua nói với những người có mặt:

— Ai mến trọng ta thì hãy tiến tặng phẩm tỏ niềm vui với vua En-Mujahet.

Thế là tặng phẩm ùa đến. Đunmakân mặc áo bào cho vua mới, tặng một đội cận vệ năm nghìn kỵ binh trẻ, một đoàn khiêng võng điều. Vua cho Tề tướng Đanđân hộ vệ vua mới đến Đamát, khi về đem theo bé Thiên Mệnh, con gái hoàng tử Sáckân.

Và thế là người đốt lò nhà tắm công cộng, bây giờ trở thành vua En-Mujahet, ra khỏi Bátđa đi đến Đamát, vương quốc của mình. Theo sau vua, có đội cận vệ riêng, Tề tướng Đanđân, các vị đô đốc Ruyxtam, Tuyếccát và Baramân.

Điều đầu tiên mà vua mới quan tâm là lập một đoàn thật sang trọng đưa công chúa Thiên Mệnh, tám tuổi, con gái cố hoàng tử Sáckân về Bátđa. Theo đoàn, có mười thiếu nữ, mười thanh niên da đen. Ông nhờ đoàn mang giúp nhiều tặng vật, nhất là tinh chất hoa hồng, mít mơ đóng trong những hộp lớn gắn xi để chống ẩm, hai chục bình lớn đầy chà là kết tinh, nhiều thức ăn nóng, bánh kẹo đủ thứ, tất cả chất lên lưng bốn mươi con lạc đà, không kể những kiện tơ lụa vải vóc do những bàn tay khéo léo nhất của xứ Sam dệt, những vũ khí quí, những bình bằng đồng, bằng vàng chạm, và những hàng thêu.

Vua En-Mujahet cũng muốn biếu Tề tướng Đanđân một tặng phẩm bằng bạc. Tề tướng không nhận:

— Nhà vua vừa lên ngôi, ông nói, đang cần số bạc này để làm những việc có lợi hơn là cho tôi.

Đoàn người lên đường, đi từng chặng ngắn một. Sau một tháng, nhờ chúa Ala phù hộ, họ đến Bátđa, ai nấy đều khỏe mạnh.

Vua Đunmakân hoan hỉ đón cô bé Thiên Mệnh rồi trao lại cho mẹ cô là Nôzatu cùng chồng là viên thị vệ nội thần. Cô bé và Kamakân cùng học với nhau, quấn quít bên nhau, càng lớn càng thiết tha đằm thắm.

Mọi việc cứ như thế trôi qua trong tám năm. Tuy nhiên vua Đunmakân vẫn chuẩn bị cuộc chiếm đánh bọn Rum tà đạo. Nhưng, vì đã quá long đong mệt nhọc thời niên thiếu, nhà vua ngày một suy yếu trông thấy. Một hôm, vua cho mời Tể tướng Đanđân.

– Tôi mời Ngài đến, vua nói, để tỏ bày với Ngài một dự định. Xin Ngài cứ thẳng thắn cho biết ý.

– Tâu đức vua của muôn đời, có việc gì vậy?

– Tôi muốn thoái vị, nhường ngôi cho con, để trước khi nhắm mắt còn được hưởng niềm vui thấy vinh quang của triều đại Kamakân. Ý ngài thế nào, hỡi vị tể tướng rất mực khôn ngoan của tôi?

Tể tướng xúc động, giọng run run:

– Dự định của Bệ hạ là một dự định khôn ngoan, chính trực, nhưng không nên thực hiện vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất là hoàng tử Kamakân còn trẻ quá. Lẽ thứ hai là khi một ông vua còn sống mà để thái tử trị vì thì có nghĩa là cuộc đời của vua chỉ còn tính từng ngày trong cuốn sổ thiên đình.

– Cuộc đời của tôi, vua nói, tôi cảm thấy hết rồi. Còn Kanmakân, vì ít tuổi quá, tôi sẽ cử vị thị vệ nội thần, chồng chị Nôzatu của tôi, làm phụ chính.

Rồi vua cho triệu tập đô đốc, đại thần, bá quan văn võ, cử vị thị vệ nội thần làm phụ chính cho ấu quân. Vua dặn quan phụ chính lời dặn tối hậu là khi Thiên Mệnh và Kanmakân trưởng thành thì cho hai trẻ kết hôn.

— Ơn của Bệ hạ cao như núi, lòng của Bệ hạ rộng như biển đối với thần! thần nguyện hết lòng, vị nội thần nói.

Vua quay sang Kamakân, rơm rớm nước mắt nói:

— Sau khi cha mất, quan nội thần sẽ là phụ chính, là cố vấn của con, còn quan Tể tướng Đanđân thay mặt cha, sẽ là cha của con. Cha cảm thấy sắp rời khỏi cái thế giới mỏng manh này để về nơi ở vĩnh hằng. Trước khi chết, cha chỉ còn nguyện vọng là phải rửa thù con mụ đã hại ông con, vua Ôma An-Nêmân, đã giết bác con, hoàng tử Sáckân. Con mụ xúi quẩy, con mụ đáng nguyền rủa đó có cái tên là mụ Quái Ác.

— Cầu cho linh hồn cha yên. Chúa Ala sẽ trả thù cho ta bằng bàn tay của con. Kanmakân nói.

Vua Đunmakân thấy tâm hồn bình tĩnh mát mẻ khác thường. Ngài thanh thản ngả mình xuống long sàng để không bao giờ trở dậy nữa! Như mọi sinh linh trong bàn tay Đấng Tạo Hóa, vua Đunmakân lại trở về cõi mịt mùng trước đây, như chưa bao giờ tồn tại. Thời gian hủy hoại tất cả mà có buồn nhớ gì đâu! như thế là để kẻ nào muốn biết tên tuổi mình mai hậu ra sao thì hãy nghĩ đến số phận của người đã về cõi chết trước mình.

Và đấy là chuyện vua Đunmakân, con vua Ôma An-Nêmân, em hoàng tử Sáckân. Cầu chúa Ala thương họ.

Tục ngữ có câu: « Kẻ nào có con nối dõi thì không chết », Bắt đầu từ đây là thiên truyện:

☆

Những cuộc phiêu lưu của chàng Kanmakân trẻ tuổi, con vua Đunmakân.

Kanmakân và Thiên Mệnh, Ya Ala, sao mà đẹp thế! Lớn lên, đường nét ở họ càng tuyệt mỹ. Chỉ có thể ví họ như hai nhánh cây trĩu quả hoặc hai vầng trăng sáng. Mỗi người mỗi vẻ. Thiên Mệnh có những nét khiến người ta mê mệt. Sống cô đơn trong cung điện, nàng có nước da trắng muốt, thân hình mảnh dẻ. Còn nước miếng của nàng? Ôi sữa! ôi rượu vang! Ôi nước ngọt! có thấm vào đâu. Môi nàng đỏ tựa hạt lựu; má nàng đẹp hơn hoa hồng. Thật đúng như nhà thơ đã mô tả về nàng:

«Trái tim ta hỡi, say đi! Mắt ta hỡi, hãy quay vui trong hố mắt! Nàng đây rồi! Nàng làm cho cả Đấng tạo nên nàng cũng cũng phải khoái chá!»

Đó là về Thiên Mệnh. Còn về người em họ của nàng, chàng Kanmakân, thì lại càng kỳ diệu. Chàng ham thể dục, săn bắn, đấu thương, ném lao, bắn cung, phi ngựa. Người chàng mềm mại, tâm hồn chàng rắn rỏi. Kamakân là chàng kỵ mã đẹp nhất của các nước Hồi giáo, dũng cảm nhất trong tất cả các dũng sĩ ở thành phố cũng như như ở các bộ lạc. Da dẻ chàng tươi mát như da dẻ một cô trinh nữ, mặt đẹp hơn hoa hồng, hoa thủy tiên. Có câu thơ về chàng:

«Nhìn chàng thật là khoái mắt. Chàng như con công theo chân mẹ mà nhảy múa tung tăng».

Nhưng cũng cần biết rằng, ít lâu nay, mặc cho bà vợ trách móc, mặc dù đã chịu ơn phụ vương của Kanmakân, vị nội thần phụ chính rằng ngày càng lộng quyền, nắm dần hết quyền bính trong tay. Ông ta lại còn xúi dục dân chúng và quân đội tuyên bố ông phải là người nối ngôi vua Đunmakân, Tuy nhiên trong dân

chúng và trong quân đội, nhiều người vẫn trung thành với dòng vua Ôma An-Nêmân và với con cháu Ngài; họ cũng được vị Tể tướng Đanđân lão thành hướng vào chính đạo. Tể tướng vì vậy bị viên nội thần đe dọa phải lánh khỏi Batđa đến ẩn tại một thành phố gần đấy chờ ngày Số phận quay về phía thiếu quân mồ côi, bị tước hết quyền.

Viên nội thần không còn phải sợ ai nữa, bắt mẹ con Kanmakân không được ra khỏi phòng, cấm luôn cả quan hệ giữa Thiên Mệnh và Kanmakân, chờ cho đến khi chúa Ala giả lại cho ai quyền người nấy.

Mặc cho viên nội thần canh giữ, Kanmakân nhiều lần vẫn kín đáo tìm cách chuyện trò với Thiên Mệnh. Một hôm không gặp được nàng, lòng khắc khoải khác thường. Kanmakân lấy giấy viết cho nàng mấy vần thơ thắm thiết:

« Ôi, liệu chúng mình có sum hợp được với nhau không, dù chỉ một đêm? Ôi liệu nàng có những cảm giác rạo rực đang tràn trề trong ta?

Cầu chúa cho ta kiên nhẫn chịu đựng nỗi khổ đau như người bệnh chịu vết thương rút độc cho bệnh chóng lành! »

Chàng nhờ một tên hoạn nô trao cho người yêu. Y lại đưa lên cho viên nội thần. Đọc xong, ông ta tức giận sùi bọt mép, la hét om xòm thề sẽ trị tội tên thanh niên đểu cáng. Nhưng rồi ông ta lại nghĩ nên giữ kín việc này, chỉ cần cho vợ biết thôi. Và thế là ông ta đến phòng Nôzatu, ông bảo Thiên Mệnh ra vườn hóng gió, đoạn nói với vợ:

– Kanmakân đã đến tuổi dạy thì từ lâu. Hắn những muốn thử tình trên người con Thiên Mệnh. Phải chia rẽ chúng, không cho chúng còn hy vọng gặp nhau, vì lửa gần rơm rất nguy hiểm. Từ nay con gái ta không

được ra khỏi gian phòng phụ nữ, không được bỏ mạng che mặt vì nó đã hết cái tuổi ra ngoài không phải che mặt. Phải cần thận, không được cho hai đứa gặp nhau. Xảy ra chuyện gì là ta không thể để cho hai đứa trẻ ranh ấy chạy theo bản năng hư đốn.

Ông ta đi khỏi, Nôzatu không cầm được nước mắt nàng liền tìm gặp Kanmakân cho biết viên nội thần đã nổi giận như thế nào. Bà tiếp :

– Tuy vậy, bác vẫn có thể giúp cháu gặp kín Thiên Mệnh, nhưng gặp qua cửa thôi. Cháu hãy kiên tâm cho đến khi Chúa thương đến cháu.

Kanmakân, kinh hãi, thét lên :

– Cháu không ở thêm một phút nào nữa trong cung điện này mà đáng lẽ cháu có quyền ngự trị. Cháu không để gạch ngói nơi đây phải che giấu nỗi nhục nhằn của cháu.

Tức thì chàng cởi áo bỏ lại, đội lên đầu một chiếc mũ vải, khoác lên vai một chiếc áo choàng cũ của người du mục, chẳng kịp chào mẹ, chào bác, đi ra cổng thành với một chiếc bánh để đã ba ngày. Cổng thành vừa mở, chàng là người đầu tiên bước qua. Chàng vừa đi vừa đọc vội mấy câu thơ thay lời vĩnh biệt tất cả những gì thân yêu :

«Hỡi trái tim của ta, ta không sợ mi nữa. Mi có thể đập vỡ ngực ta, mắt ta sẽ thôi nhìn ái ngại, lòng ta sẽ hết cảm thương.

Hỡi trái tim nặng những yêu thương, ý chí của ta sẽ không vì mi mà nao núng, và sẽ không chấp nhận một nỗi nhục nhã nào, dù thân ta có chảy tan ra cũng mặc.

Tim ta hỡi! Tha lỗi cho ta. Nếu thương mi, nghị lực ta sẽ ra sao? Kẻ nào vì những con mắt nồng nàn mà đổi hướng thì sau này có bị tử thương cũng chớ phàn nàn.

Ta muốn nhảy những bước hoang dã khắp khoảng đất trở nên mênh mông và thấm tình mẹ đối với kẻ lang thang, để cứu tâm hồn duy nhất của ta khỏi tất cả những gì có thể hủy diệt sự kiên cường của nó.

Ta sẽ chiến thắng những vị anh hùng và những bộ lạc, ta sẽ giàu chiến lợi phẩm, và lừng cường vị uy danh, vì thực lực, ta sẽ trở về. Bao nhiêu cửa sẽ tự mở ra hết!

Hỡi trái tim ngây thơ, muốn có những cái sừng quí giá của con thú thì phải trị được nó, hoặc giết nó».

Kanmakân đi rồi, mẹ chàng không thấy con đâu, cho đi tìm khắp nơi. Bà ngồi khóc, lo sợ não lòng. Ngày thứ ba rồi thứ tư trôi qua, không ai biết chàng ở đâu. Bà mẹ đóng cửa than vãn thảm thiết:

– Con hỡi, biết gọi con phương nào? Biết đi đâu tìm con? Nước mắt mẹ liệu có ích gì? Con ở đâu? Kanmakân con hỡi!

Bà mẹ khốn khổ không muốn gì ăn uống. Dân chúng vốn mến yêu chàng trẻ tuổi và tiên vương của chàng. Ai biết chuyện cũng ngậm ngùi, thương xót. Họ muốn kêu lên: «Hỡi vua Đunmakân công bằng, độ lượng với thần dân! Ngài đi đâu? Hoàng tử đi đâu? Bao nhiêu người được hưởng ân huệ của Ngài không ai biết hoàng tử đi đâu cả. Ôi! hậu duệ của đức Ôma An-Nêmân rồi ra sao!»

Lại nói về Kanmakân. Chàng đi suốt ngày, tối mịt mới nghỉ chân. Hôm sau, hôm sau nữa cũng thế, đói thì ăn rau nhặt nhạnh được, khát thì uống nước suối nước nguồn. Đi bốn ngày, đến một thung lũng có con sông nước trong, có chim ca vượn hót. Chàng nghỉ chân, tắm gội rồi đọc kinh. Tối đến chàng nằm ngủ dưới gốc một cây to. Nửa đêm, có tiếng hát vọng lại từ vách đá

quanh đó khiến chàng tỉnh giấc. Chàng nhồm dạy Tiếng hát trong đêm thanh vắng rất êm làm chàng cảm phục. Chàng cố nhìn, không thấy người chỉ thấy lờ mờ những thân cây trên con sông lững lờ trong thung lũng. Chàng đi lần về phía ấy cho tới bờ sông. Tiếng hát càng rõ dần dần và càng xúc động:

« Tôi cùng nàng đã thề thốt yêu đương, Do đó, tôi có thể để nàng ở lại bộ lạc mà đi.

Bộ lạc của tôi trong sa mạc có nhiều ngựa quí, nhiều cô gái mắt đen. Đó là bộ lạc Tam.

Hỡi làn gió nhẹ thổi từ bộ lạc của ta! gió làm cho ta yên dạ, cho ta say sưa.

Hỡi anh nô lệ Xát, anh cho ta biết cô gái cổ chân leng keng tiếng nhạc, nàng có nhớ tới lời thề không, nàng nói những gì?

Ôi! em là trái tim của anh, em bị một con bọ cạy đốt. Em hãy lại đây! Anh thở mùi thơm nước miếng của em, làn da mát rượi của em, lấy đó làm thuốc giải độc mà chữa cho em ».

Kanmakân nghe tiếng hát của kẻ vô hình, cố nhìn trong đêm tối vẫn chẳng thấy ai. Chàng bèn leo lên mỏm một tảng đá, hét lên:

— Hỡi vị lữ khách trong đêm! xin đến đây kể cho tôi nghe chuyện của người, chắc nó cũng giống chuyện của tôi chúng ta sẽ giúp nhau khuây khỏa.

Một lát có tiếng đáp lại:

— Ai gọi tôi đấy? Là người hay là ma? Là ma thì đi đi. Là người thì chờ đến sáng: vì đêm đầy rẫy những cạm bẫy và phản trắc.

Kanmakân nghĩ bụng: « Người này, chuyện đời hắn giống ta ». Chàng ngồi im chờ sáng.

Sáng đến, chàng thấy lấp ló trong rừng cây đang tiến về phía chàng, một người ăn mặc kiểu Bêđoanh sa mạc, người cao to, đeo một thanh gươm, một lá mộc. Chàng đứng dạy chào. Người kia chào lại. Thấy Kanmakân trẻ quá, anh ta ngạc nhiên hỏi:

— Hỡi chàng trẻ tuổi mà tôi không quen biết, chàng là ai? bộ lạc nào? Có những thân nhân nào là người Arập? Trẻ như chàng thì không ai đi đêm qua những vùng chỉ thấy những đoàn người có đủ khí giới. Chàng kể cho nghe chuyện của chàng đi.

Kanmakân đáp:

— Ông tôi là vua Ôma An-Nêmân, cha tôi là vua Đunmakân, còn tôi là Kanmakân, yêu chị họ mình là nàng Thiên Mệnh.

— Vì lẽ gì mà con vua lại ăn mặc như thế kia, đi thì chàng có ai theo hầu?

— Ta hầu ta. Và bắt đầu, ta muốn ngươi là kẻ thứ nhất trong đoàn tùy tùng của ta.

Tên Beđoanh cười mỉa:

— Chú nói như chú đã là một dũng sĩ thực thụ, hoặc một vị anh hùng lừng danh trong hai chục trận đánh. Để chứng minh cho sự bất tử của chú, ta tóm ngay lấy chú để chú phụng sự ta như một tên nô lệ. Nếu quả thật cha ông chú là vua, thì sẽ có đủ tiền chuộc chú.

Kanmakân thấy nóng mắt.

— Lạy chúa, không ai chuộc ta ngoài ta ra. Tên Bêđoanh kia' liệu hồn đấy. Nghe thơ mi, ta tưởng mi là con người lịch sự...

Kanmakân nhảy đến. Xá gì một đứa trẻ. tên Bêđoanh đứng chờ, mỉm cười. Hắn nhầm quá! Kanmakân vật nhau với hắn. Chàng đứng tấn như cắm rễ xuống đất.

chân cứng hơn núi, thẳng hơn tháp ở giáo đường. Chàng ghì tên Bêđoanh đến gẫy xương, nòi ruột, rồi nhấc bồng người hắn lên, chàng chạy nhanh về phía con sông. Tên Bêđoanh chưa hoàn hồn về sức mạnh đột ngột của chú bé, kêu lên:

— Chú đem tôi đến phía sông để làm gì đấy?

— Để vứt mi xuống, nước sẽ trôi mi đến sông Hồ, sông Hồ cuốn mi đến sông Na Itxa, sông Na Itxa lôi mi đến sông Ơphrát, sông Ơphrát chở mi về bộ lạc của mi. Bộ lạc mi sẽ phán xét về sức mạnh và lòng dũng cảm của mi, hỡi tên Bêđoanh.

Lúc Kanmakân nhắc bổng hắn định quẳng xuống sông, hắn sợ quá, van vỉ:

— Hỡi chàng anh hùng trẻ tuổi, xin chàng hãy vì đôi mắt của người yêu là Thiên Mệnh mà tha chết cho tôi. Từ nay tôi sẽ là kẻ nô lệ ngoan ngoãn nhất của chàng.

Kanmakân lùi lại, nhẹ nhàng đặt hắn xuống:

— Lời thề của người làm ta hết giận.

Hai người ngồi trên bờ sông. Tên Bêđoanh lấy trong cái túi hai ngăn một chiếc bánh đại mạch, bẻ đôi đưa một nửa cho Kanmakân với một tí muối. Và thế là họ thành đôi bạn.

Kanmakân hỏi:

— Này anh bạn, giờ anh đã biết tôi là ai, anh có thể cho tôi biết tên anh và tên bố mẹ được không?

Tên Bêđoanh đáp:

— Tôi là Xaba ben-Rêma ben-Hêman thuộc bộ lạc Tam, trong sa mạc Sam. Tôi mồ côi cha từ rất bé. Chú tôi nuôi tôi cùng với con gái ông là Nêma. Tôi yêu Nêma và cô ta cũng yêu tôi. Đến tuổi trưởng thành, tôi muốn

lấy cô làm vợ. Thấy tôi nghèo, chẳng có tài sản gì, chú tôi không cho cưới, Các cụ trong bộ lạc trách móc, chú tôi phải hứa cho tôi lấy Nêma với điều kiện phải có cho cô ta làm của hồi môn năm chục con ngựa, năm chục lạc đà cái giống, mười nữ nô, năm chục bao lúa mì, năm chục bao lúa đại mạch, nhiều hơn càng tốt, nhưng không được ít hơn. Tôi nghĩ muốn có từng ấy thứ cho Nêma, chỉ có cách ra khỏi bộ lạc đi xa cướp bóc của cải của bọn lái buôn hoặc của những đoàn lữ thương. Vì vậy mà tối nay, tôi có mặt tại chỗ mà anh nghe tôi hát. Nhưng bài hát ấy có nghĩa lý gì so với sắc đẹp của Nêma. Ai đã được thấy nàng một lần trong đời mình sẽ thấy tâm hồn mãi mãi được thanh thản và đầy hạnh phúc.

Kể xong, tên Bêđoanh ngồi im. Kanmakân bảo :

— Tôi đã biết chuyện của bạn phải giống chuyện của tôi mà. Cho nên từ nay, chúng ta phải chiến đấu bên nhau để lấy chiến thắng mà chinh phục lấy người yêu.

Kanmakân vừa nói xong thì thấy xa xa một đám bụi mù tiến nhanh lại gần. Bụi tan, xuất hiện một chàng kỵ mã mặt vàng như người sắp chết, áo thấm máu. Anh ta kêu :

— Hỡi những tín đồ Hồi giáo ! xin cho ít nước rửa vết thương. Đỡ tôi xuống ! Tôi sắp chết. Hãy cứu tôi, nếu tôi chết, con ngựa của tôi sẽ thuộc về các bạn.

Con ngựa của chàng kỵ mã này đẹp thật, không một con ngựa nào của bộ lạc sánh tày, ai nhìn cũng phải bâng khuâng vì nó có đủ những đức tính của một con ngựa sa mạc. Anh Bêđoanh vốn sành xem ngựa như tất cả mọi người Bêđoanh, khen :

— Hỡi chàng kỵ mã, quả thật thời nay khó mà kiếm được một con ngựa như thế này

Kanmakân đỡ chàng kỵ mã xuống ngựa đặt lên bãi cỏ.

– Anh làm sao thế? chàng hỏi. Vì sao bị thương?

Anh Bêđoanh mở áo chàng ta, chỉ những vết thương ở lưng, máu lênh láng. Kanmakân ngồi xuống cạnh, rửa những vết thương, lấy lá đắp vào, rồi lấy nước cho chàng uống mà hỏi:

– Hỡi anh bạn cùng cảnh, kẻ nào đã làm cho anh đến nông nỗi này?

Người bị thương kể:

– Hỡi chàng đã cứu tôi, chính con tuấn mã này đã làm nên nông nỗi. Nó vốn là của vua Afriđôniốt xứ Côngxtăngtinia. Tất cả những người Árập chúng tôi ở sa mạc đều biết tiếng nó. Nó được chăm sóc và canh giữ cẩn thận suốt ngày đêm. Nhưng một con ngựa như thế không thể để trong chuồng của một ông vua tà đạo. Vì vậy bộ lạc của tôi cử tôi đến cướp lấy. Tôi đi ngay, tôi đến chiếc lều có ngựa. Tôi làm quen với bọn lính gác. Chúng hỏi tôi về ngựa, lại nhờ tôi cưỡi thử. Tôi nhảy phốc lên, ra roi phóng mất. Bọn lính kinh ngạc, rồi phi ngựa đuổi theo, bắn tên, phóng lao tới. Như chàng thấy đấy, tôi bị nhiều vết thương ở lưng. Con ngựa phi nhanh hơn sao đổi ngôi, bọn lính không sao đuổi kịp. Tôi ngồi trên mình ngựa ba ngày đêm liền, máu chảy hoài, bây giờ đã kiệt sức cảm thấy cái chết như đến khép mắt mình. Chàng đã cứu tôi, tôi chết, con ngựa tất thuộc về chàng. Con ngựa vẫn được gọi là En-Katun En-Manun, mẫu đẹp nhất của giống ngựa En-Aju. Nhưng hỡi chàng áo quần rách rưới mà vẻ mặt cao sang, hãy cho tôi ngồi sau chàng trên mình ngựa giúp đưa tôi về bộ lạc để tôi có thể chết trong chiếc lều tôi đã sinh ra.

— Hỡi người anh sống trong sa mạc ! Kanmakân nói, tôi thuộc một dòng họ cao thượng và hào hiệp. Dù không được ngựa, tôi cũng sẵn sàng giúp anh.

Chàng định đỡ người Arập dạy, nhưng anh ta thở dài, nói :

— Xin chờ một chút. Có lẽ hồn tôi sắp bay đi. Tôi phải tỏ niềm tin Chúa.

Anh ta lim dim đôi mắt, giơ ngửa lòng bàn tay lên, nói :

— Tôi nguyện không có chúa nào ngoài chúa Ala, và đức Môhamát là Sứ giả của Người.

Rồi anh hát lên những lời nói cuối cùng của đời anh.

«*Ta chu du khắp mặt đất, trên lưng con ngựa phi nước đại, đến đâu gieo kinh hoàng và chết chóc đến đấy. Ta đã trèo đèo, lội suối để ăn cắp, giết người và truy hoan.*

Sống sao, chết vậy. Ta chết giữa đường, kẻ đánh ta trọng thương, chính là kẻ đã bị ta đánh bại.

Thành quả của bao nỗi nhọc nhằn, ta bỏ lại trên bờ một con suối, xa trời quê hương !

Hỡi người phương xa hưởng kho tàng duy nhất của chàng Bêđoanh, nỗi luyến tiếc ta sẽ bay đi cùng lúc với linh hồn nếu ta được biết chắc rằng con tuấn mã Katun của ta được người chủ mới xứng đáng với nó».

Ngâm xong, miệng co giật, anh ta kêu một tiếng dài, nhắm mắt vĩnh viễn.

Kamakân và bạn cầu nguyện cho anh rồi đào hố chôn người thiệt phận.

Xong rồi, hai người lên đường, Kamakân cưỡi con Katun, Xaba đi bộ theo sau. Anh ta đã lấy điện Kaba, nơi ở của chúa Ala, mà thề sẽ coi Kanmakân là chủ và phục tùng chàng.

Hai người bắt đầu một cuộc phiêu du hiển hách. Họ săn bắn, du ngoạn, đêm tìm nơi ẩn tránh thú dữ, ngày chiến đấu chống các bộ lạc, thu chiến lợi phẩm. Trải qua bao gian nguy, họ thu được vô vàn là súc vật, cùng người chăn ngựa, nô lệ, và những tấm thảm những lều. Kanmakân nhờ Xaba trông coi hết, đi đâu đầy theo đấy. Mỗi khi ngồi nghỉ đôi bạn lại tâm sự với nhau về những buồn phiền và hy vọng trong tình yêu, về Thiên Mệnh và về Nêma. Cứ như thế trong hai năm. Đây là một chiến công trong hàng nghìn chiến công của chàng Kanmakân trẻ tuổi:

Một hôm Kanmakân cưỡi con Katun, có Xaba đi trước mở đường. Xaba tay cầm một thanh kiếm trần, mắt mở to, miệng la hét, mặc dù trong sa mạc chẳng có một ai. «Ôi! mở đường nào! bên phải! bên trái!» Họ vừa ăn xong một con linh dương quay và uống nước suối mát. Đi một lúc, đến một cái gò cao dưới là cánh đồng cỏ có nhiều lạc đà đực, cái, cừu, bò cái và ngựa. Xa hơn, có những tên nô lệ vũ trang ngồi xổm, im lặng dưới một chiếc lều. Thấy thế Kanmakân bảo Xaba:

– Anh đứng đây, để mình ta xuống cướp lấy cả đàn gia súc và nô lệ.

Từ trên đỉnh gò cao, như một làn sét từ đám mây đột ngột vỡ ra, chàng bay ngựa xuống lũ người và vật, miệng hát bài chiến ca:

«*Chúng ta là dòng dõi vua Ôma An-Nemân, là những người anh hùng chí lớn.*

Chúng ta là những người quí tộc, khi ngày chiến đấu bắt đầu, thì đánh thẳng vào bộ lạc thù địch.

Chúng ta bênh vực kẻ yếu, chống lại kẻ mạnh, xóc đầu kẻ bại trận vào ngọn thương.

Đây là những vị anh hùng! những người chỉ cả dòng dõi đức Ôma An-Nêmân! Hãy liệu những cái đầu của các ngươi!

Bọn nô lệ kinh hoàng la hét, kêu cứu tưởng chừng như tất cả người Ảrập trong sa mạc đột kích chúng. Ba dũng sĩ, chủ nhân của những đàn gia súc từ trong lều ra, nhảy lên lưng ngựa, phi về phía Kanmakân là lên:

– Đây là tên trộm ngựa Katun! Tóm được nó rồi đánh.

Kanmakân nói:

– Đúng, đây là con Katun, nhưng kẻ ăn trộm là chúng bay, lũ con con đĩ.

Rồi chàng ghé tai nói với Katun như để khích lệ nó Katun nhảy vút tới, như yêu tinh vồ mồi. Kanmakân múa lưỡi thương mới một hiệp, đã xuyên thủng bụng dũng sĩ thứ nhất, thấu qua lưng, đầu thương có cả quả thận của tên dũng sĩ. Hai gã kia cũng cùng chung số phận, cũng một quả thận của mỗi gã ở đầu lưỡi thương xuyên suốt bụng qua lưng. Kanmakân chiến thắng như chơi. Bọn nô lệ thấy chủ bị giết, rạp đầu xuống đất xin tha chết. Kanmakân bảo chúng:

– Đi thôi, không phí thì giờ. Đem đàn gia súc ra đây, dẫn đến chỗ lều của ta.

Chàng tiếp tục đi cùng đoàn gia súc và nô lệ. Xaba theo lệnh của chàng đứng nguyên tại chỗ trong suốt cuộc chiến, giờ cũng chạy theo.

Họ đang đi như vậy, bỗng xa xa có bụi mù bốc lên. Lại gần thấy có một trăm kỵ sĩ vũ trang theo kiểu người Rum ở Côngxtăngtinia Kanmakân bảo Xaba trông nom nô lệ và súc vật để mình chiến đấu chống bọn tà đạo. Anh Bêđoanh tránh ra xa sau một quả đồi.

Một mình Kamaakân tiến lại đoàn kỵ sĩ xứ Rum. Họ vây chặt lấy chàng. Người thủ lĩnh ra nói :

– Cô là ai, hỡi cô gái xinh xắn kia. Cô cầm cương ngựa chiến giỏi lắm. Mắt cô dịu dàng, hai má nhan nhụi tươi như hoa. Lại đây cho ta hôn lên miệng một cái, rồi xét sau. Lại đây ! Ta sẽ cho cô làm Hoàng hậu trên tất cả các đất đai có bộ lạc.

Kanmakân thẹn đỏ mặt, mắng :

– Mi tưởng nói với ai thế ? đồ chó, con của chó ? Má ta không có lông nhưng cánh tay ta sẽ cho mi thấy mi đã nhầm một cách thô lỗ, hỡi tên xứ Rum mù kia. không phân biệt nổi dũng sĩ với tiểu thư.

Tức thì viên thủ lĩnh của đoàn một trăm kỵ sĩ tiến lại gần hơn Kanmakân và nhận thấy tuy da dẻ chàng mịn màng trắng trẻo, má chàng như nhung không có lông lá gì, nhưng mắt chàng thì như nảy lửa, đúng là một dũng sĩ không dễ gì khuất phục.

Viên thủ lĩnh hỏi :

– Đàn súc vật này của ai ? Còn mi xấc láo và làm phách, mi đi đâu ? Trói tay chịu hàng đi không thì chết.

Y cho một kỵ sĩ đến bắt. Hắn vừa lại gần thì Kanmakân chém một nhát kiếm xẻ đôi suốt từ cái khăn cái đầu, cái mình tên kỵ sĩ đến cả cái yên cái bụng con ngựa hắn cưỡi. Kỵ sĩ thứ hai, thứ ba, thứ tư tiến lên đều chung một số phận y hệt.

Thấy thế viên thủ lĩnh cho các kỵ sĩ rút hết, còn y thì đến gần Kanmakân mà rằng :

– Hỡi chàng kỵ sĩ, tuổi trẻ của ngươi rất đẹp, lòng dũng cảm của ngươi cũng rất đẹp. Còn ta, Karudát, người mà khắp các xứ Rum ai cũng biết là anh hùng, ta tha chết cho ngươi, vì ngươi dũng cảm. Vậy ngươi

hãy rút lui yên ổn; vì ngươi đẹp, ta tha thứ cho cái tội đã giết mấy người của ta.

— Ngươi có là Karuđát ta cũng chả quan tâm. Điều quan trọng là ngươi hãy gác mấy lời ấy sang một bên và nếm thử mũi thương của ta. Nên biết rằng nếu ngươi là Karuđát, ta chính là Kanmakân ben-Đunmakân ben-Ôma An-Nêmân đây.

— Hỡi người con Đunmakân, trong chiến trận ta đã rõ sự dũng cảm của cha ngươi. Còn ngươi, người đã kết hợp được sức mạnh của cha ngươi với một sự mỹ miều hoàn hảo. Ta thích cho ngươi rút lui mà đem theo cả chiến lợi phẩm.

— Hỡi tên Thiên chúa giáo kia! Ta không có thói quen quay ngựa. Ngươi hãy chuẩn bị.

Nói rồi, Kanmakân vuốt ve con Katun. Con ngựa hiểu ý định của chủ. Nó cụp tai xuống, vểnh đuôi lên, và chồm tới. Hai con ngựa va nhau như hai con cừu đực đọ sừng, như hai con bò mộng muốn húc lòi bụng nhau. Kanmakân và Karuđát đánh nhau mấy hiệp dữ dội mà không phân thắng bại. Bỗng Karuđát dùng hết sức đâm thẳng mũi thương vào ngực Kanmakân. Chàng thúc ngựa tránh được, quay lại đâm một nhát vào bụng tên Thiên chúa giáo lưỡi thương xuyên qua lưng sáng loáng. Thế là Karuđát bị xóa sổ trong danh sách những dũng sĩ tà đạo.

Thấy thế, các kỵ sĩ của Karuđát thúc ngựa chạy cho nhanh. Bụi bốc lên mù mịt che cho chúng. Kanmakân lau lưỡi thương vào những xác chết nằm ngổn ngang, rồi ra hiệu cho Xaba đuổi đàn gia súc cùng nô lệ mà tiếp tục cuộc hành trình.

Chính sau chiến công đó, Kanmakân đã gặp người đàn bà da đen lang thang từ bộ lạc này đến bộ lạc khác trong sa mạc kể chuyện kiếm ăn trong lều hoặc

dưới bầu trời sao. Kanmakân nghe tiếng mụ đã lâu, xin mụ kể một chuyện gì giải trí cho thư thái tâm hồn. Mụ vào lều Kanmakân, ngồi xuống chiếc chiếu cạnh chàng mà kể câu chuyện :

NGƯỜI NHAI HÁTSÍT

– Thưa công tử, chuyện tôi thích nghe nhất là chuyện người nhai hátsít.

Có một người rất mê da thịt trinh nữ. Thứ này đắt lắm, nhất là khi người ta lại muốn lựa chọn. Người kia vì say mê quá đỗi – cái gì quá cũng đáng chê – nên cuối cùng bị khánh kiệt.

Một hôm anh ta vào chợ ăn mày, quần áo rách rưới, chân đi đất. Anh ta dẫm phải một cái đinh vào gan bàn chân, máu chảy nhiều. Anh ta ngồi bệt xuống đất tìm cách cầm máu, cuối cùng lấy một miếng giẻ buộc lại. Nhưug máu vẫn chảy. Anh ta nghĩ : « Vào nhà tắm rửa chân, nhúng vào nước chắc là tốt ». Thế là anh ta lại đến nhà tắm, vào buồng công cộng dành cho người nghèo, nhưng cũng sạch sẽ, bóng lộn. Anh ta ngồi xổm lên bồn nước chính giữa mà rửa chân.

Cạnh anh ta, một người vừa tắm xong, đang ngồi, miệng nhai bóp bép một cái gì. Anh ta bị kích thích cũng muốn được nhai cái gì đó. Anh ta hỏi thì người ấy giả lời, giọng nói rất bé để không ai nghe được.

— Im đi! Hátsit đấy! Nếu anh muốn, tôi cho một miếng.

Nói đoạn móc trong mồm ra một miếng đưa cho anh ta. Anh này nhai một chút rồi nuốt luôn. Vì không ăn quen, chất hátsit ngấm nhanh lên não, anh ta say quá cười ngặt nghẽo, tiếng cười vang khắp buồng tắm, một lát thì lăn quay xuống sàn đá hoa, mơ màng toàn những cảnh mờ mờ ảo ảo.

Thoạt tiên, anh ta thấy mình trần truồng. Rồi một người xoa bóp dữ tợn và hai người da đen lực lưỡng, vần anh ta như vần một đồ chơi: Họ lật sấp, lật ngửa anh ta, sờ mó khắp nơi, dùng những ngón tay nhiều mấu nhưng rất thông thạo ấn vào da thịt anh ta. Khi họ tì gối lên bụng anh ta để xoa bóp cho có nghệ thuật thì anh ta rên rỉ lên. Xoa bóp xong, họ dung thau đồng dội nước, lấy sợi dây kỳ cọ cho anh ta. Cuối cùng, họ lấy ba cái khăn trắng như hoa nhài quấn vào đầu, vào tai, vào lưng mà rằng:

— Giờ thì mời Ngài về nhà, phu nhân đang đợi.

— Phu nhân nào? Ta đã lấy vợ dâu. Ngươi ăn hátsít nhiều quá nên đâm ra lầm cầm sao?

— Không đùa như thế, về đi, vợ ngươi đang sốt ruột đấy.

Người xoa bóp quàng lên vai anh một cái khăn mỏng lụa đen, dẫn anh ta đi, hai người da đen đỡ vai thỉnh thoảng lại đùa xoa mông anh ta, khiến anh cười ngất.

Họ đến một căn buồng tranh tối tranh sáng, ấm áp thơm ngát hương trầm. Giữa buồng là một chiếc mâm to đầy những quả, bánh, kẹo, kem, và những bình đầy hoa. Họ đặt anh ngồi trên một chiếc ghế đầu bằng gỗ mun rồi đi ra.

Một chú bé vào khoanh tay chờ lệnh:

— Tâu đức vua của muôn đời! tôi là nô lệ của Người!

Không buồn để ý đến chú bé ngoan ngoãn, anh ta cười một tiếng ʼoang cả phòng, nói:

— Lạy chúa! sao ở đây nhiều người ăn hátsít thế?

Bây giờ thì họ gọi mình là vua.

Rồi nói với chú bé:

— Chú lại đây, cắt cho ta nửa quả dưa này. Chà dưa đỏ và nhiều nước quá! Ta thích nhất. Không có gì làm mát ruột bằng.

Chú bé mang quả dưa bổ làm nhiều miếng rất khéo.

— Cút đi! anh ta gắt, không được việc gì cả. Chạy đi tìm cái ta thích nhất là da thịt gái trinh loại một, cả dưa đỏ nữa.

Chú bé ra. Một lúc, một thiếu nữ bước vào ưỡn ẹo đôi mông còn non. Anh ta ngửi hít vui vẻ, rồi ôm cô bé vào lòng. Anh ta sắp làm cái chuyện ai cũng đoán biết thì bỗng thấy lạnh, giật mình tỉnh giấc chiêm bao.

Anh ta nghĩ ngay đấy là kết quả của hátsit. Những người đến tắm vây lấy, dội nước vào anh ta trần truồng mà cười hô hố. Anh ta bối rối, kéo cái khăn về phía đùi, nói với họ một cách thê thảm:

— Ta đang ôm cô bé, sao các bác lại cướp đi?

Nghe hỏi, họ dậm chân, vỗ tay, chế diễu:

— Ăn hátsit vào rồi nói năng như thế mà không biết xấu hổ sao?

Kanmakân nghe mụ da đen kể, không tự chủ được nữa cũng cười ngặt nghẽo, mà khen:

— Truyện hay đấy! Rồi sao nữa, già kể tiếp đi.

— Quả là hay! Mụ nói. Đoạn tiếp còn hay hơn, nghe sẽ quên đoạn đầu. Chuyện sạch, ngon, lạ, đến anh điếc nghe cũng phải dãy lên vì thú vị.

Mụ sắp kể tiếp thì một người truyền tin cưỡi ngựa phi đến trước Kanmakân. Y xuống ngựa, chào. Kanmakân đáp lễ. Y nói:

— Thưa công tử, tôi là một trong số một trăm người được Tể tướng Đanđân phái đi bốn phương để tìm hoàng tử Kanmakân, đã bỏ Bátđa đi từ ba năm nay. Tể tướng đã hướng quân đội và dân chúng nổi dạy chống kẻ tiến đoạt ngai vàng của đức Ôma An-Nêmân. Ngài đã bắt được hắn mà giam trong cái hầm sâu nhất dưới đất. Giờ thì chắc hắn đã chết vì đói, khát và hổ thẹn. Công tử có gặp hoàng tử Kanmakân, người được chính thức kế vị vua cha, ở đâu không?

Kanmakân nghe tin quá đột ngột ấy, quay về phía Xaba, nói rất bình tĩnh:

— Anh xem, mọi việc đều đến đúng vào lúc đã được qui định. Bây giờ thì chúng mình đi Bátđa.

Người truyền tin, nghe thế, biết ngay là mình đang đứng trước mặt vua mới. Y quì xuống sát đất. Xaba và mụ da đen cũng quì. Kanmakân bảo mụ:

— Mụ sẽ đi Batđa cùng ta, kể nốt cho ta nghe câu chuyện sa mạc.

— Thưa đức vua, Xaba nói, để tôi chạy về báo cho Tể tướng Đanđân và dân chúng Batđa biết Ngài sẽ về.

Kanmakân đồng ý. Và để thưởng cho người truyền tin, chàng tặng anh ta tất cả những chiếc lều, những gia súc, những nô lệ đã thâu góp được trong ba năm chiến đấu. Rồi chàng cưỡi con Katum lên đường, đi trước là người truyền tin, theo sau là mụ da đen cưỡi lạc đà.

Xaba đi trước một ngày chỉ trong vài giờ đã làm náo động cả thành phố Bátđa. Dân chúng và quân đội có Tể tướng và ba vị thủ lĩnh Ruyxtam, Tuyếccát, Baramân dẫn đầu, ra khỏi cổng thành chờ đón Kanmakân mà họ yêu quí và đã không hy vọng thấy trở về. Họ cầu nguyện cho dòng họ Ôma An-Nêmân thịnh vượng và vinh quang.

Cho nên hoàng tử Kanmakân vừa cưỡi con Katum phi đến, thì những tiếng reo vui, những lời cầu nguyện của hàng nghìn vạn nam phụ lão ấu vang vang lên chào đón vua của họ. Tể tướng Đanđân, dù tuổi cao, cũng nhanh nhẹn xuống ngựa đến chào và thề trung thành với người kế vị của bao triều vua. Rồi tất cả mọi người vào thành. Một đám rất đông vây quanh mụ da đen và mụ kể chuyện cho họ nghe.

Vào đến cung, điều đầu tiên Kanmakân làm là ôm hôn Tể tướng Đanđân, người trung thành bậc nhất với các vua, rồi hôn các thủ lĩnh Ruyxtam, Tuyếccat và Baramân. Điều thứ hai là đến hôn tay mẹ. Bà nức nở lên vì mừng. Điều thứ ba là hỏi mẹ:

– Mẹ ơi! xin mẹ cho con biết Thiên Mệnh yêu quí của con sức khỏe thế nào?

– Con hỡi! mẹ không giả lời con được, vì từ khi tưởng mất con, mẹ chỉ có đau buồn, có nghĩ đến chuyện gì đâu.

– Con xin mẹ, Kanmâkân nói, mẹ đi tìm hỏi tin nàng và tin bác Nôzatu hộ con.

Bà mẹ đến phòng Nôzatu và Thiên Mệnh dẫn hai người đến chỗ Kanmakân đang chờ. Ôi niềm vui tái hợp! và những câu thơ tình...

«Ôi nụ cười ngọc ngà trên làn môi của người yêu, nụ cười được uống trên những hạt ngọc!

Được hôn đôi má của người tình, được vuốt ve như vuốt ve trên lụa! ...»

Nhờ chúa Ala, họ được hạnh phúc tột cùng, chẳng cần phải nói nhiều. Từ đây những nỗi bất hạnh xa hẳn nơi cung điện của con cháu đức Ôma An-Nêmân để giáng xuống đầu những kẻ thù nghịch với họ.

Sau khi được hưởng những ngày tháng hạnh phúc trong tay nàng Thiên Mệnh trẻ đẹp đã là vợ của Ngài, vua Kanmakân, một hôm, triệu tập bá quan văn võ trước mặt Tể tướng Đanđân mà rằng:

– Máu của cha, ông ta chưa được rửa hận. Thời cơ đã đến. Ta được tin Afriđôniôt và Hácđôbiôt đều đã chết. Nhưng mụ Quái Ác thì vẫn còn sống. Theo những người truyền tin của ta, thì mụ nắm trong tay quyền cai trị tất cả các xứ Rum. Còn vua mới ở Kaitxaria thì tên là Rumzân, không biết là con cái ai. Hỡi các dũng sĩ của ta, ngay ngày mai chiến tranh lại bắt đầu với bọn tà đạo. Ta lấy đức Môhamát (cầu chúc Ngài bình an) mà thề rằng ta phải giết bằng được con mụ xúi quẩy, báo thù cho tất cả những anh em đã chết trong chiến trận, nếu không ta sẽ không trở về Batđa.

Tất cả mọi người đều đồng thanh hưởng ứng. Và ngày hôm sau, quân đội tiến đến Kaitxaria.

Nhưng vào lúc đến dưới chân thành và chuẩn bị tấn công để làm cỏ thành này, họ bỗng thấy một thanh niên đẹp như một hoàng tử, theo sau là một phụ nữ, mặt không che mạng, vẻ mặt đáng kính, tiến đến phía lều vua. Lúc ấy trong lều có tể tướng Đanđân và Nôzatu, bác của Kanmakân. Bà vốn đã quen với nỗi mệt nhọc đường xa, nên muốn theo quân đội những tín đồ Hồi giáo. Hai người xin vào yết kiến. Họ vừa bước vào thì Nôzatu kêu to một tiếng, ngã xuống ngất đi.

Người phụ nữ cũng kêu to một tiếng, ngã xuống ngất đi. Tỉnh lại, hai người chạy đến ôm lấy nhau. Người phụ nữ chính là người nữ nô cũ của công chúa Abriza, nàng Hạt San Hô trung thành.

Hạt San Hô nói với vua:

– Tôi thấy nhà vua đeo ở cổ một hạt bạch ngọc tròn quí; công chúa Nôzatu cũng đeo ở cổ một hạt. Nhà vua chắc là công chúa Abriza có hạt thứ ba. Hạt thứ ba đó là hạt này.

Hạt San Hô quay về phía chàng thanh niên cùng vào với cô, chỉ hạt ngọc thứ ba đeo ở cổ chàng. Rồi mắt sáng lên niềm vui, cô nói:

– Thưa nhà vua và bà chủ Nôzatu của tôi, chàng thanh niên này là con của bà chủ khốn khổ của tôi, nàng Abriza. Tôi đã nuôi chàng từ lúc mới sinh. Và hỡi các vị đang nghe tôi, chàng là vua xứ Kaitxaria, vua Rumzân con đức Ôma An-Nêmân, em bà chủ Nôzatu của tôi, chú vua Kanmakân đấy.

Nghe Hạt San Hô nói, vua Kanmakân và Nôzatu đứng dạy, sụt sùi vì quá vui, ôm hôn nhà vua trẻ Rumzân. Tể tướng Đanđân cũng ôm hôn người con của tiên quân Ôma (cầu Chúa thương Ngài).

Vua Kanmakân hỏi vua Rumzân:

– Sao chú lại làm vua một nước Thiên chúa giáo, sống giữa người thiên chúa giáo được? Chú là người xứ Nua chăng?

Vua Rumzân giang tay, giơ ngón tay chỉ lên nói:

– La ila in Ala, ua Môhamát ratxun Ala [1]

Kanmakân, Nôzatu và Tể tướng Đanđân đều hết sức mừng rỡ, reo lên:

---

1) Nói câu này là chứng minh rằng mình theo đạo Hồi. Và đã nói câu ấy thì không ai đòi hỏi chứng cớ khác nữa (chú thích của Macdruyx)

– Khen thay chúa Ala đã chọn người nhà mình và để họ được sum họp.

Nôzatu hỏi:

– Nhưng sao sống giữa bọn tà đạo không biết có chúa Ala, không biết đức Sứ giả của Người, mà em lại đi vào được con đường chính đạo?

– Chính Hạt San Hô đã dạy em những điều rất giản dị mà kỳ diệu của đạo chúng ta. Chính nàng cùng mẹ em Abriza, thời sống ở Bátđa trong cung phụ vương Ôma-An-Nêmân, đã theo đạo Hồi. Hạt San Hô đối với em không chỉ là người đã thu nhận mà nuôi nấng em từ thuở lọt lòng, thay mẹ trong mọi việc mà còn giúp em trở thành một tín đồ thực sự của chúa Ala, người thày của các vị vua.

Nôzatu mời Hạt San Hô ngồi cạnh mình trên tấm thảm, coi nàng như em gái từ nay.

Còn Kanmakân thì nói với Rumzân:

– Theo quyền huynh trưởng, ngai vàng của đế quốc Hồi giáo là thuộc về chú. Từ giờ phút này, cháu tự coi mình là một thần dân trung thành của chú.

Nhưng vua Rumzân không nghe

– Cháu hỡi! việc gì chúa đã làm là làm đúng. Sao chú lại phá trật tự do đấng An Bài xếp đặt?

Tể tướng Đanđân bàn:

– Đúng nhất là hai ngài thay phiên nhau trị vì mỗi người một ngày.

Hai vua tán thành:

– Hỡi vị Tể tướng đáng kính của phụ vương chúng ta, ý ngài thật là tuyệt.

Và hai vua thỏa thuận với nhau theo ý ấy. Để mừng việc này, vua Rumzân về nước mở cửa ải cho quân đội Hồi kéo vào, rồi cho mõ rao từ nay đạo Ixlam sẽ là đạo của dân chúng, nhưng những người thiên chúa

giáo vẫn có thể theo thứ đạo sai lầm của mình. Tuy vậy, không một người dân nào muốn tiếp tục là người tà đạo. Và chỉ trong một ngày hàng nghìn, hàng nghìn tín đồ tuyên thệ theo đạo mới. Thế đấy! Vinh quang mãi mãi đức chúa đã đưa hòa bình đến cho tất cả sinh linh từ Đông sang Tây.

Hai vua mở hội ăn mừng, và cứ thay nhau trị vì mỗi người một ngày lần lượt. Họ ở Kaitxaría một thời gian cực kỳ hân hoan vui vẻ, sau đó nghĩ đến chuyện trả thù con mụ Quái Ác. Vua Rumzân bàn với vua Kanmakân, mình sẽ cho một người đến Côngxtangtinia đưa cho mụ Quái Ác một lá thư: Mụ ta cứ đinh ninh vua xứ Kaitxaria là người Thiên chúa giáo như ông ngoại vua, cố quân Hácđôbiốt, cha nàng Abríza.

Lá thư như sau:

«Gửi bà Sao-ahi Om En-Đaoahi đáng kính, người đáng gờm, đáng sợ, là tai họa đè nặng lên đầu kẻ thù, con mắt canh giữ thành trì Thiên chúa giáo, người mà đạo đức và khôn ngoan tỏa hương thần thánh, chân lý của đức Giáo trưởng vĩ đại, cột trụ của đức Jêxu sừng sững giữa Côngxtangtinia.

Thư này viết do người chủ Kaitxaria, Rumzân, con cháu vua Hacđôbiốt vĩ đại uy danh vang lừng khắp hoàn vũ.

Hỡi người mẹ của tất cả chúng con.

Chúa đã giúp chúng ta chiến thắng bọn Hồi giáo đập tan quân đội của chúng, bắt được vua của chúng giam ở Kaitxaría. Tể tướng Đanđân cùng công chúa Nôzatu, con vua Ôma An-Nêmân và hoàng hậu Xafia, con gái cố quân Afriđôniốt xứ Côngxtangtinia, tất cả đều bị cầm tù.

Chúng con chờ mẹ đến để cùng nhau ăn mừng thắng trận và để mẹ chứng kiến cảnh chặt đầu vua Kanmakân. tể tướng Đanđân cùng tất cả bọn thủ lĩnh Hồi.

Mẹ không cần nhiều tùy tùng, vì từ nay đường xá đã yên ổn, tất cả các tỉnh thành đều đã bình định, từ Irắc đến Xuđăng, từ Môtxun và Đamát đến tận cùng Đông phương và Tây phương.

Mẹ nhớ đem theo hoàng hậu Xafia, mẹ của Nôzatu để bà được trông thấy mặt đứa con gái, vì là phụ nữ, mà được trọng vọng nơi cung điện chúng ta.

Cầu mong chúa Jêxu, con ngài Mariam, phù hộ cho mẹ, bảo toàn mẹ như một chất tinh ròng đựng trong bình vàng không han rỉ».

Vua ký tên Rumzân, lấy quốc ấn đóng dấu vào, rồi cho đem đi ngay Côngxtangtinia.

Cho đến lúc mụ Quái Ác đến để chịu tội, có mấy ngày để hai vua còn được thú thanh toán một đôi việc.

Quả vậy, có việc thế này!

Một hôm hai vua, Tể tướng Đanđân và bà Nôzatu hiền hậu, không đeo mạng trước mặt Tể tướng mà bà coi như cha, ngồi đàm đạo về chuyện mụ Quái Ác cùng số phận của mụ thì một viên nội thần đến báo bên ngoài có một lão thương bị cướp và có những tên cướp bị trói.

– Vị thương gia này, viên nội thần nói, xin được vào yết kiến, vì có hai lá thư phải dâng lên.

– Cho vào. Hai vua truyền.

Một ông già vẻ mặt tôn kính, bước vào, khóc. Ông cúi rạp, chào, và nói:

– Tâu đức vua của muôn đời, có thể nào một người Hồi được bọn tà giáo kính trọng mà đến nơi những tín đồ chân chính của đạo Hồi, trên đất nước có hòa hợp và công lý lại bị hành hạ?

Có chuyện gì vậy, hỡi vị thương gia đáng kính? Hai vua hỏi.

Ông già đáp:

– Tôi có hai lá thư thông hành, nhờ đó đến nơi nào trên các nước Hồi giáo, cũng được trọng vọng. Tôi được miễn thuế, cả thuế nhập khẩu cho hàng hóa của tôi. Một lá thư ngoài giá trị trên, còn là niềm an ủi cho tôi trong lúc cô đơn, làm bạn tâm tình trên những dặm đường xa vắng. Nó được viết bằng những câu thơ hay lắm, tôi thà mất linh hồn còn hơn là mất nó.

Hai vua nói:

– Ông có thể cho chúng tôi xem được không, hoặc chỉ đọc qua cho nghe.

Vị thương gia tay run run đưa hai lá thư lên vua. Vua trao cho Nôzatu, nói:

– Bà đọc được những thứ chữ rắc rối nhất lại có giọng đọc thơ rất hay, xin cho chúng tôi được thưởng thức.

Vừa mở thư, đọc lướt qua, Nôzatu kêu lên một tiếng, mặt vàng hơn nghệ, ngã ra, thiếp đi. Mọi người vội lấy nước hoa hồng vẩy lên mặt. Tỉnh lại, bà đứng phắt dậy, mắt đẫm lệ, chạy đến nâng tay ông già lên hôn. Mọi người đều rất đỗi ngạc nhiên về hành động trái với tục lệ vua chúa và hồi giáo ấy. Ông già xúc động lảo đảo, xuýt ngã. Nôzatu đỡ ông dẫn ông đến ngồi trên tấm thảm mà rằng:

– Cụ quên tôi rồi sao? mới đấy mà tôi già đi đến thế kia à?

Ông già tưởng như mình mê ngủ, nói:

– Giọng nói thì tôi nhận ra. Còn mắt tôi mờ quá, không phân biệt được rõ.

– Cha ơi! Tôi là cô gái đã viết cho cha lá thư bằng thơ, tôi là Nôzatu Zamân đây mà!

Đến lượt ông già ngã ra bất tỉnh. Trong khi Tể tướng Đandân lấy nước hoa hồng vẩy lên mặt ông, thì Nôzatu nói với em là Rumzân và cháu là Kanmakân:

– Khi tôi còn là nô lệ của tên Bêđoanh man rợ đã cướp của cải của tôi trong thành Thánh, chính cụ đây đã cứu vớt tôi.

Ông già tỉnh lại, hai vua đứng dậy tỏ lòng biết ơn, ôm lấy ông mà hôn. Ông già cũng hôn tay Nôzatu và Tể tướng Đanđân. Mọi người đều mừng rỡ và cảm tạ chúa Ala đã cho họ sum vầy. Ông già giơ tay lên giời chúc tụng Đấng đã tạo nên những tấm lòng biết ơn.

Hai vua cho ông làm Tổng thị thần tất cả các trạm, các chợ ở Kaitxaria và ở Bátđa, cho phép ông được tự do đêm ngày ra vào nơi cung cấm.

Vua hỏi:

– Đoàn lữ thương của ông bị cướp như thế nào?

– Bị cướp trong sa mạc. Bọn Ảrập xấu, bọn cướp những thương nhân tay không đã chặn đường bắt tôi. Chúng hơn một trăm đứa. Có ba tên đầu mục. Một tên da đen dữ tợn, một tên Quyếc khủng khiếp, một tên Bêđoanh khỏe lạ thường. Chúng trói tôi cho lên lưng lạc đà theo sau chúng kéo như thế cho đến một hôm chúng bị quân lính nhà vua bắt, tôi cũng bị giải đi theo.

Vua bảo một viên nội thần dẫn tên da đen vào. Hắn xấu như đít một con khỉ già, mắt dữ hơn mắt cọp.

– Tên mi là gì? Sao lại đi ăn cướp? vua hỏi.

Hắn chưa kịp đáp thì Hạt San Hô, người nữ tì cũ của hoàng hậu Abriza vào gọi Nôzatu. Mắt cô vô tình gặp mắt tên da đen. Cô thét lên một tiếng dữ dội, rồi như một con sư tử cái chạy vồ lấy tên da đen, lấy tay móc hai mắt hắn.

– Hắn đây, tên mọi khủng khiếp đã giết cô chủ khốn khổ của tôi.

Rồi quẳng hai tròng mắt máu me xuống đất, Hạt San Hô nói thêm:

– Xin cảm tạ đức Công Minh, đức Tối Cao đã cho tôi tự tay báo thù cho chủ.

Vua Rumzân ra hiệu. Đao phủ, một nhát kiếm, chặt đôi tên mọi. Bọn hoạn nô lôi chân đem quẳng vào đống rác ngoài thành cho chó ăn.

Vua lại truyền dẫn tên Quýếc vào. Hắn vàng hơn chanh, ghẻ lở hơn một con lừa kéo cối xay, và nhất định nhiều rận hơn một con trâu một năm chưa dầm nước. Tề tướng Đanđân hỏi:

— Tên mi là gì? sao lại đi ăn cướp?

— Nghề của tôi là chở thuê lạc đà trong Thành Thánh. Một hôm người ta thuê tôi chở đến nhà thương Đamát một thanh niên ốm...

Không chờ cho hắn nói hết vua Kanmakân và Nôzatu và tướng Đanđân đã reo lên:

— Đây là tên chở thuê phản trắc đã bỏ vua Đunmakân trên đống phân trước cửa nhà tắm công cộng.

Vua Kanmakân bỗng đứng lên mà rằng:

— Ác giả ác báo và báo gấp đôi. Nếu không thì số bất nhân vô đạo không biết đến pháp luật sẽ tăng nhiều. Đối với kẻ ác, đã trả thù, thì không cần tình thương. Tình thương theo quan niệm của người Thiên chúa giáo là cái đức của bọn hoạn nô, bọn ốm o, và bọn bất lực.

Vua tự tay dùng kiếm chém dứt đôi tên chở thuê lạc đà. Nhưng rồi vua cho bọn nô lệ mai táng tử tế theo nghi thức tôn giáo.

Hai vua bảo viên nội thần cho tên Bêdoanh vào. Cái đầu tướng cướp của tên này vừa ló qua khung cửa thì Nôzatu đã kêu:

— Đây là tên Bêđoanh đã bán tôi cho ông già buôn tốt bụng này.

Hắn cãi:

— Tôi là Hamát, tôi có biết bà đâu?

Nôzatu nói:

— Đúng là hắn. Vì không bao giờ có thể bắt gặp một tên điên rồ như hắn. Tên Bêđoanh Hamát kia! Hãy nhìn ta đây. Ta là người đã bị mi đánh cắp ở Thành, và bị mi hành hạ khốn khổ.

Nghe thấy thế, tên Bêđoanh nghĩ:

— Lạy chúa! Đúng là cô ta rồi. Chắc là đầu ta sẽ bay khỏi cổ ngay bây giờ.

Nôzatu quay về phía ông già buồn đang ngồi, hỏi:

— Cụ có nhận ra hắn không?

— Chính hắn đấy, tên đáng nguyền rủa. Mình hắn điên bằng tất cả những kẻ điên trên trái đất.

Nôzatu nói:

— Nhưng tên này mặc dù rất tàn nhẫn được cái lại thích thơ và chuyện hay.

— Lạy chúa, thưa cô chủ của tôi, đúng thế đấy ạ. Và tôi biết một chuyện lạ đã xảy ra với bản thân tôi. Nếu tôi kể lại mà được các Ngài ở đây thích thú, thì xin cô chủ tha chết cho.

Nôzatu hiền hậu mỉn cười:

— Được! Ngươi kể đi cho chúng ta nghe.

Và tên Bêđoanh Hamát kể rằng:

Tôi quả là một tên tướng cướp, trùm các tướng cướp. Chuyện kỳ lạ nhất trong đời sống ở thành thị và trong sa mạc là chuyện này.

Một đêm tôi nằm một mình trên bãi cát cạnh con ngựa của tôi. Tôi như nghe các mụ phù thủy vốn là kẻ thù của tôi, niệm thần chú. Lòng tôi xao xuyến. Đêm ấy thật là ghê sợ. Có lúc tôi sủa lên như một con chó rừng, có lúc rống lên như một mãnh sư, khi thì lại thì thầm oán trách, rãi chảy ra như một con lạc đà. Ôi, cái đêm hôm ấy. Tôi run sợ chờ đêm qua, sáng lại. Cho đến khi trời sáng tỏ, thì lòng tôi cũng bình tĩnh

tại. Để cho tan mây khói cuối cùng của những giấc mơ ám ảnh, tôi vùng dậy, giắt kiếm vào, tóm lấy cây thương, nhảy lên lưng ngựa, thúc cho phi nước đại, nhanh hơn cả linh dương. Đang phi thì thấy phía trước một con đà điểu nhìn tôi. Hắn đứng ngay trước ngựa mà như không trông thấy tôi. Tôi sắp chặn lên hắn, lưỡi thương sắp đâm hắn thì bỗng nhiên hắn đá hậu, quay hình, dương rộng đôi cánh dày mà bay vút lên trong sa mạc. Tôi liền đuổi mãi cho đến một nơi vắng vẻ rợn người chỉ có chúa Ala và đá trần, chỉ có tiếng rắn phì phò, tiếng ma quỉ gọi nhau ơi ới, tiếng yêu tinh rú lên săn mồi. Tự dưng con đà điểu biến mất như chui vào một cái lỗ vô hình hoặc bay vào một khoảng không tôi không thể thấy được. Tôi thấy sởn gai ốc, ngựa quỳ xuống, rồi rìu lại thở hồn hển. Bối rối và sợ hãi, tôi muốn quay ngựa trở lại. Nhưng biết đi đâu bây giờ? Trời về trưa nóng quá, ngựa đẫm mồ hôi hai bên sườn. Tôi khát khô cổ, con ngựa bụng cứ phình ra thóp vào như cái bễ thợ rèn. Tôi chắc chết ở đây, thịt tôi sẽ nuôi con yêu tinh cùng những con vật khác. Cái chết là đây, Bêđoanh hỡi! Đang lúc chuẩn bị cầu nguyện để chết thì bỗng thấy phía chân trời một đường xanh mát lác đác những cây dừa. Và con ngựa hí lên, lắc đầu, vươn cổ chạy đi. Ngựa phi một hồi, đưa tôi ra khỏi chỗ sa mạc đá nóng bỏng đáng sợ. Trước mặt, tôi thấy một chiếc lều cắm gần một con suối chảy dưới chân dừa. Có một đôi ngựa cái rất đẹp đứng chụm chân ăn cỏ ướt ngon lành. Ngựa của tôi, mũi phì lửa, tôi vội xuống cho ngựa uống nước. Tôi cũng uống. Nước suối trong, ngọt lịm người. Tôi lấy trong cái bị hai ngăn một cuộn dây dài buộc ngựa cho con vật được hưởng cái mát mẻ của cánh đồng này. Đoạn, tôi tò mò tiến đến chiếc lều xem trong có gì.

Tôi thấy một thanh niên ngồi trên một chiếc chiếu trắng, má nhẵn thín, đẹp như vành trăng non lưỡi liềm. Bên phải chàng, một thiếu nữ dịu dàng, nhàn nhã,

thân hình mảnh dẻ, mềm mại như một nhành liễu, nằm dài, lộng lẫy nhan sắc. Tôi say đắm ngây tức khắc nhưng không rõ say cô thiếu nữ hay chàng thanh niên, vì lạy chúa, trăng non, trăng già, trăng nào đẹp hơn? Tôi lên tiếng chào. Thiếu nữ vội trùm kín mặt còn chàng thanh niên quay ra chào lại. Tôi nói:

– Tôi là Hamát ben-En-Fêzari thuộc bộ lạc chính trên sông Ơphrát. Tôi là một chàng kỵ mã nổi tiếng, lừng danh, đáng sợ. Sự dũng cảm, táo gan của tôi đưa tôi lên hàng những người Arập mà một người bằng năm trăm kỵ mã hợp sức lại. Tôi đuổi theo một con đà điểu số phận dẫn tôi đến đây. Tôi xin chàng một hớp nước.

Chàng thanh niên bảo thiếu nữ cho tôi ăn uống. Và thiếu nữ đứng lên! và thiếu nữ bước đi! mỗi bước kèm theo tiếng kêu êm ả của những chiếc nhạc vàng đeo ở cổ chân. Mái tóc của nàng xõa ra che lấy cả người và lắc lư và thiếu nữ cũng ngả nghiêng theo mái tóc. Tôi dán mắt vào cô, mặc cho chàng thanh niên lườm tôi. Khi nàng trở lại thì trong lòng bàn tay phải có một chiếc bình đầy nước mát, trên lòng bàn tay trái là một cái khay có chà là, mấy cốc sữa đặc, mấy đĩa thịt linh dương.

Tôi si quá, không chìa nổi bàn tay mà đụng đến được một thứ gì, cứ trân trân nhìn thiếu nữ. Chàng thanh niên thấy thế cười ngất, rồi bảo tôi:

– Chàng thật là một dũng sĩ ngoại hạng, một kỵ mã kỳ lạ.

– Đúng thế! Còn chàng, chàng là ai? Tôi lên giọng cho oai và đề nạt chàng.

– Tôi là Ebát ben-Tamim ben-Talala, bộ lạc Bami-Talala. Cô này là em gái tôi.

– Thế thì cho tôi cưới làm vợ đi, vì tôi yêu cô thiết tha và tôi dòng dõi cao sang.

– Cả em tôi, cả tôi, chúng tôi sẽ không bao giờ lập gia đình. Chúng tôi chọn mảnh đất màu mỡ này giữa sa mạc để sống yên bình xa mọi nỗi lo toan phiền muộn.

– Phải gả cô em cho tôi, nếu không lưỡi kiếm sắc này sẽ không cho ngươi sống.

Chàng thanh niên nhảy tới phía cuối lều mắng:

– Cút đi, tên mạt kiếp, không biết phép mến khách là gì. Cuộc chiến đấu giữa chúng ta sẽ kín đáo loại trừ kẻ bại.

Chàng tháo thanh gươm, chiếc mộc treo ở cột. Còn tôi thì chạy đến chỗ ngựa đang ăn cỏ, nhảy lên lưng nó, sẵn sàng. Chàng thanh niên đeo mộc, cầm gươm, cũng lên ngựa. Chàng sắp thúc con vật thì cô em ra, mắt ướt lệ ôm lấy gối anh đọc mấy vần thơ:

« Anh hỡi, để bảo vệ người em gái mỏng manh, anh liền chiến đấu với một kẻ thù xa lạ.

Em chỉ còn biết cầu nguyện cho anh thấy để em bảo toàn được tiết sạch giá trong, giữ gìn cho riêng anh dòng máu của trái tim em.

Nhưng nếu số phận dữ tợn bắt linh hồn em phải xa anh thì không một xứ sở nào giữ nổi được em sống, dù là xứ sở đẹp nhất tràn đầy tất cả những sản phẩm của quả địa cầu.

Em sẽ không sống sót lâu hơn anh một phút. Sống có nhau thì chết cũng phải cùng nhau, dưới một nấm mồ ».

Nghe mấy câu thơ não nùng của cô em, chàng thanh niên khóc. Chàng nâng tấm mạng che mặt nàng, hôn vào chỗ giao mi. Lần đầu tôi thấy mặt cô gái, đẹp như mặt trời đột nhiên ra khỏi đám mây. Chàng thanh niên giữ đầu ngựa quay về phía cô gái một lúc, và đọc:

« Em gái của anh, hãy đứng lại mà xem những kỳ tích của cánh tay anh.

Nếu anh không chiến đấu cho em thì có vũ khí và ngựa để làm gì?

Nếu anh không chiến đấu để bảo vệ em thì sống để làm gì?..

Nếu nhan sắc của em bị xúc phạm mà anh lùi bước đó há chẳng là dấu hiệu từ nay lũ ác điểu có thể sà xuống một thể xác không hồn.

Còn kẻ kia huênh hoang là ghê gớm là can trường thì trước mắt em, anh sẽ cho hắn một mũi kiếm xuyên từ trái tim đến tận gót chân».

Rồi quay về phía tôi chàng ta nói:

– Còn ngươi, muốn hưởng thụ sau khi ta chết thì một chiến công thiệt cho ngươi sẽ được ghi vào sử sách mai sau. Ta làm mấy vần thơ âm điệu chiến đấu này, ta là người sẽ lấy mất hồn ngươi mà ngươi không ngờ đến.

Chàng thúc ngựa đến, chỉ một nhát làm bay lưỡi kiếm của tôi ra xa. Không để cho tôi chạy trốn, chàng tóm lấy tôi, nhấc khỏi yên ngựa như nhấc một chiếc túi rỗng, tung tôi lên như tung một quả bóng rồi lấy tay trái mà bắt khi tôi rơi xuống, tay thẳng ra giữ lấy tôi như giữ một con chim trên ngón tay vậy. Còn tôi, tôi không biết đây có phải là một cơn ác mộng hay chàng thanh niên má hồng nhẵn thín kia là một vị thần sống trong lều với một tiện nữ. Có lẽ là như vậy. Điều sau đây chứng tỏ.

Thấy anh chiến thắng, người thiếu nữ chạy đến hôn lên trán, vui vẻ đánh đu vào cổ ngựa mà nàng dắt đến lều. Chàng thanh niên xuống ngựa vẫn cắp tôi trong tay như một cái gói, đặt tôi xuống đất, nâng tôi dậy, dắt tay vào lều chứ không dí chân làm vỡ đầu tôi như tôi tưởng. Chàng nói với cô em:

– Từ bây giờ anh ta là khách, mà ta phải che chở. Phải đối xử cho có lễ độ và dịu dàng.

Chàng cho tôi ngồi lên chiếu, cô gái đặt một chiếc gối sau lưng cho tôi dựa. Sau đó nàng cất kiếm cất mộc của anh vào chỗ cũ, đun nước thơm đem đến rửa mặt rửa tay cho anh, mặc vào người anh một chiếc áo dài trắng mà rằng: «Cầu chúa Ala cho anh vinh dự tột đỉnh và đặt anh như một nốt ruồi nhan sắc giữa bộ mặt vinh quang của các bộ lạc».

Nhìn cảnh tượng ấy, nghe những lời ấy, tôi tự xét thấy mình nhỏ bé quá, xấu xa quá so với cái đẹp của đôi thanh niên. Thiếu nữ đem đến cho anh một mâm đầy thức ăn và hoa quả. Nàng không buồn nhìn tôi dù là nhìn khinh miệt, coi tôi như một con chó không ai thèm để ý. Dù sao, tôi vẫn thấy nàng cặng diệu kỳ nhất là khi nàng như quên mình đi, tự tay chăm sóc cho anh ăn.

Cuối cùng, chàng thanh niên cũng mời tôi ăn. Tôi thở dài nhẹ nhõm vì tin là mình thoát chết. Chàng đưa tôi một cốc sữa đặc, một tách chà là ngâm trong nước thơm. Tôi cắm đầu mà ăn, mà uống mà thề thốt một nghìn năm trăm lần là từ nay tôi sẽ là tên nô lệ trung thành nhất của chàng. Chàng cười nụ, ra hiệu cho cô em. Cô đứng dạy, mở một chiếc hòm lớn, lấy ra từng cái từng cái, mười cái áo rất đẹp. Cô gói chín cái bắt tôi phải nhận và ép tôi mặc cái thứ mười, cái áo tôi đang mặc đây, sang tuyệt vời.

Chàng thanh niên làm hiệu lần thứ hai. Thiếu nữ ra một lát lại trở vào. Hai anh em mời tôi ra nhận một con lạc đà cái mang nặng thức ăn đủ món cùng nhiều tặng vật mà tôi trân trọng giữ cho đến đây giờ.

Đã đối xử với tôi mười phần ân cần chu đáo mà tôi chẳng làm gì xứng đáng được hưởng, ngược lại là khác, thế mà họ còn mời tôi ở lại bao lâu tùy ý để họ được tiếp đãi nữa. Tôi không muốn lạm dụng, cúi chào kính cẩn bảy lần, xin từ biệt. Tôi cưỡi con ngựa hồng, dung giây dắt con lạc đà cái, trở lại con đường sa mạc.

Tôi trở nên giàu nhất bộ lạc tự đứng ra làm đầu mục một bọn cướp đường. Và đã xảy ra điều đã xảy ra.

Đó là câu chuyện tôi hứa kể. Nó đáng cho tôi được miễn tội, tuy tội tôi chẳng nhẹ gì.

Nghe tên Bêdoanh Hamát kể xong, Nôzatu nói với hai vua và Tể tướng :

— Phải kính trọng kẻ điên, nhưng cũng phải ngăn chúng gây họa. Tên Bêđoanh này đầu óc hư hỏng không chữa được, nhưng y lại cảm thụ được thơ hay, và nhớ giỏi, nên tha tội cho y.

Tên Bêđoanh nghe vậy thấy nhẹ nhõm cả người, nhẹ nhõm quá đến lăn đùng ra trên tấm thảm. Bọn hoạn nô phải đến lôi ra.

Vừa lúc ấy, một viên thông tin thở hồn hển đến báo mụ Quái Ác đã đến, chỉ còn cách cổng thành gần một dặm đường nữa thôi.

Được cái tin chờ đợi bấy lâu, hai vua và tể tướng mừng quá, hỏi thêm :

— Mụ Quái Ác mở thư, viên thông tin nói, thấy chữ ký của vua, mụ thú lắm, sửa soạn đi ngay, mời hoàng hậu Xafia cùng đi. Mụ lấy một trăm dũng sĩ xứ Rum làm tùy tùng và sai tôi đến trước báo tin.

Tể tướng Đanđân bàn :

— Con mụ già vô đạo này có thể còn nhiều âm mưu, ác ý, cần đề phòng. Chúng ta nên ăn mặc như người Thiên chúa giáo phương Tây, đem theo một nghìn dũng sĩ chọn lọc ăn mặc kiểu Kaitxaria. Tất cả đi đón mụ ta.

Hai vua nghe theo kế ấy. Nôzatu thấy mọi người cải trang khéo quá, khen :

— Nếu không biết các vị, tôi tưởng các vị là những người Afrangi thực thụ.

Họ ra khỏi cung dẫn một nghìn dũng sĩ đi.

Mụ Quái Ác đây rồi ! Rumzân và Kanmakân nói với Tể tướng Đanđân dẫn một nghìn dũng sĩ thành một vòng cung lớn, tiến lên thong thả bao vây không cho bọn dũng sĩ Côngxtăngtinia chạy thoát. Vua Rumzân nói với Kanmakân :

— Để chú đến trước. Con mụ đáng nguyền rủa ấy biết chú, sẽ không nghi ngờ gì.

Vua thúc ngựa đến bên mụ, vua Rumzân xuống ngựa. Mụ già cũng xuống ngựa chạy đến bá lấy cổ vua. Vua ôm lấy mụ, nhìn xoáy vào mắt, xiết chặt rất lâu. Mụ vãi một phát dắm kêu đến độ ngựa hoảng hốt quỳ hai chân trước, cát bụi bên đường tung lên đến tận đầu bọn kỵ mã.

Một nghìn dũng sĩ phóng ngựa, thắt chặt vòng vây, kêu gọi một trăm kỵ mã Thiên chúa giáo hạ khí giới đầu hàng. Trong nháy mắt họ tóm gọn bọn này. Còn Tề tướng Đanđân tiến đến Xafia cúi chào và vắn tắt cho biết tình thế. Mụ Quái Ái bị trói chặt. Mụ biết sẽ chết, đái ướt hết quần.

Mọi người về Kaitxaria rồi tức tốc đi Bátđa. Đi đường bình yên, chóng đến.

Hai vua cho trang hoàng và thắp sáng cả thành phố, cho mõ rao mời dân chúng tập hợp ở quảng trường trước hoàng cung. Khi quảng trường và phố xá đã đầy nam phụ lão ấu, thì một con lừa ghẻ từ cổng lớn đi ra, trên lưng buộc mụ Quái Ác, mặt quay về đít lừa, đầu đội một vành đỏ phân ngựa. Một tên mõ cao lớn đi trước, bước thong thả rao những tội ác của con mụ đã gây bao tai họa tại phương Đông cũng như phương Tây.

Khi các bà, các em đã nhổ đầy mặt mụ thì người ta đem treo ngược chân mụ lên trước cổng lớn thành Bátđa. Linh hồn thối tha của mụ thoát khỏi lỗ đít bay đi với quỉ. Thế là xong đời con mụ hôi hám, tai ác, gian giảo, lừa đảo, quỉ quyệt. Số mệnh phản mụ như mụ đã phản người.

Hai vua và Tề tướng Đanđân truyền cho các vị chép sử giỏi ghi cẩn thận tất cả những việc, những chuyện trên để làm gương tốt cho các thế hệ mai sau.

HẾT TẬP V

MỤC LỤC

Trang

1 – Truyện người lái buôn với hung thần 5

2 – Truyện viên tể tướng của vua Iunan và thầy thuốc Ruian 18

3 – Truyện người đàn bà bị chặt ra từng khúc: Ba quả táo và tên hắc nô Rihan 34

4 – Truyện vua Ôma An-Nêmân và hai hoàng tử kỳ lạ Sáckân và Đunmakân 42

Chịu trách nhiệm xuất bản
LÝ HẢI CHÂU

Biên tập nội dung: NGUYỄN NGỌC LÂN
Trình bày sách : TRẦN KHOÁT
Trình bày bìa : PHẠM NGỌC BỘI
Sửa bản in : KIM CHI

☆ ☆ ☆

NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM
(Tập V)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

In 25.000 bản, trong đó in 100 bản giấy tốt, khổ 13 × 19. Tại Nhà máy in Diên Hồng, 15, Hai Bà Trưng – Hà Nội. Số in: 26/T3. Số X.B.: 04/84. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 1984.

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

XUẤT BẢN 1984

- Thơ — Á NAM TRẦN TUẤN KHẢI
- Tuyển tập Nguyễn Hồng — TẬP II
- Tuyển tập Nguyễn Công Hoan — TẬP II
- Tuyển tập Đặng Thai Mai — TẬP II
- Tuyển tập Nguyễn Huy Tưởng — TẬP I
- Nắm vợ — *Truyện ngắn* — BÙI HIỂN
- Suối và Biển *Thơ* — NÔNG QUỐC CHẤN
- Hạt lại gieo — *Thơ* — HUY CẬN
- Hương mùa thơ — *Thơ* — HOÀNG TRUNG THÔNG
- Hoa trên đá — *Thơ* — CHẾ LAN VIÊN
- Gia đình má Bảy — *Tiểu thuyết* — PHAN TỨ
- Xung đột — *Tiểu thuyết* — NGUYỄN KHẢI
- Truyện và ký — NGUYỄN THI
- Đầu súng trăng treo — *Thơ* — CHÍNH HỮU
- Cao điểm cuối cùng — *Tiểu thuyết* — HỮU MAI
- Những khoảng cách còn lại — *Tiểu thuyết* — NGUYỄN MẠNH TUẤN
- Đất và khát vọng — *Thơ* — NGUYỄN KHOA ĐIỀM
- Tác phẩm và chân dung — *Phê bình tiểu luận* — PHAN CỰ ĐỆ
- Công việc làm thơ — *Phê bình tiểu luận* — XUÂN DIỆU

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

75

Giá: [redacted]